

PGS TS. ĐƯƠNG TRỌNG HIẾU  
THS. ĐƯƠNG TRỌNG NAM HÀ - THS. NGUYỄN THỊ THỦ HÀ

CÁCH CHỌN VỊ THUỐC TỐT, BẢO CHÉ DÙNG  
ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG THẨM HAY THEO KINH THỨ



NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC



PGS.TS. ĐƯƠNG TRỌNG HIẾU  
TH.S ĐƯƠNG TRỌNG NGHĨA  
TH.S NGUYỄN THỊ THU HÀ

**CÁCH CHỌN VỊ THUỐC TỐT,  
BẢO CHÉ ĐÚNG ĐỂ XÂY DỰNG  
PHƯƠNG THÀNG HAY THEO KINH THƯ**

**DẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRUNG TÂM HỌC LIỆU**

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC  
HÀ NỘI – 2005

1920-1921  
1921-1922  
1922-1923  
1923-1924  
1924-1925  
1925-1926  
1926-1927  
1927-1928  
1928-1929  
1929-1930  
1930-1931  
1931-1932  
1932-1933  
1933-1934  
1934-1935  
1935-1936  
1936-1937  
1937-1938  
1938-1939  
1939-1940  
1940-1941  
1941-1942  
1942-1943  
1943-1944  
1944-1945  
1945-1946  
1946-1947  
1947-1948  
1948-1949  
1949-1950  
1950-1951  
1951-1952  
1952-1953  
1953-1954  
1954-1955  
1955-1956  
1956-1957  
1957-1958  
1958-1959  
1959-1960  
1960-1961  
1961-1962  
1962-1963  
1963-1964  
1964-1965  
1965-1966  
1966-1967  
1967-1968  
1968-1969  
1969-1970  
1970-1971  
1971-1972  
1972-1973  
1973-1974  
1974-1975  
1975-1976  
1976-1977  
1977-1978  
1978-1979  
1979-1980  
1980-1981  
1981-1982  
1982-1983  
1983-1984  
1984-1985  
1985-1986  
1986-1987  
1987-1988  
1988-1989  
1989-1990  
1990-1991  
1991-1992  
1992-1993  
1993-1994  
1994-1995  
1995-1996  
1996-1997  
1997-1998  
1998-1999  
1999-2000  
2000-2001  
2001-2002  
2002-2003  
2003-2004  
2004-2005  
2005-2006  
2006-2007  
2007-2008  
2008-2009  
2009-2010  
2010-2011  
2011-2012  
2012-2013  
2013-2014  
2014-2015  
2015-2016  
2016-2017  
2017-2018  
2018-2019  
2019-2020  
2020-2021  
2021-2022  
2022-2023  
2023-2024  
2024-2025  
2025-2026  
2026-2027  
2027-2028  
2028-2029  
2029-2030  
2030-2031  
2031-2032  
2032-2033  
2033-2034  
2034-2035  
2035-2036  
2036-2037  
2037-2038  
2038-2039  
2039-2040  
2040-2041  
2041-2042  
2042-2043  
2043-2044  
2044-2045  
2045-2046  
2046-2047  
2047-2048  
2048-2049  
2049-2050  
2050-2051  
2051-2052  
2052-2053  
2053-2054  
2054-2055  
2055-2056  
2056-2057  
2057-2058  
2058-2059  
2059-2060  
2060-2061  
2061-2062  
2062-2063  
2063-2064  
2064-2065  
2065-2066  
2066-2067  
2067-2068  
2068-2069  
2069-2070  
2070-2071  
2071-2072  
2072-2073  
2073-2074  
2074-2075  
2075-2076  
2076-2077  
2077-2078  
2078-2079  
2079-2080  
2080-2081  
2081-2082  
2082-2083  
2083-2084  
2084-2085  
2085-2086  
2086-2087  
2087-2088  
2088-2089  
2089-2090  
2090-2091  
2091-2092  
2092-2093  
2093-2094  
2094-2095  
2095-2096  
2096-2097  
2097-2098  
2098-2099  
2099-20100

## LỜI NÓI ĐẦU

Qua hơn 45 năm thành lập, Viện dược y trước đây và Viện Y học cổ truyền ngày nay đã tập hợp được rất nhiều tài liệu quý. Nhờ vậy mà công tác đào tạo và nghiên cứu cũng thuận lợi nhiều. Kiến thức của cán bộ y học cổ truyền cũng được nâng cao.

Nhưng thời gian càng dài, tài liệu quý thất thoát cũng nhiều. Những thế hệ sau được biết đến nhiều cái mới, cái tinh hoa, nhưng cũng có điều thiệt thòi.

Ở nước ta đã ban hành thuốc thiết yếu. Viện Y học cổ truyền cũng có danh mục thuốc lưu hành trong viện, với số lượng trên dưới 200 vị thuốc, đã đáp ứng yêu cầu cơ bản trong điều trị.

Với chính sách mới, y học cổ truyền Việt Nam cũng được mở rộng, nhiều người biết tới, nhiều nước biết tới. Xu thế chung cũng muốn hướng về cội nguồn, hướng về cây cỏ làm thuốc xem chúng an toàn hơn sử dụng hóa chất.

Tuy vậy, do kinh tế thị trường nên cũng như nhiều ngành, thuốc cũng được bung ra. Trong những người bán thuốc, có người chưa có điều kiện hiểu kỹ về vị thuốc nhưng lại là nơi cung cấp thuốc cho các cơ sở hành nghề công và tư. Như vậy, hiệu quả điều trị không phải là không ảnh hưởng.

Chúng tôi suy nghĩ là trong lúc chờ đợi Nhà nước ban hành tiêu chuẩn hóa các vị thuốc, bảo chế, bảo quản vị thuốc và bài thuốc, chúng tôi sẽ cố gắng soạn cuốn sách này, thu thập từ các sách kinh điển giới thiệu về vị thuốc, nguồn gốc vị thuốc nào là dùng (củ cây gì, cành hay lá...vv), chọn thế nào là vị thuốc tốt, cách bảo chế bảo quản thế nào thì tốt, thi dùng, giới thiệu các bài thuốc có vị thuốc đó để tiện tham khảo. Suy ngẫm về cách phối hợp của từng vị thuốc theo các danh y dời xưa.

Kiến thức của người xưa mảnh mông, trình độ hán nôm và thời gian hạn hẹp nên chúng tôi không thể nói được đầy đủ, chắc sẽ còn thiếu sót. Chúng tôi rất mong được quý đồng nghiệp, những người có trách nhiệm, những người yêu y học cổ truyền đóng góp chi bảo thêm.

Vì thuốc có tội hàng nghìn, nhưng vị thuốc hay dùng với bệnh thường gặp thì vài trăm vị là tạm đủ. Người xưa cũng dặn không cầu nệ cổ phương mà phải chú ý biện chứng luận trị. Chúng tôi nghĩ cái tinh túy các cáo của y học cổ truyền là "biện chứng luận trị". Người thấy thuốc càng hiểu rộng, càng hiểu sâu y lý càng tốt. Có như vậy, khi vận dụng trên lâm sàng mới có sáng tạo và đạt hiệu quả cao. Các nhà được liệu và được sĩ gòp phần rất quan trọng là đảm bảo đúng vị thuốc, đảm bảo bảo chế đúng để tăng tác dụng tốt, hạn chế tác dụng xấu.

Vì vậy, khi giới thiệu các bài thuốc chúng tôi giới thiệu cổ phương là chính theo sách "Hướng dẫn nghiên cứu đánh giá tính an toàn và hiệu lực thuốc cổ truyền Việt Nam".

Với mong muốn đóng góp một phần nhỏ cho việcưu tâm nghiên cứu bảo tồn vốn cổ cho người sau, nhưng tri thức có hạn nên không khỏi thiếu sót, chúng tôi vô cùng cảm ơn khi nhận được các ý kiến đóng góp. Chân thành cảm ơn Nhà xuất bản Y học đã động viên giúp đỡ cho cuốn sách đến tay bạn đọc.

Thay mặt nhóm biên soạn

**Đương Trọng Hiếu**

# MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	3
A giao	16
Bà đậu	27
Bà kích thiền	33
Bà tử nhân	38
Bạc hà	48
Bạch biến đậu	62
Bạch bộ	66
Bạch cập	70
Bạch chi	74
Bạch cương tâm	87
Bạch đồng nü	93
Bạch giới tử	94
Bạch hợp	98
Bạch liễm	100
Bạch linh	101
Bạch mao cùn	112
Bạch phản	113
Bạch quả	117
Bạch tật lô	119
Bạch đậu khấu	128

Bách thảo sương	129
Bách thược	130
Bách truật	150
Bạch vi	161
Bản hạ	164
Binh lang	177
Bồ hoàng	180
Bàng phiến	182
Bồ công anh	184
Bối mẫu	186
Cam thảo	190
Can tất	205
Cào bẩn	206
Cao ban long	209
Linh dương giác	212
Lộc giác	215
Cao hổ cốt	217
Cao khì	221
Cao lương khuông	222
Cao quy bản	224
Cáp giới	227
Cát cắn	228
Cát cảnh	235
Cát sâm	240
Cát đằng	242

Câu kỳ tú	245
Câu tích	248
Chi từ	249
Chi xác	259
Chi thực	264
Chu sa	270
Cột toài bô	276
Cù mạch	279
Cúc hoa	282
Dạ minh sa	285
Dâm dương hoắc	288
Dại hoàng	290
Dại hổ	290
Dại phúc bì	294
Dâm dâu xí	296
Dâm trác diệp	299
Dan bì	310
Dan sâm	313
Dâng sâm	316
Đào nhân	320
Đậu đen	323
Địa cút bì	326
Địa du	328
Địa long	330
Địa phu tử	333

Dinh hương	334
Độc hoạt	336
Đỗ trọng	338
Đông trùng hạ thảo	341
Hà khô thảo	343
Hà thủ ô	346
Hải mã	349
Hải sài	351
Hải sâm	354
Hải tảo	354
Hạnh nhân	358
Hạt gác	364
Hậu phác	365
Hổ phách	372
Hổ tiêu	375
Hoắc hương	376
Hoài sơn	381
Hoàng bá	383
Hoàng cầm	386
Hoàng kỳ	395
Hoàng liên	405
Hoàng nần	413
Hoàng tinh	414
Hòe	416
Hồng hoa	419

Hùng đàm	422
Hùng hoàng	426
Hương nhu	428
Hương phu	431
Huyền hồ sách	436
Huyền sâm	438
Hy thiêm thảo	447
Huyết kiệt	450
Mà hoàng	452
Mã tiếm	461
Mà xỉ hiện	462
Mạch mòn đồng	463
Mạch nha	467
Màn kính tử	468
Mặt dù tăng	470
Mặt mồng hoa	470
Mật ong	471
Mẫu đơn bì	473
Mẫu lè	475
Miếp giáp	478
Mật lợn	481
Mộc hương	483
Mộc qua	486
Mộc tặc	488
Mộc thông	490

Một dược	492
Nam tinh	494
Nga truật	498
Ngũ diệp	499
Ngô công	502
Ngô thù	504
Ngọc trúc	509
Ngũ bội tử	511
Ngũ già bi	512
Ngũ linh chi	516
Ngũ vị tử	517
Ngưu bàng tử	523
Ngưu hoàng	525
Ngưu tất	530
Nha đam tử	534
Nhân sâm	535
Nhân trần	551
Nhân trung bạch	555
Nhũ hương	556
Nhục đậu khấu	558
Nhục thung dung	559
Nhung - Lộc nhung	563
Ô dược	566
Ô dầu	569
Ô mai	572

Ô tộc cốt	576
Phá cổ chí	577
Phác tiêu	579
Phi tử	580
Phỏng ký	581
Phỏng phong	584
Phù binh	596
Phụ tử	597
Phục linh	606
Qua lầu nhán	616
Quản chủng	619
Quả	620
Quy	636
Sa nhán	644
Sa sám	647
Sai hồ	651
Sen	662
Sinh địa	666
Sơn đậu cùn	671
Sơn nại	673
Sơn thù	674
Sơn tra	675
Sứ quân tử	677
Tam lăng	681
Tam thái	685

Tạo giác	687
Tàn di	689
Tàn giao	692
Tang hạch bì	699
Tang ký sinh	704
Tang phiêu tiêu	706
Tế tân	709
Thạch cao	711
Thạch bột	719
Thạch lựu	722
Thạch quyết minh	724
Thạch tin	727
Thạch xương bồ	729
Thanh hao	730
Thanh đại	731
Thảo quả	733
Thạch quyết minh	734
Thăng ma	736
Thần khúc	745
Thiểm thử	747
Thiên hoa phấn	750
Thiên ma	752
Thương truật	758
Thiên môn đông	765
Thiên niêm kiện	767

Trần	769
Thổ phục linh	770
Thổ ty tử	771
Thuật được	776
Thượng sâm	781
Thượng nhĩ tử	783
Thực địa	784
Thuỷ ngân	794
Thuyền thoi	795
Tiền hồ	798
Toan tảo nhán	802
Tô mộc	808
Toàn phúc hoa	810
Toàn yết	811
Trắc bách diệp	814
Trạch tú	816
Trầm hương	817
Trần bí	827
Tri màu	832
Tru linh	841
Tử uyển	843
Tục đoạn	848
Tùng tiết	850
Tỳ giải	850
Tỳ bà diệp	854

Út kim	857
Uy linh tiên	861
Vân cắp	864
Viễn chí	865
Vương bất lưu hành	870
Xà	872
Xạ can	878
Xạ hương	884
Xà sảng tử	890
Xích thuộc	893
Xích tiểu đậu	895
Xuyên khung	897
Xuyên son giáp	905
Xuyên tiêu	906
Ý đĩ	910

## MỞ ĐẦU

Khó nhất trong chữa bệnh là khâu chẩn đoán, chẩn đoán tốt đòi hỏi người thầy thuốc có kiến thức về y lý toàn diện và cần có thực tiễn lâm sàng.

Chẩn đoán tốt rồi khi ra pháp điều trị lại cần có thuốc tốt (nếu là dùng thuốc). Thuốc tốt ở đây muốn nói là chất lượng của thuốc. Do vậy, người thầy thuốc cũng cần biết chọn thuốc thế nào là tốt.

Một vị thuốc thường có một tên gọi nhưng cũng có khi nhiều tên gọi (theo quan niệm mỗi địa phương, mỗi vùng) và thuốc ở mỗi nơi cũng có thể có tác dụng khác nhau. Vì vậy, việc nghiên cứu đánh giá tác dụng của vị thuốc, bài thuốc cũng rất khó, cho nên ngành y tế cũng cần có những quy định chung.

Qua thực tế từ tập hợp sách về kinh điển, đến trao đổi kinh nghiệm với các chuyên gia bá bạn đồng nghiệp, chúng tôi xin đặc kết giới thiệu về cách chọn thuốc, bài thuốc, sơ bộ cách bào chế và cách bảo quản để có thuốc tốt cho người bệnh.

Các vị thuốc được sắp xếp theo trình tự A - B - C... cho tiện tham khảo.

## A GIAO

Tên khoa học: *Gelatinana asini*

Họ Ngựa (Equidae)

Sách Bản thảo y được cầu nguyên ghi: "Nguyên tên là phô chí giao, là chất bằng nước suối A Toàn thuộc A huyện".

**Tính chất:** a giao vị ngọt, bình tính, mát huyết, bổ thận âm, trừ gió độc, khởi táo, chữa thổ huyết, tiểu huyết, dân bà nấu máu, khê huyết, băng huyết, tinh huyết không đều, tử cung lạnh không sinh đẻ, chữa thai tiền sản hụt".

Sách Bản thảo cương mục ghi: "A giao chữa dân ông dân bà trúng gió độc, đau xương, đau minh, ngã nước, phù thũng, ho lao đờm suyễn, ung thư, nhọt độc đều tan được. Nếu là chứng tỳ vị hắc nhược, thương thổ hạ tả hay đầy bụng thì chớ nên dùng".

**Thổ sản:** sắn xuất tại Sơn Đông A huyện là loại tốt, sắn xuất ở Kinh Đô là loại nhí.

**Hoàng minh giao:** là thứ keo nấu bằng da trâu có màu vàng và trong, vị ngọt, bình tính.

Sách Dược học đại từ điển ghi: "Hoàng minh giao chữa chứng thổ huyết, lậu huyết, lý, phụ nữ có chửa động thai ra huyết, chứng ung thư, nhọt độc, phù thũng, lợi đại tiểu tiện".

Là loại cao có thể nấu từ da các loại: trâu, bò, lừa, ngựa hiện đang lưu hành trên thị trường. Nhưng loại tốt là a giao nấu từ da lợn, loại này có tên khác là cống giao (cống là cống tiến cho vua chúa mới được dùng).

**Cách chọn:** a giao bóng, đon, trong rắn (loại quá mềm dẻo là không tốt).

**Cách bảo chế:** khi dùng phải nướng cho phỏng đều, sau sẽ chuyển từ màu đen sang màu nâu.

Nếu có điều kiện thái nhỏ đều các miếng bằng hạt lục rang trên chảo, có trộn với bột mìu lè hay cấp phần cho phồng đều lên. Rồi để a giao vào bát rót nước thuốc đang sôi, quấy a giao tan ra mới dùng.

Bảo quản: a giao phải để nơi mát, sạch, khô, tránh nóng, ẩm.

Chú ý: không dùng cho người tỳ vị hư, chán ăn, chậm tiêu dễ ỉa lỏng.

### Các bài thuốc có a giao

Vài bài thuốc hay:

- Bài Tiểu thị phương: chün phế hư hoà, ho nhiều. Dùng a giao, mã dêu linh, thù chiêm tử, cam thảo, mỗi thứ 1 lượng; sắc uống.
- Bài Kim di phương: a giao, xuyên khung, cam thảo, mỗi thứ 2 lượng; ngải diệp, đương quy, mỗi thứ 3 lượng; thuốc được 4 lượng; can địa hoàng 6 lượng. Sắc kỹ uống.

*Bài Nhân sâm thanh phế thang bò cù túc xác thay biến chí (Cực phương)*

Nhân sâm	12g	A giao	8g
Địa cốt bì	12g	Chích thảo	4g
Trị mâu	12g	Tang bạch bì	12g
Ô mai	3 quả	Hạnh nhân	12g
Viễn chí	8g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chün phế hư lao, ho suyễn tho (magenta), cảm mạo.

*Bài Bảo hoà thang (khu ẩu tu tri)*

Cam thảo	8g	Trị mâu	12g
Mã dêu linh	8g	Bạc hà	4g

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRUNG TÂM ĐOÀN LIỆU**

A giao	8g	Cát cánh	12g
Bối mẫu	12g	Ý dì	12g
Bách hợp	12g	Di đường	12g
Mạch môn	12g	Thiên môn	12g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa đậm hoà sinh ra do tân dịch thiếu gây ho, phế nuy, trữ đậm, giải uất hoà.

#### Bài Trữ linh thang (Thành huệ phương)

Trữ linh	12g	Hoạt thạch	12g
Trạch tả	12g	A giao	12g
Bạch linh	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: tư âm lợi thủy, thận tinh âm hư (thủy phiếm vi đậm) thủy trào lên sinh đậm, thanh nhiệt nhuận táo, khu đậm (nguyên nhân gây đậm ở trường hợp này là do thận).

#### Bài Bảo hoà hoàn (Y phương ca quát)

Trí mẫu	12g	Bách bộ	12g
Bạc hà	4g	Bối mẫu	12g
Sinh khương	12g	Di đường	8 lạng
Ý dì	12g	Thiên môn	12g
Ngũ vị	4g	Khoán đông hoa	12g
Sinh địa	12g	Cam thảo	4g
Tử uyển	12g	Mà dâu linh	12g
Bách hợp	12g	A giao	12g
Tử tú	8g	Dương quy	12g

Tân nhô làm viên, ngày uống 8 - 12g, chia 2 lần.

Tác dụng: nhuận phế, thanh hoá, hút lao, ho máu, sợ lạnh, dễ cảm ngoại tà (hỏa thiịnh thì tân dịch có keo thành đậm gây cảm trở khí không thông - phế nuy). Chữa cảm hàn lâu thành hoé, hoé uit giống hàn chũng.

#### Bài Sinh địa hoàng tán (Y tông kim giám)

Sinh địa	20g	Là bạc cháp	1 chén
Dòng tiên	1 chén	Xuyên khung	6g
Trắc bách diệp	12g	Hoàng cầm	12g
Cát cánh	12g	Bồ hoàng	12g
Chi tú	8g	Đan bì	12g
A giao	8g	Bạch thược	12g
Bạch mao cản	12	Cam thảo	6g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa bệnh ở can, tám phế nhiệt, thuốc luồng huyết, cảm mău, chữa ho ra máu.

Nếu kinh nguyệt không đều, kinh đến sớm kèm theo chùng huyết nhiệt phát sốt, miệng khát. Dùng bài: Tứ vật gia thêm:

Sài hô	12g	Thiên môn	12g
Thiên hoa phấn	12g	Mạch môn	12g
A giao	12g	Hoàng cầm	12g
Ngưu tất	12g		

Với người nôn mău kèm theo đi tinh thì phải dùng thận trọng.

#### Bài Tiểu giao gia vị (Y học nhập môn)

Bạch thược	12g	A giao	12g
Cam thảo	6g	Long cốt	12g
Bạch truật	12g	Mẫu lệ	12g

Dương quy	12g	Bồ hoàng	08g
Sài hô	08g	Phục linh	12g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa can uất (can tăng huyết), huyết nhiệt, ngũ tần phổi nhiệt, hoa mắt vàng dầu, miệng khô họng khô khát, đau rát, ngực đầy, kinh nguyệt không đều, kéo dài, són máu.

#### Bài Dược hồng hoàn (Huyết chứng luhn)

A giao	12g	Lộc nhung	12g
Trắc bá diệp	12g	Dương quy	20g
Phụ tử chế	8g	Tục đoạn	12g
Hoàng kỳ	20g		

Hoàn thành viên theo tỷ lệ trên, ngày uống 20g, chia 2 lần.

Tác dụng: cơ thể suy nhược, xuất huyết.

#### Bài Bán hạ thang (Thiên kim)

A giao	80g	Dương quy	80g
Đại táo	12 quả	Bán hạ	120g
Mạch môn	80g	Ngô thù	80g
Cam khuông	40g		

Tân bột làm viên, ngày uống 12g, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa phụ nữ có thai sắp đến ngày sinh bị lỵ, đau bụng, thai đòn ngực, lưng đau nhiều.

#### Bài Cửu tiên tán (Y học chính truyền)

A giao	12g	Nhân sâm	10g
Khoán đông hoa	10g	Ngũ vị tử	8g
Bồ mẫu	10g	Tang bạch bì	12g
Cát cánh	4g	Ô mai	4g

Tùn bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa phổi hư mổ hàn ra nhiều, đờm có máu.

#### Bài Bạch đầu ông thang (Huyết chứng luận)

A giao	3 chỉ	Cam thảo	2 chỉ
Bạch đầu ông	3 chỉ	Thanh bì	3 chỉ
Hoàng liên	3 chỉ	Hoàng bá	3 chỉ

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: thanh phong hoả, bình can chữa ly.

#### Bài Đại hoàng cam toại thang (Huyết chứng luận)

Đại hoàng	8g	A giao	8g
Cam toại	4g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: hạ huyết, trực thuỷ, tư thuỷ, tư huyết.

#### Bài Bảo hoà thang (Huyết chứng luận)

Cam thảo	8g	Bồ mẫu	12g
Mạch môn	12g	Trĩ mẫu	12g
A giao	12g	Ngũ vị	8g
Bạc hà	4g	Cát cánh	12g
Bách hợp	12g	Thiên môn	12g
Ý dĩ nhân	12g	Di đường	12g
Mà dâu linh	2g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa phổi hư, trừ đàm hỏa.

### Bài Hoàng liên A giao thang (Trương Trọng Cảnh - Huyết chứng luận)

A giao	12g	Lòng đỏ trứng gà 2 quả	
Hoàng liên	8g	Bạch thược	12g
Hoàng cầm	8g		

Sắc thuốc song, chắt ra bát, bỏ lòng đỏ trứng gà vào uống.

Tác dụng: thanh tâm hỏa, tâm phiền ngủ kém

### Bài Cát cánh hạnh nhân tiền (Y lược giải âm)

A giao	8g	Bách hợp	8g
Bối mẫu	8g	Cam thảo	8g
Cát cánh	8g	Chi xác	8g
Hè khô thảo	8g	Hạnh nhân	4g
Hồng dâng	8g	Kim ngân hoa	8g
Liên kiều	8g	Mạch môn	8g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa phế ưng

### Bài Dưỡng huyết đìn hoàng thang (Thẩm thị tồn sinh)

A giao	12g	Dương quy	16g
Sinh địa	12g	Mạch môn	12g
Thực địa	12g	Bạch truật	12g
Bạch thược	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa gân co bị co rút.

### Bài Dưỡng phế thang (Trương Hoán)

A giao nướng	20g	Nhân sâm	20g
Khénin đồng hoa	12g	Tô tử	12g
Quế tím	10g	Bản hạ chế	10g

Sắc uống.

Tác dụng: ton dưỡng phế v.v.

### Bài Đại a giao hoàn (Cục phương)

A giao nướng	40g	Phục thán	20g
Nhân sâm	20g	Dỗ trọng	20g
Bách bộ	20g	Thực địa	40g
Phục linh	40g	Ngũ vị tử	40g
Dan sâm	20g	Bà tử nhân	20g
Sơn dược	40g	Phỏng phong	20g
Mạch môn	20g	Bối mẫu	20g
Viễn chí	10g		

Thoa bột làm viên ngày uống 12g - 16g, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa phế hư nhiệt, ho, ho máu, họng khô, nhiều đờm, đờm có máu mù, nôn máu.

### Bài Đại a giao hoàn (Vệ sinh bảo giám)

A giao	40g	Sơn dược	40g
Viễn chí	20g	Bách bộ	20g
Mạch môn	20g	Sinh địa	40g
Bà tử nhân	20g	Phỏng phong	40g

Ngũ vị	40g	Quyền bá	40g
Nhân sâm	20g	Kê tử hoàng	40g

Tân hột làm viên, ngày uống 20g, chia 2 lần với nước sắc mạch mòn.

Tác dụng: chữa ho máu, is máu.

#### Bài Đại hoàng phèc tiêu thang (Thẩm thị tân sinh)

A giao	8g	Cam thảo	8g
Đại hoàng	16g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa phụ nữ bụng dưới đầy đau.

#### Bài Thiên kim đương quy thang (Trương thị y tông)

A giao	4,8g	Cam khuynh	1,6g
Đương quy	4g	Thuật dược	4,8g
Hoàng cầm	4,8g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa chảy máu cam, máu ra đằng miệng, sách Huyết chứng luận phân biệt: thổ huyết là máu ra đằng miệng, không có tiếng; còn áu huyết (âu ra máu) là huyết ra đằng miệng, có tiếng như ếch kêu, hoặc rắc ngược lên hơi không thông xuống. Thổ huyết là nhẹ, áu huyết là nặng. Thổ huyết bệnh ở vị, áu huyết là bệnh ở can.

#### Bài Thông xì an thai thang (Ngoại dái bí yến)

A giao	6g	Thông xì	28g
Thông bạch	28g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa thai động không yên.

### Bài Xích thược dược tán (Thành phần phu) :

A giao	80g	Xích thảo	40g
Dương quy	40g	Sinh địa	150g
Phèn từ	40g	Bạch truật	40g
Hỗn hê cẩm	40g	Xích thược	40g

Tân bột ngày uống 20g với rượu ấm, uống lúc đói.

Tác dụng : chữa bệnh hư hàn, nôn mửa, ra máu.

### Bài Xích thược chi tán (Thành phần phu) :

A giao	40g	Lợt nhung	40g
Long cốt	40g	Xích thược chi	40g
Thận hỏa thảo	40g	Dương quy	40g
Can khương	28g	Ngải diệp	28g

Tân bột, ngày uống 12g với rượu ấm, lúc đói.

Tác dụng : chữa bão cung hư hàn, ra máu và khí hư liên miên, đau bụng lạnh.

### Bài Xích tiễn hoán (Chứng trị chuẩn thẳng) :

A giao	30g	Bà tử nhân	30g
Dan sâm	30g	Độc hoạt	30g
Dương quy	30g	Ma hoàng	30g
Ngũ già bì	40g	Phong kỵ	30g
Phong phong	30g	Tần cửu	30g
Thù niêm tử	40g	Toan tảo nhân	30g
Tỳ giải	40g	Xuyên khung	30g

Ý dĩ nhân 30g Linh dương giác 40g

Thực địa 40g

Tân bột làm viên, ngày uống 20g, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa người có thai tràng phong.

#### Bài Xuyên quy hoàn (Thẩm thị tôn sinh)

A giao 4g Kinh giới 4g

Địa du 4g Mộc tặc 4g

Dương quy 4g Hoàng kỳ 4g

Tro tóc 4g Hoé hoa 4g

Thần khúc 4g Xuyên khung 4g

Tân bột làm viên, ngày uống 8-12g chiều bằng nước cốt.

Tác dụng: chữa ỉa ra máu.

#### Bài thuốc chữa trĩ sưng to, chảy máu

A giao 12g Lá mồng 12g

Dương quy 16g Hoàng liên 10g

Bạch truật 16g Đan bì 12g

Hoàng bá 10g Hoàng cầm 10g

Đại hoàng 6g Huyết giác 12g

Hoé hoa 12g Bạch cập 12g

Sắc uống ngày 1 thang.

Tác dụng: tiêu viêm, thanh nhiệt trừ thấp, chỉ huyết.

#### Bài thuốc dọa động thai (cò triệu chứng nghén và ra máu ít)

Bạch truật 16g Hoàng cầm 12g

Tô ngạnh 12g Thực địa 12g

A giao	12g	Bạch cập	10g
Nhụy női	16g	Ngải diệp sao đen	12g
Cù gai	12g	Dương quy	16g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: an thai, giáng khí, chỉ ứ, chỉ huyết.

Tóm lại: các trường hợp cảm bốc huyết cầm máu ở đường hô hấp, đường tiêu hóa, sinh dục tiết niệu đều có thể dùng a giao. Song a giao thường phối hợp với các vị khác, chưa thấy sách cổ ghi sử dụng riêng lẻ. A giao nguồn gốc từ động vật nên có một số người sợ hãi, khó uống.

## BA ĐẬU (thuốc độc bảng A)

Tên khoa học: *Croton tiglium L.*

Họ Tháo dầu (*Euphorbiaceae*)

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Vốn từ ba thực hình như tiêu đậu nên gọi là ba đậu".

Tính vị: vị cay tính ấm, có thể thống, có thể giáng, có thể chỉ, có thể hành.

Sách Đại minh ghi: "Ba đậu chữa các chứng ứ ứ trệ, trừ giật độc, tiêu đờm kít, phà huyết ứ, hút mủ độc, giải giun sán, tan nhốt hạch và định sang".

Sách Chân châu nang ghi: "Ba đậu dẫn khí tiêu độc, trừ khí lạnh định trệ trong tạng phủ".

Sách Bản thảo kinh ghi: "Ba đậu chữa chứng thương hàn, sốt rét, phè đờm tích, khôi trường bụng, lợi đại tiểu tiện".

Bộ phận dùng: là hạt đã loại bỏ dầu. Nhưng y học hiện đại lại dùng dầu ba đậu để chữa bệnh đường hô hấp đường ruột và làm thuốc táy, liều dùng từ 1-2 giọt.

Y học cổ truyền dùng cả hạt, chọn hạt ở quả mẩy chín, không mốc, không đen.

Cách chế: già nát hạt ba đậu, sau đó cho vào dĩa vừng và rươi (mỗi thứ 1/2) đun cho cạn, phơi khô dùng. Lý Thái Trân dùng giấy bẩn bọc ba đậu, đập giập nát để giấy bẩn hút hết dầu, sấy khô rồi dùng.

Nếu sao đen có thể dùng liều tái 1g. Bình thường dùng 0,05 đến 0,2g.

Chú ý: dầu ba đậu độc với mắt và da.

Bảo quản: tránh nóng ẩm. Nếu thấy hạt bị đen, thối, phải loại bỏ.

### Các bài thuốc có ba đậu

#### *Bài Bạch ngọc bích (đu đủ tu trì)*

Ba đậu sương	18 hạt	Bạch phụ tử	4g
Hoạt thạch	4g	Khinh phấn	4g
Nam tinh	4g		

Tán bột, luyện với hổ thành bành 8g. Trẻ 3 tuổi ngày 1 bành.

Tác dụng: chữa mạn kinh phong.

#### *Bài Bạch tần phượng hay Tam vật tiêu bạch tần (Thuật hàn huận)*

Bối mẫu	12g	Ba đậu sao đen	4g
Cát cánh	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: phá thực kết, chữa kết hung do hàn thực.

#### *Bài Bì cáp hoán (Y học giải ám)*

Ba đậu	4g	Dại hoàng	6g
Cao khương	4g		

Tán bột làm viên, uống 8g

Tác dụng: xổ các loại hàn kinh.

### Bài Chân châu hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)

Ba đậu	14 hạt	Bạch dinh hương	2g
Dinh hương	2g	Hoạt thạch	8g
Mộc hương	2g	Khinh phấn	2g

Tán bột làm viên, ngày uống 2-4g.

Tác dụng: chữa trẻ em cam tích, bụng trưởng khí trệ.

### Bài Chân phượng ngũ sắc đan (Trung Quốc y học đại tự điển), gồm 5 bài:

#### Thanh đan tử

Ba đậu sương	2g	Nam tinh chử quy	20g
Thanh đan	20g		

#### Hoàng đan tử

Ba đậu sương	2g	Đại hoàng	20g
Uất kim	20g		

#### Hồng đan tử

Ba đậu sương	2g	Bản hạ chử gừng	4g
Chu sa	4g		

#### Bạch đan tử

Ba đậu sương	2g	Hàn thuỷ thạch	20g
Bạch phụ tử	20g		

#### Hắc đan tử

Ba đậu sương	2g	Ngũ linh chi sao	20g
Toán yết sao	20g		

Trữ ba đậu, các vị khác tán bột, trộn đều, dùng hổ làm viên. Ngày uống 6 - 8g, sắc nước gừng và sôcôla để uống thuốc.

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ bị đờm nghịch lèn, dây trưởng ngực bụng, thức ăn không tiêu, gần cõi đau nhức.

#### Bài Cẩm ứng hoàn (Nội khoa Trung y)

Ba đậu	12g	Bách thảo sương	8g
Can khương	8g	Hạnh nhân	12g
Dinh hương	8g	Nhục đậu khấu	8g

Tán bột làm viên 8g, ngày uống 2 lần mỗi lần 1 viên.

Tác dụng: chữa kiết lỵ do hàn tích.

#### Bài Cửu long hoàn (Ngoại khoa chính tông)

Ba đậu bò đầu	Mộc hương	Nhũ hương
Nhi trảo	Một dược	Huyết kiết

Lượng bằng nhau, tán bột làm viên, ngày uống 12g với rượu.

Tác dụng: phá kít tiêu trệ, chữa ung nhọt do hoả uất kết, nhọt khí chưa thành mù.

#### Bài Cửu thống hoàn (Kim quỹ yếu lược)

Ba đậu	40g	Ngô thù	40g
Lang nha	40g	Phụ tử	40g
Nhân sâm	40g	Can khương	40g

Ba đậu bò vỏ, nghiền như cao, các vị khác tán bột, luyện mật làm viên 2g, uống với rượu. Người khoẻ uống 6g.

Tác dụng: chữa cửu thống, trung giò cầm khẩu, bụng trưởng, chữa hàn tích lâu năm, xông lên làm đau ngực.

### Bài Đại hồng hoán (Đương y đại toàn)

Ba đậu	16 hạt	Chu sa	4g
Huyết kiết	40g	Nhũ hương	40g

Tân bột làm viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa huyết khối, huyết tụ.

### Bài Hòa thải dan (Vị lược giải âm)

Ba đậu	16 hạt	Mộc hương	20g
Thanh bi	20g	Xuyên tiêu	48 hạt
Dinh hương	20g	Ô mai	8g

Tân bột, tẩm dấm làm viên, uống ngày 8g.

Tác dụng: chữa tích tụ do khí thực.

### Bài Truy độc hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)

Ba đậu	49 hạt	Hải phà thạch	2g
Một dược	4g	Xuyên ô	40g
Nhũ hương	4g		

Hoàn thành viên, ngày uống 8 - 12g, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa dinh nhợt.

### Bài Xuyên luyện hoàn (Lục khoa chuẩn thẳng)

Ba đậu	4g	Nga truật	20g
Tân lang	20g	Khiên ngưu	20g
Lẹt quế	20g	Tam lăng	20g
Thanh bi	20g	Mộc hương	20g
Xuyên luyện tử	20g	Thanh bi	20g
Nguyên hoa	20g		

Tân bột làm viên 2g, ngày uống 1 viên lúc đói, chiểu nước gừng.

Tác dụng: chữa chứng đường ruột bị sán, táo.

#### Bài Xuyên cẩn tán (Lô phủ cầm phong)

Bà đậu	5 hạt	Ban miêu	7 con
Xuyên cẩn bì	12g		

Tân bột trộn giấm bôi

Tác dụng: chữa ghẻ ngứa.

#### Bài Xuất nho ô dầu tán (Thành huệ phong)

Bà đậu	17 hạt	Não sa	0,2g
Trĩ thù nướng	1 con	Ni phẩn	2g
Bàng sa	0,2g	Xuyên ô dầu	10g

Tân bột, bôi vào chân răng

Tác dụng: giúp răng lung linh tự rụng, giữ thai (động thai dọa sẩy).

#### Bài Xích lân tán (Hầu chung chi nam)

Bà đậu	7 hạt	Bạch phàn	40g
Huyết kiết	20g		

Sao chung, bỏ bạch phàn đã kết lại, cứ 40g thêm, mai phiến 1,2g; bàng sa 8g, tân bột bôi vào họng.

Tác dụng: chữa họng bị té đau. Không dùng với người họng bị lở loét.

#### Bài Xạ hương hoan (Dương thị)

Bà đậu sương	16g	Mộc hương	40g
Xạ hương	4g	Hỗ tiêu	40g
Toàn yết	16g		

Tán bột làm viên, dùng chung với bột ngoài lâm áo, ngày uống 2-4g.  
Tác dụng: chữa họng đau, bỏ sán.

#### Bài Xương bồ hoàn (Thẩm thị tân sinh)

Ba đậu	7 hạt	Xương bồ	1 khúc
--------	-------	----------	--------

Tán bột làm viên nặng 4g

Dùng 1 viên bọc vải mỏng nhét vào lỗ tai.

Tác dụng: chữa ứ tai.

## BA KÍCH THIÊN

Tên khoa học: *Morinda officinalis* How

Họ Cử phê (Rubiaceae)

Bộ phận dùng: dùng rễ cây ba kích vỏ ngoài màu giò, rễ già có màu tím, vỏ non màu trắng, rễ khô, vỏ nhăn lại, đứt đoạn thấy cá lồi ở trong, ruột tím đen, mềm, ngọt.

Tính vị, quy kinh: vị cay ngọt, tính ôn; vào kinh thận.

Tác dụng: bổ thận ích tinh, điều hòa huyết mạch, bổ trung tiêu. Không dùng cho người âm hư hoà vượng.

Cách chế: ngâm rễ ba kích đã rửa sạch vào nước khởi từ 12 giờ cho mềm, vớt ra, ngâm rượu 1-2 giờ sau đó vớt ra, sao ba kích với các hoa cho vàng, bỏ các hoa.

Cũng có thể rửa sạch ba kích, ngâm rượu, sấy khô bỏ lõi.

Bảo quản: ba kích hút ẩm để mốc nấm kiểm tra và sấy nhẹ cho khô, có thể sấy hơi lưu huỳnh chống mọt.

Thổ sản: sản xuất tại Quảng Đông, Thanh Viễn, Tam Khanh là loại tốt.

Sách Bản thảo cầu nguyên ghi: "Chất cay, tính hơi ôn hờ, bổ thận, kiện tinh, trừ gió độc, khói thấp".

Sách Dược học đại từ điển ghi: "Ba kích làm cứng gần cốt, bổ trung ích khí, chữa chứng do gió độc như nhức đầu chóng mặt, đau bụng, hư lao".

Sách Bản thảo cương mục ghi: "Ba kích chữa chứng thấp gót chân, trừ gió độc, bổ huyết".

Pháp chế sách Bản thảo cương mục ghi: "Ba kích thiền tẩm rượu một đêm, thái mỏng, sao khô. Có thể ngâm mềm, bỏ lõi, thái mỏng nếu vịt dùng ngày".

### Các bài thuốc có ba kích

#### Bài Bạch truật ngưu tất thang già giảm (540 bài thuốc đông y)

Ba kích	6g	Bạch truật	12g
Dàng sâm	16g	Ngưu tất	12g
Kê huyết dâng	12g	Thù ô	12g
Tục đoạn	6g	Hoài sơn	12g

Sắc uống.

Tác dụng: bổ khí huyết, chữa di chứng bại liệt.

#### Bài Chấn nhân hoàn thiểu đơn (Đương thỉ - Hoàn thiểu đơn)

Ba kích (ngâm rượu, bỏ lõi)	40g	Sơn dược	40g
Sơn thù du	40g	Dỗ trọng	40g
Thạch xương bồ	20g	Tiểu hồi	40g
Ngò vĩ tử sao	40g	Thực địa	40g
Bạch linh bồ vồ, chế với sắn		40g	
Chi thực (chưng rượu)		40g	
Thung dung ngâm rượu 1 đêm		40g	
Câu kỷ tử tắm rượu		20g	

Ngoài tất ngâm rượu 40g

Viên chí ngâm cam thảo 40g

Tán bột, ngày uống 12-16g, chia 2 lần.

Tác dụng: dại bể tâm, thận, tỳ, vị (4 kinh hư nhược), tinh huyết không đủ, di tinh, ăn không tiêu, mồ hôi trộm, răng sưng đau.

#### Bài Cố tinh hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bà kích

Xích thạch chí

Nhục thung dung

Lếu bằng nhau, tán bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g.

Tác dụng: chữa suy nhược thận kinh, tinh thoát, huyết trắng và nước tiểu ra đầm đìa.

#### Bài Dưỡng dương tăng tinh thang (540 bài thuốc đông y)

Bà kích 12g Hồi son 12g

Liền nhục 16g Phà cổ chí 12g

Sừng nai 12g Thủ ty tử 12g

Hồng tinh 12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa di tinh do thận dương hư.

#### Bài Địa hoàng đâm tử (Lưu Hả Gian)

Bà kích 8g Thạch hộc 4g

Phục linh 6g Thực địa 6g

Nhục thung dung 6g Mạch môn 4g

Ngũ vị tử 2g Phù tử nướng 4g

Nhục quế 2g San thù 8g

Xương hô 4g Viễn chí 4g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa tràng phong, cầm khẩu.

#### Bài Khởi dương thang (Biện chứng kỳ văn)

Ba kích	40g	Hoàng kỳ	20g
Nhục quế	4g	Bà tử nhân	4g
Ngũ vị	4g	Sơn thù	12g
Nhân sâm	4g	Thực địa	40g
Viên chi	4g	Bạch truật	40g

Sắc uống.

Tác dụng: đại bổ tần thận, ôn mệnh môn hỏa, chữa liệt dương.

#### Bài Vương mầu đào hoa (Bát hoa y kinh)

Ba kích thiên sao	40g	Hà thủ ô	40g
Cửu kỷ tử	40g	Thực địa	80g
Dòng bạch truật sao	80g		

Tán bột, làm viên, ngày uống 16 - 20g.

Tác dụng: bổ tỳ thận.

#### Bài Võ bì sơn dược hoa - Ngũ hỉ thư dược hoa (Nho mòn sư thần)

Ba kích	40g	Trạch tả	40g
Nhục thung dung	160g	Sơn thù	40g
Ngưu tất	240g	Đỗ trọng	120g
Xích thạch chi	40g	Phục thần	40g
Thực địa	40g	Sơn dược	120g
Ngũ vị tử	240g		

Tán bợt, làm viêm, ngày uống 16 - 20g với nước muối loãng.

Tác dụng: chữa chứng hư tổn, ngũ lao, đau móm hưng gối, ủ tai, mất cỏ mảng, chân ăn, ăn uống thất thường.

#### Bài Vong vưu tán (Biện chứng lục kinh)

Ba kích	8g	Trần bì	40g
Dương quy	12g	Phục thán	12g
Bạch thuya	40g	Thần khúc	2g
Bạch giới tử	8g	Uất kim	4g
Mạch môn	12g	Viễn chí	8g
Bạch truật	20g	Sài hồ	8g
Dan bì	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa nam giới tình chí không loại nguyên.

#### Bài Xuân ôn thang (Biện chứng lục)

Ba kích	20g	Thô ty tử	20g
Nhân sâm	20g	Đỗ trọng	20g
Phá cổ chi	12g	Bạch truật	20g
Nhục quế	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phụ nữ nửa người dưới lạnh, âm trong lạnh, khó cử thai.

# BÀ TỬ NHÂN

Tên khoa học: *Thuya orientalis*

Họ Trắc bá (Cupressaceae)

**Bộ phận dùng:** nhân trong quả cây trắc bá. Chọn loại nhân sắc vàng đỏ hơi nâu, không lòn vỏ, không lồi, không mọt, không thối moulder tốt.

**Tính vị, quy kinh:** vị ngọt, tính bình; vào hai kinh: tâm và tỳ.

**Tác dụng:** bổ tâm tỳ, nhuận huyết, có tác dụng cường tráng, không dùng cho người dễ ỉa chảy, có đàm.

Sách Bản thảo bị yếu ghi: "Bà tử nhân cay, ngọt, tính hoạt nhuận, khí vị thơm nhẹ, chuyên chữa chứng phong thấp, sợ hãi, thanh tâm, bổ thận, mạnh tỳ vị, bổ can, ích trí khôn, sáng suốt tinh thần, sảng tai mắt, bổ huyết, mát da thịt".

Cách bào chế: lấy bà tử nhân tẩm rượu 12 giờ phơi khô, đun hoang tinh lấy nước. Sau đó đổ nước vào bà tử nhân đun cạn cho thành cao, chú ý cho lùn vita phải (Lão Công); hoặc lấy hạt dò chín, sau đó giã để bỏ vỏ, lấy nhân sao khô, lại giã nát để cho vào thang thuốc. Chủ ý để nói rõ rào, dậy kín lợ chống mốc mọt.

## Các bài thuốc có bà tử nhân

### Bài An thần sinh hoa thang (Phó Thạch Chủ)

Bà tử nhân	4g	Dương quy	12g
Phục thần	8g	Dào nhân sao bồ vỏ	4g
Chích thảo	2g	Can khương	0,4g
Trần bì	4g	Dại táo	3 quả

Xuân Khung

4g

Ích tri nhân sào bò nâu

8g

Nhân sâm

Sắc uống ngày 1 thang.

Tác dụng: sau đẻ khi huyết suy kém, gây đau bụng do huyết khối.

Ghi chú: bài trên nguyên gốc là bài Sinh bổ thang bò hổ hong hoa thêm ích tri nhân, phyc thảo, trân bì.

Bài Bò long hoen (Y phuong ca quát)

Bà tè nhân

20g

Lộc giác sương

16g

Phà ổi chi

20g

Địa hoàng chung raru 40g

Tán bột, làm viên 4 - 8g, ngay uống 2 - 3 viên.

Tác dụng: bồi lão dưỡng huyết.

Bài Bò long hoen (Nội khoa trung y)

Bà tè nhân

60g

Thục địa

80g

Lộc giác sương

60g

Phèn linh

40g

Thảo ty

80g

Tán bột, huyền nhết, ngay uống 10g.

Tác dụng: chữa dương suy, di tinh, khí huyết suy.

Bài Bò long hoen đơn (Ong phuang)

Bà tè nhân

160g

Cát cánh

120g

Chu sa

120g

Sơn dược

160g

Mạch môn bò lù

160g

Phèn thán

160g

Sinh địa	160g	Viễn chí	280g
Thạch xương bồ	640g	Thiên môn	160g
Dương quy	240g	Long cốt	40g

Tân bột, làm viên, chu sa làm áo, uống ngày 8 - 12g.

Tác dụng: chữa tâm hư, huyết thiếu, an thần.

### Bài Bổ tâm hoán (Bí phương)

Bá tử nhán	10g	Kim bạch	20 miếng
Toan táo nhán	120g	Chu sa	20g
Dương quy	40g	Sinh địa	40g
Phục thần	28g	Xuyên khung	40g
Thạch xương bồ	24g	Cam thảo	40g
Nhân sâm	40g	Xạ hương	40g
Viễn chí	80g	Hổ phách	12g
Nam tinh	20g		

Tân bột làm viên 10g, chu sa làm áo, uống ngày 2 - 3 viên

Tác dụng: chữa tâm hư yếu, mất mồi ngợi cử động.

### Bài Cố phao hoán (Tân biến trung y kinh nghiệm phương)

Bá tử nhán	160g	Sơn thù	160g
Ké trưởng (ruột gà) 1 bộ		Tục đoạn	160g
Phúc bồn tử	160g	Đẳng sâm	160g
Chu kỳ tử	160g	Thục địa	320g
Long cốt	120g	Mẫu lệ	120g
Ngũ vị tử	40g	Tử hàn sa (rau thai) 1 cái	
Tru phao (bung bông heo)	1 bộ		

Ruột già, bong bóng hao, rau thái rửa sạch phơi, sao khô.  
 Tân bột, lâm viên, ngày uống 20g lúc đói.  
 Tác dụng: chữa tiêu tiện không tự chủ.

#### Bài Cố bón nhĩ thông hoán (Y hoặc giải âm)

Bà tử nhân	20g	Dâng sâm	20g
Hoa sơn	80g	Vิễn chí	20g
Phục thần	60g	Thục địa	160g
Ngũ vị tử	8g		

Tất cả tân bột làm viên ngày uống 12g

Tác dụng: chữa ứ tai, giảm thịnh do thận âm hư.

#### Bài Cửu tường thang (Biện chứng ký vân)

Bà tử nhân	8g	Táo nhân	20g
Phụ tử	4g	Lương khương	4g
Dương quy	12g	Vิễn chí	8g
Bà kích	40g	Thò ty	8g
Nhân sâm	4g	Hoàng kỳ	20g
Phục thần	4g	Nhục quế	12g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: ôn tâm bão và mệnh môn, chữa liệt dương.

#### Bài Đường vinh thang (Thẩm thị tồn sinh)

Bà tử nhân	Phục thần	Cam thảo
Hoàng kỳ	Toan táo nhân	Mộc hương
Nhân sâm	Bạch thược	Mạch môn
Tiểu tháo	Dương quy	

Lượng hàng nhau đều 12g, sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa băng huyết do lao lực.

#### Bài Dưỡng tâm thang (Chứng trị chuẩn thường)

Bà tử nhân	10g	Hoàng kỳ nướng mứt	16g
Nhân sâm	10g	Bạch phục linh	8g
Phục thần	8g	Bạch chỉ	10g
Viễn chí	10g	Ngũ vị tử	8g
Chích thảo	4g	Nhục quế	10g
Táo nhân	10g	Bản hạ chế	12g
Xuyên khung	12g	Dương quy nướng mứt	16g
Gừng	3 lát		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: dưỡng tâm, thanh nhiệt, chữa mất ngủ, hồi hộp hoảng sợ.

#### Bài Dưỡng tâm thang (Y lược giải âm)

Bà tử nhân	2g	Hoàng liên	2g
Táo nhân	8g	Dương quy	8g
Dâng sâm	10g	Sinh địa	8g
Phục thần	8g	Dâng tâm	12g
Mạch môn	8g	Thực địa	20g
Chích thảo	4g	Liền nhục	10 hạt

Sắc uống.

Tác dụng: chữa mất ngủ.

### Bài Dưỡng tinh kiện tỳ hoàan (Trung y học Thượng hải)

Bá tử nhán	80g	Dương quy	80g
Cam thảo	120g	Bạch truật	80g
Xuyên khung	60g	Nhân sâm	80g
Bạch thược	80g	Mạch môn	80g

Tán bột, lèm viên, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa tỳ âm kém, vẫn ăn được mà người gầy.

### Bài Dưỡng tinh thang (Thẩm thị tôn sinh)

Bá tử nhán	Hoàng kỳ	Cam thảo nướng
Bạch thược	Phục thán	Toan táo nhán
Mạch môn	Tiểu thảo	Nhân sâm
Dương quy	Mộc hương	

Liều bằng nhau đều 12g, sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa băng huyết do quá mệt nhọc.

### Bài Đại a giao hoản (Vệ sinh bảo giám)

Bá tử nhán	20g	Nhân sâm	20g
Thục địa	40g	Tô diệp	20g
A giao	40g	Sơn dược	40g
Ngũ vị	40g	Bách bộ	20g
Quyền bá	12g	Phục linh	12g
Phong phong	20g	Mạch môn	20g
Viễn chí	20g	Sinh địa	40g

Tán bột lèm viên, ngày uống 16g với nước sắc mạch môn.

Tác dụng: chữa ho máu, khạc máu, ỉa máu.

### Bài Định chí hoàn (Thiên kim)

Bà tử nhân	120g	Bạch linh	120g
Phục thần	120g	Thạch địa	120g
Quy thần	160g	Nhân sâm	120g
Toan táo nhân	120g	Viễn chí	40g

Tán bột, dùng rượu và bột gạo nếp làm hổ, luyện nước thuốc, làm viên bằng hạt đậu, ngày uống 12 viên.

Tác dụng: định tâm an thần, chữa hồi hộp, lo sợ.

### Bài Tam nhân hoàn (Cước khí trị pháp tổng yếu)

Bà tử nhân	30g	Ma tử nhân	90g
Tùng tử nhân	60g		

Tán bột, làm viên, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa táo bón ở người lớn.

### Bài Tam nhân chúc (Y cấp)

Bà tử nhân	Hạnh nhân	Tùng tử nhân
------------	-----------	--------------

Lượng bằng nhau, nấu với gạo nếp thành cháo.

Tác dụng: chữa phổi tỳ táo kết, đại tiện ra máu.

### Bài Thiên vương bổ tâm dan (Thái y đặc hiệu)

Bà tử nhân	Cam thảo	Huyền sâm
Thạch xương bồ	Thiên môn	Mạch môn
Toan táo nhân	Nhân sâm	Đỗ trọng
Dan sâm	Viễn chí	Phục linh
Phục thần	Ngũ vị	Cát cánh
Dương quy		

Tất cả liều bằng nhau 30g; sinh địa 120g

Tân bột, làm viên, uống ngày 16 - 20g với nước súc dâng tăm.

Tác dụng: chữa cảm huyệt huz, thần trí không yên, cảm dịch khí, bụng khát, hay quên, hồi hộp lo sợ, miệng hôi lò leöt, đại tiện táo.

Còn 4 bài Thiên vương bổ tâm của: Phụ nhân lương phuơng, Vạn bệnh hồi xuân, Tân biến trung y, Dương thị gia tăng, khi dùng nên lưu ý.

#### Bài Toan táo nhân hoán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bà tử nhân	40g	Chi xác	20g
Phong phong	40g	Thanh trúc nhự	10g
Phục thần	40g	Sinh địa	20g
Toan táo nhân	40g	Viễn chí	40g

Tân bột, làm viên, ngày uống 16 - 20g.

Tác dụng: chữa thực nhiệt ở đờm, thần trí không yên, hồi hộp, lo sợ.

#### Bài Toan táo nhân hoán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bà tử nhân sao	40g	Vân tam sa	60g
Linh dương giác	60g	Thực địa	80g
Phong phong	80g	Khương hoạt	40g
Toan táo nhân	60g	Tân lang	60g
Cào báu	40g	Phụ tử	40g
Xích thược	40g		

Tân bột, làm viên, ngày uống 16 - 20g với rượu nóng.

Tác dụng: chữa phong độc lưu trú ở tay, chân, khớp gây đau nhức, ngủ kém.

### Bài Toan táo nhân hoà (Tế sinh)

Bá tử nhân	30g	Sinh địa	30g
Toan táo nhân	30g	Trúc nhự	8g
Phục thán	30g	Viễn chí	30g
Chí xác	16g	Phòng phong	30g

Tân bột, làm viên, ngày uống 16 - 20g.

Tác dụng: chữa đờm nhiệt thực, thần trí không yên.

### Bài Tù thạch anh hoà (Thánh huệ phương)

Bá tử nhân	80g	Chu sa	40g
Long cốt	80g	Tang phiêu diều	80g
Nhân sâm	80g	Nhục thung dung	40g
Tù thạch anh	80g	Xạ hương	20g

Tân bột, làm viên, ngày uống 12g lúc đói.

Tác dụng: chữa hụt lao, di tinh.

### Bài Viễn chí tán (Thánh huệ phương)

Bá tử nhân	40g	Nhân sâm	40g
Miết giáp	40g	Chích thảo	20g
Thuỵ	40g	Thạch hộc	40g
Bạch linh	40g	Nhục quế	60g
Ngưu tất	40g	Hoàng kỳ	40g
Viễn chí	40g	Thiên môn	40g
Bạch truật	40g	Sơn thù	40g
Đỗ trọng	40g	Xuyên tiêu	40g
Sinh địa	40g		

Tán bột, mỗi lần dùng 4g với rượu sâm, uống lúc đói.

Tác dụng: chữa hư lao, tâm hư hao tổn, gãy, tay chân yếu, tâm thần hoảng hốt.

#### Bài Ý dì nhân hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bà tử nhân	20g	Cam thảo	40g
Sinh địa	12g	Chi xác	20g
Ngưu tất	12g	Nhân sâm	20g
Tế tần	20g	Thạch hộc	8g
Đào nhân	20g	Dương quy	20g
Phụ tử	20g	Ý dì nhân	40g

Tán bột, làm viên, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa hông suôn đau, tay chân cứng.

#### Bài Xích tiền hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bà tử nhân	30g	Ngũ gia bì	40g
Thục địa	40g	Mà hoàng	30g
Toan táo nhân	30g	A giao	30g
Dan sâm	30g	Thù ném tử	40g
Phòng ký	30g	Phòng phong	30g
Tý giải	40g	Độc hoạt	40g
Xuyên khung	30g	Dương quy	30g
Tán cứu	30g	Linh dương giác	30g
Ý dì nhân	30g		

Tán bột làm viên, ngày uống 12 - 16g với rượu.

Tác dụng: chữa phụ nữ có thai bị trúng phong.

## BẠC HÀ

Tên khoa học: *Mentha arvensis L.*

Họ Hoa môi (*Labiatae*)

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Nguyên tần bạc hà là bạt kha, bạc hà là tiếng gọi chéch".

Tính vị, quy kinh: vị cay, mát, tính ôn hoà; vào hai kinh phế, can.

Tác dụng: tan phong nhiệt, phối hợp thuốc khác để phát hàn. Liều dùng cốt 2 - 6g.

Sách Dược tinh bản thảo ghi: "Bạc hà thông ngũ quan, dỗ đau xung, dỗ phát mồ hôi, tiêu gió độc, tan giờ độc, khói đau đầu, mắt mát, khói đau mắt và răng lợi, giáng khí, tiêu cầm, tiêu đờm trong giọng, khói phiến uất, tránh uế khí, chữa khán hắc loạn, sảng nhợt, săn ngứa".

Sách Tùy túc cư ẩm thực phủ ghi: "Bạc hà chữa tan gió độc, khói nhức đầu, mắt mát, khói đau cổ họng, răng lợi, giáng khí tiêu cầm, tiêu đờm trong giọng, khói phiến uất, tránh uế khí, chữa hắc loạn, sảng nhợt, săn ngứa".

Thổ sản: Giang Tây, Cát An, Hồ Nam, Đoàn Châu, Hà Nam.

Bộ phận dùng: toàn cây bò rẽ và lá khô già, thường thu hái cuối xuân hoặc đầu mùa thu. Cành nhiều lá, mùi thơm là tốt; rắn sạch, thái, phơi âm can, không dùng bạc hà đại (bạc hà đại *Mentha*, sp có lông và mùi hôi).

### Các bài thuốc có bạc hà

Bài An thần trấn kinh hoan (Ấu ấu tu tri)

Lòng cốt nướng	12g	Mộc thông	12g
----------------	-----	-----------	-----

Thanh đai	4g	Đương quy	12g
Nghu hoàng	12g	Bạc hà	12g
Thiên trúc hoàng	2g	Chi tử	12g
Tảo nhán sao	12g	Phục thán	10g
Mạch môn bò lôi	12g	Thần sa	10g
Xích thược	12g		

Tân bột, làm viên, ngày uống 5 - 8g

Tác dụng: trè bị kinh phong do nhiệt.

#### Bài Bảo mệnh hoán (Trung y Thượng Hầu)

Bạc hà	16g	Bản hạ	40g
Hổ phách	40g	Nghu hoàng	0,8g
Thanh đai	12g	Bạch chỉ	6g
Ô dâu	4g	Thanh mảng thạch	8g
Bạch phụ tử	20g	Thắng ma	4g
Nghệ	12g	Phòng phong	8g
Xạ hương	0,4g	Thiên trúc hoàng	12g
Toàn yết	16g	Cương tâm	20g
Bồ kết	1 quả	Nam tinh	40g
Thiên ma	20g		

Tân bột, hoàn thành viên 1g, ngày uống 4g, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ bị kinh phong, khóc đêm.

#### Bài Bát trọng cải cánh thang (Y lược giải âm)

Bạc hà	6g	Sơn chi nhân	8g
Lô hàn kiều	8g	Hoàng cầm	8g

Cam thảo	4g	Trúc diệp	12g
Cát cánh	8g		

### Sắc uống

Tác dụng: chữa nhiệt thũng họng đau.

### Bài Băng nhiệt hoàn (Chứng trị chuẩn thường)

Bạc hà diệp	8g	Băng sa	8g
Hoàng bá	8g	Long não	1g

Tân bột, ngày uống 8g.

Tác dụng: chữa miệng hôi là loét do nội nhiệt.

### Bài Bạch chỉ tán (Chứng trị chuẩn thường)

Bạc hà	8g	Liền kiều	8g
Thăng ma	8g	Bạch chỉ	8g
Phong phong	6g	Xích thược	8g
Kinh giới	8g	Thạch cao	8g

Tân bột, ngày uống 12g

Tác dụng: chữa đau răng.

### Bài Bạch chỉ tán (Lý Đông Viên)

Bạc hà	12g	Bạch chỉ	8g
Mang tiêu	8g	Thạch cao	8g
Uất kim	8g		

Tân bột, ngày uống 16-20g

Tác dụng: chữa đau đầu do phong.

### Bài Bát truy cải cánh thang (Y lược giải âm)

Bạc hà	8g	Hoàng cầm	8g
Sơn chi	8g	Trúc diệp	12g
Cam thảo	4g	Lิền kiều	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa nhiệt thống, đau họng.

### Bài Bằng ngực tán (Thẩm thị tồn sinh)

Bạc hà	6g	Bồ hoàng	4g
Hồng liên	6g	Bằng sá	2g
Cam thảo	2g	Bằng phiến	3,2g
Thanh dại	2g	Khô phan	1g
Phúc tiêu	2g	Hoàng nghiệm	4g

Tán bột, uống với nước ấm, ngày 4g.

Tác dụng: chữa mạn nhẹ.

### Bài Cát cánh thang (Vương Hải Tông)

Bạc hà	8g	Hoàng cầm	8g
Cát cánh sá	8g	Chi tử	8g
Cam thảo	8g	Lิền kiều	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa nhiệt thống, họng sưng đau (thời khú)

### Bài Chuyển thiết cao (Thẩm thị tồn sinh)

Bạc hà	Đại hoàng	Hoàng cầm
Trúc diệp	Xương bò	Sơn chi
Cam thảo	Viễn chí	Phúc tiêu

Lượng bằng nhau đều 20g, nấu cao bồi nơi tẩm thường

Tác dụng: chữa lưỡi sưng đau.

#### Bài Cửu bối sâm tố đắng (Tô trùm hương phương)

Bạc hà

Mà hoàng

Quế chi

Tô tử

Dại phúc bì

Hạnh nhân

Nhân sâm

Tang bạch bì

Cam thảo

Lượng bằng nhau đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa ho có đờm.

#### Bài Cửu thực thang (Tô trùm hương phương)

Bạc hà

Tang bạch bì

Hạnh nhân

Cam thảo

Mà hoàng

Trần bì

Dại phúc bì

Tô tử

Quế chi

Lượng bằng nhau đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa ho suyễn lâu năm.

#### Bài Cửu tiêu tán (Lục khoa chuẩn thàng)

Bạc hà

6g

Mộc hương

8g

Sài hô

8g

Kinh giới

8g

Toàn phúc hoa

8g

Cam thảo

6g

Xích thược

8g

Thương traật

12g

Xuyên khung

8g

Tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa các chứng ban.

#### Bài Cửu thực tán (Lục khoa chuẩn thàng)

Bạc hà

20g

Cam thảo

Chi xác	10g	Dại phúc bì	20g
Hạnh nhân	10g	Mộc hương	20g
Trần bì	10g	Tù tò	20g
Tang bạch bì	10g	Nhục quế	10g

Tân bột, ngày uống 16g; sắc uống với nước giếng tưới và ô mai.

Tác dụng: chữa ho do cảm hàn.

#### Bài Cửu thực thang (Trầm lương phương)

Bạc hà	6g	Cam thảo nướng	6g
Dại phúc bì	6g	Hạnh nhân	6g
Ma hoàng	6g	Quế chi	6g
Tù tò	6g	Tang bạch bì	6g
Trần bì	6g		

Sắc uống ngày 1 thang, sắc ngày 2 lần.

Tác dụng: chữa ho suyễn lâu năm, ngoại cảm mạch phè.

#### Bài Cửu tiêu tán (Lực khai chuẩn thang)

Bạc hà	20g	Cam thảo	20g
Kinh giới	26g	Toàn phúc hoa	12g
Sài hồ	26g	Thương truật	26g
Xuyên khung	26g	Xích thược	26g
Mộc hương	2g		

Tân bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa các chứng ban, bệnh ở mắt.

#### Bài Đường âm thanh nhiệt phương (Thiên gia diệu phương)

Bạc hà	6g	Bạch thược	12g

Dan bì	10g	Kích thước	10g
Địa cốt bì	10g	Sát bò	10g
Bạch mao cùn	15g	Cam thảo sống	10g
Đẳng sâm	12g	Mật giáp	10g
Thanh hao	12g	Bạch truật	10g
Dâng tâm	16g		

Sắc uống.

Tác dụng: dưỡng âm thanh nhiệt.

#### *Bài Dưỡng âm thanh phế thang (Trung lầu ngọc hổ)*

Bạc hà	6g	Bồ mẫu	16g
Cam thảo	8g	Sinh địa	20g
Dan bì	16g	Huyền sâm	16g
Mạch môn	16g	Kích thước	12g

Sắc uống.

Tác dụng: dưỡng âm thanh phế, lương huyết giải độc.

#### *Bài Hắc cao thang (Trung y học khái luận)*

Bạc hà	3,2g	Lô cùn	40g
Phục bình	12g	Thạch hộc	16g
Liền kiều	12g	Thạch cao	16g
Sinh địa tươi	12g	Cương tâm nướng	12g
Dam đậu xị	12g	Rễ cỏ tranh tươi	40g
Bồ mẫu	12g	Thuyền thoái	3,2g
Cam thảo nướng	12g		

Sắc uống ngày 1 thang.

Tác dụng: chữa lở loét họng (chứng lạn hẫu sa).

*Bài Hắc tiêu giao tán* (Trung y thường hái)

Bạc hà	8g	Cam khuông	4g
Sinh địa	12g	Thục địa	12g
Bạch thược	12g	Chi thực	12g
Bạch truật	8g	Phục linh	8g
Cam thảo	4g	Sài hồ	8g

Tán bột hoặc sắc uống.

Tác dụng: chữa can khí uất kết, bụng ngực h้อง đau, hiccups, đau họng.

*Bài Hoàng cầm thang* (Y tông kim giám)

Bạc hà	4g	Hoa kinh giới	6g
Chi tử	6g	Hoàng cầm	8g
Tang bạch bì	4g	Mạch môn bò lôi	4g
Cam thảo sống	4g	Cát cánh	4g
Xích thược	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa mũi lở ngứa, phế kinh ứ nhiệt.

*Bài Hoàng cầm thanh phế đâm* (Thẩm thị tân sinh)

Bạc hà	1,2g	Xích thược	4g
Hoàng cầm	0,4g	Hồng hoa	4g
Dương quy	4g	Sinh địa	4g
Cát cánh	4g	Xuyên khung	4g

L-lien-kiu 4g Phong-phong 4g

Thien-hoa-pham 4g

Sac-uong.

Tac-dung: chua-phieu-am-hu, khai-tieu-kha.

#### *Bai-Kim-tu-phuong* (Nghiêm-phương)

Bạc-hà 2.8g Hương-phụ 4g

Hoắc-hương 1.6g Chỉ-xá-c 4g

L-lien-kiu 4g Diên-hồ-sách 4g

Son-trà 4g

Sac-uong.

Tac-dung: chua-am-sa-bung-dau, tay-chan-lanh, tho-ta.

#### *Bai-Kinh-gioi-thang* (5-10 bài thuốc đông y)

Bạc-hà 8g Cam-thảo 4g

Gừng 4g Kinh-gioi 12g

Tia-tô 8g

Sac-uong.

Tac-dung: chua-cam-lanh, ban-an-moi-phat.

#### *Bai-Kinh-gioi-ho-ke-huong-thang* (Viện-YHCT-VN)

Bạc-hà 8g Hoắc-hương 12g

Gừng-tươi 3-lát Hành 4g

Cát-cân 12g Hương-phụ 8g

Kinh-gioi 12g Tia-tô 12g

Sac-uong.

Tac-dung: chua-cam-sot, bung-day-dau-nón-mùa.

### Bài Kinh giới thạch cao thang (540 bài thuốc đông y)

Bạc hà	600g	Kinh giới	800g
Phân tửu	160g	Phân phi	300g
Thạch cao	600g		

Tân bột, uống ngày 20g, uống nóng.

Tác dụng: chữa cảm sốt.

### Bài Kinh phong bai độc thang gia giảm (Thiên gia diệu phương)

Bạc hà	6g	Chi xác	6g
Dâu xị	12g	Độc hoạt	10g
Hạnh nhân	10g	Khương hoạt	10g
Tổng diệp	9g	Tia tô	6g
Tò diệp	9g	Phong phong	10g
Trần bì	6g	Kinh giới	10g
Sinh khương	2 lát		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ngoại cảm phong hàn.

### Bài Lạc tiên thang (540 bài thuốc đông y)

Bạc hà	8g	Thảo quyết minh	8g
Cúc hoa	8g	Lạc tiên	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đau đầu mất ngủ.

### Bài Tò hò thang (Nghiêm phương)

Bạc hà	12g	Dan sâm	12g
Hoàng kỳ	20g	Sài hô	12g

Huyền sâm	12g	Liên kiều	12g
Thanh hoa	12g	Tử sa	12g
Xuyên khung	12g	Hoa hoa	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa cảm mạo, sưng đau họng.

#### Bài Thắng ma tán (Xích thủy huyền chầu)

Bạc hà	4g	Nhân sâm	4g
Xích thược	4g	Cát cánh	4g
Thắng ma	4g	Sinh khương	1 lát
Phong phong	4g	Cát cát	4g
Cam thảo	1,6g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa nhiệt bế thượng tiêu, miệng hôi lò leòt.

#### Bài Thủ định tán (Ấm ấm tu tri)

Bạc hà	Phát tiêu	Xuyên khung
--------	-----------	-------------

Lượng bằng nhau, tán bột, thổi vào mũi.

Tác dụng: chữa trẻ ngạt mũi.

#### Bài Thủ chín lương giải thang (Trung y nha khoa học)

Bạc hà	Liên kiều	Hoàng liên
Xích thược	Ngưu bàng tử	Hồng hoa
Cam đắng hoa	Tang diệp	Thuyễn thoái
Tử hoa địa đinh		

Lượng bằng nhau, sắc uống.

Tác dụng: chữa nhiệt tà thịnh, cảm phổi khát, nước tiểu vàng ít, đậu màu đen.

### Bài Tri mâu thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạc hà	8g	Bồ mâu	12g
Cam thảo	12g	Đại hoàng	12g
Dinh lich	6g	Hoạt thạch	12g
Mà hoàng	6g	Tiểu mạch	12g
Tri mâu	12g	Khương hoạt	12g
Kha tử	20g		

Ngày uống 1 thang, thêm 2 lát gừng.

Tác dụng: chữa khí suyễn, viêm họng phát nốt, đờm khô khé, sổ mũi.

### Bài Thông kinh tán (Y tông kim giám)

Bạc hà	40g	Hỗn hợp	40g
Xích thược	40g	Xuyên khung	40g
Cam thảo	40g	Hồng hoa	40g
Chi tử	40g	Hương phụ	40g
Đại hoàng	20g	Mộc tặc	40g
Khương hoạt	40g	Đường quy	40g
Hoàng cầm	80g	Sinh địa	40g

Tân bột, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa nghịch kinh (kinh đi ngược).

### Bài Thắng ma tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạc hà	Nghu bìng	Thắng ma
Bạch chỉ	Hoàng liên	Tri mâu
Mạn kinh	Phòng kỵ	Tế tần
Hoàng bá		

Lượng bằng nhau đều 12g, tán bột, ngày uống 12g với nước sắc bạc hà.

Tác dụng: chữa đau răng hàm trên.

#### Bài Thanh phế ùm (Cố kim y giám)

Bạc hà	90g	Hồ ma nhân	60g
Sơn thù du	60g	Cúc hoa	60g
Hoàng cầm	60g	Phong phong	60g
Kinh giới	30g	Bạch thược	30g
Khổ sâm	60g	Sơn tra hoa	60g
Liên kiều	30g	Cam thảo	60g

Mỗi lần uống 10g.

Tác dụng: chữa mèo sưng đỏ.

#### Bài Xuyên khung hoàn (Cục phương)

Bạc hà	24g	Tế tân	20g
Phong phong	12g	Xuyên khung	24g
Cát cánh	14g	Cam thảo	14g

Tán bột, trộn mật ong, làm viên, ngày uống 4g.

Tác dụng: chữa đau đầu chóng mặt, phiền nhiệt, tay chân đau, đau mắt, ngạt mũi, té mặt.

#### Bài Xuyên khung trà điếu tần - Trà điếu tần (Cục phương)

Bạc hà	32g	Kinh giới	16g
Khương hoạt	4g	Cam thảo	4g
Xuyên khung	16g	Tế tân	4g
Bạch chỉ	6g	Phong phong	6g

Tán bột, uống ngày 24g sau bữa ăn, uống với nước trà.

Tác dụng: chữa đau nhức đầu do phong hàn.

#### Bài Xuyên khung trà điếu tân (Y tông kim giám)

Bạc hà	Thạch cao	Kinh giới
Cúc hoa	Mộc tặc	Phong phong
Khương hoạt	Chích thảo	Xuyên khung
Thạch quyết minh		

Liều bằng nhau 40g mỗi vị, tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa chảy nước mắt mũi khi gặp gió.

#### Bài Xuyên khung hoan (Văn dược y kinh)

Bạc hà	140g	Phong phong	40g
Tố tần	10g	Xuyên khung	12g

Tán bột ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa phong hàn ở thượng tiêu.

#### Bài Xuyên khang tân (Lý Dông Viễn)

Lá bạc hà	8g	Rễ tố tần	4g
Mang tiêu	4g	Xuyên khung	6g
Thanh đại	10g	Mạn kinh	6g
Hồng đậu	1 quả	Thạch cao	8g

Tán bột, bọc vải nhát vào mũi.

Tác dụng: chữa đau đầu do phong nhiệt.

#### Bài Xuyên khang tân (Vệ sinh bảo giám)

Bạc hà	40g	Khương hoạt	20g
Thạch cao	20g	Hương phụ	20g

Té tần	20g	Hoa hoa	20g
Nhân trần	40g	Chích thảo	20g
Kinh giới	4g	Xuyên khung	20g
Phong phong	40g	Cúc hoa	40g

Tân bột ngày uống 8g.

Tác dụng: chữa đau nửa đầu.

## BẠCH BIỂN ĐẬU (đậu ván trắng)

Tên khoa học: *Dolichos lablab L.*

Họ Cánh bướm Fabaceae (Papilionaceae)

Bộ phận dùng: hạt đậu ván trắng. Chọn loại hạt già, mẩy, màu trắng ngà, nhẵn, không móc mọt, sau chín hoặc ngâm nước sôi cho trắng (không dùng hạt có màu đen, vỡ) khi dùng đập giập.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, tính ấm; vào hai kinh: tỳ và vị.

Tác dụng: kiện tỳ, chỉ tả, hoa thấp, giải độc.

Sách Y dược cầu nguyên ghi: chất ngọt, tính ôn hoà.

Sách Bản thảo bì yếu ghi: "Biển đậu điều hoà tỳ vị, thông lợi tam tiêu, giải thử thấp, khỏi khát, khỏi tả, giả rượu".

Thổ sản: sản xuất ở Giang Tô, Trần Lăng, Lăng Hồ là tốt nhất.

## Các bài thuốc có biển đậu

### Bài An điện nhị thiên thang (Phó Thành Chủ)

Bạch biển đậu sao	40g	Dỗ trọng	12g
Thục địa	40g	Chích thảo	4g

Bạch truật sán đất	40g	Sơn thù	20g
Cửu kỵ	8g	Sơn dược	20g
Nhân sâm	40g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa người có thai đau bụng dưới.

#### Bài Bạch biến đậu tần (Loại chứng phổi tổ bản sự)

Bạch biến đậu	20g	Bản hạ	8g
Sinh khương	20g	Nhân sâm	8g
Bạch truật	8g	Bạch mao cẩn	8g
Tý bà diệp bồ lóng	8g		

Tàn bột, sắc nước bột, mỗi lần uống 4g.

Tác dụng: chữa đờ non (hàn sán).

#### Bài Bạch biến đậu tần (Thẩm thị tốn sinh)

##### Bạch biến đậu

Tàn bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 12g.

Tác dụng: giải độc độc được, uống hết độc thì dừng.

#### Bài Bạch biến đậu thang (Y phương ca quát)

Bạch biến đậu	12g	Hoài sơn	12g
Bổ chính sâm	12g	Ô tặc cốt	6g
Mẫu lệ	6g	Hạt luo đậu	6g
Ý dĩ	6g		

Sắc uống.

Tác dụng: bổ can huyết, chữa thiếu máu, vàng da.

*Bài Bình vị tán bì phong giò vị* (Tầm đặc thân phong)

Biển đậu	96g	Thương truật sào	80g
Trần bì	96g	Mộc hương	32g
Hỗn phác tẩm gừng	80g		

Tân bột, mỗi lần uống 8g.

Tác dụng: chữa la chảy do thực tả.

*Bài Diệp thi đường vị phong* (Diệp Thiên Sô) Đường vị thang

Bạch biển đậu sống	12g	Cam thảo	4g
Lá dâu	12g	Sả sâm	12g
Mạch môn	12g	Ngọc trúc	12g

Sắc uống.

Tác dụng: đường âm, chữa ăn uống kém, táo bón, miệng hôi khét.

*Bài Đường trung tiễn* (Y lược giải âm)

Bí biển	12g	Can khương	8g
Hoài sơn	12g	Nhân sâm	20g
Cam thảo	4g	Phục linh	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa trung khí hư hàn, la chảy, nôn mửa.

*Bài Hương đậu tán* (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch biển đậu	20g	Hoắc hương	40g
Nhân sâm	20g	Chích thảo	4g
Nhục đậu khấu	40g		

Tân bột, uống ngày 18g.

Tác dụng: chữa hoắc loạn, phiến khát.

### Bài Hương khương tán (Hoa tinh cát phương)

Bạch biến đậu	40g	Phục thán	40g
Hương nhu	80g	Chích thảo	20g
Hậu phác	40g		

Tán bột, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa la chảy kiết lỵ.

Bài này có xuất xứ từ bài Hương nhu ẩm thêm chích thảo, phục thán.

### Bài Hương đậu tán (Ấu ấu tu tri)

Bạch biến đậu	16g	Hương nhu	30g
Gừng	2 lát	Nhục đậu khấu	30g
Chích thảo	8g	Nhân sâm	16g

Tán bột, ngày uống 4g.

Tác dụng: chữa trẻ hoắc loạn, phiền khát.

### Bài Thập vị Hương nhu ấm (Nghiêm phương)

Biển đậu	12g	Hương nhu	8g
Trần bì	2g	Hoàng kỳ	8g
Sa sâm	12g	Hội sơn	8g
Cam thảo	4g	Mộc qua	2g
Phục linh	8g	Hậu phác	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thổ tả.

### Bài Thập vị hương nhu tán (Y phương hải hối)

Biển đậu	2,8g	Hoàng liên	2,8g
----------	------	------------	------

Phục linh	8g	Hoàng kỳ	4g
Nhân sâm	8g	Hậu phác	2,8g
Bạch truật	8g	Hương nhu	6g
Mộc qua	2,8g	Chích thảo	2g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa cảm lạnh gây thở tả

#### Bài Sát tỳ ấm (Cực phương)

Biển đậu	16g	Cát cát	16g
Chích thảo	8g	Ô mai	6g
Sa nhân	16g	Thảo quả	6g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: hòa tỳ vị, tiêu thủ khí, chữa phiến khất, ỉa chảy do thủ tả hoặc loạn thủ tả.

## BÁCH BỘ

Tên khoa học *Stemona tuberosa*, L.

Họ Bách bộ (*Stemonaceae*)

Bộ phận dùng: rễ, củ cây bách bộ. Chọn loại rễ to, chắc mập, dâng nhiều ngọt ít, có mùi thơm mát, vỏ ngoài đỏ hay nâu sẫm. Bò vỏ và bỏ lõi phơi âm can, cũng có thể tẩm mật sao.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, dâng, tính hơi ấm; vào kinh phổi.

Tác dụng: ôn phế sát trùng.

Sách Y được cẩn nguyên ghi: "Bách bộ chất ngọt tính ôn hoà, ấm phổi sát trùng".

Sách Bản thảo thập di: "Bách bộ nướng chín, ngâm rượu uống lúc đói chán khỏi ăn ngừa, trừ nọc độc sâu bọ".

Sách Dược tính bản thảo: "Bách bộ trừ khí liêm phổi, nhuận phổi, không dùng cho người tỳ vị hư hàn".

Cách chế: theo Y dược cũ nguyên thi Mỹ dao nấu gest bỏ vỏ, ruột, tắm rượu, sao khô, dùng.

## Các bài thuốc có bách bộ

### Bài Bảo hoà hoàn (Huyết cholesterol)

Bách bộ	12g	Bồ mẫu	12g
Tù uyển	12g	Thiên hoa phấn	4g
Bách hợp	12g	Ý dĩ	12g
Tù tò	12g	Ngũ vị	4g
Thiên môn	12g	Mà đầu linh	12g
Trí mẫu	12g	Sinh địa	12g
Dương quy	12g	Bạc hà	4g
Đi đường	2 lượng	A giao	12g
Sinh khương	12g	Cam thảo	4g
Khoán đông hoa	12g		

Bắc uống.

Tác dụng: nhuận phế thanh hoà.

### Bài Bảo phế thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bách bộ	2,4g	Bách hợp	3g
Bách cương làm	8g	Bách linh	2,4g

Cát cánh	24g	Hoàng cầm	2g
Phong phong	2,4g	Sinh địa	2,4g
Tô tử diệp	2,4g	Ngũ vị tử	2,4g
Hoắc hương	2g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phong nhiệt ở phế vị, đờm nhiều, ho suyễn.

#### Bài Bổ âm thoát lao thang (Ngoại cảm thông trị)

Bách bộ	4g	Ngũ vị tử	4g
Nhân sâm	4g	Chích thảo	4g
Thực địa	4g	Trần bì	8g
Dương quy	8g	Hoài sơn	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa hụt lao hại tỳ và thận, thường sốt về chiều.

#### Bài Chỉ thấu tán của Đường Tồn Hải (Huyết chứng luận)

Bách bộ	3 chỉ	Cát cánh	3 chỉ
Cam thảo	1 chỉ	Trần bì	3 chỉ
Kinh giới	3 chỉ	Bạch tiễn	3 chỉ
Tù uyển	3 chỉ		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa hàn tà, chữa viêm phế quản, ho, thông khiếu (ngạt mũi).

#### Bài Chỉ khái tán (Y học tâm ngộ)

Bách bộ	12g	Bạch tiễn	8g
Cam thảo	4g	Trần bì	8g

Cát cánh 8g Kinh giới 8g

Tù uyển 12g

Tân bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa ho lâu ngày đậm nhiều, sợ gió, cảm.

#### *Bài Dưỡng âm thanh nhiệt thang (Danh từ y dược học cổ truyền)*

Bách bộ 8g Cam thảo 6g

Lá dâu 12g Mạch môn 12g

Tang bạch bi 12g Thiên môn 12g

Sắc uống

Tác dụng: chữa viêm phế quản mạn, mồ hôi ra nhiều.

#### *Bài Dưỡng âm thanh nhiệt thang (3-40 bài thuốc đông y)*

Bách bộ 80g Mạch môn 20g

Tang bạch bi 20g Thiên môn 20g

Lá dâu 20

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ho do viêm phế quản, ra mồ hôi, sốt chiếu.

#### *Bài Hỗ trợ điều trị lao (Trung Hiếu)*

Bách bộ 12g Ngũ vị 8g

Dương quy 16g Ý dĩ 30g

Hoài sơn 16g Uất kim 12g

Cát cánh 10g

Sắc uống ngày 1 thang.

Tác dụng: phối hợp với thuốc chữa lao phổi (ván dược), tăng tác dụng thuốc chữa lao, bảo vệ gan thận, chống mệt mỏi, thiếu máu.

*Bài Thiên môn đông hợp tú* (Trung y tạp chí 1/1951 – Trường Bích Quang)

Bạch bộ	Mạch đông	Qua lâu nhân
Thiên môn đông	Quất hồng	

Lượng bằng nhau đều 12g. Dùng quất hồng làm thang sắc uống.

Tác dụng: thông khí tan đờm, chữa ho gà giai đoạn đầu.

*Bài Xạ can hoán* (Thánh tế tổng lục)

Bạch bộ sấy khô	48g	Bản hạ ngâm sấy	40g
Quất bì sấy	40g	Úc lý nhân	40g
Ngũ vị tử	48g	Té tần	40g
Bạch linh	40g	Khoán đông hoa	40g
Tạo giác (bò vò, hột)	40g	Can khương sống	40g
Bối mẫu bò lồi sao vàng	40g		

Các vị nấu bền sau trộn với úc lý nhân, tán bột làm viên 1g, ngày uống 12 viên khi đói.

Tác dụng: chữa ho, suyễn, đờm nhiều, nằm ngồi không yên.

## BẠCH CẨM

Tên khoa học: *Bletilla striata (thunb) Retzho. F*

Họ Lan (Orehidaceae)

Bộ phận dùng: củ cây bạch cẩm. Chọn loại màu vàng trắng có hình giống vỏ ốc xoắn loại chắc cứng là tốt; rửa sạch, ủ mềm, thái mỏng, sấy nhỏ lửa.

Tinh vị, quy kinh: vị đắng, tính bình; vào kinh phế.

Tác dụng: bổ phế, trục ứ, sinh huyết, dùng trong lở ngứa, mụn nhọt, ho máu.

Sách Y dược cầu nguyên ghi: "Bạch cập chất dâng tinh bịnh, tác dụng: kiềm phế, chống hàn da non, tiêu ứ, khai chảy máu".

Sách Trung Sơn Lài ghi: "Bạch cập là vị thuốc trong thi chẩn thanh giải khí nhiệt tà, kiềm phế vị; ngoài chữa thanh huyết khỏi đau nhức".

Bài Quang tý phương (chữa chứng phụ nữ âm thoát): bạch cập, xuyên sả, đầu tán bột, Mý lụa mỏng bọc rồi đặt âm hộ sau khoảng 3 tắc, khi thấy bụng nóng thì bỏ ra. Mỗi ngày một lần cho đến khỏi.

### Các bài thuốc có bạch cập

#### Bài Bạch cập tỳ bà hoàn (Đài thi)

Bạch cập	40g	A giao	20g
Tỳ bà diệp	20g	Sinh địa	20g

Ngũ tiết bồ lóng nướng mệt 2g

Bà vị trên tán bột, riêng a giao và sinh địa nấu sền sệt, trộn bột trên v водо, làm viên ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g.

Tác dụng: chữa ho máu, nôn máu.

#### Bài Bạch cập hoàn (Thần phương)

Bạch cập	12g	Ngô sen	20g
Lá tỳ bà	12g		

Lấy A giao 12g (sao cháy) và sinh địa 12g, nấu nước; ba vị trên tán bột hòa làm viên; ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần uống 10g/ 1 viên.

Tác dụng: chữa nôn máu.

### Bài Bạch cập long cốt tán (Y tùng kim giám)

Bạch cập	12g	Bạch long cốt	12g
Hỗn hò (sao)	12g	Lan phong sào	12g

Dùng nước cam thảo rửa chỗ sưng, sau dùng 4 vị trên tán bột bôi.

Tác dụng: chữa đau đớn âm hộ không khép kín (xin mòn bất bô).

### Bài Bạch cập liên tu tán (Dai thi)

Bạch cập	40g	Liên tu	20g
Sa sâm	20g	Trắc bá diệp	20g

Tán bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 8g với nước ngô sen 12g và sinh địa 12g.

Tác dụng: chữa ho, khạc máu.

### Bài Bạch cập tán (Thần phương Hoa Đà)

Bạch cập	20g	Phổi kiện	100g
----------	-----	-----------	------

Rửa sạch phổi kiện, rách ra cho bột bạch cập vào, chưng cách thủy, ăn liên tục 1 tháng.

Tác dụng: chữa phổi có họng hốc.

### Bài Bạch cập tán (Y lược giải âm)

Bạch cập	20g	Tam thất	16g
----------	-----	----------	-----

Tán bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 16g

Tác dụng: chữa ho ra máu, lao phổi.

### Bài Bạch hổng tử vị tán (Thiên gia diệu phương)

Bạch cập	4g	Nhị trà	2g
Bạch phàn	4g	Sinh địa hoàng	3g

Tán bột, uống lần 1g, ngày uống 4 lần.

Tác dụng: chữa lao phổi, giãn phế quản, ho máu.

#### Bài Chỉ huyết dược (Y học giải âm)

Bạch cập	Tục đoạn	Thực dược
A giao	Dịa du	Ngò sen
Kinh giới sao đen		
Lá trắc bà sao đen		

Lượng bằng nhau đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa nôn máu.

#### Bài Vạn súng linh cao (Thanh tương bí truyền)

Bạch cập	Bạch linh	Sinh địa
Tạo giác	Khương hoạt	Phòng phong
Dương quy	Khổ sâm	Liên kiều
Khổ sâm	Mộc miết	Liền chi
Tang chi	Táo chi	Dào chi
Bản hạ	Cam thảo	Sơn nại
Hoè chi	Ô dược	Ngũ linh chi

Cùng liều 40g, dùng 2,5 lít dầu mè để nấu với thuốc, đun cạn, bỏ bã, thêm huyết dư thân 60g sao cho tan, nấu thành cao thêm các vị:

A ngùy	Giáp phiến	Dinh hương
Mật dược	Phụ tử chế	Nhô hương
Tế tần	Lương khương	Thảo ô
Quan quả		

Đều 40g tán bột, xé hương 4g, trộn với cao trên đắp chỗ sưng đau hoặc uống riêng ngày 8g.

Tác dụng: chữa khớp sưng đau, bị đánh, ngã có tổn thương, tì ly, phụ nữ xích bạch dài.

#### Bài Vị độc phong (Tầm đúc thần phong)

Bạch cập	20g	Xích thược	40g
Lá phủ dung	40g	Dại hoàng	80g
Bạch liễm	20g		

Tác dụng dùng lồng tráng trùng hoà thuốc bôi xung quanh chỗ mạn, nhọt, trong uống giải độc.

Tác dụng: chữa ung độc, thu liễm khí độc.

## BẠCH CHỈ

Tên khoa học: *Angelica dahurica Benth et Hook*  
Họ Hoa tán (Umbelliferae)

Bộ phận dùng: rễ cây bạch chỉ. Chọn rễ có hình thon tròn, tông vạch, phía dưới chia rễ nhánh cung, vỏ vàng nâu, trong trăng ngà có đường vạch đặc, thơm, cay, to, dày, không mốc mọt là tốt. Chủ ý bảo nhâm với độc hoạt.

Tinh vị, quy kinh: vị cay, tính ôn; vào hai kinh: phế và đại tràng

Tác dụng: phát biếu giải eo, tan phong, táo thấp, hoạt huyết. Có thể dùng sống (chữa cảm), sao qua chúa lầm lậu, sao cháy chữa ỉa ra máu.

Cách bào chế (Lời Công): bạch chỉ rửa sạch, ép vỏ, thái mỏng. Lấy hoàng tinh đun để đồ bạch chỉ (lượng 2 thứ bằng nhau) phơi khô. Cũng có thể thái thành khúc, trộn vào với đế bào quấn. Bạch chỉ dì thực vỏ nâu, ruột đeo và xếp gần giường độc hoạt. Phân biệt: bạch chỉ nam có nhiều hột, vị hơi the, tác dụng loại này chưa rõ nghĩa là chính.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Cay, ấm, có tác dụng phát tán, mát da, tan gió độc, khói táo thấp, phấn khởi tinh thần".

Sách Chân châu nang ghi: "Bạch chỉ chữa vị tráng gió độc mà sút rất, gió nhiệt liếm phổi, chữa đau mặt da đỏ sần sùi, nóng ngứa".

Sách Đại minh nhật hoa chư già bản thảo ghi: "Bổ huyết menses, phá huyết động, các chứng ung vú, ung thư, hạch bỗn, mạch luân, tràng nhạc, sẩn ngứa, lở loét, chữa đau nhức, hắt mũi".

**Thổ sản:** ở Tứ Xuyên là tốt, có mùi thơm ngọt.

Bạch chỉ sản xuất ở Triết Giang, Ninh Ba, Hàng Châu gọi là hùng chỉ. Bạch chỉ sản xuất ở Hà Nam gọi là hội chỉ.

### Các bài thuốc có bạch chỉ

#### *Bài Bạch chỉ tán (Lý Đông Viễn)*

Bạch chỉ	8g	Bạc hà	12g
Uất kim	8g	Thạch cao	8g
Mang tiêu	8g		

Tân bột, mỗi ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa đau đầu do gió.

#### *Bài Bảo nguyên hoa độc thang (Y lược giải âm)*

Bạch chỉ	4g	Dương quy	4g
Nhân sâm	4g	Xuyên sơn giáp	4g
Cam thảo	2g	Hoàng kỳ	4g
Mộc hương	2g	Xuyên khung	4g
Sơn tra	4g	Cương tim	4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa mụn nhọt, tiêu độc.

### Bài Bảo chấn cao (Trung y học khái luận)

Bạch chỉ	96g	Độc hoạt	56g
Hồng hoa	80g	Mà hoàng	80g
Phong phong	56g	Dan bì	56g
Ngò thù	50g	Sinh địa	96g
Dâu xị	96g	Hoa hồng kỵ	96g
Lương khung	80g	Nhục quế	96g
Tháng ma	80g	Thương truật	96g
Xuyên khung	96g	Xích thược	56g
Thảo ô	56g	Thủ ô	80g
Dương quy	86g	Khương hoạt	56g
Xuyên ô	96g	Xuyên quy	96g
Sơn nai	80g	Té tần	80g

Nếu thành cao, uống ngày 16g.

Tác dụng: chữa trúng phong tà.

### Bài Bát tiên tán (Lục khoa chuẩn thàng)

Bạch chỉ	8g	Cam thảo	8g
Dịa cốt bì	8g	Xuyên khung	8g
Kinh giới	8g	Té tần	8g
Hoàng cầm	8g	Hoàng bá	8g

Tán hột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa phong ngứa, hắc lào, lang ben.

### Bài Bát phong tán (Cục phương)

Bạch chỉ	640g	Cam thảo	120g
----------	------	----------	------

Hoắc hương	320g	Tiền hồ	640g
Nhân sâm	120g	Phong phong	180g
Khương hoạt	180g		

Tán bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 8g.

Tác dụng: chữa phong khí bốc làm đau đầu, hoa mắt chóng mặt, đau gáy, tay chân co duỗi khó, ngạt mũi, ghè ngứa.

#### Bài Bạch chỉ hoán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch chỉ	100g
----------	------

Tán bột làm viên 4g, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa chảy nước mũi trong.

#### Bài Bạch chỉ hoán (Thẩm thị tôn sinh)

Bạch chỉ	80g
----------	-----

Tế tần	80g
--------	-----

Đun nước lá bạc ngầm, phơi cho khô, tán nhuyễn, luyện mật làm viên. Ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa đau đầu, chóng mặt, hoa mắt.

#### Bài Bạch chỉ hộ tâm hoán (Dưỡng y đại toàn)

Bạch chỉ	40g	Nhũ hương bồ đào	12g
----------	-----	------------------	-----

Hùng hoàng	20g	Cam thảo nướng	10g
------------	-----	----------------	-----

Tán bột, ngày uống 12g pha rượu.

Tác dụng: chữa rắn rất độc cắn.

#### Bài Bạch chỉ xoắn cung hoán (Chứng trị chuẩn thẳng)

A giao	30g	Bạch chỉ	30g
--------	-----	----------	-----

Hàn khung	25g	Xuyên khung	30g
-----------	-----	-------------	-----

Ngải diệp	30g	Võ du hương	40g
Bạch thược	30g		

Tân bột làm viên, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa từ cung hư nhược, tắc kinh mà không thụ thai, huyết trắng lâm lụu, hư phẫn thiếu khí.

#### Bài Bạch chỉ tán (Phụ nhân đại toàn dương phương)

Bạch chỉ	80g	Tỏi rói	4g
Hải phiêu liêu	2 cái		

Tân bột, mỗi ngày uống 8g, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa xích bạch đới.

#### Bài Bạch chỉ tán (Lý Dâng Viễn)

Bạch chỉ	8g	Thạch cao	8g
Bạc hà	12g	Mang tiêu	8g

Tân bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa đau đầu do phong.

#### Bài Bạch chỉ tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch chỉ	4g	Tố tán	4g
Hạnh nhân	4g	Toàn yết	2 con

Tân bột, hoa dầu mè bôi má (huyết giáp xa).

Tác dụng: chữa trúng phong liệt mặt.

#### Bài Bạch chỉ thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch chỉ	40g	Thạch cao	160g
Trí mẫu	68g		

Tân bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa đau răng.

#### *Bài Bạch chỉ thang ma thang (Chứng trị chuẩn thẳng)*

Bạch chỉ	3,2g	Hồng hoa	1,2g
Cát cánh	2g	Lá lát kiều	8g
Chích thảo	1,2g	Phục linh	8g
Hoàng kỳ	1,2g	Thắng ma	2g

Sắc uống nóng.

Tác dụng: chữa mạn nhọt.

#### *Bài Bạch chỉ vú phong thang (Thẩm thị tần sinh)*

Bạch chỉ	10g	Dương quy	6g
Thắng ma	10g	Cát báu	1,6g
Cửng tằm	1,2g	Sài hô	1,6g
Mạn kinh	1,2g	Cát cánh	2,8g
Ma hoàng	2,4g	Thương truật	3,2g
Chích thảo	1,4g	Khuynh hoạt	1,6g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa khí hư phong nhiệt, mặt té, mệt cảm giác, răng đau, hoang tưởng.

#### *Bài Cát cẩn giải cơ thang (Đào hoa)*

Bạch chỉ	4g	Cát cẩn	4g
Sài hô	4g	Gừng	3 lá
Cam thảo	2g	Hoàng cầm	4g
Cát cánh	4g	Khuynh hoạt	4g

Thuốc được	4g	Tào	1 quả
Thạch cao	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa tam dương hợp bệnh, đau đầu.

### Bài Cố chí sa tán

Bạch chỉ	40g	Chu sa	20g
----------	-----	--------	-----

Tán bột, ngày uống 12g, dùn 12g mạch môn và 12g phục thần làm thang lấy nước uống.

Tác dụng: an thần, chữa co giật.

### Bài Chỉ thống can đờm thang (540 bài thuốc đông y)

Bạch chỉ	8g	Thanh bi	8g
Phòng phong	8g	Dan sâm	12g
Xuyên khung	12g	Khiết hoạt	8g
Quế chi	8g	Chi xác	8g
Uất kim	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đau thần kinh liên sườn.

### Bài Cửu tiên tán (Y tông kim giám)

Bạch chỉ	4g	Cam thảo	4g
Cúc hoa	4g	Dương quy	4g
Huang cầm	4g	Kinh giới	4g
Xuyên khung	4g	Mộc thông	4g
Xích thược	4g		

Tán bột, ngày uống 14g.

Tác dụng: chữa mắt có tia máu đỏ.

### Bài Cửu vị giải độc tán (Lục khoa chuẩn thàng)

Bạch chỉ	12g	Phong phong	8g
Hoàng liên	4g	Liên kiều	4g
Dương quy	12g	Thrypt. dược	12g
Kim ngân	4g	Cam thảo	4g
Sơn chi	8g		

Tân bột, chia 2 lần uống.

Tác dụng: chữa bệnh trẻ nhỏ bị nhiễm độc từ trong bào thai sinh ghẻ lở, mụn nhọt.

### Bài Điều sinh ẩm (Chứng trị chuẩn thàng)

Bạch chỉ	4g	Chích thảo	4g
Cù mạch	4g	Điền hồ sách	4g
Đại hoàng	4g	Đinh lich	4g
Quan qué	2g	Tần lang	4g
Tố tần	2g	Xuyên khung	4g
Xích phục linh	4g	Xích thược	4g
Dương quy	4g	Nga truật	4g
Trần bì	4g	Đại táo	3 quả
Đại phúc bì	4g	Gừng tươi	3 lát

Sắc uống.

Tác dụng: chữa huyết ứ trệ, tay chân sưng phù.

### Bài Điều trung thang (Trung thí y thông)

Bạch chỉ	4g	Hoắc hương	4g
Thương truật	4g	Cát cánh	4g
Chi xác	4g	Sinh khương	3 lát

Sa nhân	4g	Xuyên khung	3.2g
Bạch truật	4g	Trần bì	4g
Bạch thược	4g	Khương hoạt	4g
Cam thảo	4g	Quế chi	2g
Ma hoàng	2g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa sau ứn đầy trường, ngoại cảm phát sốt.

#### *Bài Dưỡng quy địa hoàng thang (Huyết chứng luận)*

Dưỡng quy	20g	Bạch thược	8g
Thực địa	12g	Cao bản	8g
Bạch chỉ	12g	Xuyên khung	4g
Tố tần	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phong thấp, bổ huyết, hoạt huyết để chữa đau đầu, đau mắt, đau lưng (do phong) theo nguyên tắc "Trị phong tiên trị huyết, huyết hành phong tự diệt".

#### *Bài Dưỡng huyết địa hoàng đương quy thang (Chứng trị chuẩn thẳng)*

Bạch chỉ	40g	Tố tần	20g
Dưỡng quy	40g	Cao bản	40g
Địa hoàng	40g	Bạch thược	40g
Xuyên khung	40g	Phòng phong	40g

Tân bột, uống ngày 20g.

Tác dụng: chữa phả thương phong (uốn ván)

#### *Bài Dưỡng huyết tiêu phong thang (Y phương tập giải)*

Bạch chỉ	10g	Hồng hoa	6g

Dào nhán	6g	Cúc hoa	12g
Dương quy	10g	Phòng phong	10g
Cam thảo	4g	Kinh giới	10g
Mật kinh	10g	Xuyên khung	10g
Ma hoàng	8g	Bạch thược	10g
Thảo quyết minh	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa mắt sưng đỏ đau.

#### *Bài Kinh phòng giải biểu thang (Thời thị sử phương học)*

Bạch chỉ	70 diệp	Sinh khương
Thần khúc	Kinh giới	Trần bì
Xích linh	Thông bạch	Phòng phong
Hạnh nhân		

Lượng bằng nhau đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa xuân ốm mới phát.

#### *Bài Khu huyết tử vật thang (Lỗ phủ cầm phương)*

Bạch chỉ	20g	Dương quy	24g
Xích thược	24g	Kinh giới	24g
Khương hoạt	24g	Cao bản	26g
Sinh địa	4g	Độc hoạt	20g
Phòng phong	22g	Xuyên khung	4g

Sắc uống trước bữa ăn.

Tác dụng: chữa huyết hư, đau đầu, hoa mắt chóng mặt, ngứa vùng đầu hoặc toàn thân.

### Bài Khung chi tán (Nhân trai trực chi)

Bạch chi	Kinh giới
Xuyên khung	Thạch cao

Lượng bằng nhau 30g, tán bột, mỗi lần uống 14g.

Tác dụng: chữa đau đầu do phong tà.

### Bài Khung cảng thang (Ngoại da bì yếu)

Bạch chi	20g	Xương hổ	8g
Tế tần	8g	Xuyên khung	12g
Quan quả	8g	Dương quy	12g

Sắc uống.

Tác dụng: điều dưỡng khí huyết.

### Bài Vạn toàn hộ mệnh phương (Dương Tử Kien)

Bạch chi	20g	Dan bì	10g
Thục địa	20g	Cát cánh	20g
Độc hoạt	20g	Tế tần	14g
Quan quả	30g	Cam thảo	10g
Ma hoàng	30g	Bạch truật	80g
Khiên ngưu	6,8g	Xuyên khung	60g
Cảo bản	20g	Phòng phong	20g

Tán bột, mỗi lần dùng 8g.

Tác dụng: chữa xích bạch lý độc, mạch vi tiểu trâm.

### Bài Vạn kim tán (Y lâm tập yếu)

Bạch chi	240g	Đại hoàng	640g
----------	------	-----------	------

Tân bột, ngày uống 12g với rượu nóng.

Tác dụng: chữa nhiệt ở lưng.

#### Bài Vị sinh thang (Y học tân ngữ)

Bạch chỉ	3,2g	Bồ mẫu	6g
Cam thảo	4g	Kinh giới	4g
Liên kiều	3,2g	Mật đắng	2g
Nhũ hương	2g	Phổng phong	2g
Quy vị	8g	Thiên hoa phấn	3,2g
Ngân hoa	6g	Ngưu bàng	4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thông độc mới phát.

#### Bài Xạ can thang (Ngoại dae bí yếu)

Bạch chỉ	12g	Chích thảo	4g
Tè giác	4g	Dương quy	8g
Xạ can	4g	Tháng ma	4g

Hạnh nhân bò vỗ, dầu nhọn 4g.

Sắc uống.

Tác dụng: chữa sưng đau họng, ăn uống kém.

#### Bài Xích đậu tán (Nghiệm phương)

Bạch chỉ	80g	Sài hô	100g
Dan bì	80g	Cam thảo	80g
Bạch linh	50g	Xích thược	80g

Tân bột, mỗi lần uống 8g với nước gừng, táo.

Tác dụng: chữa phụ nữ khí huyết không điều hòa, đầy trưởng ngực, ăn kém, gầy.

#### Bài Suy tỳ lục thận tán (Cánh Nhạc toàn thư)

Bạch chỉ	4g	Một dược	4g
Hùng hoàng	4g	Hà diệp	4g
Điêm tiêu	20g	Nhũ hương	4g

Tân bột, thổi vào mũi đau.

Tác dụng: chữa mắt mũi sưng đau, đau đầu.

#### Bài Xuyên thảo tán (Lục khoa chuẩn thống)

Bạch chỉ	28g	Cam thảo	14g
Chích thảo	14g	Xuyên khung	28g
Hoàng liên	20g	Xích thược	28g
Dương quy	20g		

Tân bột, mỗi lần dùng 4g, uống lúc đói.

Tác dụng: chữa la phán nhầy mũi mèo, đau bụng. Nếu hàn dùng thêm gừng, nhiệt dùng nước cốt.

#### Bài Xuyên khang tán (Cố kim y thống)

Bạch chỉ	40g	Chích thảo	40g
Tố tần	40g	Khutong hoạt	40g
Xuyên khung	40g	Thương truật	200g
Gừng	3 lát	Hành	3 cọng

Tân bột, mỗi lần dùng 12g.

Tác dụng: chữa cảm thương hàn, ngạt mũi.

## Bài Xuyên khung thang (Thương khoa bổ yếu)

Bạch chỉ	Xích thược	Khuang hoạt
Hoàng kinh tử	Hoa phấn	Phong phong
Gừng 3 lát	Sinh địa	Dương quy
Trần bì	Xuyên khung	Da bò

Lượng bằng nhau đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa đau đầu, đau vùng mặt (viêm xoang).

## BẠCH CƯƠNG TÂM (tâm vôi)

Tên khoa học: *Bombyxum Botryte L.*

Họ Tâm (Bombycidae)

Bộ phận dùng: theo Lời Công dùng cả con tâm vôi. Chọn loại tâm ăn lá dâu sáp chín, bị chết do *Botrytis bassiana* Bals gây ra. Không chọn loại tâm cong, ruột ướt đen để dùng.

Tinh vị, quy kinh: vị mặn, cay, tính bình; vào bốn kinh: tâm, can, tỳ, phế.

Tác dụng: khu phong, hoà damp.

Bảo chế: ngâm tâm vào nước vo gạo 1 đêm cho hết nhớt, sau sấy khô nhỏ lửa, chà sạch lông vàng bỏ miệng đen, tán bột hoặc để cả con dùng.

Bảo quản: để nơi khô tránh ẩm, hán.

Sách Y được cùi nguyên ghi: "Cương tâm chất cay, mặn, tính ôn hòa, khí vị đều nhẹ nhàng hay bức nỗi, mau dần khí mạch vào phế, can, vị".

Sách Bản thảo bì yếu ghi: "Cương tâm trừ gió độc tiêu đờm, tan tích kết, thông kinh huyết, chữa trúng gió độc, mất tiếng,

nhức đầu, đau răng, sưng cổ, nhợt hạch, dân bà bằng huyết, trẻ con kinh cam, da sần như vảy cá. Không dùng cho người huyết hư không do ác phong tà khí”.

Cutting tâm kỵ tang phiêu tiêu, phục linh, cát cánh, tỳ giải.

### Các bài thuốc có cường tâm

#### Bài Bạch cường tâm hoán (Ấm ấm tru trì)

Bạch cường tâm sao rượu 4g

Nam tinh 8g Ngũ linh chi 4g

Dịa long 4g Toàn yết chẽ 4g

Nấu với 6g bún họ làm viên, ngày uống 1-2g.

Tác dụng: chữa mạn kinh phong, thổ tả nhiều gây ra mạn tỳ.

#### Bài Bạch cường tâm tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch cường tâm sao 20g Cam thảo 20g

Kinh giới 10g Tế tân 20g

Lá dâu non 40g Mộc túc 20g

Toàn phúc hoa 20g

Tán bột ngày uống 8g với nước sắc kinh giới.

Tác dụng: chữa chảy nước mắt khi ra gió.

#### Bài Bạch cường tâm tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch cường tâm 40g Phòng phong 20g

Thiên ma 20g Chu sa 20g

Thiên nam tinh 20g Bạch phụ tử 20g

Tang phiêu tiêu 20g Khương hoạt 20g

Thuyaen thoái 20g Xạ hương 10g

Té giác tiêm 20g

Tân bột uống ngày 2 lần, mỗi lần 8g với rượu nồng loãng.

Tác dụng: chữa phụ nữ trung phong, cung uốn người, miệng không mở, gần co rút, tay chân té dại.

#### Bài Bạch cương tam tán (Thẩm thị tôn sinh)

Bạch cương tam	20g	Kinh giới	20g
Thuyền thoái	20g	Cam thảo	20g
Nhân sâm	20g	Bạch chỉ	20g
Thương nhĩ tử	20g	Phổng phong	20g
Trần bì	20g	Xuyên khung	20g
Phục linh	20g	Hậu phác	20g

Tân bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 8g.

Tác dụng: chữa các chứng kinh phong, bùn thận bất loại cấp.

#### Bài Bảo mệnh hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch cương tam	20g	Nam tinh	40g
Toàn yết	20g	Cam thảo	12g
Bạc hà	20g	Thuyền thoái	20g
Thiên ma	20g	Bán hạ	40g
Xạ hương	2g	Cửu dâng	8g
Bạch phụ tử	20g	Ngưu hoàng	8g
Phổng phong	12g	Uất kim	20g
Thanh đại	12g	Phục thán	20g
Cát cánh	20g		

Tân bột, ngày uống 16g với nước sắc đắng tam.

Tác dụng: chữa kinh phong, sốt cao co giật,

### Bài Bảo mệnh hoàn (Ấu ấu tu trì)

Chích thảo	8g	Phục thần	12g
Toàn yết ché	12 con	Xà hương	0,4g
Chu sa	4g	Tè giác	8g
Bạch cương tâm		Thiên ma nương	12g

Tân bột làm viên, ngày uống 6 - 8 g với nước sắc mạch mòn.

Tác dụng: an thần, định phách, trấn kinh.

### Bài Cát cảnh thang (Lý Dung Viên)

Bạch cương tâm	12g	Ma hoàng	2g
Quốc chí	0,4g	Mã bột	4g
Cát cảnh	4g	Cam thảo	4g
Dương quy thần	12g		

Sát uống nóng.

Tác dụng: chữa họng đau, khản tiếng.

### Bài CM kinh tán (Trung y thường hàn)

Bạch cương tâm	80g	Ngò cổng	40g
Thiên ma	40g	Toàn yết	40g

Tân bột, mỗi lần uống 4g.

Tác dụng: chữa kinh phong (cấp, mãn) ở trẻ.

### Bài Di phong dan (Chứng trị chuẩn thường)

Bạch cương tâm	20g	Toàn yết	20g
Phong phong	40g	Bạch phụ tử	20g
Thiên trúc hoàng	40g	Cửu dâng	40g

Xạ hương

20g

Tán bột, ngày uống 4g với nước súc kinh giới.

Tác dụng: trẻ nhỏ bị cấp kinh phong.

#### Bài Khiên chinh tán (Dương thị già tăng)

Bạch phụ tử

Toàn yết

Bạch cương tâm

Liệu bằng nhau 20g, tán bột, mỗi lần uống 4g với rượu nóng.

Tác dụng: khu phong cầm, trấn kinh, mặt tê đau, liệt mặt, mày cờ.

#### Bài Truy dinh đoạt mệnh thang (Xích thuỷ huyền châu)

Bạch cương tâm

Phong phong

Trạch lan

Thanh bì

Xích thược

Hoàng liên

Cam thảo

Qua lâu

Khuynh hoạt

Độc hoạt

Ngân hoa

Tế tần

Thuyền thoái

Gừng 3 lát

Liệu bằng nhau đều dùng 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa dinh nhiệt.

#### Bài Vạn tự hoàn (Phong mòn toàn tập)

Bạch cương tâm

40g

Phong tú

40g

Ma nhân

240g

Bạch tật lê

40g

Bạch phụ tử

40g

Uy linh tiên

40g

Hoàng liên

40g

Bạch xà 1 con bò da, dầu, ruột, xương.

Tán bột làm viên, uống lúc đói ngày 20 viên.

Tác dụng: chữa ma phong.

### Bài Yết hầu bí cát đòn (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch dương tần	40g	Thanh đại	40g
Mang tiêu	40g	Cam thảo	160g

Tán bột, trộn mật phơi trong râm 49 ngày, mỗi lần thổi vào họng 2 - 3g.

Tác dụng: chữa bệnh vế họng.

### Bài Xuyên khung tán (Vệ sinh bào giàm)

Bạch dương tần	24g	Cam cúc hoa	24g
Xuyên khung	24g	Thạch cao	24g

Tán bột, ngày dùng 24g với nước trà.

Tác dụng: chữa đau mỏi đầu.

### Bài Xung hẩu ngọt thạch chày (Hầu sa chứng trị yếu lực)

Cương tần sào	2g	Thần sa	2g
Mai phiến	20g		

Nguyệt thạch 20g nấu cho tan

Huyền minh phấn 20g cho vào sao, sấy cho khô, tán bột, rồi mỗi cho cương tần, mai phiến, thần sa dùng để thổi vào hẩu.

Tác dụng: chữa họng sưng lè loét.

### Bài Xuất bạch tán (Vương Mạnh Anh)

Bạc hà	Cương tần	Phiến náo
Thanh đại	Bàng sa	Đóng lực
Thanh bi		

Lượng bằng nhau 12g, tán bột. Nấu như hắc hà, té tần, trên bột sau sấy khô, nghiên nát để bôi.

Tác dụng: chữa đậu mọc lở miệng.

## BẠCH ĐỒNG NỮ (vây trắng)

Tên khoa học: Clerodendron fragrans Vent

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Bộ phận dùng: lá, rễ cây bạch đồng nữ. Chọn loại hành lá không sần. Căn phân biệt với cây mù trắng: C.squamatum L cùng họ roi ngựa, cây này hoa không có hình mâm xôi.

Trung nhân dân cũng dùng cây vây đê (xích đồng nam) C.infurcatum cùng họ Roi ngựa.

Tinh vị, quy kinh: vị đắng, tính lạnh.

Tác dụng: chữa bạch đới, mụn nhọt; sử dụng để chữa hoảng dân.

## Bài thuốc có bạch đồng nữ

### Bài Bạch đồng nữ thang (Viễn Đông y)

Bạch đồng nữ	12g	Ích mẫu	8g
Trắc bù diệp	12g	Nhân trần	8g
Khổ sâm	12g	Trần bì	6g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa khí hư bạch đới.

# BẠCH GIỚI TỬ

Tên khoa học: *Bartsia campestris*, L.  
Họ Thập tự (Ociferace)

Bộ phận dùng: là hạt cây cài bẹ trắng. Chọn loại hạt mẩy, khô, màu vàng ngà, nhiều dầu, không sâu, mốc (không dùng hạt trắng, lép) phơi khô. Có nơi cho hạt vào nước, vớt bỏ phần nổi, lấy hạt chìm, sao cho khô, bảo quản trong lọ khép kín, tránh nóng ẩm, khi dùng có thể giã giập.

Tính vị, quy kinh: vị cay, tính ôn; vào phế kinh.

Sách Y dược cầu nguyên ghi: "Bạch giới tử chất cay, tính ôn hoà dẫn huyết vào phế".

Sách Uông nang ghi: "Bạch giới tử chủ lưu huyết mạch, ấm vị, đã ra mồ hôi, tân khí lạnh, tiêu phu thông, khôi tả chân, giảm đau gân cốt. Ho lâu phổi hư không nên dùng. Khi sắc không nên đun bạch giới tử chín quá sẽ làm giảm tác dụng của thuốc".

## Các bài thuốc có bạch giới tử

*Bài Bạch giới hoàn hay Liên la hoàng* (Thẩm thị tôn sinh)

Bạch giới tử	60g	La bạc tử	40g
Hoàng liên	60g	Dàu nhán	40g
Thần khúc	60g	Tam lăng	20g
Bồng nga mâu	40g	Sơn tra	40g
Hương phụ	16g	Thanh bi	12g
Xuyên khung	40g		

Hoàng liên tẩm 50g ngò thù, sau bỏ ngò thù.

Tất cả tán bột, làm viên 10g, ngày uống 2 - 3 viên.

Tác dụng: chữa bí khích.

#### Bài Bạch giới tử đỗ (Nội khoa trung y)

Bạch giới tử	4g	Xạ hương	0.4g
Cam thảo	1g	Tố тán	2g

Tán bột, trộn nước giึง tuti đắp huyết bã lao, cao hoang, phổi du. Sau đắp 2 giờ bỏ ra, 10 ngày sau đắp lại.

Tác dụng: chữa hen phế quản thể hàn.

Dây là bài bí truyền của Trương Thạch Ngoan, sau khi đắp có cảm giác té đau chỗ đắp (xin dừng bỏ ra).

#### Bài Bạch giới tử tán (Chứng trị chuẩn thường)

Bạch giới tử	120g	Một dược	20g
Quế tám	20g	Mộc hương	20g

Tán bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 4g.

Tác dụng: chữa khí ở vịnh vệ lưu hành không đều, chữa tê bại, huyết trắng do đầm.

#### Bài Bổ khí hoán (Phò Thanh Chú)

Bạch giới tử	4g	Nhân sâm	120g
Hoàng kỳ	120g	Bạch truật	320g
Bạch thược	120g	Mạch môn	80g
Trần bì	40g	Viễn chí	40g
Phục linh	160g	Cam thảo	22g
Ngù vị	40g		

Viên chí tẩm nước cam thảo, sao khử.

Tất cả tán bột làm viên, mỗi viên uống 20g.

Tác dụng: bổ khí.

#### Bài Chayễn vị thang (Biện chứng kỵ vận)

Bạch giới tử	12g	Bạch truật	20g
Mạch môn	40g	Ý dĩ	40g
Ngưu tất	12g	Nhân sâm	4g
Phụ tử	4g	Sơn dược	40g
Trần bì	12g	Tè tử	8g

Sắc uống.

Tác dụng: bổ thận, điều hòa vị khí.

#### Bài Cửu tuyệt thang (Phù Thanh Chủ)

Bạch giới tử	4g	Mạch môn bò lối	12g
Ngưu vị tử	4g	Sơn thù	12g
Ngưu tất	4g	Nhân sâm	40g
Thực địa	40g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa hư suyễn do tỳ thận suy.

#### Bài Hương khung nhị trần thang (Chứng nhân mạch trị)

Bạch giới tử	Cam thảo	Bạch linh
Hương phụ	Quảng bì	Bản hạ
Xuyên khung		
Liều đều 12g, sắc uống.		

Tác dụng: chữa chứng đàm do hàn.

Đây là bài Nhị trân già bạch giới, hương phu, xuyên khung

#### Bài Lạc an tiền (Ý lược giải âm)

Bạch giới tử	3g	Chích thảo	4g
Phục linh	12g	Trần bì	8g
Bản hạ	8g	Hạnh nhân	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa hàn đậm.

#### Bài Lạc an tiền (Mộng trung giác đậm)

Bạch giới tử	2,8g	Cam thảo	4g
Hạnh nhân	4g	Trần bì	2g
Bạch linh	8g	Gừng tươi	3 lát
Bản hạ	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đậm, sỏi.

#### Bài Vỹ tâm tiên dược (Đương y đại toàn)

Bạch giới tử	8g	Dại hoàng	12g
Dàn nhán	30 hạt	Dan bì	12g
Dương quy	40g	Hồng hoa	12g
Mộc nhĩ	12g	Sinh địa	40g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa mụn nhọt.

## BÁCH HỢP (tỏi rừng)

Tên khoa học: *Lilium Brownii F.F. Brown var colchesteri Wils*  
Họ Hành tỏi (Liliaceae)

Bộ phận dùng: vẩy của tỏi mà gọi là củ.

Chọn loại dài 4cm, rộng 5 - 10mm, màu trắng ngà, trong sáng, vỏ khô dày, không đen không mốc mọt, có nhiều chất nhơ. Cần phân biệt với thứ vẩy của tỏi voi là loại hoa kèn đỏ, có tên *Amryllis belladonna sweet*, thuộc họ thuỷ tiên, loại này vẩy to nhưng không nhơ. Phải phân biệt vì tỏi voi gây nôn, ngứa; phân biệt với vẩy cây hải thông, tên khoa học *Urginea maritima L* Baker thuộc họ hành tỏi, loại vẩy này nhỏ hơn bách hợp, nem có vị cay và nếu dùng có phản ứng là say thuốc.

Tinh vị, quy kinh: vị đắng, tính hơi lạnh; vào hai kinh: tâm, phổi.

Tác dụng: nhuận phế, định tâm, an thần. Không dùng cho người trúng hàn.

Bảo chế: đào củ, rửa sạch, phơi khô vừa, tách từng vẩy ra nhưng vào nước sôi rồi phơi khô hoặc sao qua.

Bảo quản: để nơi khô ráo, khi bị ẩm, bách hợp sẽ có màu đỏ nâu.

Sách Y dược cầu nguyên ghi: "Bách hợp vị ngọt, tính bình, nhuận phế, bổ vị và thanh tâm".

Sách Tùy âu cư Ẩm thực phả ghi "Bách hợp chữa khói lo sẹ, định hồn phách, mất da thịt, nhiều sùa, trừ gió độc, giải nhiệt, tiêu đờm, tan nhọt độc, khói ho, sát trùng, lợi đại tiểu tiện".

Bách hợp chữa trên khói ho, dưới khoé chân tay.

## Các bài thuốc có bách hợp

**Bài Bảo hoà thang** (chuyết chứng luận của Cát Khả Cùa - Đường Tôn Hải)

Bách hợp	12g	Trí mẫu	12g
Mã dâu linh	12g	Bạc hà	4g
Cam thảo	8g	Cát cánh	12g
Thiên môn	12g	Ngũ vị	4g
A giao	12g	Đi đường	12g
Ý dì nhân	12g	Bối mẫu	12g
Mạch môn	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: nhuận phổi, chữa cảm hoà ô phổi, ho tức ngực khó thở, giải uất hoà, thanh hóa, giáng đàm.

**Bài Cát cánh thang**

Bách hợp bồ loli	20g	Bối mẫu	40g
Cam thảo	40g	Chi xá xao	40g
Hoàng kỳ sao qua	60g	Qua lâu nhân	40g
Cát cánh	40g	Ý dì sao	40g
Hạnh nhân	20g	Đường quy	40g
Gừng tươi	3 lát	Phòng phong	40g
Tang bì sao	40g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phổi suy, khí tắc nghẽn vùng thượng vị, ho mửa, ho mù, tâm thần phiền muộn, đau họng, mồ hôi trộm, khát, dài đờ vang.

# BẠCH LIÊM

Tên khoa học: *Ampelopeis sericefolia* Bunge  
Họ Nho (Vitaceae)

**Bộ phận dùng:** củ cây bạch liêm. Chọn loại củ to bằng quả trứng (củ có nhiều củ) 2 đầu nhọn, ngoài đơn trong trắng, vị đắng. Củ phân biệt với củ bạch cập có ba nhánh, cung và trong.

**Tính vị, quy kinh:** vị cay, ngọt, hăng; vào bốn kinh: tâm, can, tỳ, vị.

**Tác dụng:** tả hoả, tan kết, thu liêm, trừ nhiệt, giảm đau. Không nên dùng cho người không có thực nhiệt, mạn ngọt đã rõ, tỳ vị hư hàn.

**Bào chế đơn giản:** rửa sạch củ, ủ mềm, thái lát phơi khô, để nơi khô kín. Có thể gói với dây chun rồi cho bạch liêm dày kín, phòng mốc mọt.

Sách Y dược cầu nguyên ghi: "Bạch liêm là chất cay đắng".

Sách Bản thảo bị yếu ghi: "Bạch liêm trừ nhiệt, tan khí kết, khai ưng thư, tan mạn ngọt trên mặt, khai bồng lùn, chống lèn da non, đỡ đau buốt".

## Các bài thuốc có bạch liêm

### Bài Bạch liêm hoàn (Tế sinh)

Bạch liêm	40g	Cửu tích	40g
Lộc nhung	80g		

Tán bột làm viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa mạch xung nhâm lạnh: gây khí hư ở phụ nữ.

### Bài Bạch liễm tán (Chứng trị chuẩn thường)

Bạch liễm 40g

Hoàng bá sao đen 20g

Tán bột hoà dầu vững để bôi.

Tác dụng: chữa viêm tai chảy nước, lở ngứa da.

### Bài Ý dĩ nhân thang (Thiền kim)

Bạch liễm 40g Cam thảo 10g

Quế tâm 40g Ngưu tất 40g

Phụ tử chế 3 củ Ý dĩ nhân 40g

Thực được 40g Can khương 40g

Cho rượu ngâm 1 đêm, đun sôi kỹ uống 25 ml, ngày 3 lần.

Tác dụng: chữa gân cơ khô co duỗi.

## BẠCH LINH

Tên khoa học: *Poria cocos wolf*

Họ Nấm lốp (*Polyporaceae*)

**Bộ phận dùng:** là loại nấm mọc từ cây thông. Chọn loại nấm hình củ tròn ở đầu rễ cây thông, củ to đường kính tối 15-30cm, vỏ sần đen, thịt trắng rắn là tốt (nấm càng lâu năm củ càng to), củ non thường xốp nhẹ.

**Bảo chế:** rửa sạch, bỏ vỏ, thái mỏng, phơi khô thêm sà hoặc thái phơi khô tán bột. Khi sắc thuốc thang được rồi mới cho bột này vào nước thuốc quấy đều để uống. Vô nấm: tác dụng lợi tiểu.

**Tinh vị, quy kinh:** vị ngọt, nhạt, tính bình; vào năm kinh: tâm, phế, thận, tỳ, vị.

Tác dụng: lợi tiểu nhuận táo, ích khí sinh tân, chỉ khát, thường dùng trong khí tức, ho ban, thủy thũng, lâm lụa.

Sách Y được của nguyên ghi: "Người xưa gọi là phục linh bởi chất thần linh của cây thông kết lại mà thành, nhưng thực ra nó chỉ là một thứ cù mọc dưới gốc cây thông đã chết đi".

Sách Bản kinh ghi: "Phục linh chất ngọt, tĩnh bình, chuyên chữa đầy hơi, phiền uất, lo sợ, đau dạ dày, sốt rét, lưỡi khô, cổ ralo và lợi tiểu".

Sách Bột lục ghi: "Phục linh chữa khát khát, ngủ ngon, tiêu đờm rất tốt. Người bị phát thận dùng nó sẽ trả được tà khí, bổ tinh ích khí, giữ được sức khoẻ lâu".

Thứ sản sản xuất ở Văn Nam là tốt nhất.

Loại tốt gọi là bài linh. Loại vừa là đại gián linh, trung gián linh, tiểu gián linh. Thứ sản xuất ở An Huy gọi là an linh, an linh thái thành miếng gọi là hinh phiến, giống xích linh (phục linh dò).

### Các bài thuốc có bạch linh

#### Bài An thận hoán (Tam nhân cực nhát bệnh chưng)

Bạch linh	80g	Hỗn trà	120g
Hành nhân sao	80g	Tiểu hồi	120g
Tục đoạn sao	120g	Sơn dược	80g
Đào nhân sao	80g	Bồ cốt chỉ sao	120g
Xuyên luyễn tử sao 120g			

Tân bột làm viên, ngày uống 2 lần, mỗi lần 8g.

Tác dụng: chữa hư hoái của thận và vị bốc lên làm răng lợi lung lay, sưng, đau, ra mồ hôi.

### Bài An thổ tần (Biện chứng kỹ vẫn)

Bạch linh	20g	Thổng thảo	4g
Bạch truật	40g	Ý dĩ nhân	20g
Thạch hộc	12g	Sài hô	12g
Xích tiêu đậu	4g	Xà tiên tử	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa cảm thấp nhiệt phổi hợp phong tà gây đau bụng, chân tay đau nhức, khó vận động.

### Bài An ninh thang (Ấu ấu tu tri)

Bạch linh	3g	Chích thảo	0,5g
Xuyên khung	1,5g	Thắng ma	1,5g
Phụ tử chế	1,5g	Nhân sâm	2g
Táo nhân	1,5g	Mộc thang	3g
Gừng tươi	3 lát		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa trẻ sơ sinh bị lâm tháp do thổ tả, do hàn tà.

### Bài Bạch phục linh hoàn (Chứng trị chẩn: thằng)

Bạch phục linh	40g	Thục địa	40g
Hổ phách	20g	Thạch xương bồ	4g
Bà tử nhân	20g	Quốc tẩm	20g
Nhân sâm	20g	Viễn chí	20g

Tán bột, làm viên 10g, ngày uống 2 - 3 viên.

Tác dụng: chữa sinh xong bị kinh sợ, do tâm hư, thần trí không yên.

### Bài Bạch phục linh tán (Chứng trị chuẩn thường)

Bạch phục linh	40g	Nhân sâm	20g
Thực địa	40g	Xuyên khung	20g
Hồng kỳ sao	20g	Dương quy	20g
Bạch thược	20g	Quế tâm	20g

Tân bột, ngày uống 3 lần, mỗi lần 10g với nước gừng tươi, đại táo.

Tác dụng: chữa khí huyết đều hụt.

### Bài Bạch phục linh tán (Chứng trị chuẩn thường)

Bạch phục linh	40g	Cam thảo	40g
Can khương	40g	Quế tâm	40g
Long cốt	40g	Phụ tử chế	40g
Tang phiến tiêu	80g	Thực địa	40g
Tục đoạn	40g		

Tân bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 16g.

Tác dụng: chữa tinh thần sợ hãi, nói linh tinh.

### Bài Bảo hoà hoàn (Dan Khô tâm pháp)

Bạch linh	120g	Trần bì	40g
Lực thân khúc	80g	Thái phү tử	40g
Sơn tra	240g	Hàn hả chế	12g
Liên kiều	80g		

Tân bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 8g - 12g.

Tác dụng: tiêu thực hoà vị, bụng trên đầy trướng, tức ngực, chán ăn, đại tiện bí.

### Bài Bổ tâm dan (Thié y đặc hiệu phuơng - Thiên vương bổ tâm dan)

Bạch linh	20g.	Bà tử nhán	40g
Cát cánh	20g.	Ngô vi tử	40g
Viên chí	20g.	Mạch môn	40g
Huyền sâm	20g.	Sinh địa	150g
Nhân sâm	20g.	Dan sâm	20g
Đường quy	40g.	Thiên môn	40g
Toan táo nhân	20g.		

Tán bột, luyện mật làm viên, ngày uống 2 viên.

Tác dụng: tư âm, dưỡng huyết, an thần, hồi hýp (tâm quỷ), hàn khô, ra mồ hôi, mạch tế sác.

### Bài Bổ tâm tăng lao lực thủ tinh tần (Chứng trị chuẩn thường)

Bạch linh	40g	Bạch thược	10g
Cam thảo nướng	10g	Cát cánh	10g
Dinh hương	40g	Hạt sen	40g
Khương hoạt	10g		

Tán bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g.

Tác dụng: chữa lao động trí óc quá mệt mỏi (lao tâm).

### Bài Dẫn tinh chí huyết thang (Phò Thanh Chu)

Bạch truật	20g	Hắc khương	8g
Hoàng bá	12g	Bạch linh	12g
Nhân sâm	12g	Sơn thù	8g
Kinh giới tuệ	12g	Thực địa	20g
Xà tiên tử	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: dẫn tinh, chỉ huyết, chữa tổn thương âm đạo và âm hộ khi giao hợp, xuất huyết.

*Bài Dẫn đường thang (Biện chứng kỳ văn)*

Bạch truật	20g	Cam thảo	4g
Dô trọng	4g	Khiết thực	8g
Nhân sâm	12g	Nhục quế	1,2g
Bạch linh	8g	Sơn dược	20g

Sắc uống.

Tác dụng: dẫn đường quy nguyên, bổ âm khí, chữa đau lưng do thận.

*Bài Di công tán già nón tra, thắn khóc, hậu phác, sinh khương thang (Tiền thư)*

Bạch phục linh	8g	Nhân sâm	8g
Trần bì	8g	Cam thảo	8g
Thắn khóc	8g	Sơn tra	8g
Sinh khương	3 lát	Bạch truật	8g
Hậu phác	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa sốt do thương thực.

*Bạch Dịch đầm thang (Y phương tập giải)*

Bạch linh	8g	Bản hạ chế	12g
Quất hồng	8g	Nhân sâm	4g
Dâm tính	10g	Sinh khương	3 lát

Chi thực	8g	Xương bò	4g
Trắc nhụ	2g	Cam thảo	2g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa tiêu đòn, sưng đau họng.

#### Bài Dị công tán già vị (Tiền sít)

Bạch linh	8g	Sơn tra	12g
Nhân sâm	8g	Trần bì	8g
Cam thảo	2g	Bạch truật	8g
Thần khúc	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa bụng đầy đau do thực tích, thuốc có tác dụng tiêu thực.

#### Bài Diên linh thang (Tuyển tập phương thang đồng y)

Bạch thuật	Bạch truật	Cam thảo
Trần bì	Bạch linh	Thiên môn
Nhân sâm	Dương quy	Ngưu tất

Liều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: bồi bổ khí huyết, chữa cơ thể suy nhược.

#### Bài Dị công tán (Tiền sít)

Bạch truật	12g	Trần bì	4g
Bạch linh	8g	Dâng sâm	8g
Chích thảo	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa tỳ vị hư, khí trệ, ăn kém, ỉa lỏng.

### *Bài Đường chân thang*

Bạch linh	12g	Hoàng kỳ	12g
Liên mỗ	12g	Hoài sơn	12g
Ngũ vị	3,2g	Nhân sâm	12g
Cam thảo	6g	Bạch thuật	12g
Bạch truật	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: bổ thổ, dưỡng tỳ vị.

### *Bài Huyết nhiệt dị ứng thang (Viện YHCTVN)*

Kim ngân hoa	16g	Cam thảo	6g
Bạch linh	12g	Kinh giới	12g
Ngưu tất	12g	Ké đầu ngựa	20g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa mẩn ngứa, phong thấp nhiệt gây dị ứng.

### *Bài Linh kiều ấm (Chứng trị chuẩn thường)*

Bạch linh	8g	Tang bạch bì	12g
Nhân sâm	12g	Hoàng kỳ	20g
Cát cánh	8g	Phổng phong	12g
Chích thảo	4g	Bạch thuật	12g
Tế tân	8g	Hoàng cầm	8g
Tiền hồ	10g	Liên kiều	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ung thũng, mụn nhọt mọc ở các khớp.

### Bài Ngũ bì đầm

Bạch linh bì	Trần bì	Sinh khương bì
Tang bạch bì	Đại phúc bì	
Các vị bằng nhau đều 12g, sắc uống.		
Tác dụng: thải thấp lỵ tiêu.		

### Bài Phụ tử thang (Huyết chứng luận)

Bạch linh	12g	Bạch truật	12g
Nhân sâm	12g	Bạch thược	12g
Phụ tử	15g		

Sắc uống.

Tác dụng: ôn thận, bổ thận dương, sinh khí, hoả khí.

### Bài Thấp vị sâm tố đầm (Huyết chứng luận)

Bạch linh	12g	Tiền hồ	2g
Trần bì	8g	Nhân sâm	12g
Chi xác	1g	Cát cánh	2g
Cát cẩn	2g	Bản hạ	12g
Cam thảo	1g	Sinh khương	3g
Tử tè	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: bổ phế định suyễn, tan hàn, trừ đàm, giáng khí, giáng lỵ đàm thuỷ, khạc máu, chảy máu mũi.

### Bài Uyển nguyệt thông minh tán (Long mộc luận)

Bạch linh	8g	Phòng phong	8g
Nhân sâm	8g	Tố tần	6g

Hoàng cầm

8g

Sung uỷ tử

8g

Sắc uống ấm.

Tác dụng: chữa mắt có màng.

#### Bài Vạn ứng thiên hoa tán (Nguyên cơ hối vị)

Bạch linh

40g

Chích thảo

40g

Dương quy

40g

Xuyên khung

40g

Khương hoạt

40g

Thương truật

160g

Phổng phong

40g

Thảo quyết minh

60g

Thuyền thoái

20g

Xích thược

120g

Xà thodi

12g

Tán bột, mỗi lần dùng 8g.

Tác dụng: chữa bệnh về mắt, mắt nhìn mờ không rõ, có mộng.

#### Bài Vị chấn tán thang (Bản sự)

Bạch linh

120g

Dinh hương

40g

Dương quy

40g

Thạch hộc

200g

Nhân sâm

60g

Nhục khẩu

120g

Ngưu tất

80g

Thực địa

120g

Thanh bì

40g

Sơn đạc

120g

Mộc hương

120g

Sinh địa

80g

Tán bột, lần uống 12g với rượu nóng hoặc nước muối nóng.

Tác dụng: chữa nguyên khí hư, chán dương yếu, tam tiêu bất hòa, thương thực hạ hư, ngứa mũi, mồ hôi trộm, tai ư, họng đau, khó cõi con, xích bạch đồi.

### Bài Vết quan thang (Biện chứng kỳ văn)

Bạch linh	12g	Cát cánh	4g
Cam thảo	8g	Bạch truật	20g
Bản hạ	4g	Nhân sâm	8g
Xương bồ	4g	Dan sâm	4g
Tô diệp	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa bệnh ở tám bao, cảm phong hàn ở người vui quá độ.

### Bài Y nguyên tục mảnh thang (Thiên kim)

Bạch linh	12g	Thuộc duệ	12g
Sinh khuong	3 lát	Đại táo	12g
Phỏng kỳ	12g	Nhân sâm	8g
Bạch truật	12g	Ma hoàng	8g
Hoàng cầm	8g	Phụ tử chế	8g
Quế chi	8g	Xuyên khung	12g
Phỏng phong	8g	Hạnh nhân	8g
Cam thảo	6g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa trũng phong.

### Bài Xương bồ ách trí hoán (Thiên kim yếu phong)

Bạch linh	12g	Ngưu tất	48g
Cát cánh	48g	Xương bồ	52g
Phụ tử	40g	Nhân sâm	48g
Viễn chí	20g	Quế tâm	28g

Tân bột làm viên, ngày uống 12 - 16g.

Tác dụng: chữa hàn quấn, thản chí hoảng hốt.

#### Bài: Xương bồ hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch linh	60g	Nhân sâm	50g
Xương bồ	40g	Chu sa	40g
Linh dương giác	30g	Thiết phán	40g
Viên chi	40g	Kim bột	28g
Phòng phong	20g		

Tân bột làm viên, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa khí tích ở tỳ gây痞, táo.

## BẠCH MAO CÂN (rễ cỏ tranh)

Tên khoa học: *Rhizoma Imperatae*

Họ Lúa (*Gramineae*)

Bộ phận dùng: rễ (thân rễ) cây cỏ tranh. Chọn loại hình trụ tròn, hơi cong, vàng ngà, nhẹ, dai, mập, khô, không mốc. Loại rễ nồi trên đất bùi sạch sẽ, bỏ tạp chất, không lấy thứ già, đất ngắn, mốc.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, tính lạnh; vào ba kinh: tâm, tỳ, vị.

Tác dụng: thường dùng chữa lậu nhiệt, lậu mù, dài máu, nốt máu, chảy máu mũi. Không dùng cho người hư lao, không có thực nhiệt.

Bảo chế: đào rễ rửa sạch, bỏ lông ở ngoài, thái 2 - 3 cm phơi khô, bảo quản nơi khô, tránh ẩm mốc.

Sách Y được câu nguyên ghi: "Tính chất ngọt, lạnh vào tâm, vị, tỳ, tả hoả, tiêu ứ, lương huyết".

Sách Bản kinh ghi: "Chữa trị lao thương hú suy, bổ trung ích khí, tiêu ứ huyết, huyết bể, lợi tiểu".

Sách Biệt lục ghi: "Hỗn ngũ lâm, thanh nhiệt ở tràng vị, chỉ khát, cung gần, dân bà bằng trung".

Sách Bản thảo cương mục ghi: "Cảm chảy máu mũi, thương hàn ứ nghịch, phế nhiệt suyễn, thuỷ thũng, hoàng đản, giải tiêu độc".

## Bài thuốc có bạch mao căn

*Bài Mao căn sinh địa thang (Kinh nghiệm)*

Huyền sâm	20g	Sinh địa	80g
Mao căn	80g	Thiên hoa phấn	20g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa huyết hàn (huyết nhiệt gây ra mồ hôi).

## BẠCH PHẦN (phân chua)

Tên khoa học: Alumen

Phân chua có loại tự nhiên và có loại sản xuất theo công thức  $(SO_4)_{3}Al_2 \cdot SO_4K_2 + 24H_2O$ . Phân ở dạng tinh thể trong, đóng cục, dễ tan trong nước, nóng chảy ở  $92^{\circ}C$  trong nước kết tinh. Khi nhiệt độ trên  $100^{\circ}C$  thì mất 5 phần tử nước, trên  $200^{\circ}C$  mất hết nước, phân sẽ sủi lên như nấm, trên  $250^{\circ}C$  mất acid sulfuric.

Tính vị, quy kinh: vị chua, tính lạnh; vào kinh tỳ.

Tác dụng: sát trùng, giải độc, thu liêm, táo thấp, phân phi thừa sạm lò, thu liêm.

Bào chế: ngày xưa cho phân vào nồi đút, dày kin, nung đủ, sau đó cho vào tảng ong bộ thiền đứt theo tỷ lệ ong 8 phần 10, dày

kin, đất cháy, để nguội, gói giấy chôn một đêm mới đem lên dùng. Thời nay nung cho hết nước gọi là khò phàn, để sống là sinh phàn. Có thể đé lên chảo gang đốt trên lửa khi thấy phèn bong tróc tuôn ra là được. Phèn phi nhẹ, trắng, xốp, tan chậm trong nước.

Bảo quản: tránh ám.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Công có tên là minh phàn, xác trắng và trong sáng".

Tính chất: bạch phàn chất chua mặn, tính hàn.

Sách Bản thảo bị yểu ghi: "Chuyên chữa táo thấp, tiêu đàm, giải độc, thông đại tiểu tiện, sát trùng, trừ thấp nhiệt liêm xương tuy, chữa thoát giang, băng huyết. Nên dùng với cam thảo, không dùng với ma hoàng, mẫu lỵ".

### Các bài thuốc có bạch phàn

#### *Bài Bang laru tán (Ngoại khoa chính tông)*

Bạch phàn sống	8g	Chương nǎo	8g
Laru hoàng	4g	Xuyên tiêu	8g

Tán bột, bôi nơi tổn thương.

Tác dụng: chữa nhọt ở khuỷu tay.

#### *Bài Bang phiến tán (Bảo thai sự)*

Bàng phiến	4g	Bàng sa	2g
Cam thảo	4g	Huyền minh phàn	8g
Hoàng liên	8g	Hoàng nghiệt	8g
Ké nội kim	4g	Khô phàn	4g
Lộc giác sương	4g	Hùng hoàng	8g
Điền hoa	8g		

Tán bột, thổi vào họng.

Tác dụng: chữa họng sưng đau.

#### Bài Bạch giáng dan (Trung Y học khai luận)

Bạch phàn	60g	Bàng sa	20g
Điêm phu	60g	Đàm phàn	60g
Chu sa	40g	Điêm tiêu	20g
Huyền minh phẩn	60g	Thuỷ ngân	20g
Thạch cao (nương)	60g		

Tết cả tán bột rắc vào vết thương.

Tác dụng: chữa các vết thương lâu liền. Chỉ bôi ngoài.

#### Bài Bạch kim hoàn (Trung y thượng hàn)

Bạch phàn	40g	Uất kim	60g
-----------	-----	---------	-----

Tán bột, dùng nước sắc bắc hàn và bột làm viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: khai khiếu khử đàm, chữa đàm trọc phát cuồng, có thể dùng chữa nồi mật, viêm túi mật, cần nghiên cứu thêm.

#### Bài Bạch kim tán phốt phothong (Thiền gia diệu phương)

Bạch phàn	60g	Chu sa	15g
Hổ phách	30g	Uất kim	45g
Phenytoin natri 30 viên			

Tán đều, mỗi ngày uống 2g, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa động kinh do đàm che tâm khiếu, tâm thần không yên. Khi uống thuốc và 2 tháng sau uống thuốc không ăn thịt, mèlợn.

### *Bài Bạch phàn tán (Chứng trị chuẩn thẳng)*

Bạch phàn sống	40g	Nhũ hương	10g
Lưu huỳnh sống	4g		

Tán bột, bôi hoặc ngâm cồn 30° để bôi ngoài (không uống).

Tác dụng: chữa mủi đỏ.

### *Bài Bạch phàn tán (Chứng trị chuẩn thẳng)*

Bạch phàn	20g	Dại hoàng	0,4g
Cam thảo	20g		

Tán bột, cho vào vải mỏng đắp vết thương.

Tác dụng: chữa phụ nữ sưng đau âm hộ.

### *Bài Bạch phàn tán (Chứng trị chuẩn thẳng)*

Bạch phàn	40g	Hoàng liên	40g
Hỗn phần	40g	Xà sàng tử	30g
Hùng hổ hoàng	40g	Lưu huỳnh	40g

Tán bột, hòa dầu mè bôi.

Tác dụng: chữa mụn nhọt hói bên má.

### *Bài Bạch phàn hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)*

Bạch phàn	40g	Nam tinh	80g
Bạch phạ tử	40g	Bản hạ	40g

Tán bột, dùng nước cốt gừng tươi, bỏ nếp trộn bột làm viên. Ngày uống 2 lần, mỗi lần 4g với nước bạc hà.

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ ho có đờm, tâm thần không yên, thóik.

# BẠCH QUẢ

Tên khoa học: *Ginkgo biloba Lin*

Họ Bạch quả (*Ginkgoaceae*)

**Bộ phận dùng:** quả cây bạch quả. Chọn quả chắc, tròn, trắng ngà, có nhiều bột, không mốc.

**Tính vị, quy kinh:** vị ngọt, đắng, tính bình; vào kinh phế.

**Tác dụng:** liều thấp, tiêu cầm suyễn, sát trùng; thường dùng chữa ho hen, bạch đờm, dài dài, đắp ngoài chữa lở ngứa.

**Chú ý:** không dùng cho bệnh nhân thực tă; dùng nhiều sẽ gây khí ứ úng trệ, trẻ em có thể bị kinh phong, bệnh cam.

**Bảo chế:** bóc vỏ cứng, lấy nhân, bóc vỏ ngoài nhân, sau già nát để dùng.

**Bảo quản:** nơi thoáng khô, gập nồng ẩm bạch quả dễ biến chất.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Nguyên tên là ngân hạnh, là quả giống mận nhưng màu trắng".

**Tính vị:** khi xanh thì đắng, lúc chín thì đắng có chút ngọt, tính ôn hòa.

Dùng bạch quả sống có tác dụng tiêu đờm sát trùng, sạch đờm dài, đun nước tắm để chữa rôm sảy lở ngứa. Bạch quả chín thì bổ khí, ăn phổi, khai ho, giảm đi tiểu.

Sách Sĩ Hùng ghi: "Từ người lớn đến trẻ nhỏ không nên ăn nhiều bạch quả".

## Các bài thuốc có bạch quả

**Bài Bạch quả định suyễn thang (Trung y học khái luận)**

Bạch quả

8g

Hoàng cầm

4g

Tù tử	4g	Cam thảo	4g
Bản hạ	4g	Khoán đông hoa	8g
Ma hoàng	4g	Hạnh nhân	4g
Tang bạch bì	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa suyễn con, nhiệt hao nhiệt đàm, người khát mờn.

#### *Bài Bạch quả diệp tán (Ngô thi gia bí phương)*

Lá bạch quả	12g	Chân chàu	8g
Hàng hoàng	4g	Ngân phẩn	8g

Nghiền chân chàu, hàng hoàng và 10 quả tim của linh ương, giã nát trộn với bột thuốc để bôi vết thương.

Tác dụng: chữa loa lịch.

#### *Bài Dịch hoàng thang (Phó Thanh Chủ)*

Bạch quả	10 quả	Khiếm thực	40g
Xà tiền tử	4g	Sơn được	40g
Hoàng bá	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa hoảng đồi, khí hư vàng nhiều do thấp nhiệt.

#### *Bài Ôn tết hoa tháp thang (Phó Thanh Chủ)*

Bạch quả	10 quả	Sơn được	20g
Biển đậu	12g	Bạch truật	40g
Phục linh	12g	Hạt sen	30g
Ba kích	20g		

Sắc uống trước hành kinh 10 ngày.

Tác dụng: cầm giác lạnh hàn vị trùy hành kinh, đau do hàn thấp.

### Bài Phong thang (Y luộc giải âm)

Bạch quả	2g	Dương quy	2g
Hạnh nhân	2g	Độc hoa	3g
Phòng phong	2g	Bạch truật	1g
Mà hoàng	3g	Thrypticum	2g
Cam thảo	2g	Xuyên khung	2g
Gừng	3 lát	Nhục quế	2g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa trùng phong (phong hàn tà), tay chân mất cảm giác, chảy dài nhiều.

## BẠCH TẬT LÊ

Tên khoa học: *Tribulus terrestris L.*

Họ Tật lê (Zygophyllaceae)

Bộ phận dùng: quả cây tật lê. Chọn quả khô, đập ra trong có những quả nhỏ, chọn loại hình tam giác, màu trắng vàng ngà, vỏ cứng dày, có gai, khô, to chắc, không lẫn tạp chất.

Tinh vị, quy kinh: vị đắng, tính ấm; vào hai kinh: can, phế.

Bảo chế: cho vào chõ đổ 3 giờ, phơi khô, bỏ cối giã hết gai ngâm với rượu 3 giờ, phơi khô. Cũng có thể ngâm nước, loại tạp chất và hạt nồi, sao vàng cho sạch gai, giã giập.

Tác dụng: bình can, trừ phong thấp, hành huyết ở phế. Dùng chữa nhức đầu, mắt đỏ chảy nước, phong ngứa, mất sữa. Không dùng cho người huyết hư, khí yếu.

Bảo quản: nơi khô, kín, giữ hương vị.

## Các bài thuốc có bạch tật lê

### Bài An thần hoan 1 (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch tật lê	40g	Ba kích	40g
Khuynh hoạt	40g	Dài nhán	40g
Thạch xương bồ	40g	Tú thạch	40g
Hoài sơn	40g	Nhục quế	40g
Nhục thung dung	40g	Thạch hộc	40g
Bạch truật	100g	Phá cỗ chi	40g
Phục linh	100g	Tỳ giải	40g

Tân bột làm viên, ngày uống 2 lần, lần uống 10g.

### Bài An thần hoan 2 (Cực phương)

Bạch tật lê	4g	Nhục quế	4g
Phá cỗ chi	4g	Dài nhán	4g
Ba kích	4g	Bạch truật	10g
Hoài sơn	12g	Nhục thung dung	4g
Phục linh	10g	Xuyên ô	4g
Thạch hộc	4g		

Tân bột làm viên, ngày uống 10 - 20g.

Tác dụng: chữa thận hư, răng lung lay, lợi sưng chảy máu.

### Bài Bạch tật lê tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch tật lê	8g	Bạch tiễn bi	8g
Cam thảo	8g	Xích thược	8g
Chi tử nhân	8g	Tú cầm	8g
Tiến bồ	8g	Huyền sâm	8g

Mạch môn	8g	Xuyên đại hoàng	8g
Cát cánh	8g	Phong phong	8g

Tán bớt, lần uống 8g với nước sắc bắc hàn.

Tác dụng: chữa ghẻ ngứa do nhiệt.

#### Bài Bạch tật lê tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch tật lê	8g	Khổ sâm	10g
Phục linh	20g	Phong phong	8g
Nhân sâm	12g	Huyền sâm	10g
Chi xác	12g	Tố tú	12g
Hoàng cầm	12g	Ngô thù	12g
Ô xà tẩy rượu	16g	Chi tử	10g
Cam cúc hoa	10g	Khuynh hoạt	8g
Sa sâm	20g	Ma hoàng	12g

Tán bớt, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa phong ngứa.

#### Bài Bồ chỉ bồ bổ can tán (Trị trường thị y thông)

Bạch tật lê (sao bò gai) 80g			
Xuyên khung	40g	Mộc tặc	40g
Khuynh hoạt	40g	Bạch thược	40g
Thực địa	80g	Dương quy	80g
Hương phụ	80g	Phong phong	40g

Tán bớt, ngày uống 24g, chia làm 2 lần.

Có thể sắc giึง ba lít và đợi táo ba quả lấy nước làm thang uống.

Tác dụng: chữa gấp gió thi chảy nước mắt.

### Bài Chỉ lệ bổ can tan (Ý tống kim giảm)

Bạch tật lê	4g	Bạch thược	4g
Thực địa	8g	Dương quy	8g
Xuyên khung	2g	Phòng phong	4g
Mộc tặc	4g		

Tân bột, uống 16g.

Tác dụng: chữa chứng chảy nước mắt khi gặp gió.

### Bài Chính dương đơn (Đương y đại toàn )

Bạch tật lê	80g	Nhũ hương	80g
Thạch lựu bì	80g	Tè giác	80g
Một dược bò đầu	80g	Hồng hoa	80g
Bạch cương tâm sao	60g	Nhân sâm	120g
Khổ sâm	120g	Cam thảo	20g

Tân bột, ngày uống 40g chia 2 lần.

Tác dụng: chữa huyết phong, hành phong, chuồng phong, hàn mồ phong.

### Bài Chính khí tán (Thẩm thị tân sinh)

Bản hạ khacle	Cát cánh	Bạch chỉ
Tè tử	Trần bì	Dại phác bì
Cam thảo	Hậu phác	Hoắc hương
Bạch tật lê	Bạch truật	

Liều đều 8g. Thêm gừng tươi ba lát, đại táo ba quả, sắc uống.

Tác dụng: chữa thấp uất gây đầy trường khó tiêu.

### Bài Chánh khí tân lang thang (Nghiệm phương)

Bản hạ	Thảo quả	Sát hổ
Mạch môn	Tiền hồ	Quế chi
Xuyên khung	Phục linh	Bạch chỉ
Cam thảo	Trạch tả	Bạch tật lè

Lieu bằng nhau 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa sốt rét có mồi hôi, đau đầu.

### Bài Cố bón hoả tinh hoàn (Chứng trị chuẩn thường)

Bạch tật lè	8g	Cam thảo	6g
Cúc hoa	12g	Phong phong	6g
Mạch môn	20g	Nguu tất	12g
Thạch hộc	12g	Thanh tương tử	6g
Phục linh	20g	Hoài sơn	20g
Thò ty tử	12g	Thiên môn	20g
Hoàng liên	6g	Sinh địa	20g
Thực địa	20g	Linh dương giác	6g
Tè giác	6g	Xuyên khung	6g
Khởi tú	20g		

Tán bột làm viên, ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 12g.

Tác dụng: chữa teo thận kinh thị giác, mắt mờ do âm hư.

### Bài Chỉ lệ bổ cam tán (Trường thị y tông)

Bạch tật lè sao bò gai 80g

Mộc tộc	40g	Khương hoạt	40g
Bạch thưộc	40g	Thực địa	80g

Phòng phong	40g	Dương quy	80g
Hương phụ	80g	Xuyên khung	40g

Tân bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 12g.

Lấy gừng sống ba lát và đại táo 3 quả sắc nước uống.

Tác dụng: chữa chứng gặp gió thì chảy nước mắt.

#### Bài Cố thi gia giảm kỳ các địa hoàng hoàn (Cố tinh viên)

Bạch tật lê	Cửu kỷ	Ngù vị tử
Cam cúc hoa	Thực địa	Phục linh
Mạch môn	Sơn dược	Sơn thù

Liệu bằng nhau đều 12g. Dùng gan lợn già nát làm viên, uống 20g.

Tác dụng: chữa giảm thị lực, tư âm dương huyết, tinh huyết suy, dương can huyết.

#### Bài Đại tiêu phong tán (Đường y đại toàn)

Bạch tật lê	48g	Phòng phong	48g
Một dược	12g	Xạ hương	12g
Khổ sâm	12g	Hoàng cầm	48g
Nhũ hương	12g	Ma hoàng	32g
Đại phong nhục	64g	Hồ ma	48g
Sài hò	48g	Kinh giới	48g

Tân bột, ngày uống 20g, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa các chứng phong.

#### Bài Đào nhân hoàn (Ấu ấu tu trì)

Bạch tật lê	8g	Lợi quy	8g
-------------	----	---------	----

Mẫu đơn bì	8g	Khiên ngưu	8g
Dại hoàng	8g		

Tán bột, ngày uống 4g.

Dùng hành, mộc thông, thanh bì sắc lấy nước uống.

Tác dụng: chữa dịch hoành sưng.

#### Bài Hoàn minh tán (Ấu ấu tu tri)

Bạch tật lê	8g	Thảo quyết minh	8g
Phong phong	8g		

Tán bột, chưng với gan lợn để ăn.

Tác dụng: chữa trẻ bị cảm hụt nhiệt, mất sữa.

#### Bài Kim toái cổ tinh hoàn (Thông hành phương)

Tật lê	80g	Mẫu lỵ	40g
Long cốt	40g	Khoái thực	80g
Liên tu	80g		

Liên tu 80g tán bột để riêng, nấu hổ.

Các vị khác tán bột trộn với bồ liên tử làm viên 1g. Uống ngày 20 viên.

Tác dụng: chữa hoạt tinh.

Bạch tật lê cũng hay có trong các bài thuốc chữa bệnh về mắt.

#### Bài Minh mục lưu khí ấm (Thẩm thi tôn sinh)

Bạch tật lê	Sơn chi	Huyền sâm
Tế tân	Kinh giới	Mạn kinh
Thảo quyết minh	Dại hoàng	Cam thảo

Thương truật	Cúc hoa	Phòng phong
Mộc tặc	Xuyên khung	Hoàng cầm
Liều đều 2g, sắc uống.		

Tác dụng: chữa sưng mắt, lợi khí.

#### Bài Minh mục tật lè hoán (Trung Quốc y học đại từ điển)

Rạch tật lè	64g
Lê tử thạch	10 quả

Hai thứ ngâm chung 1 đêm rồi phơi trong râm. Tân bột, làm viên, uống ngày 12g.

Tác dụng: chữa can thận hư, mắt có màng, giảm thị lực, mắt sưng đỏ cấp, thông lợi thượng tiêu, đau lưng.

#### Bài Tật lè hoán (Thái bình thành huệ phương)

Bạch tật lè (sao sơ)	30g	Khương hoạt	16g
Khổ sâm	16g	Xích linh	16g
Tân cửu	30g	Hoàng cầm	16g
Tế tần	16g	Chi xác (sao vàng)	16g

Tân bột, viên, ngày uống 16g với nước sôi pha mật.

Tác dụng: khu phong, thanh nhiệt, khử thấp, chữa phong thấp nhiệt, ngứa da, ngứa.

#### Bài Tật lè tán (Chứng trị chuẩn thằng)

Tật lè	Cam thảo
Khương hoạt	Phòng phong

Liều bằng nhau 8g, tân bột, ngày uống 8g.

Tác dụng: chữa đậu chẩn.

### Bài Tật lè tần (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch tật lè	Nhân sâm	Cam thảo
Linh dương giác	Huang cầm	Khổ sâm
Xà sàng	Chi xác	Tần cùu
Phong phong	Dương quy	Mã hoàng

Lưu đều 20g, tán bột, uống mỗi lần 20g, uống nóng.

Tác dụng: chữa phụ nữ té ngửa chân tay, mạn nhiệt, tần phiến.

### Bài Tật lè tần (Thẩm thị tần sinh)

Bạch tật lè	20g	Bạch chỉ	10g
Phụ tử	10g	Kinh giới	10g
Thương truật	10g		

Tán bột, mỗi ngày dùng 20g.

Tác dụng: chữa phong nhiệt, tai ử, hoa mắt, uất tử gây lờ ngắt âm đạo.

### Bài Tật lè tần (Thánh tế tổng lực)

Tật lè	30g	Phụ tử chế	30g
Sơn chi	30g		

Tán bột, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa âm sản, đau bụng dưới, tiểu khó, tay chân lạnh.

### Bài Tật lè thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Tật lè sao bò gai	120g
Toan táo nhân	40g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đại tiện táo.

# BẠCH ĐẬU KHẨU

(đậu khấu, viên đậu khấu)

Tên khoa học: *Fructus Amomi cardamomi*  
Họ Giang (Zingiberaceae)

Bộ phận dùng: quả cây đậu khấu. Chọn loại quả giàn chín, quả ở các cây đậu khấu trên 3 năm.

Chế biến: quả hột vế phơi hay sấy khô, bỏ cuống, xông diêm sinh cho vỏ tráng ra. Khi dùng bỏ vỏ lấy hạt.

Tinh vị (của hạt quả): vị cay, tính ấm; vào ba kinh: phổi, tỳ, vị.

Tác dụng: hành khí, ấm vị, tiêu thực, khoan trung, trừ hàn thấp, giải độc rượu.

## Các bài thuốc có bạch đậu khấu

### Bài Cửu vị tề sinh hoàn (Trương thi y thông)

Bạch đậu khấu	14g	Hoàng liên	14g
Nhân sâm	120g	Thần khúc	80g
Phục linh	60g	Quất hồng	80g
Bạch truật	120g	Cam thảo	20g

Tán bột làm viên, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa người cao tuổi tiêu hoả kém.

### Bài Diệp thi nhu hạnh thang (Diệp thiên sĩ)

Bạch đậu khấu	8g	Hương nhu	8g
Hạnh nhân	8g	Thông thảo	8g

Tý qua lạc 8g Hoạt thạch 12g

Sắc uống.

Tác dụng: giải thử nhiệt, thanh lọc.

#### Bài Hương liên hoàn (Cát thí)

Nhục đậu khấu	1 quả	Tử cấm	20g
Kha tử	40g	Mộc hương	40g
Hoàng liên	40g		

Tán bột, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa kiết lỵ.

#### Bài Hương liên hoàn (Mao tiên sinh)

Nhục đậu khấu	20g	Chu sa	4g
Mộc hương	20g	Hoàng liên	4g
Kha tử	20g		

Tán bột, làm viên, ngày uống 10g.

Tác dụng: chữa ỉa chảy, kiết lỵ.

## BÁCH THẢO SƯƠNG (muội nốt)

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Bách thảo sương có tên là tảo yến mồi, là chất nhẹ den cao ở trên chảo hay trên nồi, là thử than bụi hình thành từ nhiều thứ cỏ cây hun đúc thành".

Tính vị: vị cay, tính ôn hàn, tiêu tích kết, khai ra máu.

Sách Bản thảo kinh sơ ghi: "Bách thảo sương chuyên trị thai tiền sản hậu bị huyết xấu, hàng huyết, bạch đái, tiêu ứ, khai đầy".

Sách Bản thảo cương mục ghi: "Bách thảo sương chữa thương hàn, lở ngứa, sốt rét, di lý, sang nhọt, nọc độc trong miệng họng".

## Bài thuốc có bách thảo sương

Bài Khử ứ chí huyết thang (540 bài thuốc đông y)

Bách thảo sương	4g	Ngưu tiết	16g
Huyết dụ	12g	Ngưu tất	12g
Hạn niêm thảo	12g	Chí thực	6g
Đen sâm	12g	Ích mẫu	12g
Uất kim	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: dài mẫu do chấn thương, sỏi đường tiết niệu.

## BẠCH THƯỢC

Tên khoa học: *Paeonia Pall*

Họ Mao lương (*Ranunculaceae*)

Bộ phận dùng: củ cây thuốc được. Chọn thử to bằng ngón tay, dài 10 - 15 cm thịt trắng hồng, ít xơ, loại nhỏ, đen sầm là xấu. Kích thước vỏ màu đỏ đen, nhiều xơ.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, chất, chua; vào ba kinh: tỳ, phế, can.

Tác dụng: thanh can, tư âm, liễm âm khí.

Bảo chế: dùng dao treo vò ngoài, sau ngâm trong một lồng 3 giờ, phơi khô, ngày nắng dùng thái lát mỏng. Tùy yêu cầu điều trị có thể tẩm dấm sao.

Bảo quản: dùng diêm sinh, tránh ẩm mốc.

Sách Y được cứu nguyên ghi: "Bạch thuốc chất đắng, chua, bình tính, chuyên tả can hoà, liễm âm khí, hoà vị, khai đỉ tả, giải

khi nóng, khòi đau nhức. Thường dùng chữa cảm mạo, chữa bệnh ở phổi, điều kinh cho con gái”.

Sách Biệt lục ghi: “Bạch thuật thông thuận huyết mạch, hoà hoãn tạng phủ, tan huyết xấu, đuổi huyết ác, lợi băng quang và ruột già, ruột non, tiêu ung thũng, trừ thời khí, sốt rét, đau bụng, đau lưng”.

Sách Đại minh nhất hoa thư già bản thảo ghi: “Bạch thuật chuyên chữa thai tiền hậu sản, bổ hư lao, nhiễu khí mạch, sảng mắt, chữa phiến nhiệt, nhức đầu, đau bụng giật, tả ra máu, ung tri sưng nhọt”.

Sách Bản thảo cương mục ghi: “Bạch thuật chữa khòi các chứng đì ly, đau bụng, nòng đầu”.

Cách chế tắm với rượu sao thì chỉ bớt khí lạnh. Chữa huyết phèn cho dân bà nên tắm đầm sao, chữa đì ly nặng nên dùng sống.

Thổ sâm: ở Tứ Xuyên, Trung Giang và Cử Hà gọi là xuyên thuộc; thứ sâm xuất tại An Huy, Hào Châu gọi là hão thuộc; thứ sâm xuất tại Triết Giang, Hàng Châu gọi là hàng thuộc. Hảo thuộc và hàng thuộc vị khí giống nhau, còn xuyên thuộc thì màu vàng đà, chất hơi rắn và vị hơi dâng.

## Các bài thuốc có bạch thuật

### Bài An trung thang (Chứng trị chuẩn thang)

Bạch thuật	12g	Ngũ vị	5g
Đại táo	8g	Dương quy	8g
Can địa hoàng	8g	Xuyên khung	8g
Sinh khương	24g	Mạch môn	15g
Cam thảo	12g	Đại mai nhân	14g
Nhân sâm	8g		

Ngày 1 tháng: Đổ 800ml nước + 500ml rượu, nấu cẩn 400ml chia 4 lần uống, ngày 3 lần, đêm 1 lần.

Tác dụng: phòng đẻ non.

#### Bài A giao kê tử hoàng hoàn (Thời kỳ bệnh học)

Bạch thược	12g	A giao	16g
Tử thạch	16g	Kê tử hoàng	1 cái
Thạch quyết minh 12g			

Tán bột sống, mỗi lần 12g.

Tác dụng: an thần trấn kinh, trè sốt cao co giật.

#### Bài A giao hoàng cầm thang (Thông tý thương hàn luận)

Bạch thược sống	4g	A giao	12g
Tang bạch bì	8g	Hoàng cầm	12g
Hạnh nhân ngọt	8g	Cam thảo sống	3g
Mã đỗ tươi	24g		

Lấy 40g gạo nếp đun kỹ lấy nước để sắc thuốc trên.

Tác dụng: thanh huyết nhiệt ở phần dinh, họng ngứa, ho khan, phổi táo, ho mูก (táo nhiệt), ỉa máu (trưởng nhiệt).

#### Bài An thai ấm (Thương hàn bổ yếu)

Bạch thược	4g	Bạch truật	4g
Chích thảo	2g	Nhân sâm	4g
Dương quy	4g	Hoàng kỳ	4g
Thực địa	4g	Tô tử	4g
Xuyên khung	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: dưỡng khí, hoà huyết, an thai.

### Bài An thai ấm (Phù dạo sán nhiều)

Bạch thuya	4g	Sa nhân	2g
Xuyên khung	4g	Đương quy	4g
Bạch truật	4g	Tử tô	4g
Nhân sâm	4g	Hoàng cầm	3g
Sinh địa	4g	Trần bì	4g
Chích thảo	4g	Sinh khương	3 lát

Sắc uống ngày 1 thang.

Tác dụng: chữa thai động không yên, đau lưng, đau bụng ăn ít.

### Bài An thai ấm (Bảo thai thần hiệu)

Bạch thư	8g	Sinh địa	8g
Hoàng cầm	4g	Tô ngạnh	8g
Phúc bì	6g	Xuyên khung	8g
Trần bì	6g	Đương quy	12g
Bạch truật	12g	Chích thảo	6g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa động thai.

### Bài Bạch thuya dược hoán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch thuya	4g	Đương quy	4g
Lộc nhung	4g	Thực địa	4g

Tán bột làm viên, uống ngày 12g với nước sắc a giao.

Tác dụng: chữa lao tâm, tiểu tiện không thông, bụng dưới đau.

### Bài Bạch thuya dược tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch thuya	Lộc giác cao	Can khương
------------	--------------	------------

Long cốt	Thực địa	Màu lè
Quế tâm	Hoàng kỳ	Ô tặc cốt

Tất cả liều bằng nhau 40g, tán bột, mỗi lần uống 8g với rượu pha loãng.

Tác dụng: sau đẻ băng huyết làm máu chảy không cầm.

#### Bài Bạch thuật dược thang (Tăng thị)

Cam thảo sống 8g Trạch tả 20g

Bạch thuật tắm rượu 40g

Nhục quế 4g cho vào sau

Sắc uống nóng.

Tác dụng: chữa sản khí đau bụng, trẻ nhỏ rốn bị sưng.

#### Bài Bảo âm tiễn (Ấu ấu tu tri)

Bạch thuật 8g Hoàng cầm 6g

Cam thảo 4g Thực địa 8g

Hoàng bá 6g Xuyên tạc đoạn 6g

Sinh địa (hay phục linh) 8g

Sơn dược (hay son thủ) 8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phong nhiệt sưng khớp gối, âm hư nội nhiệt, tiểu溲.

#### Bài Bảo mệnh sinh địa tán (Y luỵ giải sâm)

Bạch thuật 40g Hoàng cầm 20g

Thực địa 20g Cửu lý 40g

Cam thảo 20g Hoàng kỳ 40g

Sinh địa	20g	Dịa cốt bì	40g
Thiên môn	20g		

Tân bột, lần uống 12g, ngày uống 2 lần.

Tác dụng: thanh phế thận, chữa ho máu.

#### Bài Bách sinh sô ưu tán (Thẩm thị tên sinh)

Bạch thuyế	6g	Nhũ hương (riêng)	2g
Chí xác	6g	Xuyên khung	6g
Cam thảo	6g	Huyết dư thần (riêng)	3g
Dương quy	6g	Mộc hương	6g

Trữ nhũ hương và huyết dư thần, các vị khác sắc lấy nước, có đặc trộn bột nhũ hương và huyết dư thần làm viên uống.

Tác dụng: chữa có thai nghịch lên khó đẻ.

#### Bài Bạch thuyế dược thang (Ấu ấu ta tri)

Bạch thuyế	4g	Trích tả	3,2g
Quế mồng	1,2g	Cam thảo	1,6g

Sắc uống với nước gừng tươi một lát.

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ bị đau bụng do cảm hàn (thai hàn).

#### Bài Bạch thuyế đương quy thang (Trung Quốc y học đại từ điển)

Bạch thuyế	12g	Dương quy	20g
Sắc uống.			

Tác dụng: bổ huyết, dưỡng huyết.

#### Bài Bạch thuyế thang (Y lược giải Âm)

Xích thuyế	12g	Dương quy	14g
Binh lang	8g	Hoàng liên	8g

Hoàng cầm 12g Cam thảo 4g

Dại hoàng 12g Nhục quế 4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa lỵ cấp do thấp nhiệt.

#### *Bài Bạch thuya thang (Chứng trị chuẩn thẳng)*

Bạch thuya 12g Táo nhân 12g

Ô mai 12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa cảm hàn (cảm khí uất kết làm ra mồ hôi ở nách, họng).

#### *Bài Bát tiên thang (Thẩm thị tân sinh)*

Bạch thuya 8g Sái hồ 8g

Phòng phong 8g Quế chi 8g

Khương hoạt 8g Bán hạ 8g

Dại hoàng 8g Bạch truật 8g

Nhân sâm 8g Trầm bì 4g

Tần cửu 8g Phục linh 8g

Ngưu tất 8g Cam thảo 4g

Xuyên khung 8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa toàn thân té đai, không có cảm giác.

#### *Bài Bát trân hoàn (Lục khoa chuẩn thẳng)*

Bạch thuya 12g Bạch truật sao gạo 12g

Phục linh 8g Cam thảo nướng 2g

Thực địa	12g	Dương quy tẩm rượu	12g
Nhân sâm	8g	Xuyên khung	6g

Tân bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 8g.

Tác dụng: chữa cảm phế hư tổn, khí huyết yếu suy, ăn uống bình thường mà vẫn gầy.

#### Bài Bát trân ích mẫu hoàn (Tế sinh)

Bạch thược	60g	Bạch truật	80g
Cam thảo	80g	Nhân sâm	80g
Dương quy	80g	İch mẫu	80g
Phục linh	80g	Thực địa	80g
Xuyên khung	80g		

Tân bột, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa khí huyết hư; kinh nguyệt không đều, bạch đới.

#### Bài Bát trân thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch thược	8g	Bạch truật	8g
Cam thảo	4g	Xuyên khung	8g
Nhân sâm	4g	Phục linh	8g
Dương quy	8g	Thực địa	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa khí huyết suy nhược.

#### Bài Bát trân thang bối xuyên khung (Lục khoa chuẩn thẳng)

Bài Bát trân các vị bằng nhau 12g, riêng xuyên khung 24g.

Tác dụng: chữa đau đầu, đau nhức thái dương nhưng không mịt không đau là không có ngoại phong.

*Bát trân thang gia cầu dâng, viễn chí, xương bồ* (Lục khoa chuẩn thẳng)

*Bài* Bát trân các vị bằng nhau 8g (trừ cam thảo 4g), thêm viễn chí, xương bồ, cầu dâng cùng mỗi vị 8g.

**Sắc uống.**

Tác dụng: tiết phong khai tâm, hoa đàm, chữa khí huyết hư mè man, không nói được.

*Bài Bát trân thang gia đại dâu, độc hoạt* (Lục khoa chuẩn thẳng)

*Bài* Bát trân thêm đại dâu 8g, độc hoạt 8g.

Tác dụng: bồi bổ khí huyết, chữa trung phong.

*Bài Bát trân thang gia dan bì, sinh địa, cầu dâng* (Lục khoa chuẩn thẳng)

*Bài* Bát trân thêm dan bì, sinh địa, cầu dâng đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa phu nữ sau đẻ bị run, tay chân co quắp, sợ lạnh, phiền khát, bổ khí huyết.

*Bài Bát trân thang gia đào nhân, tô tử, thực mật phượng* (Lục khoa chuẩn thẳng)

Thành phần: bài Bát trân thêm đào nhân 8g, tô tử 8g. Khi sắc thuốc được chất ra bát, cho 2 thìa cà phê thực mật vào uống.

Tác dụng: bổ khí huyết, sán phụ sau đẻ đại tiện bí kết.

*Bài Bát trân thang gia hoắc hương sa nhân, bán hạ, trân bì, sinh khuynh*

*Bài* Bát trân thêm hoắc hương 8g, sa nhân 6g, bán hạ 6g, trân bì 6g, sinh khuynh 4g.

Tác dụng: sán phụ sỏi phiến tảo, tay chân co quắp, sợ lạnh (chứng khé trùng trúu súc).

*Bài Bát trân già mạn kinh tử* (Lục khoa chuẩn thàng)

Bát trân thêm mạn kinh tử 8g.

Tác dụng: chữa sán phụ bì đau đầu do ngoại cảm phong hàn.

*Bài Bát trân thang già nhục quế* (Lục khoa chuẩn thàng)

Bát trân già thêm nhục quế 4g.

Tác dụng: sản hậu đau hông sườn do mất máu quá nhiều.

*Bài Bát trân thang già hoàng kỳ, phu tử, nhục quế, phong phong* (Lục khoa chuẩn thàng)

Thành phần: bài Bát trân thêm hoàng kỳ 8g, phu tử 4g, nhục quế 4g, phong phong 4g.

Sắc uống.

Tác dụng: chữa sản hậu khí huyết hư nhiệt, âm dương đều hụt.

*Bài Bát trân già quế chi hoàng kỳ, a giao* (Lục khoa chuẩn thàng)

Tác dụng: chữa sản hậu gần cơ có quắp đau nhức.

*Bài Bát trân thang già trúc diệp, thạch cao, hoa phấn* (Lục khoa chuẩn thàng)

Liều bằng nhau 12g, trừ thạch cao 24g, thiên hoa phấn 20g.

Tác dụng: chữa sản hậu trung phong hàn nhiệt.

*Bài Bát trân tưu* (Vạn bệnh hồi xuân)

Bạch thược Phấn thảo Sinh địa

Bạch truật Phục linh Táo dò bồ hòn

Dương quy Hạnh đào nhân

Nga già bì rùa rượu

Liệu bằng nhau đều 12g, ngâm rượu uống.

Tác dụng: bồi dưỡng khí huyết.

#### Bài Bình can khai uất chi huyết thông (Phó Thành Chủ)

Bạch thược (tẩm dấm sao) 40g	Sài hồ	4g
Kinh giới sao cháy	Dan bì	12g
Tam thất cản	Cam thảo	8g
Bạch truật tẩm đất sao	Sinh địa	12g
Dương quy sao rượu	12g	

Tác dụng: chữa băng huyết do uất kết.

#### Bài Bình can khí hoả can huyết phong (Hiệu phòng tan phong)

Bạch thược	8g	Dan bì 4 (tẩm rượu)	
Dan sâm	6g	Dương quy	8g
Ngô thù	4g	Quế mèng	48g
Sơn thù	4g	Táo nhân sống	4g
Thực địa	8g	Sinh địa	12g
Ngô thù tẩm hoàng liên sao		Sài hồ	6g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa âm hư, huyết hư, đau mạn sùn khô thở, đầu chóng, mắt mờ do phong nhiệt bế tắc, tổn thương can kinh.

#### Bài Bình can phục tinh thông (Thiên gia diệu phong)

Bạch thược	9g	Uất kim	9g
Bột linh dương giác	0,6g	Chi thực	6g
Đàm nam tinh	3g	Chân châu mẫu	12g
Thiên trúc hoàng	9g	Cúc hoa	18g

Thạch xương bồ 9g Câu đằng 15g

Thạch quyết minh 12g

Sắc thạch quyết minh với chân chàm mầu trước rồi cho các vị khác vào sắc tiếp (bột linh dương để riêng). Khi sắc thuốc được, cho bột đó vào rồi uống.

Tác dụng: bình can, tiêm dương, khu phong, hoả damp, khai khíếu, tinh thần (chán thường số náo).

#### Bài Bình phục ấm (Thiên gia diệu phương)

Bạch thuật	20g	Còn bồ	25g
Dương quy	15g	Hương phụ	15g
Hạ khô thảo	25g	Hải tảo	25g
Uất kim	15g	Mẫu lệ sống	20g
Sài hô	15g		

Sắc uống.

Tác dụng: sơ can giải uất, dưỡng huyết, chữa cường tuyến giáp.

#### Bài Bình vị địa du thang (Y lược giải âm)

Bạch thuật	8g	Bạch truật	8g
Can khương	4g	Cát cẩn	12g
Chích thảo	4g	Đẳng sâm	12g
Sinh khương	3 lát	Thần khốc	8g
Tháng ma	8g	Hương phụ	8g
Trần bì	8g	Hậu phác	8g
Địa du	8g	Dương quy	12g
Thương truật	12g	Phục linh	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa hàn tà gây tiêu mầu.

### Bài Bình vị khuynh đào thang (Toàn Quốc danh y nghiệm án)

Bạch thược sống	8g	Dạ dày trắc điệp	12g
Hậu phác	12g	Thạch cao	12g
Phục linh	16g	Sinh địa	12g
Thiên hoa phấn	12g	Tri mẫu	8g
Thạch hộc	12g	Mạch môn	16g

Sắc uống.

Tác dụng: thanh nhiệt giáng hoả, lợi thuỷ, sinh tân, chữa ôn nhiệt.

### Bài Bổ hoạt tử vật thang (Y tông kim giám)

Bạch thược sao	8g	Bồ hoàng	12g
Địa hoàng khô	8g	Dương quy	6g
Hoạt thạch phi	12g	Ý dĩ nhán sao	12g
Xuyên khung	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: thanh nhiệt lợi thủy, chữa trước hoặc sau kỳ kinh có khí hư nhiều, có biểu hiện thấp nhiệt.

### Bài Bổ thủy ninh thần thang (Thẩm thị dạo hàm - Nhân khoa)

Bạch thược	6g	Sinh địa	8g
Phục thần	6g	Thực địa	8g
Dương quy	6g	Cam thảo	2g

Sắc uống.

Tác dụng: sáng mắt.

### Bài Bổ thiện đại tạo hoán (Y học tân ngữ)

Bạch thược	60g	Quy báu	32g
Đương quy	60g	Hà sa	1cái
Phục linh	tẩm sùa 60g	Cửu kỳ tử	60g
Thực địa	160g	Lạc giác	64g
Bạch truật	120g	Sơn dược	60g
Viễn chí	60g	Táo nhân	60g

Lạc giác, quy báu nấu thành cao, các vị khác tán bột mịn làm viên 10g, ngày uống 2-3 lần.

Tác dụng: chữa âm hư nội nhiệt, bổ ngũ tạng hư lao.

### Bài Bổ thuỷ tì sinh phutong (Biện chứng kỹ vẫn)

Bạch thược	12g	Huyền sâm	20g
Thực địa	20g	Trúc nhụ	12g
Sâm hố	12g	Mạch môn	12g
Phục linh	8g	Thần khúc	12g
Sơn thù	12g	Sơn dược	12g

Sắc uống.

Tác dụng: tả khí kinh thiếu dương, chữa biểu hiện ngực sườn đầy tức, nôn mửa miệng đắng.

### Bài Bổ trung hoán (Dư sú sú chọn phutong)

Bạch thược	20g	Trần bì	20g
Hoàng kỳ	20g	Địa hoàng	40g
Đương quy	20g	Bạch truật	40g
Xuyên khung	20g	Nhân sâm	20g

Tán bột, làm viên nguy uống 20 - 30g.

Tác dụng: chữa phu nữ hư phèn.

#### Bài Bình Anh phúc phương (Thiên gia diệu phương)

Bạch thược	9g	Bối mẫu	9g
Dan bì	8g	Dương quy	9g
Huyền sâm	12g	Long mẫu sống	16g
Sinh địa	9g	Sơn thù	9g
Tam lăng	6g	Trần bì	9g
Hạ khô thảo	15g	Phục linh	9g
Nga truật	6g	Ngoà lăng tử	6g
Thanh bì	9g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa can thận âm hư, can dương vượng, tiềm dương, hoà đầm, tiêu bướu (tăng năng tuyển giàp).

#### Bài Bảo tinh thang (Thẩm thị tôn sinh)

Bạch thược	Mạch môn	Dương quy
Hoàng nghiệt	Mẫu lệ	Sơn chi tử
Thù du nhục	Xuyên khung	Tri mẫu
Gừng đốt thành than		Sinh địa

Loại bằng nhau đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa âm hư.

#### Bài Bảo yếu bách bộ tử quân thang (Mộng trung giác độ)

Địa hoàng	8g	Dương quy	12g
Sơn dược	6g	Thuộc dược	4g

### Sắc uống

(Là bài Tứ vật bò xuyên khung (thêm sơn dược).

Tác dụng: điều hoà khí huyết, chữa mạn đậu.

### Bài Bát trân thang (Chứng trị chuẩn thằng)

Bạch thược	8g	Thục địa	8g
Xuyên khung	8g	Cam thảo	4g
Dương quy	8g	Bạch truật	8g
Phục linh	8g	Nhân sâm	8g

### Sắc uống

Tác dụng: bồi bổ khí huyết, chữa cơ thể suy nhược.

Trong Lục khoa chuẩn thằng gọi là bài Bát vật luồng bồ thang, liều mỗi vị 4g, xuyên khung 3g.

Tác dụng: bổ âm dương khí huyết, chữa trẻ nhỏ lèn đậu chẩn.

### Bài Chỉ khát tử vật thang (Thẩm thị tôn sinh)

Bạch thược	8g	Tri mẫu	8g
Phục linh	8g	Hoàng bá	8g
Hoàng kỳ	8g	Dương quy	8g
Xuyên khung	8g	Thục địa	12g

### Sắc uống

Tác dụng: chữa phụ nữ sau sinh bị tiêu khát.

### Bài Chuyển khí thang (Phò Thanh Chủ)

Bạch thược	20g	Bạch truật	12g
Dương quy	20g	Khiết thực	12g
Nhân sâm	12g	Phà cổ chí	4g

Sơn được sao	20g	Sơn thù	12g
Thực địa	40g	Sài bồ	12g
Phục linh	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đờ xong can thận hư gây phu.

#### Bài Chuồng dê lao thang (Thẩm thị tân sinh)

Bạch thược	8g	Quy báu	20g
Liền tâm	12g	Dại tảo	3 quả
Trần bì	4g	Dâng sâm	8g
Mạch môn	8g	Dan bì	4g
Ngù vị tử	10 hạt	Ý dĩ	12g
Chích thảo	4g	Sinh địa	16g

Sắc uống.

Tác dụng: dưỡng âm, bổ phế, chữa họng khô ho khan, ít đờm.

#### Bài Cố bán dương lao thang (Dương y đại toàn)

Bạch thược	4g	Cam thảo	2g
Hoki sơn	4g	Mẫu đơn bì	4g
Ngù vị	4g	Nhục quế	2g
Dương quy	4g	Hoàng kỳ tắm mặt	4g
Nhân sâm	4g	Bạch truật	4g
Xuyên khung	4g	Thực địa	4g
Sơn thù	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa khí huyết hư, tỳ vị yếu.

### Bài Cố bão thang (Thẩm thị tôn sinh)

Bạch thược	12g	Tang phiêu tiêu	8g
Phục thần	8g	Sung uỷ tử	8g
Hoàng kỳ chế rượu	12g	Thù du nhục	12g
Dương quy sao rượu	8g	Sa uyển tật lê	12g
Thăng ma	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phụ nữ sau đẻ thiếu sữa.

Có tài liệu ghi thêm quy bản.

### Bài Cố huyết thang (Thẩm thị tôn sinh)

Bạch thược	8g	Thực địa	12g
Tang bạch bì	8g	Dương quy	12g
Hoàng bá	8g	Chử bạch bì	8g
Xuyên khung	6g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa suyễn cấp.

### Bài Cố hạ hoán (Trương Tử Hòa)

Bạch thược	20g	Hoàng bá sao	8g
Lương khương	12g	Vụ di	60g

Tán bột làm viên, ngày uống 2 viên.

Tác dụng: chữa huyết hư, xích bạch đái.

### Bài Hồi ứ chi thống thang (Thiền già diệu phượng)

Xích thược	9g	Dan sâm	9g
Hồng hoa	9g	Dào nhân	9g

Tam thất 6g Dương quy 10g

Xuyên khung 9g

Sắc uống.

Tác dụng: hoạt huyết hoá ứ, chữa xuất huyết não.

#### *Bài Hoạt lạc tử vật thang (Khòn hoà thái chán)*

Bạch thược 8g Hồng hoa 4g

Xuyên khung 4g Dương quy 16g

Dàu nhân 4g Thực địa 8g

Trắc lịch 6g

Sắc uống với nước gừng.

Tác dụng: chữa bấn thần bất toại.

Dây cũng là bài Nguyên nhung già trắc bạch.

#### *Bài Khí quyết thang (Biện chứng kỳ vân)*

Bạch thược 40g Phụ tử 4g

Nhân sâm 14g Sát bò 14g

Dương quy 20g Cam thảo 8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa chứng quyết, chân tay lạnh.

#### *Bài Khử phong thang lạc phật phương (Thiền già diệu phương)*

Bạch thược 12g Cát cánh 7,5g

Cửu dâng 30g Hoàng kỳ sống 15g

Dan sâm 15g Dương quy 12g

Sinh địa	15g	Tật lè	10g
Huyền sâm	12g	Ngo cỏng	4 con
Toàn yết	3g	Cúc hoa	10g
Kích thước	12g	Cương tần	4,5g
Trí bá	10g		

Sắc uống.

Tác dụng: khử phong hoả damp, thông lạc, dưỡng huyết, bình can (não mất myelin).

#### Bài Kinh hoàn (Phụ nhân đại toàn hương phương)

Bạch thược sao	120g	Hương phụ	45g
Hoàng cầm sao	80g	Bạch mao cẩn sao	45g
Hoàng bá sao cháy	120g	Bồ kết nướng	16g

Tân bột, dùng rượu và bột lúa mạch làm viên, ngày uống 12g lúc đói.

Tác dụng: tư âm hư hoả vuông, kinh nhiễu, máu tím đen, bạch đái.

#### Bài Yếu tuyết thang (Bách nhất tuyển phương)

Bạch thược	8g	Quất bi	8g
Hậu phác	16g	Thương traật	20g
Dương quy	8g	Cam thảo	8g
Xuyên khung	8g	Cát cẩn	8g
Phòng phong	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ngoại cảm phong hàn thấp, biểu chứng chưa giải.

# BẠCH TRUẬT

Tên khoa học: *Astracalis avata* Thunb  
Họ Cúc (Compositae)

Bộ phận dùng: củ cây bạch truật. Chọn loại củ cứng chắc, có mùi thơm nhẹ, bỏ ra trong ruột màu trắng ngà, loại tốt nhất còn có tên là cống truật hay ủ truật.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, đắng, tính ấm; vào hai kinh: tỳ, vị.

Tác dụng: ích khí, kiện tỳ, trừ thấp nhiệt, sinh tân.

Cách bào chế: củ rửa sạch, ngâm rượu 16 giờ, ô từ 12 đến 24 giờ tùy mùa (mùa nóng ủ ngắn) thái lát dày khoảng 3mm, dùng cầm sao cho bốc khói rồi bỏ bạch truật vào sao cho vàng (1kg truật + 100g cầm), sau sifting bỏ cầm.

Cũng có thể lấy đất lồng bếp sao cho nóng, sau cho bạch truật vào đúc cho đất dính đều vào thuốc, sifting bỏ đất.

Cũng có thể thái mỏng, tẩm mật sao vàng, có một số sách ghi tẩm hoàng thổ sao chín.

Bảo quản: để nơi khô, dry kín tránh mốc mọt, có thể sấy qua điem sinh để bảo quản.

Sách Y dược cầu nguyên ghi: "Bạch truật chất ngọt, tính ôn hoà, chuyên bổ tỳ, trừ thấp, ích khí sinh huyết".

Sách Bản kinh ghi: "Bạch truật tiêu cầm, khôi ra mồ hôi, trừ phong hàn, té thấp".

Sách Biệt Lục ghi: "Bạch truật kiện vị, chống dài, chữa phong say mất mũi và thân thể, nhức đầu, chống mặt, tiêu đờm, khôi phủ thũng, đầy bụng".

Sách Chân chửu nang ghi: "Bạch truật bổ dương, ích khí hoà trung, tiêu đờm, khôi tả ly, tiêu thấp thống, trừ khí nóng hầm vi vào bì phu. Dùng với hoàng cầm: an thai, thanh nhiệt".

Sách Bản thảo cứu chẩn ghi: "Bạch truật là vị thuốc số một bổ tỳ vị, chống tiêu cầm. Không có mồ hôi thì ra mồ hôi, có mồ hôi thì thu hầm, tiêu đờm khỏi thông, an thai".

## Các bài thuốc có bạch truật

### Bài Bạch truật an vị tán (Vệ sinh bảo giâm)

Bạch truật	40g	Phục linh	40g
Ô mai nhục	40g	Xa tiền tử	40g
Ngũ mè xác	120g	Ngũ vị tử	20g

Tân bột, ngày uống 16g với nước nóng.

Tác dụng: chữa trẻ ỉa chảy và kiết lỵ.

### Bài Bạch truật ấm (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch chỉ	40g	Bạch truật	20g
Gừng tươi	3 lát	Phòng phong	14g
Cam cúc hoa	20g	Nhân sâm	14g

Hỗn phác bỏ vỏ nướng với gừng 20g

Sắc uống nóng.

Tác dụng: chữa phong tà ở vị, đau xây xẩm, nôn.

### Bài Bạch truật bán hạ thiên ma thang (Trung Quốc y học đại từ điển)

Bạch truật	4g	Thiên ma	2g
Bán hạ	6g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đờm nghịch, đau đầu, mất hoa, hối hộp.

### Bài Bạch truật cao (Mộng trung giác đậu)

Bạch truật ngâm nước gạo nếp một đêm sau hấp cơm, phơi khô lại ngâm hấp 3 - 4 lần, cuối cùng sao vàng, sắc đặc có thành cao.

Tác dụng: bổ khí trung tiêu, kiện tỳ vị, trị ra mồ hôi.

### Bài Bạch truật khổ sâm thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch truật	4g	Thú niêm tử	4g
Kha tử	4g	Ô được	4g
Bạch thươn	4g	Hậu phác	4g
Khổ sâm	4g	Sài hô	4g
Tù thảo	4g	Trần bì	4g
Tân lang	4g	Sa nhân	4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ lèn đậu, không bú được.

### Bài Bạch truật điều huyết tán (Mộng trung giác đậu)

Bạch truật	8g	Liền nhục	6g
Sơn dược	12g	Ý dĩ	8g
Biển đậu	4g	Nhân sâm	12g
Cam thảo	4g	Phục linh	8g
Cát cánh	4g	Sa nhân	8g

Tán bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 6 - 8g với nước giึง, táo.

Tác dụng: chữa vị hư, ăn kém, ỉa chảy.

### Bài Bạch truật ngũ vị thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch truật	20g	Té tần	4g
Nhân sâm	20g	Gừng	3 lát

Ngũ vị 20g Khoán đồng hoa 20g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ho suyễn.

#### Bài Bạch truật ngưu tất thang gia giảm (540 bài thuốc đông y)

Bạch truật 12g Hoài sơn 12g

Hà thủ ô 12g Tục đoạn 6g

Bà kích 6g Ké huyết dâng 12g

Dâng sâm 16g Ngưu tất 12g

Sắc uống.

Tác dụng: bổ khí huyết cho người tráng phong bại liệt.

#### Bài Bạch truật phòng phong thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch truật 14g Phòng phong 8g

Hoàng kỳ 14g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa người ra mồ hôi nhiều do khí bị thương hàn đờn giải biểu nhiều. Nếu bột hoàng kỳ rây tân bột gọi là Ngọc bình phong tán.

#### Bài Bạch truật phụ tử thang (Kim quỹ yến lược) - Bạch phụ tử thang

Bạch truật 16g Sinh khương 12g

Cam thảo 8g Đại táo 12 quả

Phụ tử chổ bò và 6g

Cho 800 ml sắc cạn còn 400ml, chia 3 lần uống trong ngày.

Tác dụng: đau nhặng sưng, chóng mặt, ăn không ngon.

### Bài Bạch truật phu tử thang (Lý Đông Viên)

Bạch truật	20g	Hỗn phác chế gừng	4g
Thương truật	12g	Trần bì	4g
Trạch tả	4g	Phụ tử chế bồ vò	4g
Trụ linh	8g	Phục linh	4g
Bản hạ	4g	Nhục quế	6g
Gừng tươi	3 lát		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa hàn khi gây dày trường bụng, chán ăn không đặt xuống đất được, hoang tưởng.

### Bài Bạch truật tán (Mộng trung giác đàu)

Bạch truật	40g	Sinh khương	20g
Phúc bì	20g	Trần bì	20g

Tán bột, mỗi lần uống 8g, ngày uống 2 lần.

Tác dụng: chữa khí huyết hư khi có thai, phù mặt.

### Bài Bạch truật tán (Kim quỹ yếu lược)

Bạch truật	8g	Xuyên khung	8g
Mẫu lệ	8g	Xuyên tiêu	8g

Tán bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 8g.

Tác dụng: chữa phụ nữ có thai béo phì, hàn làm động thai.

### Bài Bạch truật tán (Y phương ca quát)

Bạch truật	8g	Cam thảo	2g
Bạch linh	4g	Hoắc hương	4g
Cát cẩn	2g	Mộc hương	4g

Tan bột, nhồi viên 2 kg

Tác dụng: chữa trẻ con ỉa chảy.

Bài Bach trút tên vĩ (Tiểu nhi được chứng trực)

Bạch truật	16g	Hỗn hương	16g
Bạch linh	16g	Nhân sâm	8g
Mộc hương	6g	Cam thảo	4g
Cát cẩn	16g		

Tán bột, mỗi lần uống 10g

Tác dụng: trẻ bị tý vị hư hàn, nôn mửa ỉa chảy, miệng họng khô khát, ăn không tiêu.

#### Bài Bach truyết tên (Tên sinh chí mới)

Bạch truật 30g Phục linh 16g  
Đại phổi bì 18g Sinh khương 16g

Tập bút mài lăn uống 4g, ngày 2 - 3 lần hoặc mài nước uống lúc đói.

Tác dụng chữa phong濕 có thể phổ biến.

Sách Chứng tri chuẩn thông ghi là "Toàn sinh bách truktán".

#### Bài Bach trứa tôm (Phụ phẩm đại tuân hương phương)

Lưu ý: Hỗn hợp phun, tưới bón mỗi lần用量 10g, ngày uống 2 lần.

Tác dụng chữa phu nữ thường hàn động thai không yên.

#### Bau-Bach-Festkonzert (X-Jahrzehnt)

Bạch truật	8g	Phỏng phong	4g
Chích thảo	4g	Hoàng kỳ	8g
Quí tâm	2g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phong đòn gánh do sốt cao (uốn ván).

### Bài Bạch truật thăng ma thang (Chứng trị chuẩn thằng)

Bạch truật	8g	Hoàng kỳ	8g
Hoàng cầm	4g	Thăng ma	4g
Cam cát	2g	Cam thảo	2g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa vị khí hàn, bụng đầy khó tiêu, sa dạ dày.

### Bài Bạch truật thang (Chứng trị chuẩn thằng)

Bạch truật	30g	Chi thục	7 trái
------------	-----	----------	--------

Cho 500ml sắc còn 300ml chia 3 lần uống.

Tác dụng: chữa thuỷ ẩm dưới vùng tim đầy như cái chén.

### Bài Bạch truật thang (Thánh tế tổng lục)

Bạch truật	12g	Cam thảo	4g
Nhân sâm	12g	Phục linh	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa khí bị hư tổn.

Sách Cục phương gọi đây là Tứ quán tử thang.

### Bài Bạch truật tán (Tế sinh)

Bạch truật	30g	Hậu phác	30g
Nhạc khuestra	30g	Quất bi	30g
Bào hương	30g	Mạch nha	30g
Mộc hương	30g	Chích thảo	16g
Nhân sâm	30g		

Tân bột, mỗi lần uống 12g

Tác dụng: chữa tỳ vị hư hàn, nôn mửa, chán ăn, bụng đau, ỉa chảy, ngực đầy, tinh thần không thoải mái.

#### Bài Bạch truật thuốc được thang (Chứng trị chuẩn thằng)

Bạch truật	8g	Thuya: được sào	8g
Chích thảo	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thấp tà ở nhiệt gây ỉa chảy, đầy bụng, chán ăn, phân sống.

#### Bài Bạch truật tiễn (Nghiệm phương)

Cần khương	12g	Nhục quế	40g
Dòng truật	40g	Trần bì	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa bụng đầy trưởng, người yếu, tăng hàn, bị cảm hàn hay dùng nhầm thuốc bổ làm thuốc tiêu.

#### Bài Bồ nguyễn tiễn (Y lược giải âm)

Bạch truật	8g	Cam thảo	4g
Khiết thực	8g	Phục linh	4g
Kim anh	8g	Ngũ vị	8g
Sơn thù	8g	Toan táo nhân	8g
Viễn chí	4g	Sa sâm	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa di tinh, bạch trọc.

#### Bài Bồ tinh hoán

Bạch truật	8g	Liên nhục tử	16g
------------	----	--------------	-----

Xà tiền	12g	Phục linh	8g
Phục thán	8g	Khiết thực	16g
Hoài sơn	14g	Mẫu lệ	6g
Hoàng bá	12g	Lai tu	6g

Tân bột, dùng kim anh nấu cao, làm viên 12g, mỗi lần uống 2 viên, ngày uống 2 lần.

Tác dụng: lý tý, hòa thấp, cố tinh, chữa di mộng tinh.

#### Bài Bồ truyền bão an tân (Ấu ấu tu tri)

Bạch truật	120g	Bạch khẩu	20g
Hoắc hương	20g	Cam thảo	10g
Nhục đậu khấu	20g	Hoàng liên	20g
Phục linh	40g	Ích chi nhân	20g
Thần khúc	40g	Tam lăng	20g
Sa nhân	20g	Chi thực	60g
Mạch môn	20g	Binh lang	40g
Nhân sâm	60g	Trần bì	10g
Dinh lịch	20g	Hậu phác	40g
Sù quắn	40g	Mộc hương	10g
Nga truật	10g	Thương truật	80g

Tân bột, ngày uống 20g với nước cam

Tác dụng: chữa trẻ bị cam, bụng to, gầy còm.

#### Bài Bình suynh khử hàn tân (Trung Quốc y học đại từ điển)

Bạch truật	Nhân sâm	Ngò thù
Nhục quế	Mạch môn	

Lieu bàng nhau đều 12g, tán bột ngày uống 12g

Tác dụng: chữa cảm hàn, hàn suyễn.

#### Bài Bổ thiên đại tào hoàn (Bát hoa y kinh)

Bạch truật	120g	Cửu kỳ	160g
Đương quy	160g	Nhân sâm	80g
Lộc giác	640g	Quy bản	320g
Hoa hòe	160g	Táo nhân	160g
Phục linh	160g	Tử hà sa	1 cát
Hoàng kỳ nướng mịt 120g			

Nếu lộc giác và quy bản thành cao, các vị khác tán bột rồi hòa vào, luyện mật làm viên 10g. Ngày uống 2 - 3 viên.

Tác dụng: bổ ngũ tạng hư lao, suy nhược cơ thể.

#### Bài Bổ trung đường huỷết thư cẩn phatter (Tầm đắc thán phatter)

Bạch thược	8g	Quế chi	2g
Ngưu tất	8g	Đỗ trọng	8g
Thục địa	10g	Đương quy	8g
Nhân sâm	12g	Bạch truật	12g
Tần giao	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa chân tay đau nhức, đau ngực bụng do tà khí trống lý.

#### Bài Bổ trung địa hoàng thang (Thẩm thị tần sinh)

Bạch truật	Trần bì	Nhân sâm
Mẫu đơn	Thắng ma	Sơn thù

Tác dụng: chữa tích lao, do lao phổi gây tích tràng.

#### Bài Cố chân hàng (Nghiêm phong)

Bạch truật	8g	Cam thảo	4g
Hoàng liên	4g	Nhân sâm	8g
Nhục quế	4g	Phụ tử nướng	4g
Phục linh	4g	Sơn dược	8g

### **Sic ufer.**

### The dung: An hổ hởi dung

#### Bài Cốm Hải sản sinh thang (Phó Thành Chủ)

Bạch truật sào	20g	Dương quy	20g
Hoàng kỳ sống	40g	Tam thất	12g
Nhân sâm	40g	Thục địa	40g
Kinh giới tuệ sào	đen 8g		

### **Building**

Tác dụng bổ tinh khí, chữa phu nữ sau giao hợp đau rát.

#### Bài Cố khai thông (Phi Thành Chi)

Bạch truật	20g	Cam thảo	4g
Dô trọng	12g	Nhân sâm	40g
Thực địa	20g	Ngũ vị	10 hạt
Sơn thù	8g	Viễn chí	4g
Phục linh	8g	Đương quy	12g

## Sắc uống

Tác dụng: bổ khí huyết, chữa băng huyết.

*Bài Di công tán hay Ngũ vị di công tán là bài Từ quân gia trấn bì (Tiền kinh).*

## BẠCH VI

Tên khoa học: *Cynanchum atratum Bunge*

Họ Thiên lý (Asclepiadaceae)

Bộ phận dùng: rễ cây bạch vi. Chọn loại rễ có chùm nhỏ, rễ sạch, có màu trắng ngà, tránh nhầm với rễ cây bạch tiễn: bạch tiễn rễ trắng hơn và ngọt, giòn, dễ bẻ; bạch vi hơi nâu, mềm, vị đắng mặn.

Tính vị, quy kinh: vị đắng mặn, tính bình; vào kinh vị.

Tác dụng: thanh huyết nhiệt.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Chất đắng, mặn, bình tính, là vị thuốc thanh lương giải nhiệt, tá huyết nhiệt, chưng lậu huyết".

Sách Bản thảo cương mục ghi: "Bạch vi chữa tràng phong nhiệt, sỏng nảy, ngứa nhiều, dài rất, lậu nhiệt, bị thương chảy máu".

Sách Bản thảo kinh sơ ghi: "Bạch vi chữa các chứng thiên thời thành bệnh nhiệt, người mới ốm khỏi âm hư thanh nhiệt tễng phủ, hoặc nhiệt chưa hết mà sinh bệnh".

Bảo chế (theo Y được cầu nguyên): rễ bạch vi rửa sạch, ngâm nước vo gạo một đêm vớt bỏ rễ nhỏ, già nát dỗ chín (3 giờ) phơi khô, có thể rửa sạch, thái nhỏ, tẩm rượu phơi khô.

Bảo quản: dây kín.

## Các bài thuốc có bạch vi

### Bài Bạch vi Hoàn (Thiên kim)

Bạch vi	64g	Dương quy	20g
Phòng phong	60g	Phụ tử chế	60g
Bạch cương thâm	72g	Hậu phác	70g
Bản hạ chí	72g	Ngưu tất	60g
Sa sâm	60g	Tần cừu	20g
Can khương	20g	Nhân sâm	20g
Tế tân	20g	Phục tiêu	60g
Tù uyển	72g		

Tán bột làm viên, mỗi viên 10g, ngày uống 3 - 5 viên.

Tác dụng: chữa kinh nguyệt không lứa do hàn tà bể trong, khí sinh nở.

### Bài Bạch vi hoàn (Chứng trị chuẩn thường)

Bạch vi	40g	Can khương	40g
Mạch môn	60g	Cảo báu	60g
Bạch chỉ	30g	Nhân sâm	30g
Bạch linh	30g	Đào nhân	30g
Phục bồn tử	30g	Quế tẩm	30g
Bạch long cốt	40g	Dương quy	60g
Hoàng bá	30g	Tế tân	60g
Thục địa	40g	Xà sàng tử	20g
Viễn chí	30g	Xa tiễn	20g
Xuyên khung	20g	Xuyên tiêu	40g

Luyễn mật làm viên 10g, uống ngày 6 viên.

Tác dụng: phụ nữ có thai, thượng thực hụt.

#### Bài Bạch vi hoán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch vi	20g	Phổng phong	12g
Thạch lựu bì	12g	Tật lá	12g
Độc hoa	12g		

Tân bột làm viên 12g, mỗi lần uống 2 viên, ngày uống 2 lần.

Tác dụng: chữa tiêu mủ.

#### Bài Bạch vi tán (Thiên kim)

Bạch thuốc		Bạch vi	
Lượng bằng nhau, tân bột ngày uống 12g với rượu nóng.			
Tác dụng: chữa phụ nữ có thai tiểu nhiều do phế nhiệt.			

#### Bài Bạch vi tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch vi	40g	Chích thảo	40g
Tân dì	40g	Toan táo nhân	40g
Chi thực	40g	Qua lầu cùn	40g

Tân bột, ngày uống 12g với nước cháo.

Tác dụng: chữa mụn nhọt, phiến muộn kén ngứ.

#### Bài Bạch vi thang (Thẩm thị tốn sinh)

Bạch vi	40g	Dương quy	40g
Cam thảo	10g	Nhân sâm	20g

Tân bột, ngày uống 10g.

Tác dụng: chữa sau sinh bị uất cầm.

### Bài Bạch vi thang gia vị (Y phương cao quát)

Bạch vi	8g	Phà cổ chí	4g
Cam thảo	4g	Või voi	4g
Quy vị	4g	Dương quy	8g
Nhân sâm	4g		

Sắc uống hoặc tán bột uống, mỗi ngày 1 thang.

Tác dụng: chữa dài máu

## BẢN HẠ

Tên khoa học: *Pinellia ternata* thumb.

Họ Ráy (Araceae)

**Bộ phận dùng:** là củ cây bản hạ. Việt Nam chưa thấy cây bản hạ, mà dùng củ chúc chuột, có tên *Typhonium divaricatum* Decne, cũng họ Ráy.

Loại cây chúc ri *Typhonium* sp lá hình tam giác, ở ta chọn bản hạ củ to bằng ngón tay cái, thịt trắng, không mốc.

Tinh vị, quy kinh: cay, ngọt, tính lạnh (sau bào chế tính ấm không ngọt); vào hai kinh: tỳ, vị.

Tác dụng: tiêu đàm thấp, giáng nghịch, trừ ho có đờm.

Cách bào chế: có nhiều cách:

- 1) Bản hạ 160g + bột bạch giổi từ 80g + dấm thanh 100ml trộn ủ một đêm, sau bóc bản hạ rửa cho hết nhớt, phơi khô.
- 2) Rửa sạch vỏ, đập nước sôi ngâm 7 ngày, mỗi ngày thay nước một lần, phơi tái rồi thái mỏng, tắm nước gừng sấy khô.
- 3) Ngâm nước 7 ngày, ngày nào cũng thay nước, sau ngâm nước vôi trong 7 ngày, rồi sấy nhiệt độ 40 - 50°C cho khô.

- 4) Ngâm nước phèn chua và phèn tiêu theo liều 1kg bún hả dùng 1/2 kg phèn tiêu, 250g phèn, rồi phơi khô.

Nếu là củ chóc: 1 kg chóc + 100g cam thảo + 100g bồ kết, đổ ngập nước, đun cạn, vớt củ thái thấy ruột trong đều là được, còn đùm trắng, cần đun thêm. Hoặc sau khi ngâm nước 3 ngày (thay nước hàng ngày), vớt ngâm nước phèn và gừng trong 24 giờ (1kg chóc + 300g gừng + 50g phèn, đổ ngập nước, đồ không đầy vung, vớt ra thái mỏng, lại tắm nước gừng 1 đêm theo tỷ lệ 1kg chóc + 150g gừng), sau vắt.

Bảo quản: hàng tháng phơi sấy lại một lần tránh mốc mọt, có thể sấy qua diêm sinh (không sấy lâu), nhô để trong lọ kín.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Bún hả chất cay, tính bình thường. Chuyên trị táo thấp, hoa đờm, giáng khí, khôi nôn ợ, nhưng dễ làm người chịu truy thai".

Sách Trường Trọng Cảnh ghi: "Bún hả chuyên chữa đờm suyễn, nôn ợ, đầy bụng, đau bụng, sỏi bụng".

Sách Dược tính bún thảo ghi: "Bún hả chữa vị hàn, nôn ợ".

Theo sách Trần Nhân Sơn ghi: "Chế cần kỹ càng. 10kg bún hả ngâm trong 3 ngày, 3 đêm, mỗi ngày thay nước 1 lần. Sau già 2 kg gừng già sắc lấy nước đặc, ngâm tiếp đến ngày thứ 7, lấy ra chờ đó 6 giờ lại cho nước gừng luộc liên 4 tiếng. Phơi khô cho giảm 30% nước lại cho nước gừng luộc 4 giờ. Vớt phơi khô, thấy bún hả đỏ hồng, xung quanh nổi rộn như men sủa là được".

Thổ sản: sản xuất ở Hồ Bắc, Kinh Châu là tốt. Sản xuất ở Tứ Xuyên, Hồ Nam, An Huy, Vân Nam là thứ hai.

## Các bài thuốc có bún hả

*Bài An vị giáng nghịch pháp (Bình cảm thư ốc y lược)*

Bún hả chế gừng 6g

Nhân sâm

3,2g

Trần bì	2.8g	Trạch tả	6g
Thần khúc	4g	Can khuông sao	1.2g
Phục linh bò lôi	6g	Hoàng bá sao rùa	4g
Thiên ma lùi (nưng)	6g	Mạch nha	6g
Thương traết	6g	Hoàng kỳ sao gừng	6g
Bạch truật tắm nước gạo sao	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: lợi thấp hoà damp, chữa chóng mặt do damp thấp.

#### *Bài Bạch chỉ an thần hoàn (Mộng trung giấc đậm)*

Bản hạ chế	8g	Bạch thược	6g
Ngũ vị	4g	Chích thảo	4g
Phục thần	8g	Dương quy	6g
Quất hồng bì	6g	Nhân sâm	8g
Táo nhân sao đen	8g	Sinh khương	3 lát

Tán bột làm viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa hối hộp, lo sợ không yên.

#### *Bài Bản hạ can khuông tán (Kim quỹ yến lược)*

Bản hạ	Can khuông
--------	------------

Hai vị liều bằng nhau tán bột uống 6g ngày chia 2 lần.

Tác dụng: chữa nôn khan, vị khí nghịch.

#### *Bài Bản hạ chỉ truật hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)*

Bạch truật	80g	Chỉ thực sao	40g
Bản hạ chế gừng	40g		

Tân bột ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa tỳ vị lạnh, khó tiêu, ỉa chảy.

#### Bài Bán hạ đại sài hổ thang (Trương Trọng Cảnh) - Đại sài hổ thang

Bán hạ	12g	Sinh khương	8g
Đại táo	12 quả	Đại hoàng tắm rượu	8g
Thực được	12g	Chi thực	12g
Hoàng cầm	12g	Sài hổ	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thương hàn mổ hôi nhiều không bớt, bụng đầy đột tiện bí, khát nước, nói cảm.

#### Bài Bán hạ giá vị thang (Thiên gia diệu phương)

Bán hạ chế	12g	Lá tía tô	10g
Bách hợp khô	30g	Bạch truật	30g
Hạ khô thảo	10g		

Sắc uống.

Tác dụng: dẫn dương nhập âm, giao thông âm dương, chữa thận kinh suy nhược.

#### Bài Bán hạ hổ phách thang (Kim quý yếu lược)

Bán hạ 12g	Hỗn phách 2g
Tía tô 12g	Phục linh 12g
Gừng sống 3 lát	

Sắc uống.

Tác dụng: lý khí, giáng nghịch, hòa damp táo kết, chữa khí hạch.

Không dùng cho người đậm thấp nặng.

### Bài Bán hạ hàn phác thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bán hạ	4g	Sài hô	1,2g
Cam thảo	1,2g	Hồng hoa	0,1g
Bạch linh	1,2g	Hoàng liên	0,4g
Hoàng cầm	1,2g	Sinh khương	0,4g
Thanh bì	0,8g	Thảo khấu nhân	1,2g
Can khương	0,4g	Kinh tam lăng	1,0g
Còn bò	1,2g	Mộc hương	0,8g
Thần truật	1,2g	Trư linh	1,2g
Ngô thù	0,4g	Tô mộc	0,1g
Thắng ma	1,2g	Hậu phác	2,2g
Dương quy	1,2g	Nhạc quế	1,2g
Quất bì	1,2g	Dào nhân	7 hạt
Trạch tả	1,2g		

Sắc uống.

Tác dụng: lý khí giáng nghịch, hoá đờm, tan kết chủ yếu chữa chứng khí hạch.

### Bài Bán hạ hoán (Nhân trai trực chỉ)

Bán hạ	40g	Tân lang	12g
Hàng hoàng	12g		

Tân bột, mỗi lần uống 4g với nước gừng, ngày uống 2 lần.

Tác dụng: chữa thương phong gây ra đờm, suyễn nghịch, buốt nón.

### Bài Bán hạ hoán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bán hạ sống	40g	Chi xác	40g
Xích phúc linh bò vò	40g		

Tân bột làm viên 4g, ngày uống 2 lần, mỗi lần 2 viên.

Tác dụng: chữa chứng đờm làm phong khí nghịch.

### Bài Bán hạ hoán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bán hạ	120g
Bạch phàn	60g

Tân bột, dùng nước giึง tươi làm viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa ho suyễn, nhiều đờm dài, ải mửa.

### Bài Bán hạ hoán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bán hạ chế nước giึง	0.1g
Hột bồ kết	20g

Tân bột, lấy nước giึง làm viên, ngày uống 12g

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ bị tỳ vị nhợt, không bú được, đờm nhiều.

### Bài Bán hạ ôn phế thang (Hạt tuy)

Bán hạ	4g	Quế tám	2g
Toàn phúc hoa	8g	Xích linh	4g
Cam thảo	4g	Té tần	4g
Cát cánh	8g	Thuốc được	6g
Nhân sâm	8g	Trần bì	4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ho suyễn hư phổi.

*Bài Bán hạ quế chi thang* (Ôn bệnh điêu biến) - *Bán hạ quế cam thang*

Bán hạ	10g	Quế chi	10g
Cam thảo	10g	Gừng	3 lát

Sắc uống.

Tác dụng: chữa tráng hàn, họng đau.

*Bài Bán hạ tả tẩm thang* (Thương hàn luận)

Bán hạ	10g	Đại táo	6 quả
Nhân sâm	8g	Cen khương	6g
Chích thảo	8g	Hoàng cầm	6g
Hoàng liên	6g		

Sắc uống.

Tác dụng: hoà vị giáng nghịch, đau vùng dưới tim, tiêu chảy, buồn nôn, chán ăn, lưỡi nhòn vàng.

*Bài Bán hạ thang* (Thương hàn luận)

Bán hạ sống	Quế chi
Chích thảo	

Lượng bằng nhau đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa thiểu âm chứng, họng đau.

*Bài Bán hạ tán* (Thiền kim)

Bán hạ	120g	Truật mè	200g
Cương tâm	120g	Viễn chí	80g
Toan táo nhân	160g	Hoàng cầm	40g
Sinh địa	200g	Xích lính	80g

Tân bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa tạng phu có thực nhiệt, tinh thần hoảng hốt, tiêu chảy (mùng quái hại tâm; tâm yếu gây tinh thần hoảng hốt).

#### Bài Bán hạ Hoàn (Thiên kim)

Bán hạ	120g	Dương quy	80g
Táo	2 quả	Cam khuynh	40g
A giao	80g	Mạch môn	80g
Ngũ thù	80g		

Tân bột làm viên, ngày uống 16g.

Tác dụng: phụ nữ có thai 9 tháng bị lỵ, đau bụng cấp, đau lưng.

#### Bài Bán hạ tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bán hạ	Bạch truật	Mộc hương
Nhục quế	Phục linh	Chích thảo
Dai phúc bì	Phụ tử	Trần bì
Nhân sâm		

Lượng bằng nhau đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa hư tổn bên trong, cơ thể mệt nhoài, ho, đầy trưởng, đàm ẩm, đại tiện bí.

#### Bài Bán hạ tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bán hạ	100g	Qua lầu nhân	10 trái
Thông bạch	40g	Gừng	3 lát

Tân bột, uống 12g, uống nóng.

Tác dụng: chữa ngực đau, dưới vùng tim có bí khói, doan hơi, phiến muộn, trị ra mồ hôi.

### Bài Bán hạ thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bán hạ	60g	Đào nhân	30g
Dại hoàng	20g	Nhục quế	30g

Tân bột, mỗi lần uống 4g với nước gừng, ngày uống 2 lần.

Tác dụng: chữa thai khô khó sinh.

### Bài Bán hạ truật mè tần (Linh khu kinh)

Bán hạ 5 cấp	(250g)
Truật mè	220g

Tân bột, mỗi ngày uống 20g.

Tác dụng: hoà vị, trừ đờm.

### Bài Bán hạ hoàn (Thẩm thị tôn sinh)

Bán hạ	40g	Hoàng cầm	60g
Thiên nam tinh	40g		

Tân bột hòa nước gừng làm thang, ngày uống 12g

Tác dụng: chữa nhiệt đờm, nắc, ho.

### Bài Bán lulu hoàng hoàn (Cục phuơng)

Bán hạ	120g rửa nước sôi 7 lần, tân bột.
Lulu hoàng	40g tân nhuộm.

Trộn 2 thứ với nước gừng hòa bột nếp vita dù làm viên. Ngày uống 12g với nước gừng tươi.

Tác dụng: ăn trường thông tiện, tả hoả, dùng cho cả người thận dương hư, yếu mệt.

*Bài Bát trân già hoặc hương, sa nhân, bán hạ, trân bì, sinh hương* (Lục khoa chuẩn thàng)

Tùc là bài Bát trân, thêm:

Hoắc hương	8g	Sa nhân	6g
Bán hạ	8g	Sinh hương	4g
Trân bì	6g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa sán hậu tay chân co quắp, sốt, sợ lạnh, phổi táo (chứng khé trùng trúu súc).

*Bài Bình khai hỷ (Trung y Thượng Hải)*

Bán hạ chế	8g	Hỗn phác	12g
Thương traết	12g	Trân bì	4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa táo thấp, hoá đàm, chỉ khái.

*Bài Bí truyền giáng khí thang (Y lược giải âm)*

Bán hạ chế	6g	Dịa cốt bì	8g
Chỉ xác	8g	Trân bì	4g
Cốt toái	8g	Cát cánh	8g
Ngũ gia bì	8g	Sinh hương	3g
Thảo quả	8g	Cam thảo	4g
Kha tú	8g	Tô tử	4g
Sài hô	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa khí nghịch gây khó thở, nôn.

### Bài Bình khai hợp tử (Trung y Thượng Hải)

Bản hạ chế	8g	Trần bì	4g
Thương truật	12g	Hậu phác	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa táo thấp, hoa đàm, chỉ khái.

### Bài Chỉ mè tiêu đàm ấm (Thẩm thị tồn sinh)

Bản hạ	Cát cánh	Hoàng cầm
Qua lầu nhán	Cam thảo	Chí xác
Nam tinh	Trần bì	Phòng phong
Thăng ma	Hoàng liên	Tế tần

Lิều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa đàm ho, suyễn.

### Bài Chỉ mè phục linh hoàn (Huyết chung luận)

Bản hạ chế	12g	Phục linh tẩm sùa	20g
Mang tiêu	12g	Chí xác sao cầm	4g

Tân hột lâm hoàn, mỗi lần uống 6g, ngày 2 lần.

Tác dụng: khu trừ thủy ẩm, chữa đàm lưu kinh lạc gây đau mỏi.

### Bài Chỉ ngược dan (Bút họa y kinh)

Bản hạ khửc (sao gừng)	160g
Thanh bì sao giấm	160g
Thần khửc	80g
Thường son sao rượu	160g
Thảo quả bò vò	160g
Hương phụ sao rượu	160g

Tán bột trộn nước cháo lâm viên, lần uống 8g sáng sớm.

Tác dụng: chữa sốt rét.

#### Bài Chỉ mèo nhí trân thang (Y hược giải âm)

Bản hạ chế	2,8g	Sa nhân	2,8g
Mộc hương	0,8g	Chích thảo	2g
Trầm hương	0,8g	Chiết	4g
Hậu phác	2,8g	Qua lầu	2,8g
Trần bì	2,8g	Phục linh	2,8g
Tô tử	2,8g		

Sắc kỹ thuốc chát ra, mỗi mộc hương vào rồi uống.

Tác dụng: khai đờm ở thượng tiêu.

#### Bài Chánh cốt sao dược phong (540 bài thuốc đồng y)

Bản hạ sống	20g	Thiểm tò	40g
Thảo ô súng	20g	Hỗn tiêu	40g
Nam tinh sống	20g	Xuyên ô súng	20g

Phóp khử tan nhuyễn, hòa rượu, sao, xoa chỗ bị thương.

Tác dụng: giảm đau tại chỗ để nắn khớp lệch.

#### Bài Đại bản hạ thang (Kim quý yếu lược)

Bản hạ	20g	Mật ong	80g
Nhân sâm	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: hòa vị giáng nghịch, cầm nôn, vị khí yếu gây nôn, đại tiện táo.

### *Bài Đại bán hạ thang (Thiên kim)*

Bán hạ	20g	Bạch truật	20g
Sinh khương	60g	Mật ong	20g
Nhân sâm	40g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa nôn mửa, đại tiện bí.

### *Bài Đại bán hạ thang (Thẩm thị tôn sinh)*

Bán hạ	10g	Trần bì	10g
Xích phục linh	10g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa chóng mặt.

### *Bài Đại bán hạ thang (Lực khoa chuẩn thẳng)*

Bạch phục linh	8g	Sinh khương	8g
Bán hạ	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đàm ẩm, tỳ vị không hoá, nôn mửa.

### *Bài Sài hổ bán hạ thang hay bài Bán hạ thường truật thang (Bật tuy)*

Bán hạ	8g	Bạch linh	2,5g
Thàng ma	2g	Cảo báu	2g
Sài hổ	2g	Thường truật	4g
Thần khúc	4g	tẩm nước gừng.	

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đau đầu hoa mắt.

## **BINH LANG** (hạt cau, tần lang)

*Tên khoa học: Areca catechu L.*  
*Họ Dứa (Palmae)*

**Bộ phận dùng:** hạt quả cau, nguồn gốc có hai loại:

Cau trắng còn gọi là sơn bình lang, hạt to hình nón cùt.

Cau rừng là sơn bình lang hạt nhỏ, nhọn và chắc. Tên khác của sơn bình lang là tiêm bình lang.

Cau rừng tốt hơn cau nhà.

**Tính vị, quy kinh:** vị cay đắng chất, tính ôn; vào hai kinh: vị và đại tràng.

**Tác dụng:** hạ khí, hành thuỷ, sát trùng, phái tích, không dùng cho người khí hư hạch, không tích trệ, kỵ lũa.

**Cách bảo chế:** lấy hạt cau ngâm nước ủ mềm, thái mỏng, không sao lửa sẽ làm hỏng thuốc.

**Bảo quản:** chống mốc mọt, có thể xông diệt sinh.

### **Các bài thuốc có bình lang**

#### **Viện y học cổ truyền Việt Nam**

Hạt bí ngọt 2 lượng bóc vỏ ăn lúc đói. Cau 80g sắc 300ml cạn còn 250ml, cho gelatin vào đến khi kết tủa (loại chất tanin) lọc, đun còn 150ml uống sau ăn hạt bí 30 phút, đi đồng vào chậu nước nóng ấm.

#### **Bài Bình lang hoàn (Phó Thanh Chủ)**

Bạch chỉ

Khương hoạt

Hỗn cát	Nhân sâm	Binh lang
Đại hoàng	Hạnh nhân	Khiên ngưu
Mã nhán	Chi xác	

Tất cả lượng bằng nhau 40g (trừ nhân sâm 20g), tán bột làm viên, mỗi lần uống 20g.

Tác dụng: chữa đại tràng thấp nhiệt, bụng trưởng, táo bón.

#### *Bài Bình lang thang (Y học giải âm)*

Bình lang	8g	Ngũ già bì	8g
Mộc qua	6g	Trần bì	4g
Chích thảo	4g	Hương phụ	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa cảm khí xung tâm, thấp tim.

#### *Bài Bình can ẩm tử*

Bình lang	4g	Cát cánh	4g
Chi xác	4g	Mộc hương	4g
Nhân sâm	12g	Phong phong	4g
Cam thảo	2g	Xích thược	8g
Xuyên khung	4g	Quy thận	12g
Quế chi	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ưu phiến buồn bực, khí thũng.

#### *Bài Chi thống hoàn (Thẩm thị tồn sinh)*

Tân lang	20g	Đại hoàng	32g
Xuyên khung	20g	Úc lý nhân	60g

Nhục quế 20g Mộc hương 20g

Tân bột làm viên, ngày uống 10 - 20g.

Tác dụng: chữa đại tiện táo, đau.

#### Bài Khí thống như thán thang (Y tông kim giám)

Thương truật 2,8g Tân cùu 4g

Phong phong 2,8g Trạch tả 1,2g

Dại hoàng 4,6g Hoàng bà 2g

Dương quy tắm rượu 1,2g

Tân lang 0,4g, đào nhân 4g, tạo giác tử 4g; để riêng

Cho 600ml sắc cạn còn 200ml. Cho ba vị để riêng vào sắc tiếp còn 50ml, uống lúc đói.

Tác dụng: giảm đau do huyết ứ, phong thấp.

#### Bài Tân lang ích khí thang (Hội biến)

Tân lang 10g Bạch truật

Nhân sâm 10g Dương quy

Sài hồ 10g Chỉ xác

Cam thảo 10g Trần bì

Liệu bằng nhau 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa chứng quan cách làm khí hư (cảm giác đầy trưởng bụng, khó thở, mệt mỏi) không thông.

#### Bài Tân lang quất bí thang (Thẩm thi tôn sinh)

Tân lang 160g

Quất bí 40g

Tân bột, uống 12g với nước mật ong.

Tác dụng: chữa chứng người cảm thấy rạo rực, ợ chua.

# BỐ HOÀNG (cỏ nến)

Tên khoa học: *Typha orientalis G.A Stuart*  
Họ Xương bồ (Typhaceae)

Bộ phận dùng: nhí đực của hoa.

Chọn loại hoa hình trụ tròn, lấy phần nhí đực ở trên. Nhí đực có màu vàng óng ánh, khi khô nhẹ xốp, không lẫn tạp chất, không chọn loại màu nâu, chỉ dùng nhí đực.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, tính bình; vào ba kinh: can, thận và tâm bao.

Tác dụng: Dùng sống: tan ứ, lợi tiểu.

Dùng chín: thu sáp, chỉ huyết.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Bố hoàng chất ngọt, tính bình".

Sách Bản thảo cương mục ghi: "Bố hoàng mát huyết, khai các chứng đau bụng".

Sách Dược tính bản thảo ghi: "Bố hoàng chữa lỵ máu, chảy máu cam, nôn máu là máu, dài máu, thông tiểu thông kinh, băng huyết".

Bào chế: cần sao kỹ.

## Các bài thuốc có bố hoàng

*Bài Bát vị hắc thán tán (Y học nhập môn)*

Bố hoàng	80g	Can khuong	80g
Chích thảo	80g	Xích thưoc	80g
Quế tâm	80g	Thục địa	80g
Dâu đen	160g		

Tân bột, ngày uống 16g, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa thai chết lưu, đẻ xong nhau không ra.

#### Bài Bổng ngọc tản (Thẩm thị tân sinh)

Bồ hoàng	4g	Hàng phiến	3.2g
Bàng sa	2g	Khô phèn	1g
Bạc hà	6g	Hoàng liên	8g
Cam thảo	2g	Phát tiêu	6g
Thanh đại	2g	Nhân trung bạch	4g
Hoàng nghiệm	4g		

Tân bột, bôi nơi tổn thương.

Tác dụng: chữa mụn nhọt, đơn độc.

#### Bài Bổng linh thang hoàn (Lâm chứng dược điển)

A giao	Bạch truật sào	Bồ hoàng sào đen
Lộc giác xương	Hắc khương	Ngải diệp sào
Thạch lựu bì sào	Xích thạch chi	Hạt sen sào

Liều bằng nhau 12g. Tân bột làm viên 8g, ngày uống 1 đến 2 viên.

Tác dụng: chữa rong kinh, băng huyết.

#### Bài Yết hầu bích ngọc tản (Ngụy dược viện)

Bồ hoàng	Ích tiêu
Cam thảo	Thanh đại

Liều bằng nhau 40g, tân bột, bôi họng hoặc làm viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa thực nhiệt ở tâm phế, họng sưng đau, hôi miệng.

## BĂNG PHIẾN

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Băng phiến gọi là mai phiến, là chất trắng trong như nước đà, chế làm mai hoa phiến, nguyên tên là long não hương (hương não)".

Sách Bản thảo kinh ghi: "Băng phiến chất cay, đắng, tính hơi lạnh, mùi thơm ngọt hay bay, dùng chữa thông khíếu, trừ phong thấp, tai điếc, đau mắt có màng mộng".

Sách Bản thảo cương mục ghi: "Băng phiến chuyên chữa phiến uất, thương hàn, trẻ con lèn đậu, hắc hám, ngạt mũi, đau răng, sưng cổ, đau mảng óc".

Sách Bản thảo cầu chân: "Băng phiến chữa kinh giàn, đậm nhiều menses".

Thổ sản: ở Long Nha, Ba Động là hàng tốt nhất. Cỏ thử băng phiến gọi tên là cỏ khí phiến ở Đức sản xuất rắn và tròn, của Nhật sản xuất chất nổ, chế từ hương não luyện với nước hóa học mà thành; băng phiến này trắng lò mò, ngậm vào miệng thì nóng không tan. Chỉnh băng phiến thì sắc trong đẹp, ngậm vào miệng thấy mát và tan dần.

### Các bài thuốc có băng phiến

#### Bài Băng ngọt tán (Thẩm thị tôn sinh)

Bạc hà diệp	12g	Cam thảo	4g
Bồ hoàng	8g	Thanh đại	4g
Băng phiến	6g	Hoàng liên	12g
Phác tiêu	4g	Khô phàn	2g
Băng sa	4g	Hoàng nghiệt	8g
Nhân trung bạch	8g		

Tán bột, bôi nốt tổn thương.

Tác dụng: trị mụn nhọt, đòn đặc.

#### Bài Băng phiến tán (Bảo thái sú)

Băng phiến	4g	Hoàng liên	8g
Kẽm kim	4g	Khô phàn	4g
Băng sa	20g	Hoàng nghịch	8g
Cam thảo sống	4g	Huyền minh phẩn	8g
Lặc giác sương	40g	Ngũ vị tử	4g
Điệp hoa	8g	Hùng hoàng	8g
Quất hồng bì	6g	Chích thảo	4g
Nhân sâm	8g	Sinh khương	3 lát

Tảo nhân sào dán 8g

Tán bột, làm viên, ngày uống 16g.

Tác dụng: trị hói hộp, lo sẹo, không ăn.

#### Bài Băng qua hàng chè tán (Dịch hắc thiều luận)

Băng phiến	8g	Hàng tinh	4g
Nhân trung bạch	8g	Tây qua sương	8g
Chè sa	16g	Ngưu hoàng	4g

Tán bột, thổi nhiều lần trong ngày.

Tác dụng: trị viêm họng gây lây.

#### Bài Kim nhân độc thánh tán (Dương khoa cương yếu)

Băng phiến	8g
Hạt nhân sào	40g

Tán bột, rắc vết thương.

Tác dụng: chữa vết thương chảy máu.

## BỔ CÔNG ANH (cây mũi mèo)

Tên khoa học: *Lactuca indica L.*

Họ Cúc (Compositae)

Có ba loại bổ công anh:

Hai loại bổ công anh Trung Quốc là: *Taraxacum officinale* Wigg, *Taraxacum mongolicum* Hand Max đều họ cúc và bổ công anh Việt Nam.

Bộ phận dùng: toàn thân lá, bỏ gốc; Trung Quốc dùng cả gốc.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, đắng, tính lạnh; vào ba kinh: vị, đại tràng và tiểu tràng.

Tác dụng: giải độc, tiêu viêm, thanh nhiệt, tan kết.

Cách bảo chế: rửa sạch, cắt ngắn 3 - 5 cm phơi khô, có thể nấu cao, có thể dùng tẩm giấm dấp hoặc vật nước uống chữa mụn nhọt, áp xe vú.

## Các bài thuốc có bổ công anh

### Bài Bổ công anh hợp tử (Thiền gia diệu phương)

Bạch truật	6g	Phục linh	6g
Liên kiều	12g	Bổ công anh	15g
Sinh địa	6g	Hoàng kỳ	15g
Màu lè	6g	Cát cánh	6g
Cam thảo	3g	Tảo nhán	6g

Ngân hoa	12g	Quất hồng	6g
Dương quy	8g	Nhân sâm	5g

Sắc uống.

Tác dụng: thanh nhiệt giải độc, sơ dát uất trệ, nhiễm độc ở phế.

#### Bài Khương Hỗn bổ bắc thang (Nghệêm phutong)

Bồ công anh	20g	Bạc hà	8g
Ngưu bàng tử	12g	Khương hoạt	16g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ngoại cảm sốt rét, viêm nhiễm đường hô hấp, quai bị.

#### Bài Ngân bồ tiêu độc thang (Thiên gia diệu phương)

Bồ công anh	30g	Hương phụ	6g
Đan bì	12g	Kam ngân hoa	20g

Lọc nhát (hoạt thạch + cam thảo) 12g

Sắc uống.

Tác dụng: thanh nhiệt lợi thấp, thông lâm, chữa dài đât buốt.

#### Bài Ngân bồ tiêu độc thang gia vị (Thiên gia diệu phương)

Bồ công anh	Tiểu kẽ	Kim ngân hoa
Đại phúc bì	Đan sâm	Kim tiền thảo
Bạch mao cùn	Phù bình	Hương phụ

Liều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: thanh nhiệt, giải độc lợi thấp, thông lâm.

# BỐI MẪU

Tên khoa học: *Fritillaria roylei* Hook  
Họ Hành tỏi (Liliaceae)

Bộ phận dùng: thân củ (giống củ hành) cây bối mẫu. Bối mẫu củ tròn hơi nhọn đầu, chọn loại trắng, mặng, nhiều bột khi là tốt. Loại có màu đen, nát, vụn là kém.

Tính vị, quy kinh: vị cay, hơi đắng, lạnh; vào hai kinh: tâm và phế.

Tác dụng: thanh hoả, bổ tâm phế.

Không dùng cho người tỳ vị hư hàn, có đàm thấp.

Bảo chế: sao cùng gạo nếp đốn khi gạo nếp vàng, súng bỏ gạo.

Hoặc bỏ lõi tẩm nước gừng sao, tán bột. Khi dùng sắc các vị thuốc khác được, chất ra cho bột bối mẫu vào uống chứ không sắc bối mẫu chung với thuốc khác.

Bảo quản: để nơi khô, trong lọ kín có lót vải sống dưới dày chông mốc mọt.

## Các bài thuốc có bối mẫu

*Bài Bảo sinh hoàn* (Thái bình huệ dân họa tề - Cục phương)

Bối mẫu	Cam thảo
Trí mẫu	Dại hoàng
Hoàng cầm	Nhục quế
Thiên ma	Thạch cao
Dương quy	Thạch hộc

Lieu bằng nhau 40g.

Tán bột làm viên, ngày uống 10g.

Tác dụng: chữa động thai không yên, đẻ khó.

#### Bài Bối mẫu cao (Ấu ấu tu trì)

Xuyên bối mẫu	20g	Bạc hà	8g
Hoàng cầm	20g	Sơn chi	20g
Hạnh nhân	20g	Cam thảo	20g
Quất bi	20g	Bách bộ	12g
Huyền sâm	20g	Chi xác	12g
Thiên hoa phấn	20g		

-Tán bột làm viên 10g, ngày uống 2 lần, mỗi lần 2 viên với nước đạm trực tiếp.

Tác dụng: chữa ho hen do phong nhiệt.

#### Bài Bối mẫu hoàn (Ngọc quyết)

Bối mẫu	20g	Bạch phụ tử	20g
Phục linh	20g	Cam thảo	20g
Thiên nam tinh	20g	Bạch giới tử	20g
Nhân sâm	10g		

Tán bột làm viên, ngày uống 12g với nước sắc bạc hà.

Tác dụng: chữa ho nhiều đờm.

#### Bài Bối mẫu hoàn (Y phương hải hội)

Bối mẫu ngâm đồng tiện 1 ngày (mùa thu hoặc mùa đông ngâm 3 ngày), sau rửa sạch phơi khô, tán nhỏ, trộn đường, uống.

Tác dụng: bổ phổi, chữa ho lâu ngày.

### *Bài Bồi máu qua lúu thang (Nội khoa trung y)*

Bồi máu	6g	Cát cánh	3g
Phục linh	3g	Thiên hoa phấn	3g
Qua lúu	4g	Quất hồng	3g

Sắc uống.

Tác dụng: thanh phế chỉ khái hoà damp, khó thở, ho máu.

### *Bài Bồi máu qua lúu thang*

Bồi máu	6g	Phục linh	3g
Thiên hoa phấn	2g	Trần bì	3g
Qua lúu	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: thanh nhiệt hoà damp, nhuận phế chỉ khái.

### *Bài Bồi máu tán (Chứng trị chuẩn thẳng)*

Bồi máu	8g	Cam thảo	4g
Hạnh nhân	8g	Gừng tươi	3 lát
Khoán đông hoa	6g	Ngù vị tử	4g
Tang bạch bì	8g	Trí mẫu	4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ho lâu ngày.

### *Bài Bồi máu tán (Chứng trị chuẩn thẳng)*

Bồi máu	0,4g	Hạnh nhân	0,4g
Tô tử	20g	Mạch môn bò lôi	0,4g
Khoán đông hoa 0,4g			

Tán bột, mỗi lần uống 2g hoà sữa.

Tác dụng: trả ho lâu khi nghịch.

### Bài Bồi mẫu tán (Thẩm thị tân sinh)

Bồi mẫu chế gừng	40g	Bản bạ	40g
Sài bồ	40g	Sinh khuông	40g
Mộc hương	40g	Hoàng cầm	20g
Cam thảo	60g	Cam khuông	40g
Ngũ vị	40g	Trần bì	40g
Quế tâm	40g	Tang bạch bì	20g

Tân bột, mỗi lần uống 20g, ngày 2 - 3 lần.

Tác dụng: chữa ho lâu ngày không khỏi.

### Bài Bồi mẫu thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bồi mẫu	40g	Cam thảo sống	40g
Cam thảo mường	40g		

Tân bột, mỗi lần uống 4g, ngày 2 lần.

Tác dụng: chữa ho gà đờm nhiều.

### Bài Hồi can tiền (Y lược giải âm)

Bồi mẫu	8g	Chi tử	8g
Dan bì	6g	Trạch tả	6g
Thanh bì	8g	Thương dương	8g
Trần bì	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa can khí uất kết.

### Bài Khái cách tán (Y học tam ngã)

Bồi mẫu bò lôi	6g	Hà diệp	2 li
Uất kim	1.6g	Sa sâm	10g

Phục linh	4g	Nhân sâm vỏ	1,2g
Dan sâm	10g		

Sắc uống.

Tác dụng: nhuận táo, giải uất, hoa đòn, giáng nghịch, trị nghẹn, ăn vào nôn, bụng đầy trưởng, táo.

#### Bài Khi uất thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bồ muu	Quất bì	Mộc hương
Hương phụ	Thương truật	Phục linh
Binh lang	Bán hạ	Tú tú
Gừng 5 lát	Sao chi	

Liều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa khí uất, ngực đầy sườn đau.

## CAM THẢO

Tên khoa học: *Glycyrrhiza uralensis* Fisch

Họ Cánh bướm (*Papilionaceae*)

Bộ phận dùng: rễ cây cam thảo. Chọn loại rễ to, màu nâu vàng trong ruột, màu vàng, có mùi đặc biệt, nhiều bột ít xơ. Tinh Cao Bằng có thể cam thảo, vị ngọt đậm.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, tính bình; vào cả muối hai kinh.

Tác dụng: bổ tỳ, nhuận phế, ích tinh, dẫn và điều hòa các vị thuốc khác, tuy vậy tác dụng phụ thuốc vào bào chế:

- Dung sống: thanh nhiệt, giải độc, tiêu khát, chữa ho.
- Sao vàng: bổ tỳ vị, chữa la chảy.
- Tẩm mật: nhuận phế, kiện tỳ.

Không dùng khi tý vị thấp trệ, ngực đầy tức. Không dùng cũng cam thảo.

### Cách bào chế:

Cạo sạch vỏ, ngâm rượu 1h, ú 12h, thái mỏng 2mm, phơi khô (gọi là phần cam thảo).

Cam thảo ngâm nước từ 4 - 8h (mùa lạnh ngâm lâu) ú kin, thái mỏng, phơi khô (gọi là lão cam thảo).

Cam thảo rửa, ú mềm, thái mỏng, cho vào một ống 1 lít nước nấu sôi sau tắm cam thảo, vớt để se, sau sao vàng sờ không đinh tay là được.

Có thể rửa sạch nhanh, dỗ mềm, thái mỏng 2 ly khi cam thảo còn nóng, sau sao vàng hoặc tắm mật theo liều 1kg cam thảo + 200ml mật + 200ml nước dun sôi, sau đó sao vàng (gọi là chích cam thảo).

Có thể cạo sạch vỏ, cắt khúc 5 - 10 cm quấn giấy bán ú ướt, sau vùi vào tro nóng, khi giấy khô, bỏ ra thái mỏng, có thể sấy khô tan bột.

Bảo quản: trong thùng kin, khô, tránh mốc mọt, khi mốc cần bỏ hoặc phải sấy lại, không được sấy diêm sinh.

### Các bài thuốc có cam thảo

#### Bài Bát vị an thần hoàn gia vị (Thiền già điệu phương)

Cửu lý	15g	Cam thảo	9g
Xương bồ	12g	Sơn thù nhục	15g
Long cốt	30g	Nhân sâm	12g
Nhật thung dung	12g	Phục thán	15g
Hổ phách	12g	Táo nhân	12g
Thực địa	15g		

Tân bột luyện mật làm viên, ngày uống 18g, chia 2 lần.

Tác dụng: bổ thận, ích tinh, bổ khí sinh huyết, dưỡng tâm an thần, tim đập nhanh.

Bài này không uống kéo dài.

#### *Bài Bát vị bình vị hoán (Tam nhân cực nhất bệnh chứng)*

Bạch thược	20g	Cam thảo nướng	20g
Chi xác bồ vò	40g	Thăng ma	40g
Hỗn pharc	40g	Phục linh	40g
Xạ can	40g		

Tân bột làm viên 10g, ngày uống 2 đến 3 lần, mỗi lần 1 viên.

Tác dụng: chữa ối ra nước chua.

#### *Bài Bì truyền táo nhân thang (Y lược giải âm)*

Chích thảo	4g	Dâng cầm	8g
Dương quy	12g	Viễn chí	8g
Hoàng kỳ	8g	Liền nhục	12g
Táo nhân	12g	Trần bì	4g
Phục linh	12g	Phục thán	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa mất ngủ.

#### *Bài Bích ngọc tán (Thương hàn tiêu bản)*

Cam thảo	4g.	Thanh đại	24g
Hoạt thạch	24g		

Tân bột làm viên, bọc lá sen tươi, sắc nước uống.

Tác dụng: thảm thấp lợi thuỷ, tiêu nhiệt, giải thực, chữa thấp nhiệt bằng quang.

### Bài Bổ tần đương quy tán (Cực phương)

Cam thảo	30g	Xuyên khung	60g
Trạch lan	6g	Xuyên tiêu	60g
Quế tâm	30g	Dương quy	30g
Phụ tử chế	6g		

Tân bột, ngày uống 12g với nước nóng pha rượu.

Tác dụng: chữa tốn thương do chấn thương (thương đà).

### Bài Bích ngọc hoàn (Y lược giải âm)

Cam thảo	8g	Mang tiêu	8g
Thanh đại	12g		

Tân bột, làm viên, đốt kim tiêm bọc ngoài, ngâm 2 - 3 lần/ ngày, mỗi lần 8g.

Tác dụng: chữa viêm họng, táo bón.

### Bài Bình an tán (Chứng trị chuẩn thường)

Cam thảo	4g	Cam hương	4g
Hỗn phác	4g	Mộc hương	6g
Sinh hương	4g	Thực địa	4g
Trần bì	4g	Xuyên khung	6g

Tân bột, ngày uống 8g.

Tác dụng: chữa người có thai bị suyễn cấp, đại tiện không thông, ốm mửa, không ăn uống được, bụng đầy đau.

### Bài Bình an tán ứng hoàn (Nghiệm phương)

Cam thảo	16g	Thiérm tố	4g
Ma hoàng	14g	Dinh hương	24g

Xạ hương	2g	Hùng hoàng	6g
Thăng ma	14g	Chu sa	4g
Thương truật	20g		

Tân bột làm viên, chu sa làm áo, ngày uống 20 - 30g.

Tác dụng: chữa các chứng bệnh.

#### Bài Bình can ấm tử (Viện YHCTVN)

Cam thảo	2g	Cát cánh	4g
Chi xác	4g	Mộc hương	4g
Nhân sâm	12g	Phòng phong	4g
Tân lang	4g	Xích thược	8g
Xuyên khung	4g	Quy thận	12g
Quế chi	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thất tinh buồn phiến, buồn bức khí thũng.

#### Bài Bình hoà ấm tử (Ấu ấu tu tri)

Cam thảo	2g	Nhân sâm	2g
Phục linh	6g	Thăng ma	2g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa trẻ sơ sinh bị ngoại cảm, sốt.

#### Bài Bát chính ấm (Ấu ấu tu tri)

Cam thảo	Dại hoàng chưng rượu
Hoạt thạch nương	Sơn chi
Biển súc	Cố mạch
Mộc thông	Xa tiễn

Liều bằng nhau 4g; tán bột, ngày uống 16g chia 2 lần.

Tác dụng: chữa dài khó do nhiệt.

#### Bài Bát chánh tán (Hoà tè cục phương)

Biển súc	12g	Chi tử	8g
Đại hoàng chế	6g	Mộc thông	6g
Cam thảo	6g	Cố mạch	12g
Hoạt thạch	16g	Xa tiền	16g

Tán bột, mỗi lần uống 8g, ngày uống 2 lần với nước súc dùng tẩm thảo.

Tác dụng: thanh nhiệt tả hỏa, lợi thủy, thông lâm, nhiệt tích ở bàng quang gây dài đau, dài khó, dài đỏ, buốt.

#### Bài Bát tiêu tán (Lục khoa chuẩn thang)

Cam thảo	2g	Chi xá chế	1,6g
Hậu phác	1,6g	Nhân sâm	1,6g
Phục linh	2g	Thực dược	1,6g

Tán bột, chia 3 lần uống trong ngày.

Tác dụng: chữa phụ nữ khí huyết không điều hòa, đau vùng tim, vùng bụng.

#### Bài Bình vị tán già mang tiêu thang (Nghiêm phương)

Cam thảo nướng 40g, tắm nước vo gạo 7 ngày, sau bỏ vỏ tắm dầu mè sao vàng

Thương truật	320g	Mang tiêu	20g
Trần bì	40g	Hậu phác	40g

Các vị trên tán bột, lấy 200ml nước + 200ml rượu sác cồn 200ml thêm 20g phác tiêu tán bột dun sỏi bã trên lán bột thuốc trên để uống, uống lúc thuốc còn ấm.

Tác dụng: chữa thai chất lưu, khi thai đã ra thì ngừng uống.

#### Bài Bình vị tán gia vị (Y tông kim giám)

Cam thảo	6g	Chi xác	6g
Hậu phác	20g	Trần bì	8g
Thần khắc	8g	Thương truật	12g
Mạch nha	20g		

Tân bột, nghyth uống 2 lần, mỗi lần 8g.

Tác dụng: chữa ăn không tiêu, ợ hơi, ợ chua.

#### Bài Bình vị tán gia vị (Cực phương)

Cam thảo	2g	Trần bì	8g
Sơn tra	8g	Hậu phác	8g

### Bài Bổ âm ích khí thang I (Ngoại cảm thông trị)

Chích thảo	4g	Thực địa	12g
Tháng ma	4g	Trần bì	4g
Nhân sâm	8g	Dương quy	8g
Hoa sơn	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ngoại cảm do chính khí suy.

### Bài Bổ âm ích khí thang II (Ngoại cảm thông trị)

Cam thảo	4g	Thực địa	8g
Tháng ma	4g	Nhân sâm	8g
Sài hò	8g	Dương quy	8g
Trần bì	4g	Thực địa	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa nội ngoại hưng cảm.

### Bài Chỉ liên đạo trệ thang (Nghiêm phong)

Cam thảo	1,2g	Tần lang	1,2g
Sơn chi tử sao đen	3,2g	Tam nại	1,2g
Thương truật	1,2g	Chí xác	3,2g
Triền hò	1,6g	Hoàng liên	3,2g
Xích thược	1,6g	Lิên kiều	1,6g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa chứng đau nhức do nhiệt, nhiệt thống.

### Bài Chỉ khung tán (Tố sinh)

Cam thảo sống	8g	Xuyên khung	20g
---------------	----	-------------	-----

Chỉ thực 20g

Tán bột, ngày uống 10g; nấu gừng, táo làm thang thêm őt rượu.

Tác dụng: chữa hiccups sùn trái đau, khó xoay trở.

#### Bài Chánh khí thang (Chứng trị chuẩn thường)

Cam thảo nướng 2g

Trị mẫu sao

6g

Hoàng bá sao 4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa sốt cao.

#### Bài Chánh nguyên đơn (Bí chi)

Bạch truật 80g nấu với 20g trần bì, rồi bỏ bã trần bì đi.

Cam thảo 60g nấu với 40g ő dược, sau bỏ bã ő dược đi.

Hoàng kỳ 60g nấu với 40g xuyên khung, sau bỏ bã xuyên khung đi.

Nhân sâm 120g dùng 40g phụ tử nấu, sau bỏ phụ tử.

Phục linh 80g dùng 32g nhục quế nấu, sau bỏ quế đi.

Sơn dược 40g dùng 20g can khương nấu, sau bỏ can khương đi.

Để riêng phục linh, các vị khác sao khô rồi tất cả tán bột. Ngày uống 24g với nước sắc gừng sống và táo.

Tác dụng: chữa mèn hoa suy không sinh tố, gây nôn mửa, chán tay lạnh, âm hoa bốc lên mặt đỏ, chóng mặt, khí nghịch đẩy trường ngược, hông sùn đau.

#### Bài Chánh sỏi hổ ấm (Y lược giải ấm)

Cam thảo 4g

Sài hổ

4g

Thực dược 12g

Phòng phong

4g

Can khương 4g

Trần bì

4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa cảm phong hàn.

### Bài Cố đam tiễn

Chích thảo

Vิณฑุ

Ngũ vị

Nhân sâm

根 茄

Thực địa

Thuộc được

Thủ ty tử

Lá lếu đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa cảm hàn, dài đục, dài són (di niệu).

### Bài Cố chân thang (Lý Đồng Viên)

Cam thảo nướng 6g

Thắng ma

4g

Long đởm thái sao 8g

Tri mẫu

8g

Sài hô 4g

Khuynh hoạt

4g

Hoàng bá 8g

Trạch tả

6g

Sắc uống.

Tác dụng: tả hỏa ở can vị.

### Bài Cố nguyên thang (Chu Văn An)

Chích thảo 6g

Phụ tử chế

6g

Nhân sâm 6g

Đương quy

6g

Can khuynh 4g

Đại táo

6g

Trần bì 6g

Quế chi

4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ngoại cảm thải âm chứng.

### Bài Chi mè thang (Đương y đại toàn)

Cam thảo sống 8g

Trần bì

2g

Bạch phục linh 20g Qua đế 7 cái

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang cho đến khi nôn được, thần trí tinh túc thì thôi.

Tác dụng: giải các loại độc được.

#### *Bài Cam cát phòng phong thang (Chứng trị chuẩn thang)*

Cam thảo 8g Cát cánh 8g

Phòng phong 8g Gừng 3 lát

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đau chân gây họng đau.

#### *Bài Cam cát phòng phong thang (Mộng trung giác đau)*

Cam thảo 0,8g Ngưu bàng 2,4g

Huyền sâm 1,6g Gừng 4g

Xạ can 2,4g Phòng phong 1,6g

Cát cánh 3,2g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ban sốt, thuỷ đậu.

#### *Bài Cam cát thang (Trường Trọng Cảnh)*

Cam thảo 12g

Cát cánh 12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ho, cuồng họng đau.

#### *Bài Cam cát thang (Trường thị y tông)*

Cam thảo 4g Cát cánh 12g

Huyền sâm 12g Thủ niêm tử 8g

Kinh giới 8g Son dậu cám 12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ban chẩn, đau họng.

#### Bài Cam cà thang (Dương y đại toàn)

Cam thảo 40g Mạch môn 4g

Cát cánh 40g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa vị ứ ứng,痞, đờm ứ ứng trệ.

#### Bài Cam cà thang (Nghiêm phượng)

Cam thảo 4g Kim ngân 8g

Cát cánh 3,2g Ngưu bàng tử 6g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đau họng, phế ứ ứng, ho khan không đờm.

#### Bài Cam cà thang (Y lược giải âm)

Cam thảo sống 12g Cát cánh 12g

Hắc sâm 12g Kim ngân 12g

Sắc uống.

Tác dụng: thanh phổi, chữa họng sưng.

#### Bài Cam cà thanh kim tán (Mộng trung giác định)

Cam thảo 12g Cát cánh 20g

Kha tử 12g Ngưu bàng 12g

Bạc hà 12g Liên kiều 12g

Tán bột hoặc sắc uống.

Tác dụng: chữa ban sởi, lèn đậu kèm ho.

### Bài Cam chi thang (Ấu ấu tu tri)

Cam thảo 4g

Chi xác 4g

Cho 300ml nước cạn còn 100 ml.

Tác dụng: chữa trẻ ỉa chảy do vị hút.

### Bài Cam đậu thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Cam thảo 4g Dậu đen 8g

Dâng tâm 7 cọng Lá tre 20g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa trẻ nhiệt (da nóng).

### Bài Cam lý ám (Đương y đại toàn)

Cam thảo sống Tè giác Tri mẫu

Nhân sâm Thạch hộc Hoàng cầm

Sinh địa Chi xác Tỳ bà diệp

Mạch môn Sái hô

Tất cả liều bằng nhau 4g, sắc uống.

Tác dụng: chữa mồ hôi dày.

### Bài Cam quế thang (Mộng trung giác đậu)

Cam thảo 80g

Quế chi bột vỏ 160g

Sắc bỏ bã uống dần trong 1 tuần.

Tác dụng: chữa ban sởi, thuỷ đậu.

### Bài Cam thảo bạch phàn thang (Đại từ điển y dược Trung Quốc)

Cam thảo 8g

Bạch phàn 4g

Sắc uống hay tán bột bồi.

Tác dụng: chữa miệng họng lở loét.

### Bài Cam thảo lạc đậu thang (Thiền già diệu phuông)

Cam thảo 30g

Lạc đậu 30g

Sắc uống.

Tác dụng: giải độc cho can.

### Bài Cam thảo ma hoàng thang (Kim quý yếu lược)

Cam thảo 80g

Ma hoàng 160g

Sắc uống.

Tác dụng: lý thủy, phù mật, mắt vàng, tiểu khό.

### Bài Cam thảo phụ tử thang (Kim quý yếu lược)

Bạch truật 12g

Cam thảo nướng 8g

Phụ tử nướng 2 miếng

Quế chi 10g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đau nhức do lạnh.

### Bài Cam thảo tá tâm thang (Thương hàn luận)

Chích thảo 16g

Hoàng cầm 12g

Bản hạ 32g

Hoàng liên 4g

Can khuong 12g

Đại táo 3 quả

Sắc uống.

Tác dụng: khí vị yếu, khí nghịch bụng sôi, nôn khan, là lỏng.

#### Bài Cam thảo thuya được phu tử thang (Y tông kim giám)

Bạch thuya	12g	Phụ tử	12g
Chích thảo	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: sau đẻ mồ hôi ra nhiều, tiểu ít, chân tay co quắp do âm dương đều hư.

#### Bài Cam cát thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Cam thảo nướng	2g	Sinh địa	6g
Cát cát	6g	Hoàng cầm	2g
Bản hạ chế	6g	Hạnh nhân	6g
Chí xác sao	6g	Xích phục linh	6g

Sắc uống với gừng sống.

Tác dụng: chữa trị do uống rượu gây ra (tửu trĩ).

#### Bài Chuyển bão pháp (Y lược giải âm)

Cam thảo tiết 8g sắc 200ml còn 100ml uống.

Cam loại 8g tán bột hòa nước đắp rốn, sau 30 phút bỏ ra.

Hai thuốc tương phản nhau làm thông nước tiểu.

Tác dụng: chữa tiểu tiện bí.

#### Bài Yết hầu bị cấp đơn (Chứng trị chuẩn thẳng)

Cam thảo	60g	Bạch cung tâm	40g
Thanh đại	40g	Mang tiêu	40g

Tán bột, trộn mật phai trong râm 49 ngày, rồi làm viên hay tán bột. Ngày uống 6g hoặc thối vào họng.

Tác dụng: chữa các bệnh về họng.

## CAN TẮT (son khô)

Tên khoa học: *Rhus succedanea L*  
Họ Dào lộn hột (Anacardiaceae)

Bộ phận dùng: nhựa cây son đỗ khô, nhựa ở cây son chảy ra thành cục càng đỗ lâu năm càng tốt, chọn loại cứng, bóng, đen.

Tinh vị, quy kinh: vị cay, đắng; vào hai kinh: can và vịnh.

Tác dụng: phá ứ huyết, thông kinh nguyệt, chữa tràng tích. Không dùng cho người không có ứ, phụ nữ có thai.

Cách bảo chế: lấy son khô, sao nóng, giã nhão, cũng có thể sao cho hết khói.

Bảo quản: để trong bình kín, khô.

## Các bài thuốc có can tắt

### Bài Can tát hoà (Chứng trị chuẩn thẳng)

Can tát đốt	20g	Dào nhản	20g
Hùng hoàng	10g	Nguyên hoa	20g
Miết giáp	20g	Mộc hương	20g
Xạ hương	4g	Xuyên ô	20g

Tán bột làm viên, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa chứng phục lưỡng (vùng thương vị có kết khối).

### Bài Can tát tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Can tát	20g	Mộc hương	20g
Xích thược	20g	Dương quy	20g
Hổ phách	20g	Xạ hương	10g
Quế tám	20g	Đào nhân	40g
Ngưu tất	30g	Xuyên khung	20g
Đại hoàng	40g	Nguyễn hoa	20g

Tán bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 4g với rượu nóng.

Tác dụng: chữa phụ nữ bị sán khí.

### Bài Dưỡng huyết địa hoàng hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)

Can tát sao	30g	Dịa phu tử	30g
Cửu tích sao	20g	Xa tiền tử	30g
Sơn thù	20g	Bạch truật	30g
Mạn kinh	10g	Thực địa	10g

Tán bột làm viên, ngày uống 20g với rượu nóng.

Tác dụng: dưỡng huyết.

## CÀO BẢN

Tên khoa học: *Ligusticum sinense Oliv*  
Họ Hoa tán (*Umbelliferae*)

Bộ phận dùng: củ (thân, rễ) cây cào bản. Chọn loại có nhiều mầm, rễ sùi phồng to hình cầu, ta bằng ngón tay cái, vỏ sùi gần giống củ xuyên khung, có mùi thơm giống xuyên khung, chọn loại thơm, không mốc mòi là tốt.

Tính vị, quy kinh: vị cay, tính ấm; vào kinh hàng quang.

Tác dụng: tan phong hàn, trừ thấp, thường dùng chữa cảm mạo, mụn nhọt, đau bụng táo bón, không dùng cho người âm hư hỏa thịnh, không phải thực tà.

Cách bào chế: rửa sạch, ủ mềm, thái lát phơi khô.

Bảo quản: tránh mốc mọt, nóng.

### Các bài thuốc có cào bẩn

#### *Bài Bồ can thang (Bạt tuy)*

Bạch linh	12g	Sài hô	08g
Thần khúc	08g	Bản hạ (chỗ)	10g
Thương truật	10g	Thăng ma	08g
Cào bẩn	10g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị mắt khô, đau đầu, lỵm giọng, buồn nôn, cổ đậm, chân tay khó co duỗi, sinh xong bị ra mồ hôi.

#### *Bài Cực phương thần truật tán (Cực phương)*

Bạch chỉ	80g	Thương truật	80g
Cào bẩn	80g	Xuyên khung	40g
Tố tần	40g	Cam thảo	40g

Tán bột, ngày uống 16 - 20g với nước nóng.

Tác dụng: trị thương phong đau đầu, không mồ hôi, tắc mũi, tiếng khàn, ho, ỉa chảy.

#### *Bài Hoàng liên thanh độc ẩm (Lý Dông Viên)*

Cam thảo	8g	Cam thảo tiết	8g
Cào bẩn	8g	Đương quy	8g

Cát cánh	8g	Độc hoạt	8g
Quy vị	8g	Hoàng bá	8g
Hoàng cầm	8g	Khương hoạt	8g
Hoàng kỳ	8g	Hoàng liên	8g
Liên kiều	8g	Nhân sâm	8g
Phòng ký	8g	Tô mộc	8g
Phòng phong	8g	Sinh địa	8g
Trạch tả	6g	Trần bì	8g
Tri mẫu	8g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị các chứng bệnh do hàn gây ra, té bại, đau nhức.

#### Bài Khương hoạt thấp thấp (Lý Đông Viên)

Khương hoạt	10g	Độc hoạt	10g
Cảo bản	10g	Xuyên khung	6g
Phòng phong	6g	Chích cam thảo	6g
Mạn kinh tử	4g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chủ trị phong thấp bốc lên trên, đau đầu, nặng đầu, đau mỏi nặng nề toàn thân, khó cử động, sợ lạnh, hói nóng, lưỡi trắng, mạch phủ.

#### Bài Ma hoàng ngô thù du thang (Lý Đông Viên)

Ma hoàng	8g	Bản hạ	4g
Đương quy	8g	Khương hoạt	10g
Thương truật	10g	Sài hồ	8g
Hoàng liên	8g	Cảo bản	8g

Hoàng cầm	8g	Mạn kinh tử	8g
Thăng ma	8g	Hoàng bá	8g
Xuyên ô	4g	Hồng hoa	4g
Tế tần	8g	Ngũ thù	6g
Hoàng kỳ	10g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị chứng hàn lạnh.

#### Bài Thông khí súp thang (Cố kim y giám)

Bạch chỉ	10g	Cam thảo	4g
Mà hoàng	8g	Cát bản	10g
Cát cánh	10g	Phêng phong	8g
Tế tần	4g	Thăng ma	10g
Khuynh hoạt	10g	Xuyên tiêu	6g
Thường trực	10g	Xuyên khung	8g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị ngoại cảm phong hàn, mũi tắc, sổ mũi.

## CAO BAN LONG

Là loại cao nőu từ gạc (sừng) hươu, nai (con đực mới có sừng).

Hươu (đực) - Tên khoa học: *Cervus nippon temminck*.

Nai (mè) - Tên khoa học: *Cervus unicolor* to hơn hươu thuộc họ Hươu.

Mùa hè chúng hay cạ sừng vào cây và rụng, nhưng chọn loại sún bén được tốt hơn. Mỗi cặp sừng nặng tối 5kg, còn tươi, chẻ ra thấy

vàng ngà không đen là tốt. Không chọn loại gạc bị nứt, đen, gạc hàn, quý hơn gạc nai. Cân phân biệt năm loại gạc:

- Gạc có bao bì là thứ còn da lông sờ vào thấy mềm dòi lên có thể thái được.
- Liên tầng là gạc còn xương tròn nối hai nhánh với nhau.
- Gạc có đế lồi ra là gạc mồi rụng.
- Gạc có đế lõm vào là gạc rụng đã khu rồi.
- Loại xốp, gãy, dập là thứ xấu, không nên dùng.

Tinh vị, quy kinh: vị ngọt hơi mặn, tính âm; vào bốn kinh: thận, tâm, can và tâm bao.

Tác dụng: bổ nguyên dương, chữa hàng lậu, ho máu, đau lưng gối, đi tinh, dài máu, an thai.

Cách bào chế: nấu cao cần qua ba giai đoạn.

1. Lấy gạc ngâm trong nước phèn chua theo tỷ lệ 10kg gạc + 200g phèn, rồi đổ ngập nước, ngâm trong 1/2 giờ, sau dùng bàn chải sát rửa sạch màu đen bám ngoài (cần tạo rất sạch).
2. Sau rửa lại phơi khô, cưa sừng độ 2 - 3 cm chẻ nhỏ thành 3 - 4 mảnh, cân loại bỏ tuy đèn phoi khô.
3. Tẩm 10kg gạc với 1 kg gừng tươi giã nhô, ngâm trong 2 giờ. Sau đó cho gạc vào thùng nhỏ để một buồng ở giữa để nước ra. Đổ ngập nước độ 10cm đun liên tục rồi lại cho tiếp nước sôi vào, đun đến khi cạn và sôi bọt lại nước ra cho tiếp nước sôi vào liên tiếp 3 - 4 lần. Lọc qua hai lán vải (hoặc ráy thưa) rồi cò ở nhiệt độ 60°C, 3 nước (3 lần mức) cò chung, cò với nhiệt độ 70°C - 80°C cò trực tiếp cho đến khi giàn đặc, chuyển sang cò cách thuỷ, hoặc cò trên cát ở nhiệt độ 40 - 50°C.tay dùng một thanh như đùa cà đánh đều và mạnh không để cao bị cháy hoặc khét. Cò đến khi lấy dao rạch sợi xuống, vết rạch không khép lại là được hoặc bỗ lén mà cao không nhỏ gạc là được.

Dỗ lén khay men có bồi mờ cho khởi dinh sau lấy vải phủ lén để qua đêm, lấy dao cắt từng miếng 100g, phơi âm can, không gói; khô rồi thì gói kín. Gạc đã nấu rồi để bê vụn là dùng, không đun ninh, cao có thể kéo thành sợi mà không dứt.

Bảo quản: nơi thoáng mát, khô.

### Các bài thuốc có cao ban long

#### Bài Bổ âm kiềm đường an thần phatterg (Hiệu phòng tân phatterg)

Bạch thược	16g	Phục thán	12g
Mạch môn	10g	Ngũ vị tử	6g
Viễn chí (xao)	6g	Đan sâm	12g
Cao ban long	12g	Thực địa	20g
Lâm nhục	12g	Dại táo	12g
Phụ tử	6g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa chứng âm hư hỏa vượng, phiền khát, nồng nẩy trong người, mất ngủ.

#### Bài Bổ thận đại táo hoàn (Y học tâm ngô)

Bạch thược	60g	Cao ban long	640g
Bạch truật	120g	Sơn dược	60g
Cao quy báu	320g	Ký tử	120g
Dương quy	60g	Táo nhân	120g
Thực địa	160g	Phục linh	60g
Viễn chí (bồ hòn)	60g		
Hà xa (ngâm nước cam thảo)	1 cát		

Các vị tanh bột, hòa với cao lâm hoắc, ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần 10g.

Tác dụng: trị âm hư nội nhiệt, bồi bổ ngũ tạng bị hư lao, các dạng suy nhược.

#### Bài Độc long ẩm (Nghệ thuật phuynh)

Cao ban long 40g

Dun nóng cho tan ra, uống nóng.

Tác dụng: trị tinh huyết suy kiệt, gần cốt đau mòn.

## LINH DƯƠNG GIÁC (sống dễ róng)

Tinh vị, quy kinh: vị đắng, mặn, tính lạnh.

Tác dụng: bổ huyết.

Sách Mè Dan Khô ghi: "Linh dương giác có tác dụng sáng mắt, bổ khí, giải độc, chữa thương hàn, nhiệt ngoài da, trừ tà khí, định tâm, an thần, trẻ nòng sốt sái kinh, phụ nữ sản hậu huyết ứ".

#### Các bài thuốc có linh dương giác

##### Bài Linh dương ẩm (Y tông kim giám)

Linh dương giác	6g	Trí mẫu	4g
Hắc sâm	4g	Sài hô	4g
Cát cánh	4g	Hoàng cầm	4g
Sung úy tử	8g	Chi tử sao	4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa mắt sưng đau.

### Bài Linh dương hổ can tán (Trương thi y tông)

Linh dương giác	120g	Hắc sâm	40g
Hoàng cầm	40g	Tế tân	40g
Nhân sâm	120g	Khuynh hoạt	40g
Phục linh	80g	Phong phong	80g
Xà tiền	40g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa can phong làm mất cổ mảng.

### Bài Linh cẩu đằng thang (Thông tục thường hàn luận)

Linh dương giác	4g	Tang diệp	12g
Trúc nhụ	12g	Cửu đằng	12g
Cam thảo	4g	Bạch thược	12g
Phục thán	12g	Bối mẫu	10g
Cát hoa	12g	Sinh địa	16g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa sốt cao co giật.

### Bài Linh dương giác ẩm (Chứng trị chuẩn thẳng)

Linh dương giác	4g	Trí mẫu	4g
Ngũ vị tử	4g	Mang tiêu	4g
Tế tân	4g	Phong phong	8g
Đại hoàng	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa mảng ở đồng tử do nhiệt, mắt có mụn.

### Bài Linh dương giác tán (Chứng trị chuẩn thường)

Linh dương giác	20g	Thanh tương tử	12g
Chi tử	6g	Úy tử	6g
Hồng hoa	6g	Mạch môn	12g
Dại hoàng	6g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa huyết ru nhô giật, tiểu dắt buốt.

### Bài Linh dương giác đâm (Chứng trị chuẩn thường)

Linh dương giác	40g	Sai hồ	48g
Dại hoàng	48g	Khung hoạt	32g
Phong phong	32g	Bại tương thảo	32g
Quế tâm	48g	Cát cánh	32g

Tán hột, mỗi ngày uống 20g (quế để riêng cho sau).

Tác dụng: chữa sau sinh đầy căng họng sùm, lâm trung phiến khát.

### Bài Linh dương giác hoàn (Thần số)

Linh dương giác	20g	Bạch linh	20g
Sinh địa	20g	Thực địa	20g
Dương quy	8g	Phong phong	8g
Hoàng kỳ	8g	Quế	8g
Táo nhân	20g	Hổ cát	20g

Tán hột làm viên, ngày uống 8g.

Tác dụng: chữa trẻ còi xương, bổ ích can thận.

Còn nhiều bài có linh dương giác để chữa bệnh can thận, đau mắt và đau khớp.

## LỘC GIÁC (sừng hươu)

Tính vị: vị mặn, tính ôn hoà.

Sách Bản thảo tạo chí ghi: "Lộc giác có tác dụng tan nhiệt độc, thông huyết, tiêu phu thũng, trừ tà khí".

*Lộc giác xương*: là sừng hươu già.

Tác dụng: bổ thận, cường dương, ích tinh, bổ huyết.

Tính vị: vị ngọt, tính ấm.

*Lộc nhung*: là sừng hươu non.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Lộc nhung vị ngọt ấm, rất bổ cho khí huyết".

Sách Bản thảo bì yếu ghi: "Lộc nhung sinh tinh, bổ tủy, tốt huyết, cường dương, cung gần cốt, bổ tỳ thận, khai nhức đầu hoa mắt, khởi băng huyết di tinh, chữa hư lao thương tổn".

Nhung ở Quảng Đông miền đông bắc núi Trường Bạch là tốt nhất.

Lộc nhung còn có tên là lộc vĩ ba

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Lộc vĩ ba cũng như lộc nhung".

Sách Y cương khu yếu ghi: "Lộc vĩ ba bổ tinh khí, mạnh gân cốt".

*Lộc giác giao*: là loại cao nấu từ sừng hươu già.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Lộc giác giao vị ngọt tính ấm, bổ tâm can thận".

Sách Yêu quyền ghi: "Lộc giác giao bổ khí huyết, chữa khỏi các chứng hư lao, khí nhược, con trai sức yếu, thấp huyết, phụ nữ ăn nhiều dễ thụ thai".

Sách Bản thảo cương mục Lý Thời Trân ghi: "Lộc giác giao bổ hư lao, mất da thịt, bổ xương tuỷ, chóng béo, chữa lao khái, dùi rải, thông độc".

Thảo sản: Trường Bạch (Quảng Đông).

My giác: là sừng nai.

Tinh vị: vị ngọt, tính nhiệt.

Sách Chu gia bản thảo ghi: "My giác bổ cho các chứng hư tổn".

Tác dụng: tăng tinh tuỷ, ấm lồng, cứng gân, bổ huyết mạch, cường dương nhuận sắc.

My nhung: là cao nẫu từ sừng nai.

Tinh vị: vị ngọt, tính ấm; vào can thận.

Sách Bản thảo cương mục ghi: "My nhung bổ thận, bổ ấm, bổ huyết, bổ gân cốt, chữa âm hư lao tổn, phục hồi sức sau ốm".

Thảo sản: đông bắc xứ Tam Sinh là my nhung tốt nhất.

### Các bài thuốc có lộc giác - lộc nhung

#### Bài Lộc giác tán (Sang y đại toàn)

Lộc giác                  12g

Cam thảo                  12g

Tán hột, trên lồng đồ trệng dun kỵ lấy dầu, bôi chỗ đau.

Tác dụng: chữa đờ nhè (đầu vú có mụn lấm tấm).

#### Bài Lộc nhung tử côn hoán (Ấu ấu tu trì)

Lộc nhung	320g	Thỏ ty	320g
-----------	------	--------	------

Ngưu tất	320g	Thực địa	320g
----------	------	----------	------

Dô trọng	320g	Nhục dung	320g
----------	------	-----------	------

Mộc qua	320g	Thiên ma	320g
---------	------	----------	------

Tân bột, làm viên, ngày uống 20g, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa thận hư, trẻ em xương.

## CAO HỒ CỐT

Tên khoa học: *Panthera tigris L.*

Họ Mèo (*Felidae*)

Dùng toàn bộ xương hổ để nấu không nên thiếu loại xương nào. Sách xưa ghi xương quý theo thứ tự: xương tay, xương chân, xương đầu, xương sống liền đuôi. Xương tay hơi vặn, ở khuỷu có một lỗ thông thiên. Răng hàm có hình chữ tam giác. Xương mõi có màu trắng ngà, hơi vàng, xương đinh liền nhau. Loại tốt là xương nặng từ 10-15kg một bộ.

Tinh vị, quy kinh: vị mặn, tính ấm; vào hai kinh: can và thận.

Tác dụng: bổ gân cốt, trừ phong hàn. Không dùng cho người âm hư hoặc vượng.

Cách nấu cao hổ cũng qua ba giai đoạn:

1. Làm sạch: lấy xương cạo sạch hết thịt, tuy, có thể rửa bằng nước với lượng theo tỷ lệ 100kg xương cho 500g với sống, đổ ngập nước, đun sôi qua. Ngâm một đêm, vớt ra rửa sạch, phơi khô, cắt thành khúc 2 - 3 cm, chè nhỏ, buộc lại, luộc trong nước đậm (10kg xương với 3 lít giấm cho nước vừa ngập, đun sôi 10 phút rồi vớt ra rửa sạch tuy, sạch nước giấm, phơi khô, cần rửa sạch kỹ tuyệt đối).
  2. Tẩm sao: tẩy bằng nước rau cải hoặc tẩy bằng nước trâu không. Sao bằng mồ dù, rồi ngâm đậm.
- Sao cải: Ông xương dùng 1kg rau cải + 5 lít nước ngâm một ngày đêm, sau rửa sạch sấy khô.

10kg xương + 500g trâu không + 3lit nước ủ một đêm rồi rửa sạch phơi khô.

10kg xương + 1kg gừng + 5 lit nước tắm ủ 1 đêm, rửa sạch.

10kg xương + 1 lít rượu tắm vào xương để khô.

3. Cách nấu cao: như nấu cao gác hươu nhưng trước khi nấu cần sao qua với cát.

Sách Y được câu nguyên ghi: "Hổ cốt vị cay, tính hơi nhiệt".

Sách Y được tinh bản thảo: "Hổ cốt chữa các chứng đau xương, đau gân, thần thể bất tuỳ, đi lại đau đòn, đau bụng, thương hàn, sốt rét, trừ nọc độc chó cắn".

Hổ cốt giac là tên khác của cao hổ cốt.

Ngoài ra người ta còn dùng hổ dàm (mật hổ): lấy mật tro trước giờ cho khô để chữa người bị đánh chết lịm, ăn uống không được, huyết ứ trong tim.

Mài mật hổ, uống với bạch phục linh tân bột.

Sách Y được học đại từ điển ghi: "Mật hổ chữa trẻ con sởi kinh, cam, ly, dùng mật hổ mài trong nước cho uống".

### Các bài thuốc có cao hổ cốt

#### Bài Bổ âm hoán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch thược	80g	Quy bản (nướng)	120g
Tỏi dương	60g	Thục địa	100g
Can khuynh	20g	Hổ cốt (nướng rượu) 60g	
Trần bì	80g	Ngưu tất	80g
Dương quy	80g	Trì mẫu (sao rượu) 120g	
Hoàng hù (sao)	120g		

Tan hàn, làm hoàm, mờ mắt ngày uống 16 - 20g.

Theo dùng: bồi bổ thận âm, cầm chung hàn mào.

#### Bài Cát Đổng Trộn dì dape aña (Ngoại khoa chính tông)

Ký tử	40g	Cao hổ édi	30g
Ts mộc	20g	Dê trrypt	40g
Dương quy	40g	Thực địa	40g
Sa nhân	20g	Điển thái	40g
Mộc hương	12g	Xuyên khung	12g
Dại hoàng	20g	Hồng hoa	16g

Ngoài với 2 - 3 lít riaps trong vong 10 ngày, mỗi ngày uống 2 lít, mỗi lần 10 - 20 ml.

Theo dùng: trị nhức mồ hôi gân édi.

#### Bài Hổ cát dìe hổng (Bài thuốc dìe hổng y)

Dê trrypt	16g	Lòng cát	32g
Tam thất	08g	Tục đoạn	16g
Dặc hoa	12g	Lộc sika (số 50)	40g
Hổ édi	40g	Sinh édi	30g

Sic uống ngày 1 thang, chia 3 lần.

Theo dùng: thường huyết mạch, tiêu sưng, trị ứn thương chảy sưng sưng bị đau.

#### Bài Hổ cát hoa (Áo áo tu tri)

Bạch linh	20g	Trầm lão nhàn	20g
Ngoài tái	20g	Xuyên khung	20g
Dại hoàng	20g	Nhục quất	20g

Dương quy	20g	Phổng phong	20g
Hổ cốt	20g		

Dùng 20g xương hổ bồi mỡ, nướng vàng giòn, cạo bỏ lớp ngoài da. Sau đó cho lán thuốc, tán bột làm hoàn, ngày uống 4 - 6g với nước sắc mộc qua, trước bữa ăn.

Tác dụng: trị chứng chậm biếng ăn.

#### Bài Hổ tiêm hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)

Hổ cốt	40g	Bạch thược	08g
Tỏi dương	60g	Trần bì	80g
Can khương	20g	Quy bản	160g
Hoàng bá	320g	Thục địa	80g
Tri mẫu	80g		

Tán bột, trộn với rượu và hổ làm hoàn, ngày uống 12g với nước pha muối loãng trước lúc ăn cơm.

Tác dụng: tư âm, giáng hỏa, cường tráng gân cốt, trị can và thận yếu, gân xương mềm, di lại khó khăn, lung mồi.

#### Bài Thủ túc tự do phương (Y luộc giải âm)

Dan sâm	12g	Mộc quan	10g
Phục thần	12g	Một dược	10g
Độc hoạt	10g	Hổ ma nhân	10g
Ngưu tất	12g	Tang ký sinh	12g
Tật kê	12g	Thiên ma	6g
Hổ cốt	6g	Nhũ hương	10g
Lộc nhung	12g	Nhục quế	6g
Tục đoạn	12g	Uy linh tiên	12g
Xuyên ô	6g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị tay chân tê, run rẩy.

## CAO KHI

Tên khoa học: *Macaca sp.*

Họ Khi (*Cercopithecidae*)

Sách xưa ghi: chỉ dùng xương khi độc, khi đau; không dùng loại xương vụn, dưới ướt, con tinh tinh. Phân biệt xương khi có đầu, dưới sẽ biết khác xương chó, xương vụn chân tay dài. Chọn bộ xương trên 5kg.

Tinh vị, quy kinh: vị chua, mặn; vào hai kinh: can và thận.

Tác dụng: bổ can thận, ích cốt tuỷ, chữa phong lao; thịt khi chữa sốt rét kinh niên.

Mặt khi chữa kinh gián, đau mắt.

Cao toàn tính bổ dương, mạnh gân cốt, cao da khi chữa ngứa.

Cách nấu cao khi: có thể nấu cao thịt riêng, cao xương riêng nhưng khó bảo quản nên thường nấu chung cả thịt với xương.

Cắt tiết, làm lỏng bằng nước sôi, lọc da nấu riêng, lọc thịt kỹ, tách mỡ, bỏ phủ tạng, xương để riêng.

Thịt rửa bằng nước 70 - 80°C, rồi thái miếng 100g; giã nát với 5,2 kg gừng + 300ml rượu trắng vắt lấy nước để tắm bپ vào thịt cho đến hết chỗ rượu gừng đó. Có thể thêm quả chi, đại hồi, thảo quả mỗi thứ 50g, sau nướng qua cho vàng. Cho thịt vào túi vải sạch, đặt vào xoong nhôm.

Xương khi phải làm sạch thịt, mỡ, rửa thịt sạch, cưa từng đoạn 3cm rồi chേ nhỏ. Chất xương xung quanh túi vải, phòng cháy có thể đặt dưới dày nỗi một vỉ tre.

Dó nước sôi ngập trên xương thịt 10cm, nấu liên tục 7-8 ngày, sau 3 ngày lại nấu nước ra như nấu cao gác hắc.

Khi cỗ đặc: củ 10kg xương thịt cho 100ml nước gừng + 500ml rượu trắng, cỗ cách thủy, thỉnh thoảng lấy đũa cà đánh nhanh đều tay để chống cháy. Khi đặc lấy dao rạch thử miệng rạch không khép lại được là đạt.

Cao da khi bảo quản nơi khô, mát.

### Bài thuốc có cao khì

*Bài Bổ ích an thần hoản (Viện Y học cổ truyền Việt Nam)*

Cao khì	30g	Long nhãn	12g
Tục đoạn	12g	Đương quy	12g
Dâng sâm	12g	Viên chỉ	12g
Sa nhân	8g	Xuyên khung	8g
Liền nhục	12g	Hoàng tinh	12g
Táo nhân	12g	Ý dĩ	16g
Thạch xương bồ	8g	Mật ong	300g

Tán bột, làm viên, ngày uống 12 - 16g.

Tác dụng: kiện tỳ, an thần, suy nhược cơ thể, mệt mỏi, sút cân.

### CAO LƯƠNG KHƯƠNG (riêng nói)

Tên khoa học: *Alpinia officinarum* Hanse

Họ Gừng (Zingiberaceae)

Bộ phận dùng: củ rửa sạch, cắt bỏ rễ con của cây riềng. Chọn loại có mùi thơm, không xốp, loại già màu vàng nâu, không mốc.

Thân rễ hình trụ tròn, phân nhánh nhiều, dài 9cm, đường kính 1cm; vỏ đỏ nâu hay nâu thẫm, nhiều nếp vân nhăn và những mảng vòng luộn như lân sóng, mỗi đốt dài 0,2 đến 1cm, cạnh dưới có vết rễ nhỏ, tròn dài khoẻ gầy; mặt cắt màu nâu nám hay màu đỏ, mùi thơm nức, vị hăng cay.

Tinh vị, quy kinh: vị cay, tính nóng; vào hai kinh: tỳ và vị.

Tác dụng: tan hàn, tiêu thực, giảm đau; chữa đau bụng, nôn ứ lạnh, sốt rét, băng tích. Không dùng cho người vị hoà, hoặc là chảy do nhiệt.

### *Quả riềng gọi là hồng đậu khẩu*

Tinh vị: cay, ấm; vào hai kinh: tỳ, vị

Tác dụng: ấm trung tiêu, chống khí lạnh; chữa đau bụng nôn mửa, đau bụng do lạnh và là chảy toàn nước; riềng ấm, cà gấu, gừng khô, mỗi thứ 6g sắc uống.

Hạt riềng chống khí lạnh ở rừng núi, sốt rét cao, liều 6g.

Có loại riềng nếp Alpinia galanga và riềng Tàu Achinensis cũng dùng như cây riềng núi.

## Bài thuốc có cao lương khương

### *Bài Thổ tiên tán (Đường thi gia tăng)*

Cao lương khương 30g	Bạch thược	16g
Nhục quế 16g	Dương quy	16g
Ô dược 16g	Quất bi	16g

Tán bột, uống ngày 16g.

Tác dụng: chữa phụ nữ có bệnh về khí huyết, đau bụng hàng tuần, sau sinh thiếu máu.

## CAO QUY BẢN

Tên khoa học: *Coldia europaeis testudinum*

Họ Rùa (*Testudinidae*)

Bộ phận dùng: yếm rùa nấu thành cao.

Rùa có nhiều loại.

- Son quy là rùa mài: loại nhỏ bằng bàn tay, trên mai có chữ vương chéo. Loại này yếm mỏng, vàng đậm là loại quý, gọi là kim quy. Loại yếm to có màu vàng nhạt, dày là loại tốt vừa; loại to hơn, sắc đen không nên dùng.
- Thúy quy là rùa sống ở dưới nước. Chọn loại tốt là yếm mỏng, còn mang bọc, các miếng yếm còn dính vào nhau; không nên dùng loại đã vụn nát đen mảng. Người ta phân biệt hai loại: huyết hàn là lấy yếm lúc rùa còn sống, còn loại đã làm chín lấy thịt ăn, gọi là thông hàn. Cố nói dùng cả mai rùa nấu lẫn yếm thành cao quy bản.

Tinh vị, quy kinh: vị ngọt, mặn; vào ba kinh: thận, can và tỳ.

Tác dụng: bổ tâm thận, dưỡng huyết thải âm hư, hay dùng chữa sốt rét lâu năm, ăn kém, đau nhức xương. Không nên dùng cho người tỳ vị hư hàn, hoặc âm hư không có nhiệt.

Cách nấu cao: lấy yếm rùa lâu năm, rửa sạch, già nát, tẩm rượu nướng (hoặc sao vàng, ngâm nước 3 đêm, sau nấu thành cao).

Có thể làm như sau:

- Rùa sạch, ngâm trong nước phèn 15% một đêm, sau chất nước phèn, đổ ngập nước đun sôi 1 - 2 phút.
- Phơi khô, đập đập thành nhiều mảnh.
- Giã giã lấy nước ngâm yếm rùa một đêm

- Nấu cao giống các loại cao trên. Khi cõi đặt trên cát nóng 60°C, nhô quấy đều phỏng bén nồi, cõi đặc vừa rồi đổ vào chai, lọ sạch, cõi thể bảo quản trong ba năm.

Bảo quản: để nơi khô mát.

- Cõi thể nấu yém rùa với gạc hươu nai, mỗi thõi 50%, sản phẩm gọi là cao quy lực như trên.

Yém rùa rùa sạch, phơi, nướng tẩm tinh (bé trong cần vàng), khi còn nóng nhúng vào giấm, lại phơi qua, sau đó dùng làm thuốc phiến.

Bảo quản cao: bọc trong túi nilon, để trong thùng dưới dày cõi để vôi sống hoặc chất hút ẩm, để nơi kín mát.

Theo Y được cầu nguyên ghi: "Tinh vị quy bản mặn, ngọt, bình tĩnh, tác dụng bổ thận".

Lý Thời Trân ghi trong Bản thảo cương mục: "Quy bản bổ tim, thận, đại tràng. Chữa đau lưng, té thấp, lỵ, tiêu ung nhợt, giúp phụ nữ đẻ".

Sách Cung Tú ghi: "Quy bản chữa cảm huyết xấu, lao nhiệt đau xương, nhot hạch, băng huyết, lậu huyết, âm hư, ho nhiều".

Sách Uông ngang ghi: "Chí quy bản, trước hết rùa kỵ; già nhỏ, ngâm nước ba ngày rồi tắm đấm hay rượu, sao vàng kỹ với mè loè".

### Các bài thuốc có cao quy bản

**Bài Bổ thiên dại tạo hoan (Huyết chưng chi phế lao của Trường Dâng Giao)**

Bạch thước	60g	Cao quy bản	60g
Bạch truật	120g	Táo nhân	60g
Sơn dược	60g	Kỳ tử	60g

Hoàng kỳ	120g	Tử hàn sa (chỗ)	1 cái
Viễn chí	60g	Lực giác (nấu cao)	60g
Phục linh	60g		

Dùng nước cam thảo rửa sạch tử hàn sa, nấu chung với 320g mật ong trong 25 phút, để nguội, cho vào cối giã nát. Các vị thuốc tán bột, trộn đều với cao tử hàn sa, cao quy bản, cao lực giác và mật ong, làm hoàn bằng hạt ngô. Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 10g với nước cam hoặc rượu đã hâm nóng.

Tác dụng: trị ho lao lâu ngày làm cho khí huyết hư nhược, ngũ tạng đều bị tổn thương.

#### Bài Chè Công bách tuế tửu (Đại ngũ y thời chiến quốc)

Rạch truật	12g	Ngù vị tử	8g
Cao quy bản	12g	Phòng phong	8g
Nhục quế	8g	Ký tử	12g
Đại táo	24g	Phục thần	24g
Đảng sâm	12g	Thực địa	12g
Sinh địa	12g	Đương quy	12g
Hoàng kỳ	12g	Trần bì	12g
Khương hoạt	8g	Liền nhục	12g
Xuyên khung	12g	Mạch môn	12g
Dương phèn	80g		

Ngâm với 2 lít rượu trong 5 ngày, lọc rượu pha chung với nửa can đường phèn; ngày uống 2 lần, mỗi lần 10 - 12ml.

Tác dụng: điều hòa khí huyết, thông các mạch lạc, kiện tỳ, an thần, giúp tinh thần minh mẫn.

## CÁP GIỎI (tắc kè)

Tên khoa học: *Gekko gecko Lin*

Họ tắc kè (Gekkonidae)

Bộ phận dùng: cả con có đuôi, phân biệt với rắn mồi (rắn mồi bé nhỏ hơn).

Tắc kè dài 15 - 20cm ngang 7cm, da sần sùi có vảy nhỏ óng ánh có màu xanh hoặc vàng ở lưng, dưới nhòe dài hơn thân.

Chọn loại đã mổ, ép khô thẳng, có mùi thơm còn nguyên đuôi không sâu mọt.

Tinh vị, quy kinh: vị mặn, tính bình; vào hai kinh: phế và thận.

Tác dụng: chữa ho lâu ngày, ho ra máu, điều hòa kinh nguyệt, chữa liệt dương.

Kiêng kỵ: nếu thận không hư hoặc có thực tà phong hàn không nên dùng.

Cách bào chế: tắc kè mổ bỏ lồng gan, bỏ mắt, bỏ lồng con trên vẩy, tẩm rượu, gói hai lớp giấy bén rồi sấy khô treo lên một đêm.

Có sách ghi: bỏ đầu, bốn bàn chân, tẩm mồ hay mật rồi nướng vàng, để dùng ngay.

Hoặc làm sạch lồng, bỏ đầu từ mắt, bỏ bốn bàn chân, dùng que cẳng hai chân trước và hai chân sau, một que cẳng đầu đuôi, lấy giấy cuốn đuôi phòng gãy.

Cách dùng: có thể ở dạng bột, nấu cháo hay ngâm rượu, hoặc dùng một số vị khác làm viên.

Bảo quản: nơi khô ráo, tránh mọt, để trong thùng kín, không xông diêm sinh.

## Bài thuốc có tắc kè

### Bài Sâm giới tán (Tế sinh)

Nhân sâm 12g

Cáp giới 1 dải

Tán bột, nghyth uống 2 lần, mỗi lần 4g.

Tác dụng: bổ phổi thận, định suyễn, chữa ho lâu ngày thận hư, nái nhỏ.

## CẮT CĂN (củ sắn dây)

Tên khoa học: *Pueraria thompsoni* Benth

Họ Cảnh bướm (Papilionaceae)

Bộ phận dùng: củ của cây sắn dây.

Củ hình tròn không đều, vỏ nâu tía, chọn loại nhiều bột ít xơ là tốt.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, cay, tính bình, vào hai kinh: tỳ và vị.

Tác dụng: giải biểu, thanh nhiệt, chỉ khát. Không dùng cho người ấm hư hoặc thịnh, thường thực hạ hư.

Cách bào chế: củ rửa sạch, cạo bỏ vỏ ngoài, cắt từng khúc 3 - 5 cm, chè từng miếng vuông cho vào chậu nước, ngâm một đêm, vớt ra phơi khô, thái nhỏ hoặc tán bột, hoặc rửa sạch thái lát mỏng, phơi khô, sau qua đỗ dùng.

Nếu làm bột, già nhỏ cho nước quấy đều, gạn nước lấy bột, sau phơi hoặc sấy khô cho vào túi ni lông.

Bảo quản: tránh mốc mọt, để nơi kín mát tránh ẩm.

Sách Y được cứu nguyên ghi: "Tên củ là can cát hay còn gọi là cỏ danh kê tê".

Tính vị: cay, ngọt, bình tính, khinh dương thăng phát, vào kinh dương minh, có động cho vị khí thượng hành, sinh tân chi khát. Vào tỳ kinh. Tác dụng: khai thấu lý, phát hàn, giải cổ, thoái nhiệt, là thành được chữa tỳ vị. Chủ trị của cát căn: thương hàn trung phong, dương minh dầu thống, huyết ly ôn ngược, khởi âm khí tân uất hoà, giải tiêu độc, lợi nhĩ tiện. Dùng nhiều hại vị khí.

Bản thảo bị yếu ghi: "Nuốt cát căn sống đại hàn, giải ôn bệnh đại nhiệt, nôn mửa, chảy máu cam".

Quảng Lợi phương: chữa nôn mửa bằng cát căn sống.

### Các bài thuốc có cát căn

#### Bài Cát căn bạch truật tán (Chứng trị chuẩn thường)

Bạch truật	4g	Cam thảo	12g
Cát căn	12g	Phục linh	8g
Chí xác	4g	Mộc hương	6g

Tán bột, ngày uống 6g.

Tác dụng: chữa trẻ bị kiết lỵ.

#### Bài Cát căn bán hạ thang (Thương hàn loạn)

Cát căn	8g	Cam thảo	4g
Bán hạ	12g	Thương duec	6g
Ma hoàng	6g	Đại táo	6g
Sinh khương	4g	Quế chi	4g

Sắc uống.

Tác dụng: kinh thái dương cùng kinh dương minh hợp bệnh. Nếu không có chứng hạ ly mà chỉ nôn mửa, dùng Cát căn bán hạ thang làm chủ.

### Bài Cát cân cát cánh đại hoàng thang (Thương hàn luận)

Cát cân	8g	Cát cánh	8g
Sinh khương	4g	Đại hoàng	4g
Cam thảo	4g	Mà hoàng	4g
Thuật duật	4g	Quế chi	4g
Dại táo	6 quả		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa sốt họng đau, táo bón.

### Bài Cát cân cầm liễn thang (Trung Quốc y học đại từ điển)

Cát cân	16g	Hỗng cầm	10g
Chích thảo	6g	Hỗng liễn	10g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa cảm ở phần biểu chưa giải, nhiệt nhập lý, sốt, hạ lý, hau mòn nồng, buồn bực, suyễn ra mồ hôi, họng khô khít, rêu lưỡi vàng, mạch sắc.

### Bài Cát cân chúc (Thái bình thành huệ)

Cát cân	30g
Ngạnh mè	50g

Cho 500ml sắc cồn 150ml; sau đó cho gạo và gừng sống, mật ong, mèi thử một ít để uống.

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ phong nhiệt nôn mửa, đau đầu, quấy khóc.

### Bài Cát cân thang (Tố sinh) hay bài Cát cân đậu xị thang (Xích thụy huyền châm)

Cát cân	30g	Chi thực	16g
Đậu xị	16g	Chích thảo	16g

Chi tử nhân 16g

Sắc uống nóng.

Tác dụng: chữa vàng da do rượu (tử đản) vị nhiệt.

*Bài Cát cẩn giải cơ thang (Thái bình huệ dân hoà tề cục phương)*

Cát cẩn 12g Nhục quế 6g

Chích thảo 6g Ma hoàng 9g

Thuốc được 6g Hoàng cầm 6g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thương hàn ôn bệnh.

*Bài Cát cẩn giải cơ thang (Thẩm thị tồn sinh)*

Cát cẩn 12g Hoàng cầm 8g

Quả chi 4g Xích thược 6g

Cam thảo 3,2g Ma hoàng 2g

Thêm gừng + táo, sắc uống.

Tác dụng: chữa dịch phát mùa xuân.

*Bài Cát cẩn giải độc thang (Chứng trị chuẩn thằng)*

Cát cẩn (cát phấn) Cam thảo Mạch môn

Thiên hoa phấn Sinh địa Thẳng ma

Liều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: thanh vị nhiệt.

*Bài Cát cẩn hoạt thạch thang (540 bài thuốc đông y)*

Bạc hà Hoạt thạch Cam thảo

Hương phụ Bán hạ Cát cẩn

Phén phi Tô tử Trần bì

Lิu dâu 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa cảm mùa hán, nóng lạnh gây đau đầu, khát nước, ho đờm, la chảy, nôn mửa.

#### Bài Cát cẩn mạch mòn đồng thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Cát cẩn	4g	Nhân sâm	2g
Thăng ma	2g	Xích thược	2g
Cam thảo	2g	Phục linh	2g
Mạch môn	4g	Thạch cao	2g

Dụng trúc nhụ 7 mảnh

Sắc uống.

Tác dụng: thanh nhiệt phế, vị.

#### Bài Cát cẩn ngũ bàng tử thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Cát cẩn	8g	Datu xi	8g
Cam thảo	8g		

Ngũ bàng tử 8g (4g sống, 4g sao)

Sắc uống.

Tác dụng: thanh nhiệt, tiêu độc, trị thời độc, phổi, tiêu không thẳng.

#### Bài Cát cẩn quất bí thang (Ngoại dài bí yếu)

Cát cẩn	6g	Hạnh nhân	6g
Ma hoàng	6g	Quất chi	6g
Chích thảo	6g	Hoàng cầm	6g
Trí mẫu	6g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đồng ôn, ho, sốt cao, phát ban, nôn mửa.

#### Bài Cát cẩn thang ma thang (Tiền ết)

Cát cẩn	8g	Cam thảo	8g
Thang ma	12g	Thuộc duệ	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đau đầu, sốt lạnh, không ra mồ hôi, miệng khô.

#### Bài Cát hoa giải tinh thang (Y lược giải tam)

Cát cẩn	8g	Bạch khẩu	4g
Bạch truật	8g	Trư linh	4g
Nhân sâm	8g	Phục linh	4g
Trạch tả	4g	Can khương	4g
Sá nhân	4g	Thần khúc	8g
Thanh bì	4g	Mộc hương	4g
Trần bì	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa say rượu, khát nước.

#### Bài Cát cẩn thanh tỳ thang (Bút hoa y kinh)

Cát cẩn	Sơn chi	Xa tiền
Cam thảo	Hỗn phác	Tửu cầm
Trạch tả	Nhân trần	Chi tử
Quất hồng		

Liều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa thử thấp sinh đầm, sinh nhiệt, đau đầu, chướng bụng.

#### Bài Cát hoàng hoán (Thẩm thị tôn sinh)

Cát cẩn 120g

Hoàng liên 160g

Tán bột. Nấu nước đại hoàng trộn bột làm viên, ngày uống 20g với nước nóng.

Tác dụng: chữa nôn mửa.

#### Bài Cát phác thang (Thẩm thị tôn sinh)

Cát cẩn Thắn khúc Tán giao

Cam cúc hoa Chỉ xác Cát cánh

Hậu phác Cảnh dâu 8g Hoặc hương

Liều đều 6g, sắc uống.

Tác dụng: chữa từ thời cảm nhiễm hàn tà, đau đầu phát sốt.

#### Bài Cát tè thang (Dịch sa thảo)

Cát cánh Hoàng liên Ngưu bàng

Mù büt Cát cẩn Sơn tra thản

Chỉ tử sao đen Kinh giới Tè giác

Thuyền thoái Nhãn trung bạch

Liều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa tâm thần phiền muộn do nhiệt nung đốt, họng lở loét, mạch huyễn, không mồ hôi, hói nứt.

## CÁT CÁNH

Tên khoa học: *Platycodon grandiflorum A-DC*

Họ Hoa chuông (Campanulaceae)

Bộ phận dùng: thân rễ (củ) cây cát cánh. Chọn thứ to, dài, chắc, trắng ngà là tốt. Loại nhỏ, phân nhiều nhánh, mốc là kém không nên dùng.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, cay, tính ôn; vào kinh phổi.

Tác dụng: thông phế khí, tan phong hàn, chữa ho trữ đờm.

Cách bào chế: củ rửa sạch, bóc đầu, đuôi, thái nhỏ bắc hợp gí nước ngâm cát cánh một đêm rồi vớt ra, sấy khô.

Cũng có thể, rửa sạch, cạo vỏ ngoài, ngâm nước vo gạo một đêm rồi thái lát, sao qua.

Bảo quản: tránh mốc mọt, để nơi cao tránh ẩm mốc, có thể sấy qua điem sinh.

Sách Chân châu nang ghi: "Cát cánh lợi các khứu, trừ phong nhiệt kiêm phế, khai nhúc dầu, sáng mắt, dễ thở, khai trệ khí, kiềm da thịt, chữa ngạt mũi".

Sách Bản thảo đồ giải ghi: "Cát cánh phá tan huyết kết, tiêu đờm rát, khai ưng nhợt trong phế, hút mủ dùng để chữa các chứng đau, cổ, họng, mũi, miệng".

Bào chế theo Y dược cầu nguyên: cạo vỏ ngoài, tẩm nước vo gạo rồi sao qua.

Thổ sản: An Huy, Từ Châu, Quảng Tây là tốt.

### Các bài thuốc có cát cánh

Bài Chi khai thành hàn táo (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch chỉ	80g	Cát cánh	80g
----------	-----	----------	-----

Hoàng đòn 80g Tú mộc 80g

Hoàng đòn chia làm hai phần: 40g sao đỏ, 40g để sống.

Tân bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 2g.

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ nôn mửa, biếng ăn, chứng cảm, phổi khắt, phù mặt và toàn thân do suy dinh dưỡng.

#### Bài Cát cánh ẩm (Phụ nhân đại toàn lương phương)

Cát cánh 20g Cam thảo 40g

Mạch môn 40g Hoàng kỳ 40g

Thanh bì 20g Nhん sâm 40g

Tân bột mỗi lần uống 12g, ngày 2 lần.

Tác dụng: chữa cảm khí không thông, mệt quá độ, ứ huyệt.

#### Bài Cát cánh bạch tần (Ngoại dái bí yếu)

Cát cánh 12g Ba diệu 8g

Bối mẫu 16g

Tân bột, mỗi lần uống 8g, ngày uống 2 lần.

#### Bài Cát cánh thang (Thẩm thị tôn sinh)

Cát cánh 4g Trầu bì 4g

Bản hạ chế 2g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa sau sinh vị khí không điều hòa.

#### Bài Cát cánh bản hạ thang (Thẩm thị tôn sinh)

Là bài Nhị trân thang bỏ phục linh thêm cát cánh; bản hạ, cát cánh, trân bì, cam thảo liều từ 4 - 6g.

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ùm hụt, ho cổ đờm.

#### Bài Cát cánh chỉ xác thang (Chứng hoat nhân)

Cát cánh 120g

Chỉ xác 120g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thương hàn bí khí, ngực đầy.

#### Bài Cát cánh chỉ xác tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Cát cánh 80g Cam thảo 20g

Chỉ xác 80g

Tán bột, mỗi lần uống 12g, ngày uống 2 lần.

Tác dụng: chữa phiến táo, khát, bụng trương, đại tiểu tiện bí, ngủ không yên.

#### Bài Chỉ khát thành hiệu tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Cát cánh 80g Hoàng cầm 8g

Tố mạc 80g

Tán bột, mỗi lần uống 4g, ngày uống 2 lần.

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ bị lỵ nôn, chứng cam phiến khát, phù mặt.

#### Bài Cát cánh thang (Tố sinh)

Bách hợp bò lội 12g

Bối mẫu bò lội 12g

Hoàng kỳ sao qua 12g

Chỉ xác sao 8g

Qua lâu nhân 12g

Phòng phong 12g

Cam thảo sống 8g

Tang bi 8g

Cát cánh sao	kg	Gừng sống	3 lát
Ý dì sao	40g	Hành nhím	8g
Dương quỳ tẩm ruou	1kg		

### Sát ướng.

Tác dụng: chữa phế ứn, khí tắc nghẽn vùng thượng vị, ho đờm có máu, mủ, làm tháo phổi muộn, ra mồ hôi, đau họng, khát, tiểu đái.

### Bài Cát cánh chưng (Lý Đông Viết)

Bạch术	1,2g	Mà hoàng	2g
Quai chí	0,4g	Cam thảo	4g
Dương quỳ	1,2g	Cát cánh	4g
Mà bét	4g		

### Sát ướng nồng.

Tác dụng: chữa hụt hơi, tiếng nói khản.

### Bài Cát cánh thang (Vu Lang Hui Ting)

Cát cánh sao	8g	Hoa hồng cầm	kg
Bạch hà	8g	Lá lán kiều	kg
Chi tử sao	8g	Cam thảo	kg

### Sát ướng.

Tác dụng: chữa thời kỳ kinh nguyệt sang đau thành dịch, phù thũng do nhiệt.

### Bài Cát cánh thang (Trung Hайн)

Cát cánh	12g	Thạch cao	20g
Tøy giske	4g	Bán hạ chế	20g
Tù lỗ	12g	Cam thảo mộc	kg

Sắc uống.

Tác dụng: chữa trẻ ho, khó thở.

#### Bài Cát cánh tiền hổ thang (Bát hoa y kinh)

Cát cánh	4g	Trần bì	6g
Trúc nhụ	4g	Tô tử sao gừng	8g
Tang bạch bì	6g	Hạnh nhân	12g
Cam thảo	2g	Tiền hồ	6g
Xích thược	6g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phế khí bế tắc, ho suyễn bất rút.

#### Bài Chỉ định nhĩ trán già vị thang (Nghiêm phương)

Cát cánh	20g	Cam thảo	6g
Bản hạ chế	20g	Trần bì	20g
Chí thực	20g	Phục linh	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đờm suyễn.

#### Bài Lợi yết giải độc thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Cát cánh	Đậu xanh	Ngưu bàng
Phòng phong	Cam thảo	Huyền sâm
Sơn dâu cùn		

Lิu bàng nhau đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa đậu, đau bụng.

#### Bài Nùng tán (Kim quỹ yếu hợp)

Cát cánh	0,8g	Thuya được	2,4g
----------	------	------------	------

Sắc uống.

Tác dụng: chữa áp xe.

## CÁT SÂM

Tên khoa học: *Millettia speciosa Champ*

Họ Cánh bướm (*Papilionaceae*)

Bộ phận dùng: thân rễ (củ). Chọn loại củ tròn một năm, vỏ vàng, trong trắng, ít xúi, nhiều bột; không nên dùng thứ tròn lâu, nhiều xúi ít bột.

Tinh vị, quy kinh: vị ngọt, tính bình; vào hai kinh tỳ và phế.

Tác dụng: dùng làm thuốc bổ tỳ (mát tỳ) lợi niệu, thường dùng chữa hư nhiệt, bổ trung, nhiệt kết đau đầu đau bụng. Kiêng dùng trong phế ẩm hư, phế táo.

Cách bào chế: củ rửa sạch, thái mỏng, phơi khô; có thể tẩm nước gừng hay tẩm mật, sao qua.

Bảo quản: để nơi khô, tránh ẩm, mốc mọt. Dùng đến đâu bắc chă đến đó thì tốt, để lâu dễ hỏng.

Sách Cây thuốc Việt Nam ghi: "Cát sâm có tên ngưu đại hực dằng. Tên khác: nam sâm, cát muộn, sâm chuột, sâm chèo mèo. Tên khoa học: *Millettia speciosa*, thuộc họ Đậu".

Công dụng: theo Tuật Tinh thì cát sâm chữa cảm sốt, khát nước phối hợp với phương Sâm tố ẩm hay Tiểu khí hổ thang.

Lĩnh nam bản thảo ghi: "Nam sâm (cát muộn) có tác dụng bổ nguyên khí, sinh tân dịch, chữa phổi nhiệt thổ huyết, bại liệt của người phái, mạch hư yếu".

Chữa trẻ sốt bại liệt: cát sâm, ba kích, cầu tich, dây đau xương, sinh địa, hoài son, cam thảo, liều từ 4 - 6g, sắc uống.

## Các bài thuốc có cát sâm

### Bài Cát cánh đắng (Phụ nhân đại toàn lương phường)

Cam thảo	20g	Cát cánh	20g
Hoàng kỳ	20g	Thanh bì	10g
Mạch môn	20g	Cát sâm	20g

Tân bột, uống mỗi lần 12g, ngày uống 2 lần.

Tác dụng: bổ ích khí huyết, trị cảm khí không thông, mệt nhọc quá độ sinh lao lực.

### Bài Ich khí điều ninh thang (Chứng trị chuẩn thang)

Bạch thược	16g	Bạch truật	16g
Bản hạ	12g	Mạch môn	12g
Sài hồ	8g	Hoàng kỳ	20g
Nhân sâm	12g	Chích thảo	8g
Sinh địa	8g	Trần bì	8g
Thăng ma	8g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: ích tỳ khí, trị bệnh do thủ tà gây ra.

### Bài Tử quản tử thang (Hòa tể cát phường)

Cát sâm	12g	Bạch truật	12g
Phục linh	12g	Cam thảo	04g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: kiện tỳ vị, ích khí hòa trung, khí hư bất túc, ăn uống giảm sút, suy nhược cơ thể do ốm lâu ngày hoặc sau phẫu thuật.

### Bài Thông thanh tiễn mợ (Thiên kim)

Hành nhũn	100g	Quế tám	80g
Khoán đông hoa	100g	Thông thảo	100g
Tố tần	80g	Ngũ vị	100g
Cát sâm	80g	Trúc nhụ	60g
Xương bồ	80g		

Tân bột, nấu 100g táo thành cao đặc hòa với mật ong và nước cốt gừng, luyện với thuốc bột làm thành viên. Ngày uống 20g với rượu nóng.

Tác dụng: trị ho, hổi thở ngắn, ngực đầy khó nói.

### Bài Thiên ma tiễn hoán (Ngũ dược viện)

Thiên ma	30g	Hàng hoàng	20g
Cam thảo	10g	Cát sâm	30g
Ngũ hoàng	10g	Toàn yết (sao)	20g
Chu sa	10g	Phong phong	30g
Xà hương	08g	Bạch cầu tám	20g

Tân bột, hoàn thành viên, ngày uống 4 - 6g với nước sắc bắc hổ.

Tác dụng: trị trẻ nhỏ bị kinh phong, đờm nhiều không thông, mè muội.

## CÂU ĐẰNG

Tên khoa học: *Uncaria rhynchophylla* Jackson

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Bộ phận dùng: thân hay cành có gai, gai uốn cong như lưỡi câu, khi còn non gai màu xanh xong chuyển màu nâu cứng, chẽn

loại cành còn non, đế khô, không mốc mọt, mỗi khúc có hai gai hai bên là tốt, một gai là kém, không gai không dùng.

Tinh vị, quy kinh: vị ngọt, tính lạnh; vào hai kinh: tâm bao và can.

Chữa trẻ nóng rát, cảm phong kinh giãn, giúp mọc han chấn. Không có phong nhiệt thực hoả không dùng.

Cách bào chế: rửa sạch, bỏ lá già sâu, thái khúc 2 - 3cm, không cần sao tẩm, trong thuốc sắc nên sắc các vị khác gần được mài cho câu đồng vào (nghĩa là câu đồng không sắc kỹ).

Bảo quản: dày kin, tránh ẩm móc.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Câu đồng chuyên chữa tiêu nhuận sát và 12 chứng sỏi kinh giãn".

Thổ sản: câu đồng có ở Quảng Tây, Quế Lâm.

### Bài thuốc có vị câu đồng

#### Bài Câu đồng ấm (Chứng trị chuẩn thường)

Câu đồng sao	10g	Mộc hương	10g
Phòng phong	10g	Yết vị	10g
Bạch dương thám	10g	Xạ hương	4g
Thiên ma	10g	Nhân sâm	10g
Thuyền thoái	10g	Xuyên khung	10g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ tỳ vị khí hư, mất mồi yếu, thân nóng, chân tay lạnh.

#### Bài Câu đồng ấm (Chứng trị chuẩn thường)

Câu đồng	Bạch thược	Xuyên khung
Mộc hương	Phục thán	Dương quy

### Chích thảo

Lิu bàng nhau 4g, sắc uống.

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ khóc đêm (dạ dê)

### Phục linh

#### Bài Cửu dâng cao (Tiền ất)

Cửu dâng 16g

Khương hoàng 16g

Mộc miết nhân 21 hột

Mật được 16g

Tất cả tán bột làm viên, lấy thêm 20g cửu dâng, sắc lấy nước làm thang để uống ngày uống 2 lần, mỗi lần 4g.

Tác dụng: chữa đau đầu.

#### Bài Cửu dâng tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bản hạ chế 20g

Phục thân 20g

Phòng phong 20g

Thạch cao 40g

Mạch môn 20g

Cam cúc hoa 20g

Phục linh 20g

Nhân sâm 20g

Cam thảo 10g

Trần bì 20g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa tạng can yếu, đau đầu, mờ mắt.

#### Bài Cửu dâng thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Cửu dâng 8g

Bạch thuật 8g

Hoàng liên 8g

Dương quy 8g

Thanh bì 4g

Mộc hương 4g

Cam thảo 4g

Quan que 4g

Xuyên khung 4g

Bạch truật 8g

Bản hạ 8g

Hồng hoa 8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa chứng đậu độc biến chứng đau bụng, trên mặt, cảm khẩu.

#### Bài Cửu dâng thang (Nghiêm phong)

Cửu dâng	8g	Bạch xương cầm	4g
Dòm tinh	4g	Bắc đàm	10 cent
Quất bì	4g	Thiên ma	4g
Nhân sâm	8g	Tử giác	4g
Viễn chí	8g	Thạch xương bồ	8g

Sắc uống nóng.

Tác dụng: chữa kinh phong.

#### Bài Dương xung âm hư thang (540 bài thuốc đông y)

Cửu dâng	16g	Kết huyết dâng	16g
Thạch quyết minh	16g	Cúc hoa	12g
Hà thủ ô	12g	Dứa long	12g
Tang kỵ sinh	16g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa trùng phong kinh lạc (âm hư dương xung).

## CẨU KỶ TỬ

Tên khoa học: *Lycium sinense Mill*

Họ Cà (*Solanaceae*)

Bộ phận dùng: quả chín.

Quả chín có màu đỏ thẫm hay vàng thẫm, trọng có nhiều hạt, ngọt. Chọn loại quả đều nhau, mềm, màu đỏ. Loại nấu đen là xấu.

khi để lâu sẽ kém phẩm chất, khi gần thăm nên phun rượu cho nồi đều, để màu đỏ trở lại.

Tinh vị, quy kinh: vị ngọt, bình tính; vào ba kinh: phế, can và thận.

Tác dụng: bổ can thận, quả chữa phong thấp, mạnh gân cốt, bổ tinh; lá chữa ho sốt. Không dùng cho người tỳ vị kém, ẩn phân sống.

Cách bào chế: có thể tắm rượu một đệm, hôm sau già giập dùng. Có thể tắm rượu sấy khô già bột để làm hoàn.

Bảo quản: tránh để thăm đèn, cất ở lọ kín, dưới lợ có thể để chất hút ẩm, vôi sống.

Sách Cây thuốc Việt Nam ghi: "Cửu lý có tên khác: khôi tử, khủ khôi, địa cốt tử".

Cửu lý tử: ngọt, tính bình, bổ can thận, thải tinh dịch, chữa huyết hư mất menses, chóng mặt, thận hư đau, di tinh, khò khát, dài tháo.

Dùng kỹ tử, hoàng tinh, thực địa chữa lao nhiệt.

Làm một phát sốt, sốt cao: khôi tử, lá muối dâng già nhỏ, Mè nước hoà mật uống (Nam được thần hiệu)

Trong Nam được thần hiệu ghi: nếu ho tức ngực, dùng rau khò khò nấu canh + hấp quả muối dâng với đường để ăn.

Rễ cây là địa cốt tử: vị ngọt, tính lạnh; vào ba kinh: phế, can và thận, chữa hụt hơi, sốt cao, mồ hôi trộm.

Chữa dài nhiều, khát: địa cốt tử, thiên hoa phấn, quả dâu, huyền sâm liều bằng nhau 12g, sắc uống.

### Các bài thuốc có cửu lý tử

*Bài Cửu tử hởi xuân thang (Thiền gia diệu phương)*

Cửu lý tử	25g	Phúc bồn tử	25g
Hopi son	60g	Cửu thái tử	15g

Phà cổ chí	5g	Dâm dương hoắc	25g
Thạch lán tử	15g	Thỏ ty tử	20g
Kim anh tử	15g	Thực địa	50g
Ngũ vị tử	5g	Sà sàng tử	5g

Sắc uống ngày một thang.

Tác dụng: bổ thận, cố tinh, suy sinh dục.

#### Bài Cố quy hoàn (Trương Cảnh Nhạc)

Cửu kỳ tử	160g	Dương quy	120g
Phụ tử	320g	Lặc giác giao	120g
Bạch thược	160g	Thỏ ty	160g
Đỗ trọng	160g	Nhục quế	80g
Sơn thù	160g	Thực địa	80g

Tán bột làm viên, mỗi lần uống 12g, ngày uống 2 lần.

Tác dụng: chữa mệnh môn hàn suy, tỳ vị hư hàn, đau bụng sản khí, ỉa chảy, khớp xương đau.

#### Bài Cốt thông trật đà dược túu (Thiên gia diệu phương)

Cửu kỳ tử	40g	Dại hoàng	20g
Tam thất	40g	Đỗ trọng	40g
Dương quy	40g	Hổ cốt	20g
Sa nhân	40g	Thực địa	40g
Tô mộc	20g	Xuyên khung	12g
Hồng hoa	16g	Mộc hương	12g

Ngâm 2 lít rượu, sau 10 ngày mỗi ngày uống 20ml.

Tác dụng: chữa nhức mỏi gần cốt.

### Bài Hoàn hồng đơn (Nghiêm phương)

Bà kích	Dô trọng	Phục linh
Ngũ vị	Kỳ tử	Sơn thù
Xương bổ	Nhục dung	
Ngưu tất	Viễn chí	

Liều đều 20g, tán bột hoàn viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa cơ thể suy nhược, bổ khí huyết.

### Bài Ký cúc địa hoàng hoàn (Cục phương)

Cửu kỳ tử	120g	Dan bì	120g
Bạch cúc hoa	120g	Phục linh	120g
Sơn dược	160g	Sơn thù	160g
Trạch tả	120g	Thực địa	320g

Tán bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa can thận suy, đau vùng, mất hoa, giảm thị lực.

## CẨU TÍCH

Tên khoa học: *Colycibolitum barometz* (L.) J. Sm

Họ Kim mao (Dicksoniaceae)

Bộ phận dùng: thân rễ (củ). Chọn loại củ to, đường kính trên 5cm chắc lông vàng dày, cắt ngang củ vẫn nâu sần là tốt.

Tinh vị, quy kinh: vị đắng, ngọt, tính ôn; vào hai kinh: can và thận.

Tác dụng: bổ can thận, mạnh gân cốt, chữa phong thấp.

Cách bào chế: làm sạch lông bằng cách rang cát nóng, rửa sạch ngâm nước, đồ cho mềm, thái mỏng, phơi khô, tẩm rượu, sao vàng.

Bảo quản: để nơi khô mát, chống mốc.

Sách Y được cùa nguyên giải thích: "Sò dì gọi là cầu tích bồi nhân rễ dài, nhiều đốt, như xương sống chó. Tính vị: ngọt, đắng, ấm, bổ mà hay chạy. Vào kinh thận."

Tác dụng: kiện thận, ích huyết, dưỡng khí, thát niệu bất tiết, cuộc yếu, lưng đau, hàn thấp, đau mỏi, trừ phong hú, dùng tý giải làm sốt".

Thổ sản: cầu tích có ở Quang Đồng và nhiều nơi khác.

### Bài thuốc có cầu tích

*Bài Hoạt lạc chỉ thống thang (5-10 bài thuốc đông y)*

Cầu tích	16g	Ngải cứu	8g
Thiên niêm kiện	12g	Trần bì	8g
Chí xác	8g	Quế chi	8g
Ngưu tất	12g	Rễ lá lốt	12g
Xuyên khung	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đau thần kinh hông do lạnh.

### CHI TÙ (danh danh)

Tên khoa học: *Fructus gardeniae*

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Bộ phận dùng: dùng cả quả có nhân (dùng quả danh danh nái gọi là son chi tử tốt hơn). Quả nhỏ, chắc, nguyên quả hình thoi, vỏ màu vàng cam hay đỏ nâu, trong đó thâm, nhiều hạt, thơm khô, không mốc mọt, không lẫn tạp chất.

Chi tử nhân là phần hạt bỏ vỏ.

Tinh vị, quy kinh: vị đắng, tính hàn; vào ba kinh: tâm, phổi và tam tiêu.

Tác dụng: thanh nhiệt, tá hoả, lợi tiểu, sao đèn cảm mâu; chữa cảm phổi, hoảng đàm, bệnh hô hấp, tiểu niệu, nôn mửa, chảy máu, hư phiến không ngủ.

Bảo chế: lấy quả chín, cho phèn chua vào, nấu lán vỏ, vòi phơi khô vỏ, sấy khô giòn. Dùng sống hoặc tắm nước gừng sao qua, sao tẩm tinh tuý dùng ý sử dụng.

Chi tử có màu vàng dùng để nhuộm thức ăn hay vẽ mâu.

Bảo quản: nơi khô, tránh mốc mọt.

Sách Y được cầu nguyên gọi là son chi tử chọn thủ minh ngắn mà tròn gọi là son chi để làm thuốc, thủ minh dài là thủy chi để làm thuốc nhuộm.

Được tinh bản thảo ghi: "Son chi tử chất đắng vị lạnh, chữa phong nhiệt độc, vàng da, vàng mắt, khởi khát, thông tiểu, sáng mắt, trừ giun sán".

Sách Dan Khu ghi: "Son chi tử hạ hỏa, khoẻ tỳ vị, mát huyết, khởi đau tim, giải uất, khởi khí kinh".

Sách Nguyên Tố ghi: "Son chi chữa các chứng phiến mào, bí tiểu, ỉ ngáy, huyết trệ".

Sách Bản thảo cương mục ghi: Son chi chữa nôn mửa, ỉ mửa, lao lực, ho máu, thương hàn, nhức đầu, bong lồn.

Thổ sản: son chi tử ở Quảng Đông (huyện Linh Tử và Liên Châu) là tốt nhất.

### Các bài thuốc có chi tử

*Bài Chi cảm thang (Thẩm thị tôn sinh)*

Chi tử	Chi xác	Hoàng cầm
Huyền sâm	Quảng hì	Tô ngạnh

**Dô trọng**      **Bạch thuyết**      **Dương quy**  
Liều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa phụ nữ có thai đau bụng.

#### *Bài Chi dù hoàng (Thẩm thị tôn sinh)*

<b>Chi tử</b>	60g	<b>Ngò thù du</b>	30g
<b>Hương phu</b>	30g		

Tân bột, ngày uống 16g, uống với nước súc gừng sống và sinh địa.

Tác dụng: chữa khí thực do ăn uống gây ra.

#### *Bài Chi liên thanh nhiệt thang (Bàng Ngọc Dung)*

<b>Sơn chi</b>	12g	<b>Bồ hoàng</b>	8g
<b>Hoạt thạch phi</b>	16g	<b>Cam thảo</b>	4g
<b>Phục linh</b>	16g	<b>Xuyên hoàng liên</b>	4g
<b>Nhân trần</b>	10g		

Sắc uống nóng.

Tác dụng: chữa hoàng đài hạ (huyết trắng màu vàng do thấp nhiệt).

#### *Bài Chi nhán giải độc thang (Nghiêm phong)*

<b>Chi tử</b>	6g	<b>Cam thảo</b>	4g
<b>Thắng ma</b>	6g	<b>Hoàng cầm</b>	8g
<b>Hoàng liên</b>	8g	<b>Lâm kiếu</b>	8g
<b>Sài hô</b>	8g	<b>Thạch cao</b>	20g
<b>Phòng phong</b>	8g	<b>Trí mẫu</b>	8g
<b>Xích thược</b>	8g	<b>Ngưu bàng</b>	6g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ma chẩn ban sởi.

*Bài Chi tử bò bì thang* (Thương hàn luận) (Chi tử nghịệt bì thang)

Chi tử bò vỗ	15 quả	Huang bì	60g
Chích thảo	40g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa dương hoàng (hoàng đầm thể nhiệt).

*Bài Chi tử cam thảo thang* (Thương hàn luận)

Chi tử	16g	Dam địu xị	16g
Cam thảo	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: sau khi chữa thương hàn, mồ hôi ra, nôn, là chảy mà tâm thần bức rứt, khó ngủ, vùng ngực kinh đau, có đờm ở cổ.

Chú ý: uống 1 lần thấy nôn không uống tiếp lần 2.

*Bài Chi tử can khương thang* (Thương hàn luận)

Can khương	40g
Chi tử	14 quả

Sắc uống ấm.

Tác dụng: chữa thương hàn dùng cách hạ mà không hết sốt.

*Bài Chi tử cổ thang - Chi tử sỉ thang* (Thương hàn luận)

Gồm 2 vị để trừ phiến giải nhiệt gây nôn:

Chi tử	16g
Dịu xị	16g

Sắc uống.

### Bài Chi tử đại hoàng thang (Kim quỹ yếu lược)

Chi tử	14g	Chi thực	5 quả
Dại hoàng	8g	Dâu xị	16g

Cho 600ml nước cốt của 200ml chia 3 lần uống.

Tác dụng: chữa chứng táo大使 (đà vàng do uống nhiều rượu).

### Bài Chi tử đại hoàng thanh phế thang (Y lược giải ẩm)

Chi tử	Hạnh nhân	Hoàng cầm
Tháng ma	Dại hoàng	Thông bạch
Liệu đều 8g, sắc uống.		

Tác dụng: thanh tiết phế nhiệt.

### Bài Chi tử đại hoàng thang già vị (Thái lâm bệnh học)

Chi tử	12g	Dâu xị	12g
Dại hoàng	6g	Nhân trần	40g

Tác dụng: chữa đường hoàng cấp.

### Bài Chi tử đại thanh thang (Thẩm thi tồn sinh)

Chi tử	8g	Tháng ma	4g
Hoàng cầm	8g	Thông bạch	3g
Hạnh nhân	3.2g	Dại thanh	8g

Tác dụng: chữa phụ nữ thương hàn phát ban.

### Bài Chi tử hậu phác thang (Thương hàn luận)

Chi tử	14 quả	Hậu phác	60g nướng
Chi thực 4g ngâm nước bò ruột sấp.			

Sắc uống.

Tác dụng: chữa viêm gan cấp

#### Bài Chí tử hoàn (Chứng trị chuẩn thường)

Chí tử	7 quả	Phản thạch	2g
Hoàng liên	2g	Dại táo sao đen	2 quả
Hoàng bá	1,9g		

Tán bột làm viên 4g, ngày uống 4 viên.

Tác dụng: chữa kiết lỵ ở trẻ nhỏ (do nhiệt)

#### Bài Chí tử kim hoa hoàn (Lưu hàn gian)

Chí tử sao	40g	Hoàng bá	40g
Hoàng cầm	20g	Hoàng liên	40g

Tán bột làm viên 4g, ngày uống 2 viên.

Tác dụng: chữa phế vị nhiệt, phiến tảo ỉa chảy.

Bài này còn có tên Hoàng liên giải độc thang.

#### Bài Chí tử lục hợp thang (Trung y Thượng Hải)

Chí tử	20g	Thực địa	12g
Bạch thuốc	8g	Xuyên khung	6g
Đương quy	12g	Hoàng cầm	20g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa cổ thai bị thương hàn, sau khi cho phát hàn mà vẫn mất ngủ.

#### Bài Chí tử nghịệt bì thang (Thương hàn luận)

Cam thảo sống	4g	Hoàng bá	8g
Chí tử bóc bỏ vỏ	15 quả		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa dương hoàng.

#### Bài Chi tử nhân thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Chi tử nhân sào rượu	40g	Thạch cao	80g
Sài hô	60g	Cam thảo	20g
Dại thanh	40g	Hoàng cầm	80g
Tháng ma	40g	Gừng	3 lát
Hạnh nhân	80g	Trí mẫu	40g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phổi táo nói rõ, điện cuồng nói mè, đau nhức khớp xương.

#### Bài Chi tử nhân thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Chi tử nhân	8g	Chi xác	8g
Dại hoàng	8g	Uất kim	8g
Ngoại bang	8g	Tháng ma	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thời độc sưng đau, đại tiện bí kết.

#### Bài Chi tử phục linh thang (Lục khoa chuẩn thẳng)

Chi tử 1 hột, trộn minh phân, gạo nếp bọc ngoài đốt tan tinh.

Tân bột bồi.

Tác dụng: chữa hụt cam lờ ngứa.

#### Bài Chi tử thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Chi tử	6g	Bạch chỉ	8g
Mộc thẳng	8g	Phổng phong	8g

Cam thảo 6g Dương quy 12g

Tân bột, ngày uống 4g.

Tác dụng: trẻ nhỏ cảm phiến, tiêu đờ, miệng lở loét.

#### Bài Chi tử thanh can tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Chi tử sao đen 4g Mùa dán bì 4g

Sài hô 4g Phục linh 2,8g

Xuyên khung 2,8g Ngưu bàng tử 2,8g

Dương quy 2,8g Bạch thược 2,8g

Tân bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa phong nhiệt gây nhợt tai, tai chảy mủ, đau ngực và hông sườn, ra nhiều mồ hôi, miệng khô.

#### Bài Chi tử thanh can thang (Y tông kim giám)

Chi tử sống 4g Bạch thược 4g

Hoàng liên 4g Thạch cao 4g

Mùa dán 4g Hoàng cầm 2g

Xuyên khung 4g Sài hô 2g

Dương quy 4g Cam thảo 2g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa cảm hoả phong nhiệt chảy mủ tai, ngực và hông sườn đau, ra mồ hôi, miệng khô.

Chi tử chữa bệnh ở tai, dùng hoàng trong các bài:

#### Bài Chi tử thang kỳ tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Chi tử Kinh giới Cúc hoa

Thảo quyết minh Mộc tặc Cam thảo

Bạch tật lê Phòng phong Hoàng liên

Cát tinh thảo Xích thược  
 Xuyên khung Khuynh hoạt  
 Các vị liều bằng nhau 30g, tán bột, ngày uống 16 - 20g.  
 Tác dụng: chữa mất cõi màng.

#### Bài Chiết trứ như thang (Thẩm định sinh)

Chit 130

### Take away

Sử dụng cho công ty 3-16t

### Tác dụng: chữa viêm nhầy

#### Bài Chiết xì thang (Kim quý yểu lute)

Gloss chi từ và câu lạc bộ vi 20%

Tác dụng: sau 15-20 phút người hút rất khó chịu, dễ thấy vùng dưới tim mềm, đó là chứng hưng phấn, dung bài này mà chữa (Trong Cảnh viết).

#### Bài Chi xí chi hoàng thang (Nghịch phương)

Chi tử	8g	Chi xác	8g
Đại hoàng	4g	Sát hổ	6g
Hưng xì	2g		

### See also:

The dung: chún sít cao, thô bón, vàng da.

Rui Tu Sheng Jun (Ruifusheng)

Sơn chi	Phóng phong	Dương quy
Long đởm thảo	Dại hoang	Trúc diệp
Khuynh hoạt	Xuyên khung	

*Liều bằng nhau 12g, sắc uống.*

Tác dụng: bình can, tả hoà, đại tiện táo, khí thực, tráng phong, can đầm thực nhiệt, kinh phong cấp.

#### *Bài Tả thanh xích thang (Thẩm thị tôn sinh)*

Chi tử	Cam thảo	Phòng phong
Hoàng cầm	Hoàng liên	Khương hoạt
Sinh địa	Long đởm	
Thanh dại	Mộc thông	

*Liều bằng nhau đều 8g, sắc uống.*

Tác dụng: thanh tâm nhiệt, tả can hoà.

#### *Bài Tả vị thang (Thẩm thị tôn sinh)*

Chi tử	Xuyên khung	Dương quy
Bạc hà	Cam thảo	Sinh địa
Hoàng liên	Xích thược	Kinh giới
Phòng phong	Đan bì	

*Liều đều 4g, sắc uống.*

Tác dụng: thanh can tả hoà.

#### *Bài Tam hắc thán kỳ đơn (Phó Thành Chủ)*

Sơn chi	Bồ hoàng	Sinh địa
Đan bì	Xuyên bối mẫu	Xuyên khung

*Liều đều 4g, thêm 100ml đồng tiền, 100ml nước ngó sen; sắc uống.*

Tác dụng: chữa nôn mửa.

### Bài Tam hoa tán thang (Thẩm thị tồn sinh)

Sơn chi	Xuyên khung	Hoàng cầm
Dại hoàng	Dương quy	Phát tiêu
Bạch thược	Bạc hà	Lá lốt kiều

Bắc uống.

Tác dụng: tiết nhiệt hoà huyết, chữa kinh bế huyết tri.

### Bài Tam hoàng giải độc thang (Thẩm thị tồn sinh)

Sơn chi sao đèn cồng tam hoàng

Tác dụng: chữa sau sinh bị thương hàn, sau 6 ngày phát phổi, tái sốt, khát, tiểu đái, táo, phân máu, mạch trầm thực.

### Bài Tam hoàng giải độc gia sơn chi (Sang y đại toàn)

Hoàng liên	6g	Hoàng bá	6g
Hoàng cầm	6g	Chi tử	6g

Bắc uống.

Tác dụng: chữa đau bụng.

## CHÍ XÁC (quả chín)

Tên khoa học: *Fructus citri aurantii*

Họ Cam quýt (Rutaceae)

Bộ phận dùng: lá quả, chọn quả gần chín, vỏ còn xanh, béo dìu, ruột càng dày càng tốt, mèi thơm, ruột bé trắng ngà để lâu năm càng chắc, không ẩm móc là tốt. Cần phân biệt với bưởi và cam hôi, hai loại này cùi mỏng, ruột xốp không thái được.

Tính vị, quy kinh: vị cay, đắng, chua, tính hơi lạnh; vào hai kinh: tỳ và vị.

Tác dụng: trừ đờm, táo thấp, tăng cường tiêu hóa. Không dùng khi tỳ vị hư hàn, không tích trệ, phụ nữ có thai sức yếu.

Bảo chế: chọn quả chín còn dâu, cay, đắng, càng lâu năm càng tốt, bỏ hột và ruột, sao cầm cho đến khi cầm cháy, sangle bã cầm đi. Có thể à mềm, bỏ ruột, thái mỏng, phơi khô dùng.

Bảo quản: để nơi khô, không sấy sao ở nhiệt độ cao, phèng mốc mọt.

Sách Chư già bản thảo ghi: "Tinh vị chỉ xác dâng, chua, hơi lạnh; tác dụng mạnh tỳ vị, điều hòa tang phủ, khai nôn, tiêu đờm, đau bụng đi lỵ, hút mù mịn nhẹ, tiêu phì thũng, hoạt đại tiêu trường, sảng mắt, tiêu cầm."

Thổ sản: chỉ xác Từ Xuyên là tốt nhất (xuyên chỉ xác).

### Các bài thuốc có chỉ xác

#### Bài Chỉ xác chủ tán (Loại chưng phổ tá bản sự)

Chỉ xác sao	100g	Cam thảo	40g
Cát cánh	60g	Tố tần	80g
Xuyên khung	80g	Cát cám	80g
Phong phong	80g		

Tân bột, ngày uống 24g.

Tác dụng: chữa can khí uất do thất tính, hông sườn đau, chân tay co quắp.

#### Bài Chỉ xác hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)

Chỉ xác	Bạch chỉ
Đại hoàng	Mộc hương
Tang bạch bì	Quất hồng
Tạo giác	

Các vị liều bằng nhau, tán bột, uống mỗi lần 12g, ngày uống 2 lần.

Tác dụng: chữa đại tiện bí kết, khí ứ ứn trưởng vị, phong thịnh.

#### Bài Chi xác hoán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Chi xác 160g

Khổ sâm 320g

Tán bột, mỗi ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa ghè lò do phong nhiệt.

#### Bài Chi xác hoán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Cam thảo 20g Thanh bì 40g

Đại hoàng 20g Mộc hương 40g

Chi xác 40g Khiên ngưu sao 40g

Tán bột, nấu nước tạo giác làm hổ biến, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa mụn nhọt, ghè lò, ngừa.

#### Bài Chi xác hoán (Thẩm thị tồn sinh)

Chi xác 80g Trầm bì 40g

Mộc hương 10g Tán lang 20g

Khiên ngưu 160g nửa sống nửa sao

Tán bột, ngày uống 16g với nước nóng.

Tác dụng: chữa tam tiêu uất, đại tiêu tiện không thông.

#### Bài Chi xác hoán (Đại từ điển y học Trung Quốc)

Gồm hai vị chi xác và gai bồ kết.

Tác dụng: chữa đại tiện bí.

### Bài Chỉ xác phong phong hoán

Chỉ xác	12g	Quế tẩm	8g
Khuynh hoạt	10g	Dương quy	16g
Phong phong	12g		

Tân bột làm viên 4g, ngày uống 4 viên.

Tác dụng: chữa quy bối (lưng gù).

### Bài Chỉ xác nấu thai tán (Thẩm thị tân sinh)

Hương phụ	60g	Cam thảo	40g
Chỉ xác	200g		

Tân bột, ngày uống 16g với nước nóng.

Tác dụng: chữa thai khí uất, đầy trưng, thuốc giúp dễ đẻ (chữa 8 - 9 tháng)

### Bài Chỉ xác sơ can tán (Thẩm thị tân sinh)

Chỉ thực	Xuyên khung	Bạch thuật
Hậu phác	Sài hô	Chỉ xác
Trần bì	Cam thảo	

Liều bằng nhau, tân bột, ngày uống 16g, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa can khí uất kết.

### Bài Chỉ xác tán (Loại chứng phổi tể bản sô)

Bạch truật	20g	Chỉ xác sao	20g
Hương phụ	40g	Tân lang	8g

Tân bột, mỗi lần uống 8g, ngày 2 lần.

Tác dụng: chữa vùng dưới tim đầy tức khó chịu, đau.

### Bài Chi xác tần (Thái bình huệ dân hoà tử cục)

Cam thảo 14g

Chi xác sao 50g

Tán bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 12g.

Tác dụng: chữa khí uất, khí trệ, hông sườn đau.

### Bài Chi xác tần (Chứng trị chuẩn thẳng)

Chi xác sao 100g Khổ sâm 40g

Bạch tật lê 250g Mật kinh tử 40g

Tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa lở ngứa.

### Bài Chi xác tán (Thẩm thị tồn sinh)

Cam thảo Té tần Cát cánh

Chi xác Cát cẩn Phòng phong

Liéu bằng nhau, tán bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa sốt nhẹ.

### Bài Chi xác thang (Bệnh cơ khí nghịch bản mệnh tấp)

Bạch truật 40g Hoàng cầm 20g

Chi xác sao 20g

Tán bột, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa thai ra máu, huyết trắng, bụng đầy, cơ thể phù, thai khí không thông.

### Bài Chi xác thang (Trường thị y thông)

Hỗn phác 6g Trần bì 6g

Cam thảo 6g Chi xác 6g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đậu chán, uống sâm, kỳ làm bụng đầy.

#### Bài Hoạt thai chi xác tin (Nam sơn đạo sĩ)

Cam thảo nướng 40g

Chi xác 80g

Tân bột, mỗi ngày uống 8g.

Tác dụng: chữa thai gây yếu khó đẻ. Cho uống từ lúc thai 7 - 8 tháng.

### CHỈ THỰC (quả chín)

Tên khoa học: *Fructus aurantii immaturi*

Họ Cam quýt (Rutaceae)

Bộ phận dùng: quả non, bẹ hùng đầu ngón tay, bồ đới, quả mầu xanh, vỏ dày đặc nhiều thịt, không mốc mọt là tốt. Không chọn thứ to, nhiều ruột.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, tính lạnh; vào hai kinh: tỳ, vị.

Tác dụng: phá khí trệ tích, tiêu痞 trừ biếng; sao chảy có tác dụng cầm máu, chữa loét. Không dùng cho người tỳ vị hư hàn mà không có đầy, phụ nữ có thai.

Bảo chế: thu hái về bồ đới, phơi khô, bóc hột, sao qua, càng để lâu càng tốt.

Có thể ủ mềm, bào mỏng sao khô cho giàn, sao với cám, rồi bỏ cám đi.

Sách Bản thảo kinh ghi: "Chỉ thực chất đắng, chua, tính hơi lạnh, chuyên trị phong độc nhiễm ngoài da như: sởi, sẩn ngứa, trừ khí kết do hàn hoặc nhiệt, khói lỵ, mắt da".

Sách *Bản lục ghi*: "Chỉ thực tiêu cầm, khai đau bụng vì giờ độc, sảng mắt".

Thổ sản: chỉ thực Từ Xuyên là tốt nhất.

### Các bài thuốc có chỉ thực

#### *Bài Chỉ thực bán hạ thang (Cục phương)*

Bán hạ 8g

Chỉ thực 8g

Sắc uống với nước giึง sống và mạch nha.

Tác dụng: hoà vị, trị nôn.

#### *Bài Chỉ thực bình vị tán (Đại tự điển y dược Trung Quốc)*

Chỉ thực 12g Cam thảo 4g

Thương truật 12g Hỗn phác 12g

Trần bì 12g

Tán nhuyễn, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa bụng đầy khó tiêu, muốn nôn, ỉa.

#### *Bài Chỉ thực cầm liễn thang (Y phương ca quát)*

Chỉ thực Hoàng liên Trần bì

Chí tử Sinh khương Hoàng cầm

Liều đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa suyễn nhiệt.

#### *Bài Chỉ thực cứu bạch quả chỉ thang (Kim quỹ yếu lược)*

Chỉ thực 16g Thiết lầu thot 1 quả

Cứu bạch 4g Quả chỉ 4g

Hậu phác 16g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ngực đau đầy trướng.

#### Bài Chỉ thực đại hoàng thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Chỉ thực 12g

Đại hoàng 12g

Dương quy 14g

Khương hoạt 8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa táo bón, thông đại tiện.

#### Bài Chỉ thực đạo trệ hoàn (Nội ngoại thương biến cảm luận)

Chỉ thực 20g

Phục linh 12g

Bạch truật 12g

Trạch tả 8g

Hoàng liên 12g

Hoàng cầm 12g

Thân khốc 12g

Tán bột luyện hổ lâm viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: tiêu đạo tích trệ, thanh lọc thấp nhiệt, đau bụng, đầy trướng, ỉ chảy hoặc táo, tiểu vàng đờ ợ.

#### Bài Chỉ thực đạo trệ thang (Đại từ điển y học Trung Quốc)

Chỉ thực 7 quả

Bạch truật 18g

Gừng sống 3 lát

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thủy ẩm dinh trệ, dạ dày sa, sỏi mật, tử cung sa.

#### Bài Chỉ thực lý trung hoàn (Thường hàn luận)

Chỉ thực 8g

Can khương 8g

Bạch truật 16g

Cam thảo 6g

Nhân sâm 16g Phục linh 8g

Tán bột làm viên, mỗi ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa bụng đầy, trường đau, ỉ chảy.

Đây là bài Lý trung thang thẩm chí thực, phục linh.

#### Bài Chỉ thực nhĩ trân già vị (Y phương ca quát)

Hay còn gọi là Chỉ cát nhĩ trân già vị là bài Nhĩ trân thẩm cát cánh, chí thực.

Tác dụng: chữa hen thể nhiệt.

#### Bài Chỉ thực tần long hoàn (Chứng trị chuẩn thường)

Chí thực sống 20g Tần long 20g

Mộc hương 20g Hoàng liên 20g

Đương quy 20g Hoàng bà 20g

Hoàng cầm 20g

Tất cả tán bột làm viên, mỗi ngày uống 12g.

Tác dụng: an thai, điều kinh, thông hoà khí huyết, chữa u nang buồng trứng.

#### Bài Chỉ thực thang

Chí thực 12g Bán hạ chế 16g

Cát cánh 12g Cam thảo 12g

Xích linh 12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thương hàn, ngực đầy khó thở, ho có đờm.

#### Bài Chỉ thực thang (Thẩm thị y thư)

Bạch truật 12g

Chỉ thực 7 trái

Tác dụng: chữa thủy ẩm, sa dạ dày, tủ con.

#### Bài Chỉ thực thuya được tán (Kim quỹ yếu lược)

Chỉ thực (sao chay) và thuốc được, hai vị lượng bằng nhau.

Tán bột, mỗi lần uống 4g, ngày uống 2 lần.

Tác dụng: chữa sau sinh bụng đau, bắt rát, ưng mủ.

#### Bài Chỉ thực tiêu bí hoàn (Lý Dông Việt)

Chỉ thực	20g	Bạch truật	12g
Hỗn pha	16g	Nhân sâm	12g
Hoàng liên	20g	Gừng	8g
Phục linh	12g	Mạch nha	12g
Chích thảo	8g	Bản hạ chế	12g

Tán bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 8g.

Tác dụng: chữa đầy trưởng vùng thượng vị, đại tiện không thông, viêm sa dạ dày.

#### Bài Chỉ thực tiêu đạo thang

Bạch truật	12g	Hoàng liên	8g
Hoàng cầm	12g	Trạch tả	8g
Thần khúc	8g	Dại hoàng	6g
Chỉ thực	8g	Phục linh	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa la chảy do bội thực.

#### Bài Chỉ truật thang giao vị (Bút hoa y kinh)

Bạch truật

Chỉ thực

Phục linh

Mạch nha

Nhân trần

Trần bì

Thần khúc

Lá sen

Liên kiều

Sơn tra

Liều tắt: cả báng nhau 4g, sắc uống.

Tác dụng: chữa hoảng đầm do rượu.

#### Bài Khoan trường hoa (Thể y đặc hiệu phương)

Chi xác

Hoàng liên

Lượng báng nhau, tán bột, ngày uống 16 - 20g (viên với nước ấm)

Tác dụng: chữa lở loét, tho hàn.

#### Bài Thừa khí thang, gồm 3 bài:

- Đại Thừa khí thang (chi thực, đại hoàng, hậu phác, mang tiêu)
- Tiểu thừa khí (chi thực, đại hoàng, hậu phác)
- Diệu vị thừa khí thang (cam thảo, đại hoàng, mang tiêu)

Tác dụng chung là: xổ, hạ.

#### Bài Thừa khí hợp tiểu hàn hung thang (Ôn bệnh điều biến)

Bạc hà

12g

Chi thực

8g

Đại hoàng

20g

Qua lâu

8g

Hậu phác

8g

Hoàng liên

8g

Sắc uống.

Tác dụng: nhiệt tam tiêu, khát.

## CHU SA (thần sa)

Tên khoa học: *Cinnabaris*

Chu sa ở thể bột, thần sa ở thể cục thành khối óng ánh. Khi đập vỡ chỉ gồm các hạt không có tạp chất là tốt (tạp chất có thể là cát trắng, cát đen).

Tinh vị, quy kinh: vị ngọt, tính hơi lạnh; vào kinh tâm.

Tác dụng: an thần định phách; dùng để trấn kinh, an thần, chữa kinh sợ hối hộp. Không nên dùng cho người không có thực nhiệt.

Cách bào chế: lấy chu sa nguyên chất, dùng nam châm hút hết sắt, cho vào xay mịn, sau cho vào chậu đổ đầy nước quấy đều, chất sang chậu khác lại đổ nước quấy đều đến khi không còn cặn là được, gạn bỏ nước trong lấy giấy bịt kín miệng chậu, phơi nắng cho khô. Có thể mài hay tán chu sa trong cối chày bằng sứ, cho ít nước mưa để không hầm, sau cho nước vào quấy, mang nồi lên, vớt bỏ, làm nhiều lần, gạn lấy phần nước đó cũng làm nhiều lần đến khi nước không đục là được. Cẩn xác đan bồ đi, nước đó gạn để lắng trong, bỏ nước trong lấy vài vải thưa bọc bên trên, phơi nắng cho khô là được. Chu ý không dùng lùn làm nóng, chu sa giải phóng thuỷ ngân sẽ gây độc.

Bảo quản: để nơi khô, mát, tránh ánh sáng và nóng. Đây là thuốc độc bảng B.

Chu sa có tên khác là thần sa, dan sa.

Theo sách Y dược cầu nguyễn: "Chu sa sản xuất tại Thanh Châu gọi là thần sa".

Tinh vị: dan sa chất ngọt, mát, tác dụng chuyên chữa yên tâm và dẫn huyết.

Sách Uông Ngang ghi: "Dan sa trừ hết nhiệt tà biếm vào tâm, mát can, sáng mắt (thanh can minh mục), để ra mồ hôi, khói gió độc, trừ tà khí, khói khát nước, an thai".

Thổ sản: sản xuất tại Thanh Châu, Tuyên Châu là loại tốt.

### Các bài thuốc có chu sa

#### Bài Chu sa an thần hoà (Lan thất bì tàng)

Chích thảo	2g	Sinh địa	6g
Quy thần	2g	Hoàng liên	6g
Chu sa	4g		

Chu sa thủy phi 2g, còn 2g làm áo.

Các vị trên tán bột làm viên, mỗi lần uống 4 - 12g trước lúc ngủ.

Tác dụng: trấn tâm an thần, dưỡng âm, thanh hoà, hồi hộp (tâm quỹ), lo sợ (chính xung), phiền não không ngủ.

#### Bài Chu sa an thần hoà (Lý Đông Viên)

Cam thảo sống	2g	Sinh địa	2g
Hoàng liên	8g	Chu sa	4g
Dương quy thần	2g		

Tán bột làm viên, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa mất ngủ, trợ tim, dưỡng tâm.

#### Bài Chu sa an thần hoà (Ấu ấu tu tri)

Cam thảo sống	10g	Sinh địa	2g
Lá hương lan	8g	Chu sa	16g
Kinh phán	0,4g	Rì đồng	0,4g

Hoàng liên 16g đốt thành than.

Tán bột, rắc vào vết thương, mụn đậu.

Tác dụng: chữa đậu làm vẩy.

### Bài Chu sa an thản hoàn (Mộng trung giác độ)

Cam thảo sống	2g	Hồng liên	6g
Chu sa	4g		

Tân bột, trộn với bột gạo làm viên, ngày dùng 4 - 6g nén nuốt dần.

Tác dụng: chữa viêm họng.

### Bài Chuyển bão pháp (Y lược giải âm)

Cam thảo tiết 8g, sắc 200ml nước cạn còn 100ml

Cam tươi 8g, tân bột, hòa nước cam thảo đắp vào rốn.

Tác dụng: chữa tiêu tiện không thông.

### Bài Chỉ bảo đơn (Cực phương)

Chu sa	40g	Nghu hoàng	20g
Hổ phách	40g	Dại mạo (đồi mồi)	4g
Xà hương	20g	Tè giác	40g

Tân bột. Dùng an túc hương nấu tan, hòa bột làm viên 100 viên, dùng sáp bao. Lần uống 1 viên, bệnh nặng ngày uống 2 đến 3 lần.

Tác dụng: truyền thống kinh lạc, khai khiếu.

Vì có tác dụng chống nghịch cữu nguy nên gọi là "Chỉ bảo".

### Bài Chỉ bảo đơn (Thời lệnh bệnh học)

Chu sa	40g	An túc hương	40g
Hùng hoàng	40g	Xà hương	4g
Ngân bắc	20g	Mai phiến	20g
Dại mạo	40g	Hổ phách	40g

Kim bột	40g	Tè giác	40g
Ngưu hoàng	20g		

Tán bột luyện bồ, làm viên, ngày uống 8g.

Tác dụng: chữa tràng phong gây hàn mờ, kinh phong.

#### Bài Chi bao đơn (Hồi tê cục phong)

Chu sa	40g	Tè giác	40g
Bàng pháo	20g	Ngưu hoàng	40g
Hổ phách	40g	Xạ hương	4g
Thiên trúc hoàng	40g	Nhuân sâm	40g
Hùng hoàng	40g	Nam tinh	20g
Đại mao	40g		

Tán bột, làm 240 viên, ngày uống 2 - 3 viên.

Tác dụng: khai khiếu, trần kinh, chữa đột nhiên hàn mờ, mội bồ, ngoại thoát, cầm nhiệt làm tắc thanh khiếu, trẻ bị kinh phong cấp.

#### Bài Chí huyền đơn (Y phong ca quát)

Chu sa	Thiên môn	Khương hoạt
Cát cản	Trầm hương	Linh dương giác
Thạch giải	Khương hoàng	Thạch cao
Thuyền thoái	Tè giác	Dổi mèo
Xương bồ	Hương phụ	
Thạch bá chi	Xuyên son giáp	

Liều dầu 12g, tán bột làm viên 4g, ngày uống 8 viên.

Tác dụng: chữa tràng phong, liệt nửa người.

### Bài Chỉ thánh bảo mệnh đan (Ấu sú tu trì)

Chu sa	4g	Bạch phụ tử	20g
Cung tâm	20g	Thiên ma	20g
Toàn yết	14 con	Phòng phong	20g
Thuyền thoái	20g	Nam tinh	20g
Xà hương	2g	Vàng thép	10 lít

Tán bột, làm viên, ngày uống 8g.

Tác dụng: chữa kinh phong cấp, mạn.

### Bài Chỉ thánh minh tâm đan (Nghiêm phuong)

Chu sa	Nhân sâm	Xà hương
Phòng phong	Thiên ma	Táo nhân
Phục thần	Long não	Toàn yết (lấy đuôi)

Lിều đều 12g. Tán bột, làm viên 1g, ngày uống 2 lần, mỗi lần 4 viên, uống với nước sắc mạch mòn.

Tác dụng: chữa kinh phong, an thần.

### Bài Chu sa an thần hoàn (Y học phát minh)

Chu sa	Nam tinh	Ba đậu sương
--------	----------	--------------

Lượng bằng nhau, tán bột làm viên, ngày uống 4g với nước sắc bạc hà.

Tác dụng: chữa trẻ sơ sinh bị thổ tả.

### Bài Chu sa hoàn (Nội khoa Trung y học)

Chu sa	4g	Can khương	8g
Hỗng liên	12g	Dương quy	12g
A giao	12g		

Tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa lỵ mạn.

#### Bài Chu sa thản liệu hoàn (Lưu Hà Giang)

Cam toại	Hắc sùu
Mộc hương	Khinh phấn
Nguyên hoa	Dai hoàng
Quất hồng	

Liu bằng nhau, tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa đường thuỷ (phù do viêm thận).

#### Bài Chu sa tiễn (Y học phát minh)

Chu sa	8g	Hỗn hương	8g
Hoạt thạch	20g	Dinh hương	14g

Tết củ tán bột, trộn đều với nước sạch (nước giếng), để đều mà nồi lén, sau cho 2g bột thuốc rắc lén, đợi thuốc chín hôi, gạn bỏ nước. Sau cho nước sôi vào rồi uống.

Tác dụng: chữa trẻ sơ sinh thổ tả, sốt cao, không muốn bú, ỉa phân trắng, khó ỉa.

#### Bài Chu sa tiêu đàm ấm (Y học giải km)

Chu sa	6g	Đàm tinh	20g
Xạ hương	0,8g		

Tết củ tán bột, ngày uống 8-12g.

Tác dụng: chữa hôi hộp, lo sọ (kinh quỹ).

#### Bài Chu tắc thang (Y học giải km)

Chu sa	Bạch phụ tử	Hùng hoàng
--------	-------------	------------

Liều đều 12g, tán bột. Tim lợn nấu chín tán nhuyễn trộn lúa  
viên, uống ngày 12g với nước sắc nhân sâm, bồ hoàng.

Tác dụng: chữa chứng điện cuồng (bệnh tâm thần thể hưng  
phấn).

#### Bài Cố chỉ sa tán (Y lược giải âm)

Chu sa 20g

Bạch chỉ 40g

Tán bột, ngày uống 12g với nước sắc mạch môn, phục thần.

Tác dụng: an thần, trị co giật.

#### Bài Kim chu đơn (Trương Hoán)

Kim bạc 40g Thạch cao 60g

Chu sa 40g Phục linh 40g

Thiên nam tinh 40g

Tán bột, trộn nước cốt gừng làm viên, ngày uống 6g, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ bị tý nhiệt, nhiều đờm, ăn chậm tiêu.

## CỐT TOÁI BỐ

(cây tổ rồng, tổ phượng)

Tên khoa học: *Rhizoma drynariæ fortunei*

Họ Dương xỉ (Polypodiaceae)

Bộ phận dùng: thân rễ (củ) của cây cốt tái bố. Cây này có  
thể mọc dưới tán cây trong rừng, nhưng đa số mọc trên cây cổ thụ.  
Chọn củ già, khô, màu nâu, hình trụ dẹt, cong, ngoài có lớp lông  
dày đặc. Cắt ngang trong lòng có màu hồng, không mốc mọt,  
không lẫn rễ cây và tạp chất.

Tinh vị, quy kinh: vị đắng, chất, tính ấm; vào hai kinh: can và thận.

Tác dụng: hoạt huyết, chỉ huyết, bổ thận; hay dùng trong bong gân, gãy xương, chân tay té mõi, đau xương. Không dùng cho người âm hư, huyết hư.

Cách bào chế: ngày xưa dùng dao dicing cạo sạch lông vàng, thái nhỏ, tắm mặt một ngày phơi khô.

Có thể dùng tươi: cạo sạch già nhô, tắm ít nước nóng mềm, dập lán chỗ đau, dập nhiều lần trong ngày.

Bảo quản: tránh ẩm móc, để nơi khô.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Cốt toái bổ nguyên tên là hùm khung, nhân dùng chữa què gãy, bổ xương nên gọi là cốt toái bổ".

Tinh vị, quy kinh: vị đắng, tính ấm, vào hai kinh: tâm và thận.

Tác dụng: bổ xương, phà huyết".

Sách Dược tính bản thảo ghi: "Cốt toái bổ chữa độc khí trong xương, phong huyết đau nhức, ngũ lao, lực竭, chân tay không co duỗi, trên nóng dưới lạnh".

Bản thảo bì yếu ghi: "Bổ thận, chữa ứ tai, đau răng, thận hư di tả, lâu ngày, gân xương đau, gãy xương, phà huyết, chỉ huyết".

### Các bài thuốc có cốt toái bổ

#### *Bài Bổ cốt chỉ hoàn (Chứng trị chuẩn thường)*

An túc hương	80g	Bổ cốt chỉ (sao sơ)	80g
Ngưu tất	80g	Tần lang	80g
Cốt toái bổ	40g	Què tám	60g

Tân bột để an túc hương riêng, trộn mật rồi cho an túc hương vào sau, làm hoàn, mỗi ngày uống 10 - 12g với nước nóng pha rượu.

Tác dụng: trị thất lung co rút, đau không ngừng.

### Bài Bổ cốt diệu dược túu (Thần phuường)

Bách hợp	10g	Cốt toái bồ	12g
Táo nhân	12g	Sơn dược	10g
Hồng hoa	6g	Hương phụ (chỗ)	10g
Sinh địa	10g	Ký tử	10g
Long nhãn	12g	Tán giao	10g
Khuynh hoạt	10g	Bạch tật lê	10g
Cúc hoa	8g	Mạn kinh tử	10g
Thiêm ma	8g	Thực địa	10g
Dô trọng	12g	Ngưu tất	10g
Độc hoạt	10g	Phục thán	10g
Trần bồ	10g	Tục đoạn	10g
Đương quy	12g	Quả chi	8g
Xuyên khung	8g		

Ngâm với 3 lít rượu trong 10 ngày, sau đó uống mỗi ngày 2 - 3 lần, mỗi lần 10ml.

Tác dụng: trị các bệnh phong thấp, đau nhức xương khớp lâu ngày.

### Bài Bổ cản thang (Thương khoa bổ yếu)

Bách thuốc	10g	Cốt toái bồ	12g
Một dược	6g	Phục linh	12g
Hồng hoa	8g	Thực địa	10g
Dinh hương	6g	Nhū hương	6g
Trần bì	8g	Đương quy	12g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị bong gân, khớp bị sai trật gây đau.

### Bài Cốt chiết nội phục phương (Ngoại khoa chính tông)

Cốt toái bồ	12g	Tục đoạn	12g
Xuyên già bì	10g	Tam thất	8g
Nhũ hương	8g	Mật ong	8g
Tự nhiên đồng	10g	Dương quy	12g
Huyết kiết	8g	Hải đông bì	10g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần, khi uống hòa với rượu.

Tác dụng: thông huyết, giúp sinh tủy xương.

### Bài Khử ứ an thần thang (Thần già diệu phương)

Cốt toái	12g	Cam thảo	6g
Địa long	10g	Tam thất	6g
Hồng hoa	10g	Cửu dằng	16g
Phục thần	12g	Dương quy	12g
Tục đoạn	12g	Đan sâm	32g

Tam thất tán bột, để riêng sắc thuốc xong mới cho vào. Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị kinh lạc ở não bị bế tắc, dùng trong trường hợp đi chung do chấn động não gây ra.

## CÙ MẠCH (cỏ mạch)

Tên khoa học: *Dianthus Superbus L.*

Họ Cẩm chướng (*Caryophyllaceae*)

Bộ phận dùng: toàn cây bỏ gốc rễ, bỏ lá sâu, không mọc mọc vụn nát, hạt nhỏ hình tròn, cạnh dài, lục chín mồi rụng, sắc đen, phảng dẹp, giống hột mì.

Tinh vĩ, quy kinh: vĩ dương, tinh lạnh, vào hai kinh: tâm và tiêu tràng.

Tác dụng: thanh nhiệt, lợi tiểu, phá huyết thông kinh chữa lâm lụu, tiểu khò, kinh nguyệt không đều, ưng nhọt.

Không dùng cho người không thấp nhiệt, người có thai và sau đẻ.

Bảo chế: cắt cây đang ra hoa chưa nở, phơi khô, khi dùng tẩm ướt, thái nhỏ, có thể sao hay dùng sống.

Bảo quản: dễ hút ẩm, mốc, vụn nát, chú ý để nơi khô ráo, thoáng.

Sách Đại minh nhật hoa chư gia bản thảo ghi: "Cù mạch chuyên chữa lỵ, kinh nguyệt không thông, phá tan huyết đọng, hút mủ nhanh".

Sách Biệt lục ghi: "Cù mạch bổ khí cho thận, tiêu trừ tà khí cho bàng quang, khỏi đau hoặc loạn, tốt râu tóc".

Thổ sản: cù mạch sản xuất ở Quảng Đông, Bắc Giang là loại tốt.

### Các bài thuốc có cù mạch

#### Bài Bài chính ấm (Ấu ấu tu tri)

Biển súc	8g	Hoạt thạch nướng	8g
Cù mạch	8g	Sơn chi	8g
Mộc thông	8g	Cam thảo	8g
Xà tiền	8g		

Dại hoàng (chưng với rượu) 8g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần. Có thể tán bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 8 - 10g.

Tác dụng: chữa tiểu gắt do nhiệt.

### Bài Bát chánh tán (Hòa tè cục phương)

Biển bức	12g	Cù mạch	12g
Cam thảo	6g	Mộc thông	12g
Chi tử	8g	Hoạt thạch	12g
Xà tiền	12g	Dai hoàng (chè)	8g

Tân bột, mỗi lần uống 6 - 8g, ngày uống 2 lần với nước súc dâng tâm. Cố thể sắc uống ngày 1 thang, chia 3 lần.

Tác dụng: thanh nhiệt tả hỏa, lợi thủy, thông lâm, trị niệu đạo viêm nóng đau (do thấp nhiệt hạ trú ở hàng quang gây tiểu tiện nhò gợt, ngắn đớ, đau buốt).

### Bài Hòa thấp trực ử tiêu thủy thang (Thiên gìn diệu phương)

Cù mạch	30g	Dào nhân	12g
Tam láng	8g	Dai phúc	12g
Nga truật	8g	Hồ lô	1/2 quả
Phục linh	12g	Miết giáp	12g
Tiểu kế	12g	Xích thược	10g
Trạch tà	12g	Xà tiền tử	12g
Xuyên sơn giáp	8g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trực ử, tiêu thũng, trị xổ gan cổ trường.

### Bài Liên kiều tán (Chứng trị chuẩn thằng)

Cù mạch	12g	Cam thảo	8g
Ngưu bàng tử	12g	Độc hoa	12g
Kinh giới	12g	Phòng phong	12g
Liên kiều	12g	Sài hô	12g

Hoàng cầm	12g	Hoạt thạch	12g
Mộc thông	12g	Xích thược	12g

Tân bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g.

Tác dụng: trị các loại đau chấn động, đau mặt bị mụn nhọt, tai đau, má sưng đỏ.

#### Bài Sinh phu tần (Chứng trị chuẩn thường)

Bán hạ	30g	Cù mạch	30g
Hoạt thạch	20g	Phụ tử sống	20g
Mộc thông	30g		

Tân bột, ngày uống 8 - 12g với nước sắc dùng tắm và sinh khương.

Tác dụng: trị chứng lạnh lâm, tiểu tiện bí.

## CÚC HOA

Tên khoa học: *Chrysanthemum sinense* Sabine

Họ Cúc (*Compositae*)

Bộ phận dùng: hoa cúc, có hai loại:

- Kim cúc *Chrysanthemum indicum*, nhỏ, màu vàng.
- Bạch cúc *Chrysanthemum sinense* sabine, loại này hiếm, nhưng tốt hơn, có thể dùng uống trà.

Chọn thứ nguyên hoa, không mốc mọt, không lẫn tạp chất, thơm.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, tính hơi lạnh; vào ba kinh: phổi, gan và thận.

Tác dụng: tan phong nhiệt, giải hoả giải độc, chữa đau đầu do hóp mắt, chảy nước mắt, đinh nhọt, sang lò.

Chú ý: kiêng lửa, không dùng với bạch truật và rễ câu kỷ.

**Bảo chế:** lấy hoa dùng tươi càng tốt, phơi hoa trong râm, bỏ tạp chất.

**Bảo quản:** hoa dễ bị sâu, mọt, móng để nơi khô, dày kin.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Bạch cúc hoa chất ngọt, tính bình".

Sách Bản kinh ghi: "Bạch cúc hoa chữa nhức đầu do gió độc, đau mắt chảy nước mắt, da như người chết cũng chữa được".

**Thổ sản:** bạch cúc hoa ở Triết Giang, Hàng Châu là tốt.

Bạch cúc hoa còn gọi là cam cúc.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Cam cúc ngọt, đắng, tính lạnh".

Sách Dược học từ điển ghi: "Cam cúc thanh can, tiêu trù tè thấp, giáng hoả, thanh nhiệt, chữa sạch màng quang mộng".

### Các bài thuốc có cúc hoa

*Bài Cúc hoa Thang* (540 bài thuốc đông y)

Bạc hà	6g	Tang diệp	8g
Cúc hoa	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa cảm sốt.

*Bài Cúc hoa tán* (Ấu ấu tu trì)

Cam cúc hoa	Bạch chỉ	Cam thảo
Quế tám	Phong phong	Tiền hồ
Tổ tần 10g		

Liều tối cao 20g

Tán bột, uống ngày 12g với nước kính giờ.

Tác dụng: giải cảm phong hàn.

### Bài Cúc hoa trà diều tần (Trung y Thượng Hải)

Cúc hoa	4g	Bạc hà	6g
Xuyên khung	16g	Cương tâm	1.2g
Khương hoạt	4g	Kinh giới	16g
Phong phong	6g	Tú tần	4g
Bạch chỉ	6g	Cam thảo	4g

Tân bột, mỗi ngày uống 24g chia 2 lần.

Tác dụng: chữa đau đầu, đau mắt do phong nhiệt.

### Bài Khu phong minh mộc giáp (Tân biến trung y kinh nghiệm)

Cúc hoa	12g	Cam thảo	4g
Hạ khô thảo	12g	Kinh giới	6g
Cỏ tinh thảo	12g	Cát cánh	6g
Bản bạ	4g	Tang diệp	12g
Liên kiều	12g	Thảo quyết minh	20g
Mặt mồng hoa	6g	Sơn chi sao đơn	12g
Trúc diệp	6g		

Sắc uống.

Tác dụng: khu phong tà, trị mắt sưng đau thành dịch.

### Bài Tang cúc ấm (Ôn bệnh điều biến)

Tang diệp	Cát cánh	Cúc hoa
Lô cùn	Cam thảo	Liên kiều
Hành nhân	Bạc hà	

Liều đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: sơ phong thanh nhiệt, tuyên phế chí khái.

### Bài Tang các tửu (Nghiêm phương)

Tang diệp	Lô kiều	Cúc hoa
Bạc hà	Cam thảo	Hạnh nhân
Lô cùn	Cát cánh	

Liều đều 12g, già nát, ngâm 2 lít rượu sau 5 ngày uống mỗi lần 20ml.

Tác dụng: sơ phong thanh nhiệt, tuyên phế chỉ khái, chữa cảm phong nhiệt.

### Bài Thông thần tán (Chứng trị chuẩn tháng)

Cúc hoa trắng

Cốc tinh thảo

Vỏ đậu xanh

Liều bằng nhau.

Tân bột, lần uống 4g với hồng khô 1 quả, nước vo gạo 1 hắt, sắc cạn lấy hồng ăn.

Tác dụng: chữa nọc dơi chạy vào mắt, mắt có màng mây.

Chú ý: có nhiều bài Thông thần tán hoặc Thông thần thang ở các sách khác nhau, thành phần khác nhau.

### DẠ MINH SA (phản đối)

Tên khoa học: *Excrementum vespertilio*

Bộ phận dùng: phân của loài dơi (sống dài lâu năm) trong đó có mồi muỗi (vì dơi ăn muỗi).

Chọn loại hình hạt, hai đầu nhọn, màu đen, sáng bóng, nhẹ, xốp, mùi hơi đặc biệt, không lẫn tạp chất.

Tính vị, quy kinh: vị cay, tính lạnh; vào kinh can.

**Tác dụng:** hoạt huyết, thanh nhiệt, tan huyết. Dùng điều trị kinh gián, người mệt mỏi, nhức đầu. Không dùng cho người tỳ vị hư hàn.

**Bảo chẽ:** ngâm vào nước, dội sạch tro đất và mùi hôi chọn loại cát nhỏ, đây là mắt mèo.

Sách Y được cầu nguyên gọi dạ minh sa là thiên thứ thi, vì chất này có đặc điểm đậm sắng, ngày tối. Tác dụng chữa đau mắt, làm đứt màng, quang mộng.

Tính vị: dạ minh sa chất cay tính lạnh, dẫn huyết vào can nhanh, là vị thuốc cốt yếu trong nhân khoa".

Sách Bản thảo bì yếu ghi: "Dạ minh sa chữa đau mắt có màng mộng, đau bụng vì máu xấu, tiêu độc tích, trẻ con cam sài kinh gián"

Dạ minh sa với miếng giáp đốt cho khỏi trù muỗi.

Ký dùng dạ minh sa với bạch vi và bạch bì.

Bài kinh nghiệm chữa chứng dân bà có chửa bị sốt rét dùng 3 đồng cát dạ minh sa, tần nhả hoặc rượu đun nóng uống.

Bài Thành huệ phương chữa sốt rét, hay náu: dạ minh sa 1 đồng cát, hoà nước chè nguội uống.

Bài Trực chỉ chữa chứng đau mắt đỏ có mảng mộng: dùng dạ minh sa trộn gan lợn, đun chín, ăn cả cái nước.

Thổ sản: dạ minh sa ở Quang Đông, Phố Nhung có nhiều và tốt. Ở Việt Nam, người ta tìm được trong các vùng núi dã.

### Các bài thuốc có dạ minh sa

#### Bài Hòa bì hoàn (Ấu ấu tu trì)

Dạ minh sa	40g	Cát cánh	40g
Chi thực	40g	Thanh phán	40g
Dương quy	40g	Miếng giáp	40g

Hoàng kỳ	40g	Mộc hương	40g
Kha tử	40g	Nhân sâm	40g
Khổ buyên (rễ)	12g	Tam lang	40g
Nga truật	40g	Cúc dát (tán tinh)	6g
Sử quân tử	32g		

Tân bột, lâm hoàn, mỗi ngày uống 8 - 12g.

Tác dụng: trị cảm, tiêu tích, tiết tả, diệt giun, kích thích tiêu hóa.

#### Bài Kết thịnh hoàn (Ấu ấu tu tri)

Dạ minh sa	8g	Mộc hương	8g
Sử quân tử	8g	Thanh bì	8g
Hà mò (nuông)	12g	Nga truật	8g
Hoàng liên	12g	Ngũ linh chi	8g
Trần bì	8g	Sa nhân	8g
Lô hội	8g		

Tân bột, dùng mặt heo đục hai cái trích lấy nước hòa bột  
thuốc lâm hoàn. Ngày uống 2 lần, mỗi lần 4 - 6g.

Tác dụng: trị các chứng cảm ở trẻ nhỏ.

#### Bài Ngũ can hoàn (Cần thời thông hành)

Dạ minh sa	40g	Lực phẫn	20g
Tè giác hoàng	4g	Mật đã tăng	40g
Hồ huống liên	40g		

Tân bột, dùng táo nhục giã nát dù làm viên, trộn thuốc bột  
lâm hoàn, ngày uống 4 - 6g.

Tác dụng: trị trẻ nhỏ bị chứng cảm mắt, mặt và da vàng da.

# DÂM DƯƠNG HOÁC

Tên khoa học: *Herba*  
Họ Hoàng liên gai (*Berberidaceae*)

**Bộ phận dùng:** là cây dâm dương hoắc. Lá màu lục tro hoặc lục vàng, cứng, giòn; không dùng loại lá mốc, vụn.

**Tính vị, quy kinh:** vị cay, tính ấm; vào hai kinh: can và thận.

**Tác dụng:** bổ can thận, trợ dương, ích tinh, trừ phong thấp, cường dương, chữa liệt dương, đau lưng mỏi gối.

**Bảo chế:** Mỹ Séc dâm dương hoắc tẩm với 100g mật dê rồi sao khô.

Có thể tẩm rượu sau qua.

**Bảo quản:** đậy kín để nơi khô, tránh ẩm và làm vụn nát.

Sách Y học cổ nguyên ghi: "Tại Trung Quốc, miền Tây Bắc có giống dê rất dâm dục, hàng ngày giao cấu với 100 dê cái hoặc ngày trăm lần do nô ăn thứ cỏ hoắc này".

Sách Bản kinh ghi: "Dâm dương hoắc bổ khí lực, lợi tiểu, chữa đau âm nang, dương vật".

Sách Bản thảo cương mục Lý Thời Trần ghi: "Dâm dương hoắc bổ chân dương, nhiều tinh khí".

Sách Đại minh nhật hoa thư gia ghi: "Dâm dương hoắc bổ xương sống, cứng gân, mạnh tám lực, tiêu trừ các chứng vi gián lạnh và khí độc làm gần cốt tê mỏi, chân tay ngứa ngáy khó chịu".

**Thổ sản:** dâm dương hoắc ở Thiểm Tây, Hán Trung và Hồ Tương Gian, Quảng Đông, Bắc Giang.

## Các bài thuốc có dâm dương hoắc

**Bài:** Bổ thận cường phồn thang (Viện trung y Thượng Hải)

Câu tích	12g	Dâm dương hoắc	12g
----------	-----	----------------	-----

Thò ty tử	12g	Nữ trinh tử	12g
Kim ash tử	12g		

Tán bột, làm thành phiến, ngày uống 3 lần, mỗi lần 10 - 15g.

Tác dụng: trị thận hư, lưng đau, chân yếu, đầu vâng, tai ứ, mắt hoa, sợ hãi, di tinh, liệt dương.

#### Bài Bổ túng thang (Chứng trị chuẩn thằng)

Bạch truật	12g	Dương quy	24g
Quan quế	6g	Sơn tra	24g
Cam thảo	6g	Hồng diệp	12g
Ký tử	12g	Hồng kỳ	12g
Trần bì	8g	Xuyên khung	8g
Mộc hương	8g	Dâm dương hoắc	12g
Dụt mảng tre	8g	Nhân sâm	12g
Xuyên son giáp	8g		

Sắc uống với táo và gừng, ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị chứng đau sặc trắng không mọc ra, biến thành nhọt độc.

#### Bài Hải hà tán (Thiền gia diệu phương)

Dâm dương hoắc	200g
Hạch đào nhân	80 cái
Hải hà (tôm biển sống)	500g
Rượu trắng	250ml

Đổ rượu vào bình, châm lửa đốt cho nóng rượu, cho tôm biển sống vào ngâm kỹ, lấy tôm ra sấy khô. Hạch đào nhân bỏ vỏ, ngâm

nước muối, sấy khô cung cấp với tẩm thành bột. Dùng đường hoặc  
sắc thành thang uống với thuốc bột trên, uống liên trong 2 tháng.

Tác dụng: ăn thận, tráng dương, trị chứng yếu sinh dục.

#### Bài ích tinh tráng dương hoàn (Thiên gia diệu phương)

Bà kích	12g	Bạch nhán sâm	12g
Cam thảo	8g	Lộc nhung	5g
Kỳ tử	16g	Dâm dương hoàn	30g
Nhục dung	12g	Phục linh	12g
Sơn dược	12g	Thiên môn	8g
Sơn thù	12g	Tảo nhán (sao)	12g
Thò ty tử	12g	Thực địa	16g
Tỏi dương	12g		

Tân bột, ngày uống 30g, chia 2 - 3 lần.

Tác dụng: trị âm dương lưỡng suy, liệt dương.

## DẠI HOÀNG

Tên khoa học: *Rheum sp*

Họ Rau răm (*Polygonaceae*)

Bộ phận dùng: củ. Chọn loại củ to, dài 15x10cm, trên mặt có lớp bụi màu vàng, cỏ giàn, chắc cứng và thơm, thái thấy mặt trên nhánh, cẩn thận đánh răng là tốt, cỏ nhiều dầu, vàng đen; loại xốp khó ít dầu là kém; loại màu vàng gọi là cẩm hoàng.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, tính lạnh; vào năm kinh: can, tỳ, vị, tâm bao và đại tràng.

**Tác dụng:** tẩy nhiệt trong huyết, điều hoà trung tiêu, yên nâm tạng; dùng sống có tác dụng tẩy hạch, thanh nhiệt; sau tẩm chua huyết bể.

Tác dụng còn tùy liều lượng, liều thấp 0,30g có tác dụng bổ. Không dùng cho người không có uất nhiệt tích đọng.

**Bảo chế:** rửa sạch, nhanh, ủ vừa mềm, thái mỏng, sấy nhẹ cho khô vừa, tẩm rượu.

Dùng sống: sắc thuốc mạnh hơn.

Thử xép cũng rửa sạch nhanh, đồ qua, thái mỏng.

**Bảo quản:** để nơi khô ráo, tránh ẩm, mốc, mọt.

Sách Y được cùu nguyên gọi đại hoàng là sinh quân.

Sách Bản kinh ghi: "Đại hoàng tiêu huyết động, thông huyết bể, khai nồng rát, phá tan hàn cục, tẩy sạch tỳ vị, thay huyết cũ đổi huyết mới, điều hoà tạng phủ, chống tiêu edm".

Sách Bật lục ghi: "Đại hoàng yên vị, giáng khí, tiêu đờm, khai dây, phụ nữ huyết lạnh dây bụng, đau dạ con, người già yếu bị huyết kết".

Sách Trương Trọng Cảnh ghi: "Đại hoàng tiêu thông nhiệt độc bí kết, khai dây bụng tức ngực, đại tiêu tiện bể, huyết xấu phủ thũng".

**Ghi chú:** sắc vàng không gần là tẩy hoàng ở Tứ Xuyên, Nhĩ Châu gọi là mã đế hoàng. Ngoài ra có vân hoàng và thái hoàng sản xuất ở Hà Bắc và Sơn Tây.

### Các bài thuốc có đại hoàng

#### *Bài Đại hầm hung thang (Thương hàn luận)*

Cam thảo	4g	Mang tiêu	4g
----------	----	-----------	----

Đại hoàng	8g
-----------	----

Sắc uống.
-----------

Tác dụng: chữa thương hàn gây chùng kết hung, bụng đau đầy cùng.

*Bài Đại hoàng thang gia vị* (Thiền gia diệu phương)

Đại hoàng sống 15g

Huyền minh phấn 30g

Tân bột, chia 2 lần uống.

Tác dụng: cung hạ thông lý (viêm tủy cấp)

*Bài Đại hoàng ẩm* (Lục khoa chuẩn thang)

Chích thảo	2g	Hoàng cầm	2,5g
------------	----	-----------	------

Đại hoàng	8g	Gừng	5 lát
-----------	----	------	-------

Hạnh nhân	6g	Tháng ma	4g
-----------	----	----------	----

Chí xác	6g	Dâu xị	21 hạt
---------	----	--------	--------

Ô mai	1 quả		
-------	-------	--	--

Tác dụng: chữa phổi táo, đại tiện không thông, cơ thể nồng.

*Bài Đại hoàng đương quy tán* (Trương thị y tông)

Đại hoàng	40g	Sơn chi	20g
-----------	-----	---------	-----

Mộc tặc	20g	Tô mộc	20g
---------	-----	--------	-----

Hoàng cầm	40g	Hồng hoa	8g
-----------	-----	----------	----

Đương quy	20g		
-----------	-----	--	--

Tân bột, mỗi ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa mắt sưng đau, huyết ứ, mắt mù, chảy máu ở mắt.

*Bài Đại hoàng cam thảo ẩm* (Thẩm thi tân sinh)

Đại hoàng	6g	Dâu đen	26g
-----------	----	---------	-----

Cam thảo	10g		
----------	-----	--	--

Nấu đậu đen sôi kỹ, cho cam thảo vào, gán được cho đại hoàng, chia 3 lần uống.

Tác dụng: trung độc do ăn uống, bụng đầy trướng (thanh nhiệt).

#### Bài Đại hoàng cam thảo thang (Kim quỹ yêu lược)

Hay bài Điều vị thừa khí thang bỏ mang tiêu

Cam thảo sống 4g

Đại hoàng sống 16g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa nôn mửa do vị hoả, đại tiện bí kết, khát.

#### Bài Đại hoàng cam toai thang (Kim quỹ yêu lược)

A giao 8g Cam toai 4g

Đại hoàng 8g

Sắc uống.

Tác dụng: thông huyết ứ, phụ nữ bụng đau dày, tiểu khát, không khát.

#### Bài Đại hoàng cùi long thang (Thiền già điều phương)

Nước lá hẹ (cứu tráp thái) 100ml

Đại hoàng 30 - 60g

Địa long 50 - 70 con

Địa long rửa sạch thái tùng đoạn nhỏ, nấu trong 2 giờ lấy 350ml nước thuốc, sau ngâm đại hoàng vào trong 2 giờ, để thuốc nguội đổ cả vào nước lá hẹ, chia 2 đến 3 lần uống.

Tác dụng: thanh tâm, tả hoả, trิต đàm, khai khiếu, chữa tâm thần phân liệt.

### Bài Đại hoàng đương quy tán (Ngân hà tinh vi)

Đại hoàng	6g	Chi tử	12g
Cúc hoa	12g	Tô mộc	8g
Dương quy	8g	Hồng hoa	8g
Hoàng cầm	12g	Mộc tặc	12g

Sắc uống sau bữa ăn.

Tác dụng: chữa mắt đỏ do ứ máu làm mắt mờ (huyết quấn đồng nhân).

### Bài Đại hoàng hoán (Thiên kim)

Đại hoàng	640g	Can khương	150g
Kê tử đại	1 quả	Sài hồ	640g
Thục tiêu	150g	Phục linh	150g
Mang tiêu	640g	Xuyên khung	200g

Tán bột làm viên, ngày uống 28g với nước c.cam.

Tác dụng: chữa đái hạ, không có con (khô thụ thai).

### Bài Đại hoàng hoán (Thái bình thành huệ phương)

Đại hoàng	30g	Tang bạch bì	20g
Hạnh nhân	20g	Mộc thông	20g
Bách hợp	20g	Phác tiêu	20g
Thiên môn	20g		

Tán bột làm viên, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa ngực đầy, bụng gù, phế nhiệt, ngực bụng đầy trưởng, đái hạ.

### Bài Đại long hoàn (Ấu ấu tu tri)

Đại hoàng	6g	Bạch thược	24g
Chích thảo	12g	Mộc hương	4g
Chi xác	16g	Binh lang	16g

Tân bột, mỗi lần uống 12g.

Tác dụng: chữa kiết lỵ mót rận.

### Bài Đại hoàng lực hợp thang (Trung y Thượng hải)

Đại hoàng	4g	Bạch thược	12g
Dương quy	12g	Thục địa	12g
Dào nhân	10 hạt	Xuyên khung	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa cổ thai bị thương hàn, đại tiện bí, tiểu đỗ, mạch trầm sắc.

(Đây là bài Tù vật gia đại hoàng, dào nhân)

### Bài Đại hoàng mẫu đạm thang (Kim quỹ yếu lược)

Đại hoàng	6g	Dào nhân	6 hạt
Dòng qua nhân	12g	Mẫu dùn	12g
Mang tiêu	6g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa trưởng ung (bung căng trưởng, táo bón).

### Bài Đại hoàng phụ tử thang (Kim quỹ yếu lược)

Đại hoàng	12g	Phụ tử	16g
Tế tần	8g		

### Sắc uống.

Tác dụng: thông kinh tán hàn, thông tiện chí thống, chữa tắc đờ hàn.

### Bài Đại hoàng tán (Bệnh cao khí nghẽn bão mạnh tấp)

Cam thảo	10g	Sơn chi	20g
Dại hoàng	20g	Uất kim	20g

Tân bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa phiến nhiệt, nằm ngồi không yên.

### Bài Đại hoàng tán (Lục khoa chuẩn thẳng)

Dại hoàng		Hoàng kỳ nấu nước	
Xích thược		Xà sàng tử	
Huyền sâm		Hoàng cầm	
Đan sâm		Sơn thù	

Lấy bằng nhau 20g, tân bột, ngày uống 8g với rượu.

Tác dụng: chữa ngừa âm đạo.

### Bài Đại hoàng tán (Lục khoa chuẩn thẳng)

Dại hoàng	20g	Thăng ma	20g
Sơn chi nhân	0,4g	Phác tiêu	20g
Chi tử	20g		

Tân bột, ngày uống 6g.

Tác dụng: chữa lỵ ngắn, ướt nhiệt, cảm phiến không yên, tiêu không thông.

### Bài Đại hoàng tán (Lục khoa chuẩn thẳng)

Cam thảo	20g	Chi xác	20g
----------	-----	---------	-----

Đại hoàng	16g	Dâu đen	20g
Đương quy	10g	Mang tiêu	20g
Ngoài hàng tú	10g	Xuyên khung	10g

Tân bột, ngày uống 24g.

Tác dụng: chữa mụn nhọt sưng cứng, đau vùng ngực bụng, phổi muộn nằm ngồi không yên.

#### Bài Đại hoàng tán (Thẩm thị tóm sinh)

Đại hoàng	40g
Tam lăng	40g

Tân bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa họng sùn cứng như đá.

#### Bài Đại hoàng thang (Lạc khao chuẩn thang)

Đại hoàng	4g	Dào nhân	8g
Mùi dán bì	4g	Bạch giới tử	8g
Tiêu thạch tân bột	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa trưởng ụng, dài buốt, số lạnh, ra mồ hôi.

#### Bài Đại hoàng thang (Lạc khao chuẩn thang)

Đại hoàng	4g	Sinh khương	6g
Sinh địa	6g	Úc lý nhân	12g
Nhuật quế	6g	Dào nhân	6g

Sắc uống.

Tác dụng: phụ nữ bị huyết ứ do bị ngã, đánh đập

### Bài Đại hợp thang (Lục khoa chuẩn thang)

Dại hoàng	Dương quy
Thực địa	Xuyên khung
Liệu bằng nhau, tán bột, lán uống 4g.	

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ huyết nhiệt, sốt chiếu, sụt bong tẩy.

### Bài Đại khung cảng thang (Lục khoa chuẩn thang)

Dại hoàng	8g	Xuyên khung	4g
Khương hoạt	8g	Hoàng cầm	8g

Sắc uống.

Tác dụng: phá thương phong, ra mồ hôi không cầm, tiêu bí.

### Bài Đại kim hoa hoàn (Thái Thượng Công)

Dại hoàng	Hoàng cầm
Hoàng bá	Hoàng liên

Liệu đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa thực hỏa, cuồng, bứt rứt, miệng táo, môi khô, mài chảy máu.

(Đây là bài Hoàng liên giải độc bổ chi tử, thêm đại hoàng).

### Bài Đại nhân trần thang (Lục khoa chuẩn thang)

Dại hoàng	6g	Chi tử	6g
Nhân trần cao	20g		

Sắc nhân trần trước, sau cho hai vị vào sắc tiếp.

Tác dụng: chữa dương hoàng.

### Bài Đại thầu khí thang (Thượng hàn luận)

Dại hoàng	12g	Chi thực	16g
-----------	-----	----------	-----

Hậu phác 16g Mang tiêu 12g

Cho hậu phác, chỉ thực sắc trước, lọc bỏ bã, sau cho đại hoàng, phác tiêu vào sau sắc uống. 2 giờ uống 1 lần, thấy đại tiện được thì ngừng uống.

Tác dụng: điều hoà nhiệt ở trường vị, cung hạ tích tụ ở ruột, tiêu bí, trừ đầy trường, tả hoa, giải độc, tiết nhiệt.

#### Bài Hoàng hắc tán (Thẩm thị tân sinh)

Đại hoàng 10g Ngưu bàng tử 4g

Hắc khiên ngưu 4g Phá cổ chí 4g

Tán bột.

Tác dụng: chữa đại tiện bí.

#### Bài Lương cách tán (Cục phương)

Liền kiều 100g Bạc hà 40g

Hoàng cầm 40g Sơn chi 40g

Phác tiêu 80g Cam thảo 80g

Đại hoàng 80g Mật mía 20g

Trúc diệp 8g

Tán bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa kinh phong ở trẻ, đậu thương hâm hắc hàn.

#### Bài Ôn tỳ thang (Thiên kim)

Đại hoàng 8g Cam thảo 4g

Phụ tử 8g Nhân sâm 8g

Can khương 4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thực hàn tích trệ, đau bụng đại tiện bí, kiết lỵ mạn ra mũi, viêm thận mạn.

Dây là bài Phụ tử lý trung thêm đại hoàng

Bài Ôn tỳ thang (Bản sự)

Dại hoàng	16g	Cam thảo	80g
Phụ tử	80g	Quả tim	80g
Can khương	80g	Hỗn phác	80g

Tân bột, lần dùng 40g.

Tác dụng: chữa ỉa chảy, đau bụng.

Bài Phác hoàn hoàn (Bút hoa y kinh)

Dại hoàng	800g	Mộc hương	160g
Hỗn phác	460g	Trần bì	480g

Lấy lá sen nấu nước làm viên 4g, ngày uống 2 lần, mỗi lần 2 viên.

Tác dụng: chữa đau bụng có tích trệ.

## DẠI HỐI

Tên khoa học: *Hilicium sericeum* Hook. f

Họ Hồi (*Hiliaciaceae*)

Bộ phận dùng: quả chín (cô nói gọi nhầm là hoa hồi). Chọn quả to hình bát giác, 8 cạnh xoé đều có hột, màu nâu hồng, thơm, chọn loại khô, nguyên cánh, không gãy.

Tính vị, quy kinh: vị cay, tính ấm; vào bốn kinh: can, thận, tỳ và vị.

Tác dụng: trừ lạnh, gió, tiêu đàm khai vị, chống nôn, chữa nôn, đầy trướng bụng. Không dùng cho người ẩm hư hoà vượng.

**Bảo chẽ:** bóc cánh, bỏ hột, rửa qua, phơi trong râm hoặc tẩm rượu rồi sao qua (để cách giấy), hoặc tẩm nước muối (cũng sao cách giấy). Tẩm rượu là chữa ở thượng tiêu, tẩm muối để chữa ở hạ tiêu.

**Bảo quản:** đựng trong lọ kín, tránh nắng, ẩm.

### Các bài thuốc có đại hối

**Bài Bổ dương ngũ tạng thận được tiêu (Tâm đặc thận phương)**

Bạch thược	30g	Dõe hoặt	20g
Sa sảm	20g	Đương quy	30g
Bạch truật	30g	Táo nhân (sao)	20g
Cam thảo	10g	Khuynh hoạt	20g
Tân giao	20g	Thục địa	40g
Ký tử	20g	Nghu tất	20g
Đại hối	8g	Nhục quế	8g
Trần bì	10g	Tục đoạn	20g
Đại táo	20g	Phỏng phong	10g
Dõ trọng	40g	Phục linh	20g
Xuyên khung	10g		

Ngâm 2 - 3 lít rượu trong 10 ngày, mỗi ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần 10-20 ml.

Tác dụng: bổ ngũ tạng, ngăn ngừa cảm mạo, trị đau lưng, kích thích thần kinh.

**Bài Cấp cứu thủy (5-10 bài thuốc đồng ý)**

Đại hối	8g	Sinh khương	8g
Can khương	8g	Nhục quế	8g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị cholesterol, trục mạch, huyết áp tụt.

#### Bài Điều trung ấm (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch truật	20g	Dại hối	12g
Quất bì	12g	Quế tám	8g
Chích thảo	8g	Nhân sâm	12g
Hà thủ ô	12g	Nhục đậu khấu	12g
Sa nhân	12g	Sinh khương	6g
Hoắc hương	12g	Tán lang	8g
Dại táo	12g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị các chứng suy nhược ở trẻ nhỏ.

#### Bài Hắc thán hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)

Dại hối	60g	Dại hoàng	12g
Mộc hương	20g	Thần khúc	80g
Sơn tra	60g	Tán lang	12g
Tiêu (sao khé)	20g		

Lấy các vị thuốc để nứa sống, nứa chín, tán bột. Trộn tiêu và sơn tra nấu sôi lên, cho thuốc bột vào trộn, làm thành viên 6g. Đem 400g đại hối trải xuống dưới, sau cho thuốc hoàn lên trên để lấy mùi thơm của đại hối.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 2 viên.

Tác dụng: trị các chứng nội thương, băng huyết, sinh khí, trục thai lưu ra, các chứng bệnh vú huyết sau khi sinh.

### *Bài Hương quất tán (Trung thi y thông)*

Dại hồi	20g	Hạt quýt	40g
Sơn tra nhục (sao)	40g		

Tán bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 12g với rượu nóng, lúc đói bụng.

Tác dụng: trị dịch hoán một bên sưng đau (thiên truy, thoát vị bẹn).

### *Bài Hương lăng hoàn (Tế sinh phương)*

Chi xà (sao)	40g	Dinh hương	20g
Dại hồi (sao)	40g	Tam lăng	40g
Mộc hương	20g	Nga truật	40g
Thanh bì	40g	Xuyên luyễn tử	40g

Tán bột, trộn hồ lám hoàn, dùng chu sa bọc ngoài, ngày uống 8 - 12g với nước gừng pha ít nước muối hoặc uống với rượu.

Tác dụng: trị tích tụ,痞塊, trung hàn.

### *Bài Khử linh hoàn (Trung Quốc y học đại từ điển)*

Dại hồi	40g	Nước gừng
Thanh diêm	80g	

Dùng nước gừng tắm hổi hương một đêm, phơi khô. Dùng thanh diêm trộn chung sào vàng, tán bột, trộn rượu làm hoàn. Ngày uống 2 lần, mỗi lần 8 - 10g.

Tác dụng: trị sán khí.

# **DẠI PHÚC BÌ**

Tên khoa học: *Pericarpium arecae*

Họ Cau (Arecaceae)

Bộ phận dùng: vỏ quả cau nhí. Chọn loại vỏ quả khô, nhiều sợi xốp vàng mềm, dài. Loại cứng, mốc dơm là xấu (độ ẩm <1%, tinh chất <1%).

Có hai loại:

- Dại phúc bì: quả cau bò vỏ xanh, bò lồi, bò dòn, sấy khô.
- Dại phúc mạc: quả chín bò vỏ và hạt, già nát, sấy khô.

Tinh vị, quy kinh: vị cay, tính ấm; vào hai kinh: tỳ và vị.

Tác dụng: hự khí hành thuỷ, thông đại tiểu tràng, chữa thủy thũng. Dùng chín có tác dụng an thai, bình vị. Không dùng cho người hư, bệnh không có thấp nhiệt.

Bảo chế: lấy quả rửa sạch, sau rửa bằng nước đậu đen, rửa qua, vùi tro nóng, thái nhỏ. Cũng có thể rửa sạch, ủ mềm, xé太极. Phơi khô. Có thể tẩm rượu hoặc có thể nấu thành cao đặc.

Bảo quản: dày kín, để nơi khô, tránh mốc. Có thể sấy太极 sinh, thường xuyên phơi để đảm bảo trắng đẹp.

Chú ý có nơi gọi bẹ bọc huống cau là đại phúc bì, sự thực gọi là huống mèo. Lưỡi mèo có thể thái nhỏ, phơi khô; dùng chữa phì thũng, an thai.

Sách Chu gia bản thảo ghi: "Dại phúc bì vị cay ấm, chữa đầy hơi, đau hoặc loạn, thông đại tiểu tràng, điều hoà cơ thể, mát da thịt, ăn chóng tiêu".

Sách Bản thảo cương mục ghi: "Dại phúc bì chữa đầy hơi, phì thũng ở bụng, phù chân, thai trường buồn bãng".

## Các bài thuốc có đại phúc bì

### Bài Đại sinh tan (Chu Dan Kho)

Đại phúc bì	12g	Dương quy	4g
Cam thảo	8g	Nhân sâm	4g
Bạch thược sao rượu	4g	Trần bì	4g
Bạch truật	4g	Tù tú	4g

Sắc uống với 5 lít hành.

Tác dụng: an thai, dễ đẻ (uống lúc thai được 8 - 9 tháng).

### Bài Đại phác bì đỉm (Lục khoa chuẩn thẳng)

Đại phúc bì	4g	Thanh bì	4g
Hỗn phác	4g	Đại hoàng	4g
Phòng kỵ	4g	Tang bạch bì	4g
Mộc thông	4g	Trần bì	4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa băng huyết, phụ nữ huyết ứ ở bụng, đau bụng.

### Bài Đại phác bì tán (Lục khoa chuẩn thẳng)

Đại phúc bì	Thanh bì	Mộc thông
Mộc hương	Mộc qua	Tù tú
Xích thược	Khuynh hoạt	Tán lang
Kinh giới	Tô diệp	Chi xác

Liệu bằng nhau, tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: phụ nữ bị phong độc, chấn thương, các khớp xương đau, tê麻 phiến buồn rầu.

### Bài Đại phúc bì tán (Lạc khoa chuẩn thẳng)

Đại phúc bì	4g	Chi xác	4g
Cam thảo	4g	Xích linh	12g

Tân bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa cổ thai tiêu tiễn đờ, it.

### Bài Đại phúc bì thang (Lạc khoa chuẩn thẳng)

Đại phúc bì	4g	Nga truật	4g
Thương truật	8g	Chi xác	8g
Tân lang	4g	Cam thảo	4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa trẻ bị sốt rét uống thuốc thái quá, gây sốt nghịch lên, bàng quang tinh hoàn sưng, ăn không được.

### Bài Đại sinh tán (Chu Dan Ké)

Đại phúc bì	12g	Trần bì	4g
Nhân sâm	4g	Đương quy	4g
Bạch truật	4g	Tô tử	4g
Cam thảo	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: dễ đờ.

## ĐAM ĐẦU XỊ

Tên khoa học: *Semen sojae praeparatum*

Bộ phận dùng: chọn đậu đen to, không mọt.

Tinh vị, quy kinh: vị đắng, tính lạnh; vào hai kinh: phế và vị.

**Tác dụng:** phát hàn giải biểu, trừ ôn dịch, điều khí. Thường dùng để chữa thương hàn phát sốt, đau đầu, mồ hôi, không có mồ hôi. Không dùng cho người không bị ngoại cảm phong hàn.

**Bào chế** (theo Trung y): sắc thang thuốc thanh ôn giải độc lấy hai nước đầu, sau cù lại, rồi cho đậu đen vào nấu đến khi cạn. Đậu đen phỏng bén to, vớt ra để ngoài đổ vào thùng, dây kin, để nồi nung ấm 3 - 4 ngày cho đồ lên mốc, lấy ra phơi khô là được (100 kg đậu phải dùng 20 thang thanh ôn giải độc).

#### Bài Thanh ôn giải độc

Bạch chỉ	6g	Khương hoạt	8g
Huyền sâm	12g	Thiên hoa phấn	8g
Xích thược	8g	Sài hồ	6g
L-liên kiều	12g	Cát cát	6g
Cát cánh	8g	Trúc diệp	4g
Cam thảo	6g	Xuyên khung	5g
Hoàng cầm	8g	Sinh khương	3 lát

**Cách chế** (theo y gia Việt Nam): có hai cách chế biến đậu xị là chế hầm đậu xị và đạm đậu xị.

- **Chế hầm đậu xị:** đậu đen rửa sạch, bỏ hạt lép nổi trên nước, ngâm nước muối 2 ngày theo tỷ lệ 1kg đậu + 250g muối ăn + 1 lít nước, sau đem đỗ vừa chín tới, lấy nước muối đã ngâm tắm hết vào. Rải đậu trên nia có lót lá chuối sạch, dây kin 3-4 lớp, chèn kin xung quanh, ủ liền 3 ngày đêm, sau sấy ở nhiệt độ 30 - 40° cho khô rồi cho lợ dày kin.
- **Chế đạm đậu xị:** rửa sạch đậu, ngâm nước sạch một đêm sau phơi qua cho ráo nước, đỗ chín, rải trên nong sạch cho đậu, chờ cho ráo nước lại lấy lá chuối dày kin, sau 3 ngày bỏ ra, khi thấy đậu lên meo vàng, lai vẩy nước, ủ kin làm liền 5 - 7 ngày. Cuối cùng đem chưng và phơi khô, cho vào bình dày kin.

Dỗ den được thu hái vào mùa hè nên thường chế biến vào mùa hè.

Bảo quản: để nơi khô ráo tránh mốc mọt.

Chú ý: phơi sấy lại trong mùa mưa.

### Các bài thuốc có đạm đậu xị

*Bài Thông xị an thai thang* (Người dài bì yếu)

Đạm đậu xị	28g	A giao	6g
Thông bạch	28g		

Sắc uống.

Tác dụng: chán động thai không yên.

*Bài Thông xị cắt cánh thang* (Thông tục thương hàn luận)

Đạm đậu xị	12g	Cắt cánh	4g
Cam thảo	2,4g	Liền kiều	6g
Bạc hà	4g	Đạm trắc điệp	30g
Sơn chi	8g	Thông bạch	3 củ

Sắc uống.

Tác dụng: tan lương giải biểu, chữa ôn bệnh ở phần khí.

*Bài Thông hoả chúc* (Thánh hoả phương)

Đạm đậu xị	30g	Nganh mè	60g
Thông bạch	1 củ		

Nấu cháo ăn.

Tác dụng: phát tán giải co, chữa nóng trong xương, phiến nhiệt, ho, chân tay lạnh đau.

### Bài Thắng xị hàn mề tiễn (Thắng tặc thương hàn hàn)

Thắng xị	6g	Bạc hà	1.5g
Nganh mề	30g	Thắng bạch	1 củ

Sắc uống.

Tác dụng: chữa cảm thương hàn đau đầu, sốt.

### Bài Thắng xị thang (Trầu Hậu)

Đậu xị	6g
Thắng bạch	3 củ

Sắc uống.

Tác dụng: chữa mệt mỏi, đau đầu, ngạt mũi.

## ĐẠM TRÚC DIỆP (cỏ lá tre)

Tên khoa học: *Lophatherum gracile Brongn*  
Họ Lá tre (*Poaceae*)

Bộ phận dùng: lá nhỏ dài hình theo, mài mòn màu vàng lục, chọn loại lá hành té, không già không non. Tránh nhầm với lá tre, lá trúc.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, nhạt, tính lạnh; vào hai kinh: tâm và tiêu trường.

Tác dụng: thanh tâm hoà, lợi tiểu; chủ trị: dài đờ, dài ứ, thanh tâm giải nhiệt, không dùng cho người thấp nhiệt, phụ nữ có thai.

Bảo chế: bỏ tạp chất, tắm nước vòi, cắt bỏ rễ, thái từng đoạn, phơi khô dùng.

Bảo quản: để nơi khô, thoáng, tránh ánh nắng, tránh nóng, đã bảo chế rồi dày kín.

**Ghi chú:** có nốt dâng cả thân cây, thân hình trụ trên có đốt, ngoài màu lục vàng nhạt, mặt bì rỗng, lá có gân song song, gân nhỏ mọc ngang thành mạng lưới chín nhánh, trông rõ ở mặt dưới lá.

### Các bài thuốc có Đam trúc diệp

#### Bài Đao xích tán (Y lược giải âm)

Đam trúc diệp	10 lá	Cam thảo sống	2g
Mạch môn	12g	Mộc thông	4g
Xích linh	6g	Sinh địa	12g
Xà tiền	6g		

Tân bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa tiêu độc, tiêu mâu.

#### Bài Đao xích thanh tẩm thông (Thông tặc thương hàn hụt)

Đam trúc diệp	6g	Phục thán	8g
Dan bì	6g	Sinh địa	24g
Liên tử tẩm	30 hạt	Mạch môn	4g
Đang tẩm	20g	Mộc thông	2g

(Đang tẩm, mộc thông tẩm thán sa, cho thêm cam thảo, hạt thạch 12g là bài Ich nguyên tán)

Tác dụng: thanh nhiệt ở tẩm và phán doanh.

### ĐAN BÌ (điều bì)

Tên khoa học: *Paeonia suffruticosa* Andr

Họ Mao lương (Ranunculaceae)

Tên khác: phán đơn bì, hoa vuông, mộc thược dược, thiên hương quốc sắc, phú quý hoa, mẫu đơn bì.

Tinh vị quy kinh: vị cay, đắng, tính hổi hàn; vào bốn kinh: thận, can, thận và tâm bão.

Bộ phận dùng: vỏ rễ của cây mẫu đơn. Chọn loại vỏ có màu đỏ, không giàn là tốt.

Chất biến: mèo thu đầu rễ cây dán bì đã ba năm tuổi, rễ sạch dài, sau bò dọc và nhô, phai khô. Cũng có thể cao và mọng ở ngoài rễ mồi bò dài để bắc vỏ, loại này còn gọi là quất dán bì. Có một số nơi sấy vàng đen để dùng.

Bảo quản: để nơi khô ráo.

Theo dụng: thanh huyết nhiệt, tan ứ huyết; chữa nhiệt nhập doanh phan, kinh giàn, điện cuồng, chảy máu cam, hú lác, cát chung, kinh bế.

### Các bài thuốc có dán bì

Bài Dưỡng dán thành phu không (Trung lầu ngực bỗ)

Dán bì	16g	Mí màu	16g
Huyền sâm	16g	Mạch môn	16g
Sinh địa	20g	Xích thược	12g
Cam thảo	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: dưỡng âm, thanh phu, lương huyết; chữa viêm họng, ho khan, bạch hầu.

Bài Dại áo kính không (Kim quý yêu luope)

Dán bì	8g	Bạch thược	8g
Hán hập	8g	Mạch môn	8g
A giao nương phuông	8g	Đương quy	8g
Nhân sâm	8g	Nhục quế	8g

Sinh khương	3g	Ngô thù	8g
Xuyên khung	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa hành kinh đau bụng.

#### Bài Dan bì tử vật thang (Vị tống kim giám)

Dan bì	12g	Bạch thước	8g
Xuyên khung	4g	Dương quy	8g
Sinh địa	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa kinh nguyệt ra nhiều, khi hành kinh ra huyết hôi.

#### Bài Dan chi tiêu dae tan (Cục phương)

Cam thảo nướng	2g	Dan bì	4g
Bạch linh	4g	Dương quy tắm rửa sau	8g
Bạch truật	4g	Bạc hà	4g
Sài hô	8g	Sinh khương	4g
Son chi	4g	Thuya được	4g

Tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: thanh nhiệt sơ can giải uất, chữa hông sưng đau, chóng mặt, kinh nguyệt không đều.

#### Bài Dan bì thang (Huyết chứng luận)

Dai hoang	4g	Dan bì	12g
Dào nhân	12g	Qua lâu sương	12g
Phác tiêu	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ung nhọt.

## DAN SÂM

Tên khoa học: *Radix salviae multiorrhizae*

Họ Hoa môi (*Lamiaceae Labiateae*)

Bộ phận dùng: dùng củ. Chặt củ to, chắc, khô mềm, màu đỏ tía trong vàng thâm, mịn, không xơ, không lăn rãnh; củ cứng giòn, khô đen là xấu. Thân củ ngắn, vỏ hình trụ dài, cong quẹo, ngoài có vân nhăn dọc, vỏ rã già tự bong có màu nâu tía.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, tính lạnh; vào hai kinh: can và tam.

Tác dụng: trục ứ huyết, hoạt huyết, tiêu mủ, len da non, thường dùng để thông kinh cường tráng. Không dùng cho người không có ứ trệ.

Bảo chế: tắm nước, ủ mềm, thái lát, sao qua hoặc tắm rượu sau qua.

Bảo quản: thuốc để hút ẩm mốc, chú ý phơi cẩn thận để lộkin tránh mốc, có thể sấy diêm sinh.

Dan sâm ky lô lô

Bảo chế từu dan sâm: cho dan sâm trộn đều với rượu trong nồi dày kin theo tỷ lệ 10kg dan sâm + 1kg rượu. Khi dan sâm ngâm hết rượu sao nhỏ lửa cho khô, để nguội.

### Các bài thuốc có dan sâm

Bài A giao hoán (Chứng trị chuẩn thường)

A giao	60g	Ô tặc cốt	80g
Lộc nhung tắm rượu 80g		Dan sâm	80g

Lòng cốt	80g	Cam thảo	40g
Miết giáp	40g	Xuyên khung	80g
Dương quy	40g	Xích thạch chi	60g

Tân bột mịn, làm viên 10g, ngày uống 2 - 4 viên.

Tác dụng: chữa cảm phu sau sinh bị băng huyết, chảy máu không cầm, sức khoẻ suy yếu.

#### Bài Bổ âm kiêm dương (Tâm đặc thân phương)

Dan sâm	8g	Nhân sâm	8g
Viễn chí sao	6g	Bạch thuật	8g
Mạch môn	8g	Phục thần	8g
Ngưu tất	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa âm hư hoà vượng, thân nóng, chân tay lạnh, đầu mặt ra nhiều mồ hôi, khát nước.

#### Bài Bổ âm kiêm dương an thần phương

Dan sâm	6g	Phụ tử	4g
Cao ban lang	12g	Thực địa	40g
Bạch thuật	20g	Phục thần	8g
Dại táo	3 quả	Ngũ vị tử	4g
Lô hồn nhục	16g	Mạch môn	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa âm hư hoà vượng, phiến khát, cảm giác nóng trong, mất ngủ.

#### Bài Bách hiệu túu (Thần phương)

Dan sâm	8g	Bạch truật	12g

Cam thảo	6g	Cửng tâm	6g
Dô trọng	12g	Dương quy	12g
Hoàng bá	6g	Xương bồ	6g

Ngâm rượu uống ngày 2 lần, mỗi lần 30ml.

Tác dụng: chữa khô nứa người (thiên khô).

#### Bài Đan sâm đầm phèt phương (Thiền già diệu phương)

Đan sâm	15g	Giang hương	15g
Mộc thang	12g	Vương bá tưu hành	12g
Tam thất	6g	Thăng thảo	3g

Sắc uống.

Tác dụng: ôn dương hành khí, chữa đau tức ngực, cảm giác nóng trong ngực, và mồ hôi (cơ thắt động mạch vành).

#### Bài Đan sâm tán (Thẩm thị tôn sinh)

Đan sâm	120g
---------	------

Tán nhòe, mỗi lần dùng 12g uống với rượu, ngày uống 2 lần.

Tác dụng: sinh xong sản dịch ở không ra.

#### Bài Ich tâm định chí thang (Thiền già diệu phương)

Đan sâm	12g	Bạch đàn hương	5g
Cát cánh	6g	Ngũ vị	5g
Viễn chí nướng	6g	Mẫu lê	12g
Toan táo nhân	6g	Dương quy	10g
Sa nhân	3g		

Sắc uống.

Tác dụng: khi âm hư, ngủ không yên.

### Bài Thanh doanh thang (Ôn bệnh điều biến)

Tè giác	12g	Huyền sâm	12g
Ngân hoa	12g	Trúc diệp tím	4g
Hoàng liên	6g	Sinh địa	11g
Liền kiều	8g	Dan sâm	8g

Sắc uống ngày 1 thang, sắc làm 2 lần.

Tác dụng: thanh doanh tiết nhiệt, giải độc, trợ âm. Chữa ôn thà vòi phản doanh, sốt, lịc khát lúc không, nói nhảm, phiến táo mất ngủ, luỵt đỏ, mạch sắc, hoặc mực ban chấn lở mồ.

### Bài Sinh hoa thang (Phó Thanh Chu)

Cam thảo	Hồng hoa	Dương quy
Hoắc hương	Đào nhân	Xuyên khung
Dan sâm		

Lưu đều 8g. Dùng đồng tiền và rượu sắc uống.

Tác dụng: chữa phát nhiệt, trực ứ, tan kết, sau sinh sản dịch không ra gây đau bụng.

## ĐÀNG SÂM

Tên khoa học: *Codonopsis sp*

Họ Hoa chuông (Companulaceae)

Bộ phận dùng: củ. Chọn củ to, tròn, trắng ngần, không sâu, không mốc mọt. Loại nhăn nheo là xấu.

Tinh vị, quy kinh: vị ngọt, tính bình; vào hai kinh: tỳ và phế.

Tác dụng: bổ tỳ phế, sinh tân chi khát. Không dùng cho người thực chứng.

**Bảo chẽ:** dào củ rửa sạch, phơi âm can, bỏ tùng bô nhỏ; để nồi khò ráo, có thể rửa sạch, à một đệm thấy bốc hơi là được; thái mỏng, tẩm nước giấm, sau qua.

**Bảo quản:** để trong lọ dày kín, để nơi khô thoáng phòng sâu mọt, có thể sấy diêm sinh.

Trung Quốc chia ra: thương đảng sâm, trung đảng sâm, liên đảng sâm, jô đảng sâm, xuyên đảng sâm, đại đảng sâm, phùng đảng sâm. Ô ta có phùng đảng sâm (tên dân tộc có bản cây).

### Các bài thuốc có đảng sâm

#### *Bài An thần định trí thang gia giảm (Y học tâm ngô)*

Đảng sâm	12g	Liền nhục	16g
Long cốt	16g	Hạt muồng sao	12g
Sài hô	12g	Phục linh	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đi tinh do tâm, can, thận hoái mạnh.

#### *Bài An ninh hoàn (Chứng trị chuẩn thường)*

Đảng sâm	160g	Tế tân	120g
Cam thảo	40g	Mạch môn	120g
Đảng tâm thảo	100g	Đương quy	160g
Mộc thông	50g	Hoạt thạch	60g

Tán bột làm viên, ngày uống 2 lần, mỗi lần từ 8-10 g.

Tác dụng: chữa phụ nữ có thai bị dài đắt, dài buốt.

#### *Bài Bổ thận lý phế thang (Thiền gia diệu phương)*

Bổ cốt chi	30g	Sơn dược	30g
Ngũ vị tử	9g	Phục linh	15g

Dương quy	15g	Tô tử	15g
Mà hoàng	9g	Hạnh nhân	9g
Dâng sâm	24g	Thực địa	24g

Sắc uống.

Tác dụng: bổ thận, nạp khí, lý phế, bình suyễn, trị hen phế quản kèm phế nang giãn.

#### Bài Bình vị địa du thang (Y lược giải âm)

Dâng sâm	8g	Địa du	6g
Thần khúc	8g	Cát cát	12g
Thắng ma	8g	Can khương	6g
Bạch truật	12g	Dương quy	12g
Sinh khương	6g	Hậu phác	6g
Thường truật	12g	Hương phụ	8g
Phục linh	8g	Trân bì	6g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa dài ru mâu.

#### Bài Bì truyền táo nhân thong (Y lược giải âm)

Dâng sâm	12g	Dương quy	12g
Phục linh	12g	Trân bì	6g
Hoàng kỳ	10g	Phục thán	8g
Lô hồn nhục	12g	Viễn chí	6g
Táo nhân	6g		

Sắc uống.

Tác dụng: dưỡng tâm an thần, kiện tỳ.

### Bài Bảo nguyên thang (Lý Đông Viễn)

Dâng sâm	20g	Cam thảo	4g
Gừng tươi	4g	Nhục quế	2g
Hoàng kỳ	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa người già suy yếu, bổ khí ăn đường.

### Bài Bảo tinh thang (Y lược giải âm)

Dâng sâm	Liền nhục	Hồi sơn
Khiếm thực	Tảo nhán	Phục thần

Liều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa di tinh do can thận hoả động.

### Bài Bạch truật ngưu tất thang gia giảm (540 bài thuốc đông y)

Dâng sâm	Ba kích	Kê huyết dâng
Bạch truật	Hà thủ ô	Ngưu tất
Hồi sơn	Tục đoạn	

Liều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: bổ khí huyết, chữa di chưng bại liệt.

### Bài Bách ích thường xuân túu (Trung Quốc y học đại từ điển)

Dâng sâm	120g	Mộc lè hoa	24g
Bạch thược	80g	Dâng truật	120g
Sinh địa	120g	Dương quy	120g
Nhục quế	32g	Phục linh	120g
Xuyên khung	40g		

Ngâm rượu uống ngày 2 lần, mỗi lần 30ml.

Tác dụng: chữa lao thương, đau nhức khớp, liệt nửa người.

## DÀO NHÂN

Tên khoa học: *Semen persicae*  
Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Bộ phận dùng: nhân hạt của quả đào chín. Nhân hạt giống hạnh nhân nhưng rộng và dẹp hơn. Chọn nhân có vỏ mỏng màu vàng, bên trong màu vàng trắng sữa, chứa nhiều dầu là tốt. Không chọn màu nâu, vụn, đen. Trung Quốc dùng nhân hạt của cây *Prunus persica* Batsch cùng họ Hoa hồng.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, ngọt, tính bình; vào hai kinh tâm và can.

Tác dụng: phá huyết, trục ứ, nhuận táo. Dùng sống chữa bế kinh, chán thương ứ huyết. Dùng chín chữa đại tiện khó, hoạt huyết. Không dùng cho người không có ứ trệ, phụ nữ đang có thai.

Bảo chế: Trung Quốc dùng để cà vỏ và đập nhuyễn, dùng sống (để nhuận táo hoạt huyết); ngâm nước nóng bóc vỏ, để đập nhuyễn, sao với cùm hoặc đốt tẩm tinh. Có thể để nguyên vỏ, tắm rượu sao qua, khi dùng già dập; có thể tắm nước nóng bóc vỏ sao qua, khi dùng già dập; có thể bọc giấy bén đập dập để giảm độc lực.

Bảo quản: để nơi khô ráo, ví da mọt, cất trong lọ kín, có lớp chất hút ẩm.

### Các bài thuốc có đào nhân

Bài: *Dưỡng chính thông u thang* (Phó Thanh Chủ)

Dào nhân	15 hạt	Chích thảo	2g
Ma tú nhân	8g	Nhục thung dung	4g

Dương quy 24g Xuyên khung 8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa sinh xong bị thương hàn.

*Bài Đào nhán hoà trĩ thang (Y lược giải âm)*

Đào nhán	15 hạt	Sài hô	4g
Quy vị	12g	Thanh bì	4g
Huang phyllanthus	8g	Xuyên khung	4g
Hồng hoa	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: trị hai bên sườn đau do huyết ứ.

*Bài Đào nhán quế chi thang (Băng Ngọc Đường)*

Đào nhán bò vò	28g	Quế chi bò vò	16g
Sinh khương	12g	Cinch thảo	8g
Sang uỷ tử	20g	Trạch lan	8g
Dại tháo	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phụ nữ kinh bế do hàn.

*Bài Đào nhán thưu khí thang (Thương hàn luận)*

Đào nhán	12g	Quế chi 6g	
Dại hoàng	8g	Cam thảo 6g	
Phát tiêu	6g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa huyết ứ trong bụng.

### Bài Đào nhân tán (Y phương hải bộ)

Đào nhân	Xuyên khung	Nhân sâm
Bản hạ	Dương quy	Quế tám
Bồ hoàng	Mẫu đơn bì	Xích thược
Ngưu tất	Trạch lan	Cam thảo

Tất cả liều bằng nhau 12g, tán bột, uống ngày 24g chia 2 lần.

Tác dụng: phà huyết ứ, chữa sinh xong huyết hồi không ra.

### Bài Đào nhân tháo khí thang (Thiên kim)

Như bài cùng tên, thay quế chi bằng nhục quế, thêm sinh khương.

Tác dụng: chữa ly mèo, kinh bế, sốt cao xuất huyết, thai lưu chảy máu không cầm.

### Bài Đề dương thang (Thương hàn luận)

Đào nhân bò vò và dâu nhọn	12 hạt
Manh trùng bò dâu cánh	3 con
Dại hoàng rùa rượu	16g
Thuỷ diệt	3 con
Sắc uống.	

Tác dụng: chữa thương hàn kinh thái dương 6 - 7 ngày mà biểu chứng vẫn còn, máu ứ trệ ngực đầy, cuồng.

### Bài Huyết phủ trực Ở thang (Y lâm cải thác)

Đào nhân	16g	Ngưu tất	12g
Sinh địa	12g	Dương quy	12g
Chi xác	8g	Cát cánh	6g

Hồng hoa	12g	Sài hô	4g
Xuyên khung	12g	Cam thảo	4g
Sắc uống.			

Tác dụng: hoạt huyết hành ứ, lý khí chỉ thống, chữa chứng đau đầu, táo bón.

## ĐẬU ĐEN

Tên khoa học: *Vigna cylindrica* Schles  
Họ Cánh bướm (Papilionaceae)

Bộ phận dùng: hạt đậu, chọn hạt già khô.

Bảo quản: chống mốc mọt.

Chưa thấy ghi tính vị quy kinh.

Tác dụng: tư âm, thường dùng để chế thuốc như nấu hầm thủ ô.

Không độc nên vẫn dùng làm thực phẩm, nấu chè, cháo.

Liều dùng: 20 - 40g.

### Các bài thuốc có đậu đen

#### Bài Hắc thán tán (Ma chẩn chuẩn thằng)

Đậu đen 60g rửa sạch sao thơm, cho 400 ml nước đun sôi kỹ, bỏ đậu, lấy nước chia 2 - 3 lần uống.

Tác dụng: chữa sốt rau.

#### Bài Hắc thán tán (Cục phượng)

Đậu đen	Dương quy
Nhục quế	Thực địa

Bồ hoàng

Bạch thược

Can khương

Chích thảo

Lิều đều 160g, tán bột, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa mất menses, nôn máu, chảy máu cam, sinh đẻ khó, thai chết lưu, sau sinh menses không ra.

#### *Bài Hắc thắn tán (Phó Thanh Chử)*

Dâu đen	12g	Xích thược	8g
Can khương	4g	Nhục quế	2g
Dương quy	10g	Bồ hoàng	8g
Cam thảo	10g		

Tán bột, lấy đồng tiện pha rượu uống.

Tác dụng: chữa phụ nữ sau sinh rau không ra, huyết khí không ra.

#### *Bài Hắc thắn tán (Mộng trung giác đậu)*

Dâu đen	Can khương sao đen
Quốc tẩm	Mộc hương
Thực địa	Bồ hoàng sao đen
Thanh bi	Xuyên khung
Dương quy	Hương phụ

Tán bột, lần uống 8g, ngày 2 lần. Uống với nửa nước, nửa rượu.

Tác dụng: chữa phụ nữ lén đậu bị ứ huyết.

#### *Bài Hắc trung hoà (Mộng trung giác đậu)*

Dâu đen	Mộc hương	8g
Dương cát	Đại hoàng	40g

Binh lang	16g	Bô kết	4g
Nga truật	24g	Lai hoàng	12g
Dại phục bì	16g	Sơn tra	24g

Tân bột làm viên, ngày uống 16g.

Tác dụng: diệt các loại giun.

### Bài Ô kè thang (Nghiêm phương)

Dậu đen	20g
Ích mẫu	40g

Gà ác 1 con (xương đen, lông trắng, đùm chết ngọt, vặt lông, bỏ ruột)

Cho hai vị thuốc trên vào gà chung chín, uống lúc đói, mỗi thang sắc 2 lần.

Tác dụng: chữa phụ nữ tỳ vị hư yếu, mạch xung nhâm thương tổn, khí huyết thiếu, kinh nguyệt không đều.

### Bài Tam đậu tán (Lục khoa chuẩn thằng)

Dậu đen	Dậu đỏ	Dậu xanh
Gà với giấm, bôi.		

Tác dụng: chữa chứng lên đậu.

### Bài Tam đậu thang (Lục khoa chuẩn thằng)

Dậu đen, đậu đỏ, đậu xanh đều	50g
Cam thảo	20g

Ba loại đậu nấu trước, sau cho cam thảo vào nấu nhừ, bỏ cam thảo, lấy đậu phơi khô, tán bột, nước cốt thêm rượu, uống bột đậu.

Tác dụng: chữa đậu sỏi sinh nhợt đặc.

# DIA CỐT BÌ

Tên khoa học: *Cortex lycii sinensis*

Họ Cà (Solanaceae)

Bộ phận dùng: vỏ rễ cây cầu kỳ.

Hoặc có thể dùng vỏ rễ cây minh hạ cầu kỳ có tên *Lycium sinense*, họ Cà.

Vỏ mỏng, khi bóc khỏi lõi thường cuộn lại như cái ống màu vàng, thơm nhẹ, phiến to không lõi là tốt. Ngoài vỏ có đường vân nứt dọc không đều, dễ bóc, giòn, dễ gãy, mặt gãy không phẳng, thu hai cuối thu đầu xuân. Loại vỏ to, dày, xốp, sắc vàng có đốm trắng, nhiều lõi là xấu. Cần tránh nhầm với cây có tên là nam địa cốt bì là rễ cây đại thanh, cây sưng ma, cây dum có ở tỉnh Hà Tây.

Tinh vị, quy kinh: vị ngọt, tính lạnh; vào bốn kinh: phế, can, thận và tam tiêu.

Tác dụng: thanh nhiệt tả hỏa, thanh nhiệt luồng huyết, hay dùng khi phế nhiệt ra mồ hôi, chữa ho, tiêu khát. Không dùng với người tỳ vị hư hàn.

Bảo chất: lấy vỏ rễ cây cầu kỳ, rửa sạch, rót bì, bỏ lõi, sắc nước cam thảo rồi ngâm địa cốt bì vào nước cam thảo một đêm, vớt, sấy khô (độ ẩm không quá 11%, tỷ lệ nát <2%) hoặc rửa sạch, bỏ lõi, thái nhỏ phơi khô. Cũng có thể tẩm rượu, sấy.

Bảo quản: để nơi khô, không để vật nặng lên vì dễ bị gãy vụn.

Theo Sách Y dược cầu nguyên: "Địa cốt bì là vỏ rễ cây cầu kỳ, giống rễ cây này ăn sâu vào đất, vỏ dày, sức rất khoẻ".

Sách Bản thảo bị yếu ghi: "Tinh vị địa cốt bì ngọt nhất và tính lạnh, chuyên làm mát khí nóng tại phổi, can, thận. Chữa tả nhiệt, ho máu, ra mồ hôi nhiều, nhức đầu, đau tức và di ly, bổ khí, mát huyết. Địa cốt bì chữa chứng gió độc bầm ngọt da, hay đờ nhiễm vào xương cốt".

**Thổ sâm**: địa cốt bì ở Giang Tô, An Huy, Hà Nam, Thiểm Tây, Cam Túc là tốt.

### Các bài thuốc có địa cốt bì

#### *Bài Đại hoa tán* (Lục khoa chuẩn thang)

Dịa cốt bì	Sinh địa
Dương quy	Nhân sâm
Chích thảo	

Liều đều 20g, tán bột, ngày uống 10g.

Tác dụng: chữa mụn nhọt làm phát sốt, bứt rứt khó chịu.

#### *Bài Đại thải niêm tử thang* (Trung thi y tông)

Dịa cốt bì	3,2g	Liên kiều	4g
Hoàng kỳ	4g	Hoàng cầm	3,2g
Thủ niêm tử	6g	Sài hô	3,2g
Dương quy	2,8g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa mụn đậu sác hồng không phát ra được.

#### *Bài Địa cốt bì ấm* (Cục phương)

Dịa cốt bì	8g	Bạch thược	4g
Xuyên khung	3,2g	Dương quy	8g
Sinh địa	8g	Mẫu đơn bì	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phụ nữ hành kinh trước kỳ do nhiệt và huyết sưng yếu.

### Bài Địa cốt thanh trung âm (Ý tòng kim gólm)

Địa cốt bì	12g	Dương quy	12g
Miết giáp	21g	Sinh địa	21g
Ngân sỏi hổ	6g	Nhân sâm	12g
A giao	12g	Chích thảo	4g

Sắc uống.

Tác dụng: thoái nhiệt, dưỡng huyết, trừ trũng, chữa bụng đau do huyết ứ.

### Bài Uống liên tần (Chứng trị chuẩn thẳng)

Địa cốt bì ngày uống 8g bột.

Tác dụng: chữa khí lụy, cam thực sang (giống sâu quặng).

## ĐỊA DU

Tên khoa học: *Sanguisorba officinalis L*

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Có loại địa du lá dài *Sanguisorba officinalis L var Longifolia* (Bert) yliet, cũng họ Hoa hồng Rosaceae.

Bộ phận dùng: rễ, có hình viên tròn không đều, hơi cong; bên ngoài tro nâu thẫm hoặc nâu tía cứng rắn; bên trong ít xơ, ít rễ con, màu vàng mật bê tông đổi phảng có vòng lõi với nhiều voi dạng bóng từ màu trắng vàng đến nâu vàng; phần gỗ có hình tròn hay bầu dục không đều, mặt cắt màu đỏ tía hoặc nâu, không mùi, độ ẩm < 13%, tạp chất < 1%. Thủ nhả, mọc nát nhiều xơ là xấu.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, tính hơi lạnh; vào hồn kinh; can thận, đại tràng và vị.

**Tác dụng:** lương huyết, chi huyết, thu liêm; dùng sống chữa băng huyết, ỉa máu, mạch hưn, giải độc, chữa bong; dùng chín: cầm máu. Không dùng cho người huyết hư hàn, phụ nữ có thai.

**Bảo chế:** rửa sạch, bỏ đầu cuống, rửa qua rượu thải nhớ như nồi hóng lén là tốt.

Sách xa ghi: "Nửa trên cầm máu, nửa dưới rễ hoạt huyết".

Có thể rửa sạch, ủ mềm, thái lát phơi khô. Cũng có thể sao chay, tuỳ ý sử dụng.

**Bảo quản:** đậy kín, phòng sâu mọt, để nơi mát, khô.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Địa du vị chua chát, tính trầm tĩnh, dẫn nhanh khí mạch vào hạ tiêu".

Sách Bản thảo bị yếu ghi: "Địa du chia huyết nhiệt, thổ huyết, băng huyết, hoặc gió độc liếm vào ruột mà bị lỵ ra máu".

**Thổ sản:** địa du có ở nhiều tỉnh của Trung Quốc như: Quảng Đông, Bắc Giang, Liên Huyện, Hồ Nam.

## Các bài thuốc có địa du

### *Bài Địa du tán (Huyết chứng luân)*

Địa du	12g	Bạch thược	12g
Dương quy	12g	Hoàng liên	8g
Hoàng cầm	12g	Giổi tử	8g
Tè giác	4g	Sơn chi	8g

Tán bột, ngày uống 12g.

**Tác dụng:** chữa kiết lỵ, ỉa máu.

### *Bài Địa du tán (Y lược giải âm)*

Địa du	Hoàng liên	Chi tử
Hoàng cầm	Thiên can	Phục linh

Liều hàng nhau 8g, tân bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa ỉa máu do huyết nhiệt.

#### Bài Địa du thang (Nghiêm phương)

Địa du	Hòe hoa	Kinh giới
Sinh địa	Cam thảo	Dương quy
Xuyên khung	Bà tử nhân	Hoàng cầm
Dạ minh sa	Ô mai	Chí xác
Phùng phong		

Liều đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa ỉa chảy ra máu.

## DỊA LONG

Tên khoa học: *Pheretima asiatica Michaelson*

Họ Cụt đầm (*Megascolecidae*)

Bộ phận dùng: cả con giun đất. Chọn loại giun khoang cổ (là loại già), dùng nước đỗ trên mồ đất, gốc chuối v.v... giun tự bò lên. Không dùng loại giun tự nhiên bò lên thường là đã có bệnh.

Tính vị, quy kinh: vị mặn, tính lạnh; vào ba kinh: vị, thận và đại tràng.

Tác dụng: thanh nhiệt lợi thuỷ. Hay dùng trong thương hàn có phục nhiệt, điên cuồng, sốt rét, hoàng đản, cấp mẫn kinh phong, tràng nhục. Không dùng cho người hư hàn không có thực nhiệt.

Cách bảo chế (theo Trung y): lấy 16 lạng giun ngâm nước vo gạo một đêm vớt ra, tẩm rượu một ngày sấy khô, cho lăn xuyên tiêu và gạo nếp, mỗi thứ 2 đồng cân ruồi để sao chung, gạo chín vàng là được; có thể nướng khô, tán bột, cho ít muối, hoặc giã nát tùy dùng; có thể bắc giun khoang cổ, dùng dao tre mổ, rửa sạch,

nhưng vào nước nóng cho bớt nhớt, trâu trên nong phơi khi giòn sẽ thi sấy khô cát kín. Khi dùng có thể tắm rượu hoặc giึง; có thể ngâm nước vo gạo một đêm, rửa sạch nhưng vẫn nước ấm cho sán, phơi khô nấu chung, tuốt từng con cho thẳng rồi sấy khô, khi dùng dùng tắm rượu hoặc nước giึง.

**Bảo quản:** để nơi kín, khô ráo.

**Địa long** có tên khác là thổ long, kỳ đản.

Sách Y được cứu nguyên ghi: "Kỳ đản vị mặn, tính hàn, tác dụng giải nhiệt và lợi tiểu".

Sách Bản thảo cương mục ghi: "Kỳ đản chữa khỏi các chứng thương hàn, sốt rét, đại nhiệt diện cuồng, cấp kinh, mạn kinh, phong nhiệt đỏ mắt, lò móm nốt luội, nhiệt thông, lòi dom, giải độc của nhện".

Nếu hư hàn không phải thực nhiệt: cầm dòng

Sách Bản thảo bí yếu ghi: "Chọn con già, trắng đầu là tốt. Trước khi hoà thuốc phơi khô, tán nhỏ hoặc ướp muối cho ra nước mà dùng. Có thể nướng khô hay đốt thành than".

Sách Bản thảo kinh so chữa thương hàn cầm nhiệt phái điện: dùng vài chục con kỳ đản trắng đầu già nát với kinh giới tuỷ, cho nước là lọc bỏ hủ, uống thấy ra mồ hôi là khỏi.

Bài Đầu mõm phương chữa tiểu không thông, dùng kỳ đản già nát, cho nước vào lọc lấy nước uống.

Bài Thành huệ phương: chữa luội sưng to, dùng một con kỳ đản già nát, trộn muối dập vào luội.

Bài Phổ tế phương chữa chùng đầu run (sang nhẹ đầu ngón tay): dùng kỳ đản phơi khô, tán nhỏ hoà dầu vừng bôi.

### Các bài thuốc có địa long

**Bài Bổ dương hoán ngũ tang** (Y làm cải thác)

Dào nhân

4g

Địa long

4g

Dương quy vĩ	8g	Xích thược	6g
Hoàng kỳ	16g	Hồng hoa	4g
Xuyên khung	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: bổ khí, hoạt huyết, khử út, thông lạc, chữa tràng phong (liệt nữ người), viêm tắc động mạch do khí huyết hư.

#### Bài Hy đậu long phương cao (Mộng trung giác đậu)

Dịa long 1 con nhỏ màu hồng, khoang cổ: trứng gà đen một quả. Lấy que chọc lỗ cho địa long vào, dán kín, chung cách thủy, bỏ địa long, cho trẻ ăn trứng. Mỗi tuổi ăn một quả vào ngày lập xuân để phòng lỵ đậu.

#### Bài Hoạt lạc đơn (Cục phương)

Dịa long sấy khô	132g	Nhà hương	132g
Thù ô bồ vò	240g	Xuyên ô	240g
Dâm tính	240g	Một dược	132g

Tân bột, trộn rượu làm viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: trừ hàn, hoả thấp, thông hành khí huyết.

#### Bài Khứ út an thần thang (Thiền gia diệu phương)

Dịa long	9g	Hồng hoa	9g
Cam thảo	3g	Dan sâm	30g
Cửu dâng	18g	Tục đoạn	12g
Tam thất	3g	Cốt toái bối	12g
Phục thần	12g	Dương quy	9g

Tam thất tân bột để riêng, sắc được thuốc mới cho vào.

Tác dụng: chữa náo lạc ú tắc, chấn thương não.

### Bài Ô long hoán (Thẩm thị tân sinh)

Địa long	20g	Thiên ma	20g
Bạch phụ tử	20g	Xuyên ô	40g
Thảo ô	40g		

Tìn hột, hoàn thành viên, uống 12g.

Tác dụng: thông kinh hoạt lạc.

## ĐỊA PHU TỬ

Tên khoa học: *Kochia scoparia Schrader*

Họ Rau muối (*Chenopodiaceae*)

**Bộ phận dùng:** là hạt quả khô, nhỏ như hạt vừng nhưng sắc đen nâu, không mọt là tốt. Một số nơi lấy hột cây chổi xué *Bartsia frutescens* L. họ sâm để thay địa phu tử là sai.

**Tính vị, quy kinh:** vị ngọt, đắng, tính lạnh; vào kinh bàng quang.

**Tác dụng:** lợi tiểu thông lâm, trừ thấp nhiệt dùng chữa lâm lụy, trừ nhiệt, bổ trung tiêu, ích tinh khí (dùng sống), dài rút, dài buốt.

**Bảo chế:** rửa sạch, tắm rượu phơi khô, thanh nhiệt thi dùng sống. Cũng có thể sao thơm, tán dập.

**Bảo quản:** để mọt, cẩn thận kín, để nơi khô ráo, tránh ẩm, mốc mèo.

### Bài thuốc có địa phu tử

#### Bài Kim sa tần (Chứng trị chuấn thẳng)

Hải kim sa	8g	Cam thảo	8g
------------	----	----------	----

Hoạt thạch

8g

Dịa phu tử

12g

Uất kim

8g

Các vị tán bột, riêng địa phu tử sắc lấy nước hòa với bột thuốc ngày uống 08g.

Tác dụng: trị trẻ nhỏ tiêu tiện lâm bệnh (nhỏ giọt) không thông.

## ĐINH HƯƠNG

Tên khoa học: *Eugenia Caryophyllata*

Họ Sảm (Myrtaceae)

Bộ phận dùng: nu hoa. Chọn loại hoa thơm nhiều tinh dầu, hơi vàng nâu, rắn là tốt, thứ đen mờ, hết mùi thơm là xấu, không dùng loại đã cắt mất tinh dầu, có màu đen không thơm, khi khử nu tao lại.

Tính vị, quy kinh: vị cay, tính ấm; vào bốn kinh: phế, tỳ, vị và thận.

Tác dụng: giáng nghịch, kim trung tiêu, dùng chữa nát, thoát, đau bụng. Loại này kỳ lùn, không dùng cho người không phải hú hàn.

Bảo chế: có loại công dinh hương là hoa đợc thi bỏ đầu nụ; hoa cái là mẫu dinh hương thi bỏ thó bi. Thường khi dùng già dập, không cho dinh hương vẫn thang thuốc, mà khi nước thuốc đã sắc được rồi (bỏ vào sau). Có thể ngâm rượu làm thuốc xoa bóp. Có thể mài ra hoà nước uống, tán bột làm viên.

Bảo quản: để nơi khô, dày kin, mát.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Dinh hương có hai thứ: thứ nhỏ mùi hắc là dinh hương té, thứ lớn mùi ngọt là dinh hương nắp".

Sách Bản thảo kinh so ghi: "Dinh hương vị cay, ấm, chuyên điều trị các bệnh thuộc tỳ vị".

Sách Chu già bản thảo ghi: "Dinh hương chuyên chữa chứng vị hàn, khí hư, tiêu độc, tráng dương, mồi hưng gối".

Sách Bản thảo cương mục Lý Thời Trân ghi: "Dinh hương chữa khỏi nôn khan, trẻ con thổ tả, chướng lèn đau bời vị hư mà quả đau tráng bạch không mọc lên được".

Sách Ngọc thư được giải ghi: "Dinh hương chữa cho tỳ vị nóng ẩm, khòi đầy bụng, trừ khí thấp lạnh, trừ giun sán, cường dương, trừ lạnh khí".

**Thổ sản:** dinh hương ở Hà Lan thì hoa to, ở Ấn Độ thì hoa vừa. Dinh hương trên đầu hoa có màu đỏ hồng là loại tốt.

### Các bài thuốc có dinh hương

#### Bài Khoai ty hoán (Quý thi gia tăng)

Dinh hương	60g	Sa nhân	90g
Cam thảo	60g	Sinh khương	180g
Quất bi	30g		

Tán bột, trộn mật, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa tỳ khí hư, sỏi bụng, chán ăn, ỉa chảy.

#### Bài Nhị riêu tán (Mộng trung giác đậu)

Cam khương	4g
Dinh hương	7 mu

Tán bột

Tác dụng: minh rết, chán tay lạnh, bụng đau, âm thịnh dương suy, ỉa chảy, đậu không mọc được.

#### Bài Nhị trân tán (Lục khoa chuẩn thẳng)

Công có hai vị dinh hương, cam khương.

Nhung liều 4g, dùng cho trẻ bị hàn xâm nhập, chân tay lạnh, đau bụng lâu, mệt nhợt.

### Bài Ôn bạch hoa (Chứng trị chuẩn thẳng)

Dinh hương	2g	Bản bá	4g
Bạch truật	4g		

Tân bột, sinh khương già nát, lấy nước làm viên, ngày uống 2g.

Tác dụng: chữa tỳ hư, trẻ ăn không tiêu, phân sống.

## ĐỘC HOẠT

Tên khoa học: *Heracleum lanatum* Michx  
(*Radix Angelicæ Pubescentis*)

Họ Hoa tán Umbelliferae (Apiaceae)

Bộ phận dùng: rễ củ. Chọn củ mềm, vỏ vàng đèn, trong viền nhạt có nhiều tinh dầu mùi thơm hắc, cay. Tránh nhầm với tinh dầu *Paeucedanum decursivum* Maxim, loại này xốp, ít mùi hắc, không có dầu. Độc hoạt phải chọn thử to, chắc, thơm nồng, không mốc mòi là tốt. Rễ hình trụ tròn to, dưới nhỏ, đầu dưới phân thành 2 - 3 nhánh dài 10 - 20cm, đầu phình hình nón có nhiều vân ngang, mặt ngoài màu xám hay thẫm, có lỗ vỏ, hơi lồi ngang; mặt gãy có màu trắng xám, thấy nhiều khoang dầu rải rác, gốm màu vàng xám, vàng nâu, ném hơi té luồi. Tro toàn phần không quá 8%.

Tính vị, quy kinh: vị cay, tính ấm; vào hai kinh: can và thận.

Tác dụng: chữa phong thấp. Không dùng cho người huyết hư hoa vượng, sốt cao không sợ rét.

Bảo chế (theo Trung y): rửa sạch, thái nhỏ, trộn lén dấm đường hoặc ủ kim trong hai ngày, bỏ dấm đường hoặc phơi khô. Hoặc rửa sạch, để ráo nước, thái mỏng, phơi ráo không tắm sương.

**Bảo quản:** nơi khô, trong lọ có lót với súng.

Sách Y được cùa nguyên ghi: "Độc hoạt chất, đắng, ngọt, bình tính".

Sách Dược tinh bồn thảo ghi: "Độc hoạt chữa trúng gió độc, thấp lạnh, suyễn, đầy hơi sán ruồi, chân tay đau nhức, lao tần, đau răng".

**Thứ sáu:** độc hoạt Hồ Bắc, Ba Đông Huyện, Sa Thi, Khâu Sơn là hàng tốt. Thủ Từ Xuyên, Quế Châu, Phan Kiều Sơn là hàng thứ nhì.

### Các bài thuốc có độc hoạt

**Bài Độc hoạt cát cẩn thang (540 bài thuốc đông y)**

Độc hoạt	6g	Bạch thuyễn	8g
Đại táo	12g	Sinh khương	4g
Quế chi	4g	Cam thảo	6g
Sinh địa	16g	Ma hoàng	4g
Cát cẩn	16g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa chứng sau đẻ bị nồng lạnh, mồ hôi ra, nhức đầu, khát nước.

**Bài Độc hoạt tang kỵ sinh (Thiền kim)**

Độc hoạt	4g	Bạch thuyễn	8g
Dương quy	8g	Ngưu tất	4g
Sinh địa	12g	Cam thảo	2g
Phèng phong	4g	Tang kỵ sinh	4g
Tế tần	2g	Tần giao	4g
Đảng sâm	8g	Phục linh	8g

Dỗ trọng	8g	Quế tám	2g
Xuyên khung	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: bổ can thận, trị các khớp đau.

### Bài Hổ cốt đặc hoạt thang (540 bài thuốc đông y)

Dặc hoạt	12g	Sinh địa	12g
Tam thất	8g	Lộc giác	4g
Dỗ trọng	16g	Hổ cốt	4g
Long cốt	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: thông huyết mạch, tiêu sưng, chữa hàn xưng.

## ĐỖ TRỌNG

Tên khoa học: *Eucommia ulmoides Oliv.*

Họ Dỗ trọng (Eucommiaceae)

Bộ phận dùng: vỏ cây. Chọn loại vỏ dày, sần nhus, bê rỉ nhẵn to trắng đục ánh.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, hơi cay, tính ôn; vào hai kinh: can và thận.

- Dùng sống: bổ can thận, hạ huyết áp.
- Tẩm muối sạc: bổ thận, chữa đau lưng, dài són.
- Tẩm rượu: bổ can thận chữa phong thấp tê ngứa, chữa động thai ra máu. Không dùng cho người mệnh mòn hoa vượng.

Bảo chế (theo Trung y): cao bò bì thô, lấy 600g dỗ trọng, cho 40g mồ, 120g mật, bôi vào, nướng, thái nhỏ.

Có thể cạo vỏ, tắm nước muối sao vàng; có thể cạo sạch bò vỏ thô, cắt lát 3 - 5 ly, phơi khô, dùng sống; có thể sao dor (cảm màu an thai); có thể phơi khô, tắm nước muối 2 giờ theo tỷ lệ 1kg đồ trọng + 30g muối + 200ml nước, sao vàng đứt tơ là được.

Bảo quản: để nơi khô ráo.

Chú ý: phân biệt đồ trọng nam là vỏ cây chôm vàng, có tên khoa học: *Parameria glandulifera* Benth họ trúc đào, bê cứng có tơ nhưng dễ đứt, màu không óng ánh.

Sách Bản kinh ghi: "Đô trọng vị ngọt hơi cay, tính ôn, chữa chứng đau lưng ợ nước chua, chữa lở loét nơi hạ bộ, bổ trung ích khí, sáng suốt tinh thần".

Sách Biệt lục ghi: "Chứng thận hư cảm dùng đồ trọng với các vị huyền sâm, dâng sâm và xác rắn".

Cách chế: Sách Bản thảo bị yếu: "Chế đồ trọng phài cạo hết vỏ ngoài, tắm đấm, rượu, mật, nước gừng, hay nước muối đem sao, khi thấy tơ rụng đứt là được".

Thổ sản: sản xuất ở Tứ Xuyên là xuyên đồ trọng là loại tốt nhất. Đô trọng ở Quý Châu là thứ nhì. Đô trọng ở Hồ Bắc, Thiểm Tây, Hưng An là hạng thứ.

Ghi chú: có hai loại đồ trọng dây.

Tên khoa học: *parabariumsp* thuộc họ trúc đào là loại cây leo có nhựa trắng - bê vỏ cây cũng có sợi tơ mảnh như đồ trọng bắc.

Ở Việt Nam còn có cây *Parameria glandulifera* Benth - dùng với tên đồ trọng dây.

Miền trung dùng vỏ cây trong chi *Euonynus* họ Dây gối làm đồ trọng.

## Các bài thuốc có đồ trọng

*Bài Đipi tạo hoán (Phù thọ tinh phương - Thẩm thị tôn sinh)*

Đô trọng tắm đấm 60g

Mạch môn

40g

Phục linh	24g	Tử hàn sa	1 củ
Quy báu tẩm đồng tiền	80g	Thiên môn	40g
Hoàng bá sao nước muối 60g		Nhân sâm	40g
Sa nhân	24g	Thực địa	80g

Nấu phục linh và sa nhân lấy nước, tẩm thực địa, phơi khô.

Tán bột, trộn rượu mật làm hoàn, ngày uống 30g.

Tác dụng: bồi bổ cơ thể, dưỡng huyết tư âm, chữa hư tổn lao thường.

Mùa hè uống với nước muối, mùa đông uống với rượu.

#### Bài Đại thô ty tử hoàn (Cục phương)

Dô trọng	120g	Phục bồn tử	20g
Lộc nhung	60g	Sơn thù	120g
Thô ty tử	40g	Thực địa	120g
Bồ cát chi	120g	Hồi hương	120g
Trầm hương	120g	Ngũ vị	120g
Thạch long nhục	40g	Phục linh	120g
Ba kích	120g	Trạch tả	40g
Tang phiêu tiêu	120g	Xuyên khung	80g
Tục đoạn	120g	Thạch hộc	120g
Ngưu tất	120g	Nhục quế	40g
Phụ tử	20g	Phùng phong	120g

Tất cả tán bột làm viên, ngày uống 16g.

Tác dụng: bồi thận ích tinh, chữa thận suy, mệnh môn hôi suy, hoạt tinh, liệt dương, tiểu tiện không tự chủ, chân tay mềm yếu.

### Bài Điều kinh cháng tử hoàn (Nghiêm phương)

Dô trọng	160g	A giao	80g
Bạch thược	80g	Hoàng cầm	80g
Dương quy	80g	Ngải cứu	80g
Hương pho	160g	Xuyên khung	180g
Thực địa	320g	Tục đoạn	120g

Tân bột, hoàn viên 4g, ngày uống 4 viên.

Tác dụng: chữa phụ nữ huyết trệ đau lưng, bụng đau, kinh nguyệt không đều, tử cung lạnh khó có thai, xích bạch đới.

## DÔNG TRÙNG HẠ THẢO (trùng thảo)

Tên khoa học: *Cordyceps sinensis* Berk

Là vị thuốc mùa đông là giống sầu, họ Nang khuẩn, mèn hạ hoa giống có họ Nhục hoa khuẩn. Giống có này mọc trong rừng, mèn hạ mọc mồi khóm 3-4 nhành, dài vài tấc, lèn trong đám cỏ rừng, khó tìm. Đến mùa đông, ngon cỏ khô, gốc rễ hão nát hoa giống sầu, dài 3 tấc, sắc vàng cỏ lồng, cỏ mềm có mắt và 12 chân gần giống con tằm, mèn đông bò trên mặt đất; mèn hạ lại chui xuống dưới đất rồi hoai ra cây cỏ. Sang tiết đông chỉ lại hoa thành sầu.

Theo sách Cây thuốc Việt Nam của Lê Trần Đức: Đông trùng hạ thảo là một giống nấm mọc ký sinh trên sầu non của một loài sâu họ Cảnh bướm, nấm và sâu hợp sinh với nhau. Vào mùa đông con sâu non nằm sâu dưới đất. Nấm phát triển vào toàn thân con sâu để hút chất bổ trong sâu làm sâu chết đến mùa hạ nấm sinh cơ chất stroma mọc trồi khỏi mặt đất nhưng gốc vẫn gắn vào đầu sâu.

Củ nấm và sâu hái vào tháng 6 - 7, rửa sạch phơi rá, phun rượu rồi phơi khô - bó từng bó 10 - 15 con.

Vị này ta còn phải nhập của Trung Quốc.

Tính vị: đông trùng hạ thảo vị ngọt, tính âm, rất bổ.

Sách Bản thảo cầu châm ghi: "Đông trùng hạ thảo bổ phế, bổ thận, ích tinh tuỷ, hoà đờm, chỉ huyết".

Sách Vương Bình Hành ghi: "Phùm những chứng Âm hư, dương hư, hư lao, ho suyễn nhiều đờm dùng đông trùng hạ thảo mà chữa thì rất thần hiệu".

Thổ sản: đông trùng hạ thảo có ở Tứ Xuyên, Vân Nam, Tây Khang.

### Các bài thuốc có đông trùng hạ thảo

#### Bài Chỉ khодng cao (Thiền già diệu phương)

Bạch truật	120g	Quy báu	120g
Bồ mòn	80g	Sài hô	80g
Sa sâm	120g	Cam thảo	20g
Kỳ tử	120g	Sinh địa	80g
Thiên môn	120g	Thục địa	200g
Dương quy	120g	Xuyên huyên tử	80g
Hà khô thảo	120g	Táo nhân	80g
Hoàng liên	80g	Viễn chí	60g
Dan sâm	120g	Ngũ vị tử	80g
Phục thán	120g	Đông trùng hạ thảo 100g	

Sắc cho thật đặc, lọc bỏ bã, cho thêm mật ong và đường phèn nấu thành cao, ngày uống 3 lần, mỗi lần 10 - 15g với nước ấm.

Tác dụng: ích khí, dưỡng tâm, tư thủy; trị ho lao thổ huyết, phế quản bị giãn gây ho ra máu nhiều.

### Bài Nạp khí bình suyễn ấm (Thiền già diệu phương)

Dòng trùng họ thảo	10g	Phụ tử	6g
Thực địa	10g	Hô dàn nhục	3 quả
Sơn dược	10g	Trầm hương	4g
Sơn thù	12g	Tù thạch	16g
Ngũ vị tử	8g	Nhân sâm	6g
Thai hàn	8g	Tù thạch anh	16g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: ấm thận, bồi bổ nguyên khí, nạp khí, bình suyễn, trị bệnh tim do nguyên nhân ở phổi gây ra.

## HẠ KHÔ THẢO

Tên khoa học: *Brunellia (Prunella) vulgaris*, L.

Họ Hoa môi (Labiatae)

Bộ phận dùng: lá cây toàn hoa, mọc ở đầu cành nâu tía, khô, thơm, không sâu mốc, vụn nát là tốt. Có thể tận dụng cành có hoa, từ đầu hoa xuống không quá 15cm, bỏ gốc rễ, không dùng thứ mèt hoa. Cán phân biệt với cây cải trời có tên *Blumenbachia*. DL, họ Cúc có hoa màu trắng, đế chữa vẩy nến.

Tinh vị, quy kinh: vị đắng, cay, tính lạnh; vào hai kinh: can và đờm.

Tác dụng: giải độc, thanh can hoả, tan uất kết; chữa tràng nhạc, áp xe vú, cười khí, phù thũng, đau mắt. Không dùng cho người ấm hàn, ăn kém.

Bảo chí: loại bỏ tạp chất, phơi âm can, rửa sạch, thái nhỏ, phơi khô.

**Bảo quản:** thuốc dễ ẩm mốc, biến màu đen, không phai nắng  
mất mùi thơm nên phải đậy kín, để nơi khô, mát.

Hạ khô thảo là cây sau tiết hạ chí thì khô.

Tên cũ là thiếc xác thảo.

Sách Y dược cầu nguyên ghi: "Hạ khô thảo vị đắng, cay, lạnh,  
chuyên chữa tan, kết tích, giải nhiệt khí".

Sách Bản thảo cầu chân ghi: "Hạ khô thảo chữa tràng nhạc,  
tè thấp, nhọt hạch, đau nhức về đêm".

### Các bài thuốc có hạ khô thảo

#### *Bài Bổ can tán (Giản dị)*

Hạ khô thảo 40g

Hương phụ 40g

Tân bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 4g.

Tác dụng: trị can hư, mắt đau, chảy nước mắt không đứt.

#### *Bài Cát cánh hành nhân tiễn (Y lược giải âm)*

A giao 12g

Cát cánh 8g

Hồng dâng 8g

Kim ngân hoa 10g

Bách hợp 12g

Chi xác 10g

Bối mẫu 12g

Hạ khô thảo 12g

Liền kiều 12g

Mạch môn 12g

Cam thảo 6g

Hạnh nhân 8g

Sắc uống ngày 1 thang, sắc 2 lần.

Tác dụng: trị phế ung do hư.

### Bài Giáng áp hợp té (Thiền già diệu phuông)

Cửu dâng	16g	Dịa long	10g
Huyền sâm	16g	Tảo nhán	10g
Dạ giao dâng	16g	Hà khô thảo	16g

Cửu dâng đé riêng cho vào nồi, sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: tư âm, bình can, an thần, trị huyết áp cao.

### Bài Hà khô thảo cao (Trung y Thượng Hải)

Bạch thược	20g	Hà khô thảo	100g
Cương tâm	20g	Dương quy	20g
Huyền sâm	20g	Bối mẫu	20g
Hương phụ	40g	Cam thảo	12g
Ô được	20g	Trần bì	12g
Cát cánh	12g	Hồng hoa	12g
Còn bò	12g	Xuyên khung	12g

Thêm mật ong, nấu đặc thành cao, mỗi lần uống 12 - 20g, ngày uống 2 lần vào lúc đói.

Tác dụng: trị bướu cổ, tràng nhạc (ao hạch).

### Bài Hà khô thảo thang (Trung y Thượng Hải)

Hà khô thảo	40g
-------------	-----

Sắc xong cho thêm mật ong vào, uống lúc đói.

Tác dụng: trị bướu cổ, tràng nhạc (ao hạch).

### Bài Kim ngân giải độc thang (340 bài thuốc đông y)

Bồ công anh	12g	Kim ngân hoa	12g
Súng trâu	08g	Xích linh	12g

Mè khô thảo	12g	Lิền kiều	12g
Hoàng liên	12g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: thanh nhiệt giải độc, lương huyết, tiêu viêm, trị mụn nhẹ.

## HÀ THỦ Ô

Tên khoa học: *Polygonum multiflorum Thunb*  
*Họ Rau răm (Polygonaceae)*

Bộ phận dùng: thân rễ (củ). Chọn củ to, đường kính trên 4cm, khô, vỏ nâu sẫm, cứng nhiều hột, ít xơ, không mốc mọt.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, ngọt,chat; tính ấm; vào hai kinh: can và thận.

Tác dụng: ích khí, trừ phong mạnh gân cốt, bổ can thận; thường chữa trong huyết hư, đổi họ, di tinh, suy nhược, ỉa máu. Không dùng cho người táo bón, không ăn hành khi dùng hà thủ ô.

Bào chế (theo Trung y): rửa sạch, thái miếng, cho vào chậu ngâm rượu một đêm (tỷ lệ 10kg/2.5 lít rượu) sau đó đỗ 4 giờ liền, phơi âm can khô rồi lại thảm rượu đỗ lần 2, có sắc den là được. Có thể rửa củ, thái miếng, ngâm nước vo gạo một đêm, vớt ra rửa sạch, ngâm trong nước đậu đen theo tỷ lệ 100g đậu đen với 2 lít nước nấu cho nhuy, nhuy đảo luôn cho đều. Khi củ hà thủ ô mềm, lấy ra, bỏ lõi, thái mỏng, phơi khô.

Cũng có thể dùng nước đỗ đen và cùu chưng cùu nái nhưng nhỏ lát và nấu phẳng cháy khét. Có 2 loại hà thủ ô đỗ và hà thủ ô trắng đều chế như vậy. Một số nơi cũng dùng và chế biến như trên hoặc ngâm nước vo gạo bốn ngày đêm, hàng ngày thay nước, sau lấy hà thủ ô cạo bỏ vỏ. Lấy đậu đen rửa sạch, cù một lớp đậu, một lớp hà thủ ô cho vào chõ đỗ chín như đậu đen, bỏ hà thủ ô ra đỗ lại, làm chín lần. Cuối cùng thái mỏng, sấy khô.

**Bảo quản:** để nơi khô, nắng phơi, phòng mốc mọt.

Sách Y hải châu nguyên ghi: "Hà thủ ô tính vị đắng, chát, ôm, bổ can thận và liêm tinh khí".

Sách Bản thảo kinh sơ ghi: "Hà thủ ô bổ khí huyết, trừ gió độc".

Sách Dược học đại từ điển ghi: "Hà thủ ô bổ khí huyết, den râu tóc, nhiều tinh tuỷ, chữa tràng nhạc, ung thũng, sưng nhợt mọc ở đầu mặt, nấm chửng tri, đau bụng, phụ nữ bị xích bạch dài, sau đẻ".

**Bảo chế:** hà thủ ô tắm nước vo gạo một đêm, đồ lán với đậu đen cho chín, lấy dao nũa cắt từng miếng, phơi khô".

**Thổ sản:** hà thủ ô ở Quảng Đông, Đức Khánh là tốt nhất.

### Các bài thuốc có hà thủ ô

**Bài Bổ huyết thanh nhiệt tiêu độc phương (Tâm đặc thân phương)**

Cam thảo	6g	Kim ngân	12g
Thổ bối mẫu	8g	Dương quy	12g
Đan bì	10g	Liên kiều	12g
Thổ phục linh	12g	Miếp giáp	6g
Tỳ giải	12g	Xích thược	12g
Hà thủ ô	12g	Mộc thông	12g
Hỗn ma tú	12g	Sinh địa	12g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị lở ngứa khắp người.

**Bài Bổ âm thang (Viện Y học cổ truyền Việt Nam)**

Cù mài	12g	Súng hươu	12g
Hoàng tinh	20g	Mè đen	20g

Hạt bí đao	30g	Ngò senn	20g
Hà thủ ô	4g	Yến rùa	8g
Lá dâu	12g	Hạt sen	20g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa chứng âm hư thiếu máu, thận kinh suy nhược.

#### Bài Hà thủ ô thang (540 bài thuốc đông y)

Cam thảo	6g	Hà thủ ô	16g
Dại hột	4g	Thảo quả	4g
Sâm bổ chính	12g	Liền nhục	12g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị sốt rét, gãy yếm, ăn ngủ kém, trẻ nhỏ chậm mọc răng, chộm mọc tóc, đi tinh, huyết trắng.

#### Bài Hòa doanh dưỡng cần thang (Hàng Ngọc Đường)

Bạch thuật	20g	Hà thủ ô	20g
Tang chi	20g	Chích thảo	06g
Ký tú	20g	Nữ trinh tử	20g
Quế chi	12g	Tang thầm (nương)	20g
Dương quy	12g	Tang kỵ sinh	20g
Thực địa	20g	Dạ giao dâng	20g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị khí huyết kém gây ra gân eo eo rút.

#### Bài Hoàng cầm tử vật thang (Chứng trị chuẩn thường)

Hạc hà	8g	Hoàng cầm	20g
Thực địa	20g	Xích thược	12g

Cam thảo	12g	Huyền sâm	10g
Dương quy	12g	Thảo ô	12g
Xuyên khung	12g	Hà thủ ô	12g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị các chứng mạn nhạt, hắc lão.

#### Bài Linh dương giác hoàn (Linh uyển)

Cam thảo	40g	Linh dương giác	40g
Sinh địa	80g	Uất kim	80g
Ngân tàng	40g	Hà thủ ô (trắng)	40g

Sao khô, tán bột, làm hoàn; ngày uống 2 lần, mỗi lần 8 - 10g.

Tác dụng: trị can và phế nhiệt, mắt có mộng, mắt khô đau, có mảng, trẻ nhỏ bị phong cam làm ngừa mắt, lở loét.

#### Bài Liên hoài thang (540 bài thuốc đông y)

Đẳng sâm	12g	Liền nhục	12g
Táo nhân	08g	Thực địa	12g
Hà thủ ô	12g	Liền tiền thảo	12g
Hoài sơn	12g	Ngải đàp	10g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị kém ăn, kém ngủ, suy nhược cơ thể sau ốm.

## HẢI MÃ (cá ngựa)

Tên khoa học: *Hippocampus Sp*

Họ Hải long (*Syngnathidae*)

Bộ phận dùng: cá con, to, sắc trắng, khô, chắc, hơi mặn không sâu mọt và còn cá đuôi là tốt.

Có ba loại hải mã:

- Loại cò da là thích hải mã.
- Loại có ba khoang là tam ban hải mã.
- Loại to là đại hải mã, là loại tốt nhất.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, tính ấm; vào kinh thận.

Tác dụng: tráng dương, ấm thuỷ tạng, chữa đau bụng do khí huyết, không dùng cho phụ nữ có thai.

Bảo chế: cạo sạch bụi cát, tẩm nhỏ, dùng. Có thể bắc lồng trên đầu, tẩm rượu sao qua, tẩm nhỏ dùng làm viên, ít khi sắc uống; hay ngâm rượu phổi hợp với kỳ tử, đâm dương hoặc.

Bảo quản: nơi khô, mát, kín, để trong lọ hay hộp cho ít bột long não hay hoa tiêu để tránh mốc mọt.

Sách Y dược cầu nguyên ghi: "Hải long là giống hải mã, nhưng rất lớn, trông như con rồng. Tính vị: vị ngọt, tính ôn".

Sách Bản thảo bắc yếu ghi: "Hải long có tác dụng ấm tạng phủ, tráng dương, tiêu trừ khí tinh và định sang, phù thũng, chữa phụ nữ sau đẻ".

## Bài thuốc cò hải mã

*Bài Hải bắc tán (Thiên gia diệu phương)*

Hải mã	12g	Lộc nhung	10g
Hồng sâm	12g	Nhục quế (cạo vỏ)	04g

Tân bột, ngày uống 16 - 20g, chia 2 lần.

Tác dụng: bổ thận, cố tinh, trị sinh dục suy nhược.

## HẢI SÀI (cây lức, sài hồ nam)

Tên khoa học: *Pluchea pteropoda Hemsl*  
Họ Cúc (Compositae)

Cần phân biệt, cây này mọc ở ven biển, giống cây cúc tần (tên khoa học *Pluchea indica*) cũng họ Cúc nhưng ngắn hơn.

Bộ phận dùng: là rễ. Chọn rễ có vỏ nâu xám, nhiều nếp nhăn dọc, mặt cắt ngang màu vàng nâu gỗ chiếm phần lớn, cứng chắc, khó bẻ, thơm, ruột trắng ngà là tốt. Mọc ở biển tốt hơn mọc ở đồi bãi có mùi thơm đặc biệt. Rễ hải sài nhiều người dùng thay sài hồ bắc.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, thơm nhẹ, tính hàn; vào hai kinh: can và tâm.

Tác dụng: hoà giải biểu lý.

Dùng sống: chữa can uất, phát biểu, chữa ngoại cảm, không nên dùng cho người hổ hoả.

Bào chế: lấy rễ rửa sạch thái nhỏ 2 - 3 ly, phơi hay sấy nhỏ lửa 60° để dùng sống, độ ẩm dưới 12%, tạp chất < 1%. Cũng có thể thái nhỏ, tẩm rượu hoặc mật 2 giờ sau cho thơm (1kg rễ lứt + 150ml rượu hoặc mật).

Bảo quản: không để lâu quá 3 tháng, nắn dây để kín giữ hương thơm.

Chú ý: một số người dùng rễ cây cúc tần, rễ cây đại bi (tên khoa học là *Blumea balsamifera* họ Cúc) để thay sài hồ. Rễ này chỉ phát hàn không lợi tiểu.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Sài hồ vị đắng, tính bình, hơi lạnh, chuyên chữa bệnh ngoài da".

Sách Bản thảo bì yếu ghi: "Sài hổ chuyên chữa các chứng thương hàn, tà nhiệt, hư lao đờm nhiệt, nóng sốt, mẩn cộ buốt hắt. Nhức đầu chóng mặt, mất ngủ, đau tức, miệng đắng tai điếc, dân bà thai tiền sản hậu, trẻ con đều sởi cảmski. Sài hổ còn chữa được huyết xấu gây ung thư sưng nhợt".

Chú ý: không dùng sài hổ trong chứng âm hư hắc hoà làm khí cung bốc lên.

Cây hải sâm còn có tên nhuyễn sài hổ.

Sách Y dược cầu nguyên ghi: "Nhuyễn sài hổ vị ngọt, tính lạnh".

Sách Bản thảo cầu chân ghi: "Nhuyễn sài hổ tiêu khí nóng hầm vón phế tỳ vị, thận; hưng huyết, chữa ngứa tạng hư tổn, da thịt nóng, đau xương nhức buốt, thấp tè co quắp".

### Bài thuốc có hải sâm

*Bài: Bổ khí thang (Lý Dông Viên)*

Chích thảo	6g	Hoàng kỳ	16g
Tố tần	6g	Ma hoàng (sao)	8g
Sài hổ	8g	Dinh hương	6g
Thăng ma	12g	Đương quy	12g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: bổ khí.

*Bài: Bổ kinh cổ chân hoàn (Y phương hải hối)*

Cam thảo	8g	Hoàng cầm	8g
Trần bì	6g	Úc lý nhân	8g
Can khương	8g	Nhân sâm	8g
Hoa quý tráng	1 hoa	Sài hổ	8g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị chứng bạch đái (thuyết trắng).

#### Bài Bổ thủy tinh phatterg (Biện chứng kỵ vân)

Bạch thược	12g	Sài hô	12g
Thần khúc	12g	Thực địa	20g
Huyền sâm	12g	Sơn đục	12g
Mạch môn	12g	Sơn thù	8g
Trúc nhụ	8g	Phục linh	8g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị chứng bệnh tà khí ở kinh thái dương (nóng lạnh, suôn ngực đầy tức, miệng đắng).

#### Bài Bổ trung ích khí thang (Tý vị luận của Lý Đông Viên)

Hoàng kỳ	12g	Nhân sâm	8g
Trần bì	8g	Sài hô	8g
Bạch truật	12g	Cam thảo	6g
Dương quy	12g	Thăng ma	10g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị suy nhược cơ thể, khí hư, sa sinh dục, lồi dom, tri, tỳ vị hư yếu.

#### Bài Cam lô ám (Dương y đại toàn)

Cam thảo	6g	Nhân sâm	8g
Thạch hộc	12g	Tri mẫu	12g
Chi xà	12g	Sài hô	8g
Hoàng cầm	8g	Tỳ bà diệp	12g
Sinh địa	12g	Tè giác	8g

Mạch mòn (bò lồi) 12g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị chứng mồi bị sưng dày lên.

## HẢI SÂM (đồm rộp)

Tên khoa học: *Stichopus japonicus selenha*

Bộ phận dùng: cả con. Chọn loại to, mình có gai, còn gọi là hải sâm tò, có màu xanh đen, mềm là tốt.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, mặn, tính ấm; vào kinh thận.

Tác dụng: bổ thận, tráng dương, sát trùng; chữa hư lao, giang hoa, chữa bệnh mạn tính.

Bảo chế (theo Lý Thời Trân): rửa sạch, phơi sấy giàn để để bảo quản, khi dùng ngâm nước cho mềm, thái lát rồi lại phơi giàn, tẩm bột. Có thể cạo rửa sạch bằng nước muối, lợn trong ra ngoài, rửa lại, phơi hay sấy giàn. Khi dùng ngâm nước rồi thái mỏng 3 - 5 ly, sao gạo cho phẳng vàng đều. Tẩm bột làm viên hay nấu cháo.

Bảo quản: để nơi khô ráo, trong lọ hay hộp sát kín tránh ẩm mốc, để lâu cần phơi sấy lại.

## HẢI TẢO (rong biển, rong mơ)

Tên khoa học: *Sargassum*

Họ Rong mơ (*Sargassaceae*)

Bộ phận dùng: toàn cây, lá dày dài có hột (đó là khí bào) trên to, mềm màu nâu hồng, có sợi dai khô, độ ẩm không quá 20%, tro toàn phần dưới 15%.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, mặn, tính lạnh; vào ba kinh: vị, can và thận.

Tác dụng: tiêu đờm, nhuynh kiện, lợi thuỷ, hạ khí, chữa lao hạch, buốt cổ.

### Bào chế:

Theo Lôi Công: trộn hải tảo với đậu đen, đỗ chín, phơi khô.

Lý Thời Trâm: rửa sạch, phơi khô dùng.

Bảo quản: để nơi khô ráo, tránh vun nát, mốc.

Chú ý: tảo này là loại rong mơ (*Sargassum SP*), thuộc họ rong biển ngọt, rong màu vàng hoặc nâu, phân nhiều nhánh, thân nhánh có dạng trụ tròn hơn dẹt, hoặc có gai nhỏ, từ các nhánh mọc ra nhiều lá.

Sách Y được của nguyên ghi: "Nhân mục ở biển nên gọi là hải tảo."

Tính vị: đắng mặn và lạnh, tiết táo kết, trừ huyết nhiệt, nhuynh kiện nhuận hàn".

Sách Bản kinh ghi: "Chữa trị tràng nhạc kết khí, tan hạch rắn ở cổ, ung thũng, bệnh hàn, sỏi bụng, hạ 12 chứng thủy thũng".

Sách Hải được bản thảo ghi: "Chữa bón đòn, cuộc khí, phì thũng đầy bụng không tiêu, ngủ cách đàm ủng".

## Các bài thuốc có hải tảo

### Bài Bình phục đờm (Thiên gia diệu phương)

Bạch thược	16g	Hải tảo	12g
Sài hô	10g	Còn bò	12g
Hạ khô thảo	12g	Mẫu lệ (sống)	12g
Dương quy	12g	Hương phụ	10g
Uất kim	10g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: sơ can, giải uất, dưỡng huyết, hòa huyết, trị chứng cường tuyến giáp.

#### Bài Giải hàn trù thấp thang (Chứng trị chuẩn thường)

Chi tử	8g	Tam lăng	12g
Liên kiều	12g	Thanh bì	8g
Hoàng bá	12g	Hải tảo	12g
Hương phụ	12g	Tần lang	12g
Mộc thông	12g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị thấp nhiệt ứ kinh, khí huyết ứ trệ làm thành buốt, hạch ở bộ hạ.

#### Bài Hải tảo ngọc hổ thang (Y tông kim giám)

Hải tảo	12g	Bản bạ (chè)	12g
Dương quy	12g	Trần bì	6g
Thanh bì	6g	Bồ mẫu	12g
Còn bố	12g	Xuyên khung	8g
Độc hoạt	12g	Hải tai	12g
Liên kiều	8g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: hóa đàm, nhuận kiền, tiêu tán u buốt, trị buốt cổ.

#### Bài Hòa thủy định tâm thang (Bàng Ngạc Đường)

Còn bố	12g	Hổ phách	08g
Hải tảo	12g	Triều mộc	12g

Quế tám	08g	Dinh lịch tử	12g
Ngưu hoàng	12g	Khiên ngưu tử	12g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: trị chứng thủy thũng (phù)

#### Bài Khổ sâm thang (Thiên gìn diệu phương)

Hải tảo	16g	Bạch truật (sống)	12g
Đào nhân	12g	Hậu phác	08g
Đương quy	12g	Đại hoàng (chè)	06g
Xích thược	12g	Mộc hương (mướp) 12g	

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: hành khí, hóa ứ, tháo thấp, nhuynh kiện, trị khí trệ thấp trở ở trường vị, viêm ruột mạn tính.

#### Bài Liên kiều hoàn (Thiên kim)

Liền kiều	40g	Hải tảo	20g
Dâu xí	40g	Độc hoạt	40g
Quế tám	40g	Bạch đầu ông	40g
Tần cừu	40g	Tang bạch bì	40g
Hoàng bá	40g	Mẫu đơn bì	40g
Phong phong	40g		

Tán bột, làm hoàn, ngày uống 4 - 6g với nước sắc đằng tam.

Tác dụng: trị trẻ nhỏ bị nóng lạnh không rõ nguyên nhân, lúo hạch, khớp người có hạch nhưng không đau.

# HẠNH NHÂN

Tên khoa học: *Prunus armeniaca L.*

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Bộ phận dùng: hạt của quả mơ cây mơ núi *Prunus armeniaca*. Chọn hạt cứng, nhân nguyên vẹn, chắc, nhân màu vàng đất, không mốc mọt.

Cần phân biệt hai loại: loại nhân đắng là khổ hạnh nhân, loại nhân ngọt là điểm hạnh nhân.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, tính bình; vào hai kinh: phế và đại tràng.

Tác dụng: tả phế giải biểu, họ khí nhuận táo tiêu痞 hay dùng chữa ho suyễn, ngoại cảm, họng té đau, táo bón. Không dùng cho người hư nhược, không cầm tả khí mà ho.

## Cách bảo chế:

Theo Dân Hoàng Cảnh: hạnh nhân tẩm nước nóng xắt bột vỏ, bỏ dầu nhọn, sao vàng hoặc cho cám vào cùng sao.

Lý Thời Trân để cà vỏ và dầu nhọn, dùng trong phát tán.

Kinh nghiệm Việt Nam trước khi dùng già dập, hoặc già dập bọc trong giấy bẩn; chửa hư lao, ho mạn tính.

Bảo quản: đây là loại thuốc dễ mốc mọt; cần để nơi kín, khô, không sấy hơi than.

Hạt hạnh nhân hình tim, đụt dài 1 - 1,9cm; rộng 0,8 - 1,5cm; nâu thẫm, một đầu nhọn, một đầu tròn lõm, ở đáy tròn có vân mạch, màu nâu thẫm hơn, không mùi. Loại bị mọt là xấu. Nghiền nát có mùi đặc biệt của benzaldehyd.

Tên khác là bắc hạnh nhân.

Sách Y dược cầu nguyên ghi: "Hạnh nhân tính vị cay, đắng, ngọt, tính ấm".

Sách Trung Cảnh ghi: "Hạnh nhân chuyên trị các chứng ho hen, đờm kít, phù thũng".

Sách Trung nguyên tố chẩn chẩn nang chép rằng: "Hạnh nhân châm phổ nhiệt, phong táo, khó thở và nhuận đại tràng".

Sách Bản thảo cương mục ghi: "Hạnh nhân sát trùng, tiêu thũng, khói sang nhợt".

**Thổ sản:** Hà Bắc, Yên Bái, Ngũ Trang, Sơn Tây, Sơn Đông, Thiểm Tây, Hồ Bắc, Hà Nam.

### Các bài thuốc có hạnh nhân

**Bài Hạnh nhân hoạt thạch thang (Ôn bệnh điều kiện)**

Hạnh nhân	12g	Hoạt thạch	12g
Uất kim	8g	Hậu phác	8g
Quất hồng bì	6g	Hoàng liên	4g
Bản hạ	12g	Thông thảo	4g
Hoàng cầm	8g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: thanh lọc thấp nhiệt ở tam tiêu, châm ngược dây tóc minh nóng, nôn mửa, phiến khát, ỉ chảy.

**Bài Hạnh nhân long đờm thảo bão tán (Chứng trị chuẩn thường)**

Hạnh nhân	4g	Dương quy	8g
Long đờm thảo	4g	Hoạt thạch	4g
Hoàng liên	4g	Xích thược	4g

Tán bột, chia 2 lần uống.

Tác dụng: chữa phong công lên mắt làm mắt sưng đỏ, không nhìn.

### *Bài Hạnh nhân thang (Thiên kim)*

Hạnh nhân 50 hạt, bò vỗ và dầu nhẹn giã nát. Dó 400 ml rượu dun cạn còn 100ml uống.

Tác dụng: xổ giun.

### *Bài Hạnh nhân thang (Chứng trị chuẩn thẳng)*

Hạnh nhân	80g	Thạch nhũ	12g
Ngò vị tử	50g	Cam thảo	80g
Ngò thù	50g	Ngạnh mè	16g
Tò tử	40g	Cen khương	12g
Mạch môn	50g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa tổn thương do chấn thương sau 7 ngày.

### *Bài Hạnh nhân tiến hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)*

Hạnh nhân	20g	Nhân sâm	40g
Quan quế	40g	Tý bà diệp	40g

Tán bột làm viên, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa nuốt vướng ở họng.

### *Bài Hạnh sâm tán (Chứng trị chuẩn thẳng)*

Hạnh nhân	Bạch truật	Tang bạch bì
Dại phuộc bì	Bản hạ	Kha tử
Nhân sâm	Tò tử	Quế tẩm
Quất hồng	Cam thảo	Tân hoàng

Liều đều 4g, ngày uống 16g với nước sinh khương, tò tử.

Tác dụng: chữa suyễn cấp.

### Bài Hạnh sương hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bà đậu bò xác ép dầu sao chung với hạnh nhân	40g
Bách thảo sương	80g

Tán bột, trộn dầu làm viên.

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ ăn uống tích trữ, sinh ỉa chảy, lỵ.

### Bài Hạnh tó đòn (Ấu ấu tu trì)

Hạnh nhân	Bản hạ	Chích thảo
Tang bì	Xích linh	Trần bì
Phúc bì		

Liều bằng nhau 4g, thêm giึง súc uống.

Tác dụng: chữa trẻ bị suyễn lâu ngày.

### Bài Hạnh tó nhị trần thang (Thời lệnh bệnh hạch)

Hạnh nhân	12g	Phục linh	12g
Bản hạ	6g	Sinh khương	4g
Tù diệp	8g	Trần bì	6g
Cam thảo	4g	Dại thảo	2 quả

Súc uống.

Tác dụng: chữa ho có đờm.

### Bài Hạnh tó tần (Cục phunng)

Thành phần như bài Hạnh tó nhị trần thang thêm tiền hồ, cát cánh, chỉ xác, mỗi vị 8g.

### Bài Hạnh tử tần (Chứng trị chuẩn thẳng)

Hạnh nhân bò vỏ già giập, sao vàng, nấu thành cao, ngày uống 8g với nước súc quát bì.

### Bài Hạnh tử thang (Kim quỹ yêu hược)

Hạnh nhân	8g	Cam thảo	8g
Mà hoàng	12g	Thạch cao	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phong thấp.

Bài này có sách ghi là Ma hành thạch cam thang.

### Bài Hắc tán (Thiên kim)

Hạnh nhân	8g	Mà hoàng	8g
Đại hoàng	4g		

Tán bớt, ngày uống 8g hòa với sữa.

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ bị chùng sưng theo chu kỳ: lây, bô, nghé.

### Bài Hoa giải tán (Y hược giải âm)

Hạnh nhân	10 hạt	Tang bạch bì	8g
Phục linh	12g	Cát cát	8g
Chích thảo	2,8g	Cát cánh	8g
Tiến hò	6g	Sinh khương	3 lát
Tô diệp	4g	Trần bì	4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ho đờm nhiều.

### Bài Tam nhán chúc (Y cấp)

Bà tử nhán	Tùng tử nhán
Hạnh nhân	

Lượng bằng nhau, nấu với cháo gạo nếp để ăn.

Tác dụng: chữa tỳ phế táo kết, is mâu.

### Bài Tam nhán hoán (Tố sinh)

Hạnh nhân

Úc lý nhân

Ý dĩ nhân

Lượng đều 30g, tán bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa suyễn cấp, tiểu không thống.

### Bài Tam nhán thang (Ôn bệnh điêu biệnh)

Hạnh nhân 20g

Bạch khẩu nhân 8g

Trúc diệp 8g

Ý dĩ nhân 24g

Bạch thông thảo 8g

Hậu phác 8g

Bản hạ 20g

Hoa tạc thạch 24g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thử thấp.

### Bài Tam nhán thông xỉ thang gia vị (Thông tặc thương hàn luân)

Hạnh nhân 8g

Thông bạch 3 tắc

Cúc hoa 8g

Bạch khẩu nhân 3g

Hậu phác 6g

Ý dĩ 12g

Cương tim 6g

Hoắc hương 6g

Bạch tật lè 9g

Bản hạ chế 6g

Đậu xị 9g

Lạc nhai 15g

Trúc diệp

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ngoại cảm phong ôn.

## HẠT GÁC (mộc miết tử)

Tên khoa học: *Momordica cochinchinensis (Lour.) SP*  
Họ Bầu bí (Cucurbitaceae)

Tên khác: mộc cao (Campuchia), ma khẩu (dân tộc Thái), mộc tử, mộc tất tử, thổ mộc miết.

Từ cây gác cho các vị thuốc:

- Hạt gác: mộc miết tử (*Semen momordicae*)
- Dầu gác: *Oleum momordicae*.

Chế biến: bóc vỏ quả gác đã chín, lấy hạt, sau đó sấy hay phơi khô, tối khi cầm không dinh tay. Lấy dao nhọn bóc màng đỏ, phơi khô (hoặc sấy ở nhiệt độ 60°C), dùng dần.

Nhân hạt gác: vị đắng hơi ngọt, tính ấm, hơi có độc; vào hai kinh: can và đại tràng.

Tác dụng: chữa mụn nhọt, tiêu thông. Trong dân gian dùng chún vật thường dùng đập, vัง tuyến vú, sưng hậu môn (chủ yếu dùng bôi ngoài).

Uống trong: liều 1 nhân nướng chín.

### Bài thuốc có hạt gác

#### Bài Ô long cao (Tập nghiệm)

Ô dâu	20g	Mộc miết	80g
Tiêu phán	160g	Bản hạ	80g

Cho vào nồi nung khô, tán bột, hoà dầu mè bôi.

Tác dụng: chữa mụn nhọt độc.

## HẬU PHÁC

Tên khoa học: *Cortex magnoliae*  
Họ Mộc lan (*Magnoliaceae*)

**Bộ phận dùng:** vỏ cây. Chọn loại vỏ dày, màu nâu tía, thơm, có nhiều dầu, có đốm sáng là thượng hạng, loại này còn có tên là kim tinh hậu phác.

Nước ta ở Phú Quốc có hậu phác vỏ dày màu tím đen, hắc. Trên thị trường có thể bán vỏ cây de, tên khoa học là *Cinnamomum iners* Reinw., họ Long não.

Vỏ vối rừng tên khoa học là *Eugenia jambolana* Lamk họ Sâm, vỏ và de đều không dùng, không đạt chất lượng như hậu phác.

Trong Dược điển có ghi phân biệt hậu phác vỏ và hậu phác hoa. Hậu phác hoa là nụ hoa phơi (sấy) khô của cây hậu phác *Magnolia officinalis* Rehd et Wils. Nụ hoa có hình bầu dục dài 4 - 7 cm bán kính 0,7 - 1,5 cm màu nâu đỏ hay nâu thẫm, bao bọc có 12 cánh chất thịt, vòng các cánh hoa bên ngoài hình tròn ngược hay chữ nhật, vòng trong có hình thon.

Hậu phác vỏ cũng từ hai cây trên, dạng vỏ cuộn đơn hoặc kép dày 0,5 cm. Độ ẩm không quá 16%, tạp chất không quá 1% (tỷ lệ này ở vỏ chất không quá 2%).

**Tính vị, quy kinh:** vị cay, đắng, tính ấm; vào ba kinh: tỳ, vị và đại tràng.

**Tác dụng:** hạ khí tiêu đờm, lợi thuỷ. Không dùng cho người tỳ hư yếu, nguyên khí kém, phụ nữ đang mang thai.

**Bảo chế:** rửa sạch, cao vỏ thái mỏng 2 - 3 ly, sau tắm nước giếng sao qua.

**Bảo quản:** đậy trong lọ kín, khô, tránh ẩm móc, để nơi mát để không mất tinh dầu.

Sách Bản kinh chép rằng: "Hậu phác vị dáng, tính ôn hot, chuyên trị các chứng gió độc, thương hàn, nhức đầu, sợ hãi bâng tr匡 hán hay tr匡 thử".

Sách Biệt lục ghi: "Hậu phác ôn hoà tỳ vị, ích khí tiêu đờm, chữa khỏi hắc loạn đầy bụng, vị lạnh, nhuận tràng".

Hậu phác khi dùng nên thêm can khuynh.

Không dùng hậu phác với trạch tả, thiên thạch. Dùng hậu phác không ăn các thứ đậu (theo Y học cẩm nguyên).

Thổ sản: hậu phác ở Tây Xuyên là tốt nhất, có tên là xuyên hậu phác.

Còn ở Hồ Bắc, Hồ Nam, Văn Nam là loại nhì, sau nữa là thủ sản xuất ở Phúc Kiến, Tứ Xuyên.

### Các bài thuốc có hậu phác

*Bài Đào thi hoàng long thang* (Y học giải âm)

Hậu phác	20g	Cam thảo	4g
Dương quy	12g	Chi xá	8g
Tây dương sâm	12g	Đại hoàng	12g
Mang tiêu	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: nổ hạch ở người khí huyết hư.

*Bài Đại nguyên ấm* (Ô dịch luận)

Hậu phác	8g	Thảo quả	2,8g
Hoàng cầm	4g	Binh lang	12g
Cam thảo	2,8g	Bạch thư	8g
Tri mẫu	8g		

### Sắc uống.

Tác dụng: chữa ôn dịch, cảm con sốt rét.

### Bài Hậu phác thang (Lý Đông Viên)

Hậu phác	12g	Trần bì	10g
Cam hương	4g	Cam thảo	4g
Phục linh	12g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa tỳ vị hư hàn, đầy trướng đau.

### Bài Hậu Phác thang (Nghiệm phương)

Hậu phác	Phục linh	Trần bì
Mộc hương	Thương truật	Trư linh
Dại phác bì		

Liều đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa đờm nọc stay phủ.

### Bài Hậu phác thất uất thang (Kim quý yếu lược)

Hậu phác	32g	Cam thảo	4g
Dại táo	3 quả	Sinh hương	8g
Quế chi	8g	Chi thực	2 quả
Dịp hoảng	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đầy bụng, phát sốt 10 ngày, mạch phù són.

### Bài Hậu trường hoàn (Lý Đông Viên)

Hậu phác	2g	Thanh bì	2g
Trần bì	1,2g	Bán hạ	1,2g

Mạch môn	2g	Thần khúc	2g
Nhân sâm	2g	Thương truật	1,2g
Chi xác	2g		

Tân bột làm viên, ngày uống 4g.

Tác dụng: trẻ bú không tiêu, bụng đầy trướng đau, gây yếu phản không bình thường.

#### Bài Hậu trường hương liên hoàn (Đại từ điển y học Trung Quốc)

Hậu phác	8g	Hoàng nghiệm	12g
Thanh bì	8g	Thương truật	12g
Trần bì	12g	Chi xác	12g
Mộc hương	8g	Nhân sâm	12g
Hoàng liên	8g	Thần khúc	12g

Tân bột, làm thành viên, ngày uống 8g.

Tác dụng: chữa ỉa chảy, bụng đầy trướng đau, ăn không tiêu.

#### Bài Hậu phác sinh khương cam thảo bán hạ thang (Thương hàn luận)

Hậu phác	32g	Nhân sâm	4g
Sinh khương	6g	Bán hạ	12g
Cam thảo	8g		

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa chứng thái dương, mồ hôi ra, bụng đầy trướng, vị hư, mòn mỏi, không ăn uống được.

#### Bài Hậu phác tam sật thang (Kim quý yếu lược)

Hậu phác	32g	Chi thực	5 quả
Đại hoàng	20g		

Sắc uống ấm.

Tác dụng: chữa bụng đầy đau, đại tiện táo, là được thì ngừng.

#### Bài Hậu phác tán (Hoà tố cục phương)

Hậu phác	20g	Long cốt	12g
Nhục đậu khấu	4g	Mộc hương	4g
Dinh hương	4g	Hoàng liên	12g
Bạch truật	12g		

Tân bột, ngày uống 6g.

Tác dụng: chữa trẻ suy dinh dưỡng, chán ăn, ngày uống 6g.

#### Bài Hậu phác ninh (Chứng trị chuẩn thẳng)

Hậu phác	12g	Nhục đậu khấu	1 quả
Hoàng liên	12g		

Tân bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa cổ thai kiết lỵ, chảy nước ối không ngừng.

#### Bài Hậu phác thang (Thiên kim)

Hậu phác	16g	A giao	16g
Ngải diệp	20g	Cam hương	16g
Hoàng liên	24g	Thạch lựu bì	20g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa lỵ mạn do nhiệt.

#### Bài Hậu Phác thang (Trương Khiết Cố)

Hậu phác	120g	Trần bì	120g
Bạch truật	200g	Cam thảo	120g
Bản hạ khúc	80g	Chi thực	80g

Tán bột, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa tỳ vị hư hàn, bụng đầy trướng.

#### Bài Hậu phác chỉ thực thang (Lưu Hà Giản)

Hậu phác	20g	Hoàng liên	8g
Kha tử	4g	Chỉ thực	12g
Mộc hương	12g	Cam thảo	8g
Dại hoàng	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đau bụng icas chảy.

#### Bài Hậu phác đại hoàng thang (Kim quỹ yếu lược)

Hậu phác	16g	Dại hoàng	24g
Chỉ thực	4 trắc		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa bụng đầy, đại tiện táo, nồng tinctus em.

Bài này còn có tên Triệu thừa khí thang.

#### Bài Hậu phác hoà (Chứng trị chuẩn thang)

Hậu phác	60g	Cát cánh	80g
Ba đậu	20g	Nhân sâm	80g
Hoàng liên	100g	Ngô thù	80g
Phục linh	80g	Quế chi	80g
Sài hô	80g	Thực tiêu	60g
Tạo giác	80g	Tô tử	60g
Xuyên ô đầu	6g	Xương bổ	80g

Tân bột làm viên, ngày uống 12-16g

Tác dụng: chữa chứng phân vị, nôn mửa, khó tiêu, đầy bụng.

#### Bài Hậu phác ma hoàng thang (Kim quỹ yếu lược)

Mã hoàng	Tế tần	Ngũ vị
Tiểu mạch	Bản hạ	Can khương
Hạnh nhân	Hậu phác	

Liều đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: tan tè, trừ ẩm, trợ biếu.

#### Bài Hậu phác ôn trung thang (Thẩm thư tôn sinh)

Hậu phác	Phục linh	Mộc hương
Chích thảo	Bạch đậu khấu	Quất hồng
Can khương		

Liều đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa bụng đầy trưởng (bì mẩn) do hàn trệ.

#### Bài Lương phương hậu phác thang (Y học giải ẩm)

Hậu phác	32g	Bạch truật	20g
Thương truật	30g	Binh lang	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa bì mẩn, đầy trưởng do ẩm thấp.

#### Bài Lý tỳ thang (Nghiêm phương)

Hậu phác	Mạch nha	Sa nhân
Trần bì	Thương truật	Thần khúc
Can khương	Sơn tra	

Liều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: phụ nữ sau sinh chân tèn, gai rết, ngực nặng bùn thận, mệt mỏi.

Lưu ý: bài này có sa nhân, sau đẻ dùng sa nhân có thể mất sữa.

## HỒ PHÁCH (nhựa cây thông)

Tên khoa học: *Succinum*

Bộ phận dùng: nhựa cây thông *Pinus sp* đã lâu năm (già) nhựa kết tinh thành cục dưới đất. Hồ phách trong suốt, đồ vàng là tốt, nâu đen là xấu, cần phân biệt hồ phách giả để làm chuỗi hạt đeo cổ và các áo. Chọn loại cứng và giàn, nghiên ra bột dễ, rất nhẹ, khi đốt có khói trắng thơm là tốt.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, tính bình; vào bốn kinh: tâm, can, phế và bàng quang.

Tác dụng: trấn tâm an thần, thông lâm lầu, làm tan ứ đọng. Dùng trong kinh gián, ngủ kém, dài mัว, nhì châm thống.

Chú ý: không dùng cho người âm hư, ở nội tạng có nhiệt mà không có ứ.

Cách bào chế (theo Lời công): lấy nước hoà với nhân trắc bá, cho hồ phách vào nấu 2 giờ thấy xuất hiện ánh sáng lấp ló, bỏ ra nghiên thành bột để dùng. Lý Thời Trần lấy hồ phách hòa với sắn người. Ô ta chỉ tán bột mịn.

Bảo quản: để nơi khô, kín, tránh làm nát vụn.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Hồ phách là chất nhựa cây thông già động ở dưới đất lâu ngày kết lại thành.

Tính vị: vị ngọt, hành tinh, tác dụng thông huyết tâm, can".

Sách Uông Nhện Âm ghi: "Hồ phách chữa định hỏa phách, khòi dien cuồng, tiêu huyết ứ, phả ưng nhợt, lên da non, bội tiểu, sưng mắt, mót da thịt".

**Thổ sản:** hổ phách ở Vân Nam là tốt nhất, sản xuất ở Khôn Đôn là thứ nhì. Thứ sản xuất ở Thạch Hiệp là dương phách.

### Các bài thuốc có hổ phách

#### Bài Hổ phách an thần hoán (Y tông kim giám)

Hổ phách	Táo nhân	Bà tử nhân
Ngưu hoàng	Viễn chí	Long sỉ
Dương quy	Chu sa	Sinh địa
Thạch xương bồ	Phục thán	Hoàng liên

Lieu bằng nhau, tán bột, trộn mầu tim lợn, làm viên, ngày uống 16g.

Tác dụng: dưỡng tâm an thần, ngủ hay mê, sợ hãi.

#### Bài Hổ phách an thần thang (Băng Ngọc Đường)

Hổ phách	Dương quy	Chu sa
Bà tử nhân	Viễn chí	Táo nhân
Phục thán	Nhân sâm	Hoàng liên
Sinh địa	Ngưu hoàng	Long sỉ

Thạch xương bồ

Lieu đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa sau sinh hồi hộp, lo sợ.

#### Bài Hổ phách cao (Băng Ngọc Đường)

Hổ phách	Dương quy	Mộc hương
Mộc miết	Dầu me	Bạch chỉ

Tùng hương

Mộc thang

Phòng phong

Dinh hương

Chu sa

Liều đều 50g, tán bột hổ phách, chu sa, tùng hương riêng.  
Các vị khác nấu với dầu mè khi thuốc đan, bỏ bã, trộn thêm  
hoàng dược thành cao, ngày uống 40ml.

Tác dụng: châm tích tụ lâu ngày.

*Bài Hổ phách Chu sa hoán (Y phương hải bộ)*

Hổ phách	16g	Xạ hương	4g
----------	-----	----------	----

Mộc được	16g	Chu sa	10g
----------	-----	--------	-----

Đương quy	16g	Nhũ hương	12g
-----------	-----	-----------	-----

Tán bột, viên 1g, ngày uống 8 viên hòa rượu uống.

Tác dụng: an thần, trấn kinh, chữa kinh phong.

*Bài Hổ phách hoà phương thang (540 bài thuốc đông y)*

Hổ phách	Dan bì	Ý dĩ
----------	--------	------

Huyết kiết	Cam thảo	Xa tiền
------------	----------	---------

Đào nhân	Bồ hoàng
----------	----------

Liều đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: hoạt huyết, giảm đau, lợi tiểu, tiêu sưng.

*Bài Hổ phách thô tinh hoán (Nghịêm phương)*

Hổ phách	Chu sa
----------	--------

Nam tinh
----------

Các vị đều 20g, tán bột, hòa với nước gừng và nước sâm làm  
viên, ngày uống 8g.

Tác dụng: an thần định chí, trừ phong hóa đàm.

# HỒ TIÊU (xuyên tiêu)

Tên khoa học: *Piper nigrum L*

Họ Hồ tiêu (*Piperaceae*)

Bộ phận dùng: quả, có hai loại.

- Hắc bồ tiêu là loại quả chưa chín hẳn, phai khô, vỏ rắn, màu đen, thơm, ít cay, không nát vụn, ngọt là tốt.
- Hạt tiêu sọ hay hạt tiêu trắng (bạch hạt tiêu) là loại quả chín, bỏ vỏ đen ngoài, màu trắng ngà hay xám, ít nhân nhèo, ít thơm, cay nhiều, không nát vụn, ngọt là tốt. Có người cho là hạt tiêu sọ tốt hơn hạt tiêu đen.

Tính vị, quy kinh: vị cay, tính đại ôn; vào hai kinh: vị và đại tràng.

Tác dụng: ôn trung tiêu, hạ khí tiêu痞, kích thích tiêu hoá dùng để phát tán phong hàn, ăn không tiêu, đau bụng do lạnh. Không dùng cho người âm hư hoá vượng.

Cách bào chế: dùng thuốc kiêng phẩm lùn, cho vào thuốc thang thì tán dập, làm viên thì tán bột mịn.

Việt Nam: sắng bò tạp chất, giã dập hay tán bột làm viên.

Bảo quản: để nơi khô, kín, tránh nóng ẩm.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Nguyên tên là thực tiêu vị lá và quả đều thơm. Thủ sẵn xuất ở Tây Xuyên nên gọi là xuyên tiêu".

Sách Bản thảo kinh sơ ghi: "Xuyên tiêu vị cay ấm, chữa vị hàn, làm ấm tâm phế".

Sách Lý Thời Trân ghi: "Xuyên tiêu chữa hết khí lạnh, trừ phong thấp, khói uất kết, thông tam tiêu, tiêu cầm, ấm tỳ vị, bổ menses mòn, chỉ tái".

Sách Biệt lục ghi: "Xuyên tiêu trừ khí lạnh, tan phong hàn, khôi phu thông, trừ sán do ăn gỏi, thông huyết mạch, bén rãnh, tốt tóc, sáng mắt".

Sách Chu gia bản thảo ghi: "Xuyên tiêu phá bệnh hàn kết, trừ bệnh thời khí, phụ nữ dễ kháng thông huyết, khôi nán ọc, bớt dài rất, khôi mổ hối trộm, cung gần cắt".

Thảo sản: hạt tiêu có ở Từ Xuyên, Thiểm Tây, Việt An. Hồ tiêu ở Sơn Đông có mùi thơm dịu.

Các thứ sản xuất ở Quảng Đông, Bắc Giang, An Đức, Thanh Viễn, Đài Loan, Dương Sơn, Thanh Liêm thì gọi là hoa tiêu.

### Bài thuốc có hồ tiêu

*Bài Ký tiêu lịch hoàng hoàn (Kim quý yếu lược)*

Phong kỷ	40g	Hồ tiêu	40g
Dại hoàng	40g	Dinh lich	40g

Tán bột, uống ngày 16g

Tác dụng: chữa痞, ẩm, sỏi bụng, đầy bụng, phù thũng.

### HOẮC HƯƠNG (liên chi thảo)

Tên khoa học: *Pogostemon cablin* (Blanco) Benth

Họ Hoa môi *Lamiaceae* (*Labiatae*)

Bộ phận dùng: cành và lá hoa, bò rẽ. Chọn lá tía mùi thơm, khô, tránh lá mốc sâu mọt; lá trắng ít thơm lá kém.

Cản phân biệt với cây thổ huốc hương tên khoa học *Agastache rugosao* (Fisch et Mey O.kuntręb) họ Hoa môi, giá trị kém. Lá cây hoắc hương có răng cưa hình tròn, thân hình trụ vuông, cành hơi cong, lá cây thổ huốc hương có hình tam giác, răng cưa nhỏ.

Tinh vị, quy kinh: vị cay, tinh ấm; vào ba kinh: tỳ, vị và phế.

Tác dụng: ôn trung, hòa vị, tinh tỳ, phát hàn, thường dùng chữa trong hoắc loạn, kích thích tiêu hóa, chữa cảm mạo, hơi thở hôi.

Không dùng: người âm hư không có thấp, ướt nhiệt ở vị trường không dùng.

Cách bảo chế: rửa sạch, thái nhỏ, phơi khô trong ám can.

Bảo quản: đựng trong lọ kín, để nơi cao, tránh nóng, ẩm.

Chú ý: hoắc hương cảnh hơi cong ngoài có lông to, giòn, dễ gãy, mặt gãy thấy không rõ, cảnh non hình trụ vuông, cảnh già hình trụ tròn, trên có phủ lớp bần màu nâu xám, là mọc đối, là mọc một khóm nhau nát, độ ẩm không quá 12%, tỷ lệ vụn nát không quá 10%, tạp chất không quá 1%.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Hoắc hương vị cay, tinh ấm".

Sách Bản thảo cầu chân: "Hoắc hương khí vị thơm ngọt, thanh giải tỳ vị, tiêu trừ ợ khí, chữa đau hoắc loạn, nôn ợ".

Thổ sản: Quảng Đông, Phiên Ngung, Bảo Cường là tốt.

### Các bài thuốc có hoắc hương

#### Bài Đại thát khí tán thang (Tế sinh)

Hoắc hương	30g	Cam thảo	.	30g
Nga truật	30g	Thanh bì		30g
Nhục quế	30g	Mộc hương		30g
Trần bì	30g	Tam láng		30g
Ích chi nhân	30g	Cát cánh		30g

Tất cả tán bột, liều dùng mỗi lần 20g

Tác dụng: hành trệ, tiêu tích phá khí, công kết, phụ nữ bị trung hàn, thai chất lưu.

### Bài Hoắc hương khí tân (Ấu ấu tu tri)

Hoắc hương	Hương phụ	Chích thảo
Mộc hương	Nhân sâm	Quất bì

Liều hàng nhau, tân bột, mỗi lần uống 8g.

Tác dụng: chữa đầy trưởng, ăn không tiêu.

### Bài Hoắc hương an vị tân (Nghiêm phương)

Hoắc hương	Dinh hương
Nhân trần	Trần bì

Liều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa nôn mửa do hàn.

### Bài Hoắc hương chính khí tân (Cục phương)

Hoắc hương	120	Tô tử	120g
Cát cánh	120g	Bạch linh	120g
Bạch truật	80g	Đại phúc bì	120g
Hậu phác	80g	Trần bì	80g
Cam thảo	40g		

Tân bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa sốt, đầy ngực, sợ lạnh, ỉa chảy, cảm thử thấp.

### Bài Hoắc hương chính khí thang (Lý Dông Viễn)

Hoắc hương	12g	TinODE	8g
Cam thảo	4g	Phật linh	12g
Bạch chỉ	4g	Đại phúc bì	8g
Bản hạ	12g	Bạch truật	8g
Đại táo	3 quả	Sinh khương	3 lát

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đau bụng do lạnh, cảm thử thấp.

#### Bài Hoắc hương đương vị thang (Nghiêm phuông)

Hoắc hương	Bạch truật	Phục thần
Cam thảo	Sả nhân	Nhân sâm
Trúc nhũ	Phục linh	Ngưu tất
Ý dĩ	Bản hạ	Dai táo
Sinh khương	Ô được	

Liều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: ôn tỳ, chữa cảm lạnh vào tỳ vị.

#### Bài Hoắc hương thang (540 bài thuốc đông y)

Hoắc hương	12g	Hương phụ	6g
Gừng sống	3liit	Cam thảo	4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa cò thai nôn mửa.

#### Bài Hoắc pháp hổ linh thang (Cầm chêng tập yếu)

Hoắc hương	12g	Trạch tả	4g
Tru linh	8g	Bản hạ	8g
Xích linh	8g	Bạch đậu khấu	4g
Đậu xí	12g	Hậu phác	6g
Ý dĩ	16g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thấp nhiệt, phản kháng nặng gây sốt, sốt chiếu, sợ lạnh, đau trường nặng, không muốn ăn, buồn nôn, khát không muốn uống.

Dây lô bài Tam nhán thang bổ hoạt thạch, thông thảo, trĩa diệp, thêm các vị hoắc hương, trạch tả, trư linh.

#### Bài Ký thu hoắc hương hoà tan (Y tông kim giám)

Hoắc hương 320g, tán bột, trộn mặt lợn làm viên, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa mồi cháy nước hôi.

#### Bài Lời thí tuyển thảo mổ nguyên pháp (Thời bệnh luận)

Hoắc hương	4g	Cam thảo	4g
Thảo quả	3,2g	Sinh khương	3 lát
Hoàng cầm	4g	Bình lang	6g
Hậu phác	4g	Bản bạ chế	6g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thấp tà ở trực ở mổ nguyên (hàn biểu hàn lý), rát nhiều mòng ứ, tay chân nặng, bụng đầy, nôn mửa.

#### Bài Lợi cách hoàn (Thẩm thí tồn sinh)

Hoắc hương	40g	Tần lang	30g
Đại hoàng	80g	Chi thực	40g
Nhân sâm	40g	Hậu phác	80g
Mộc hương	40g	Dương quy	40g
Cam thảo	40g		

Tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa âm thịnh.

## HOÀI SƠN (củ mài, sơn dược)

Tên khoa học: *Dioscorea persimilis* Prain et Burk  
Họ Củ nâu (*Dioscoreaceae*)

Bộ phận dùng: củ. Chọn củ khô, to, dài đã tróc hết vỏ, nặng, mịn, không thô, không mốc mọt là tốt.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, bình tính; vào bốn kinh: tỳ, vị, phế và thận.

Tác dụng: bổ hư, ích thận, ích tâm phế. Dùng sống chữa hạch đốm, thận hư ỉa chảy do hàn thấp; dùng chín: chữa tỳ vị hư. Không nên dùng cho người có thực tà, thấp nhiệt.

Bào chế (theo Trung y): rửa sạch, ủ hoặc đồ cho mềm, thái lát dùng sống hoặc sao với cám. Cũng có thể sau rửa sạch ngâm 1-2 giờ ủ một đêm, đồ lên, thái mỏng, phơi khô hoặc dùng cám đồ vào cùng sao với hoài sơn, khi hoài sơn vàng đều, rây bỏ cám.

Bảo quản: lọ kín, có thể sấy hơi diêm sinh, thịnh thoáng kiểm tra, phòng mốc mọt.

Sách Y dược cầu nguyên ghi: "Nguyên tên là thụ dự, tục gọi là hoài sơn".

Tính vị: sơn dược vị ngọt, tính ấm, bổ tỳ, nhuận phế.

Sách Bản thảo cương mục ghi: "Sơn dược mạnh tỳ vị, mát da thịt, tiêu đờm, khôi tả ly".

Sách Trần Tu Viên ghi: "Sơn dược bổ thận, kiện tinh, sảng tai mắt".

Thổ sản: ở các huyện Hoài Khánh, Vũ Thiệp, Ôn Mạch, Tầm Dương, thuộc tỉnh Hà Nam là tốt.

## Các bài thuốc có hoài sơn

### Bài Diện thổ thang (Biện chứng kỳ vân)

Hoài sơn	16g	Phà cổ chi	8g
Sa nhân	4g	Phụ tử chế	4g
Bạch truật	16g	La bạc tử	8g
Bản hạ chế	8g	Nhân sâm	8g
Phục linh	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ỉ chảy do tỳ vị hư.

### Bài Điều can thang (Nghiệm phương)

Hoài sơn	Bạch thuyế	A giao
Dương quy	Sơn thù	Ba kích
Cam thảo		

Liều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa đau bụng sau hành kinh.

### Bài Hoàn đai thang (Vạn bệnh hồi xuân)

Hoài sơn	Bạch thuyế	Bạch truật
Trần bì	Cam thảo	Xà tiền tử
Sài hô	Nhân sâm	Thường truật

Liều đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa đái họ (huyết trắng).

### Bài Hoàn thiếu đơn hay Chân nhân hoàn thiếu đơn (Đương thi)

Hoài sơn	Sơn thù	Bà kích
Thục địa	Nghu tái	Thung dung
Xương bồ	Tiểu hồi	
Phục linh bồ lôi tẩm sữa		
Viễn chí ngâm cam thảo		

Liều như nhau 40g, tán bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: đại bổ tâm, tỳ, thận, vị, tinh huyết thiếu, tinh dịch không cầm, ăn uống không tiêu, mồ hôi trộm, răng sưng đau.

### Bài Hoạt thai tiễn (Thẩm thị tồn sinh)

Sơn dược	8g	Xuyên khung	2,8g
Dđ trọng	8g	Dương quy	20g
Thục địa	12g	Chí xác	2,8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thai không ra.

Trong Tụp thảo lương mô Lê Hữu Trác ghi uống lúc sắp sinh để đỡ đẻ.

## HOÀNG BÁ

Tên khoa học: *Phellodendron amurense Rupr*

Họ Cam quýt (Rutaceae)

Bộ phận dùng: vỏ cây hoàng bá; phần ngoài sắc vàng nâu, có nhiều đường nứt nẻ; phần trong vàng sáng trên, bóng. Chọn loại vỏ dày, rộng bán là tốt. Cán phân biệt với vỏ cây núc nác gọi là nam hoàng bá, tên khoa học là *Oroxylum indicum* (L.), Vent.

(Bignonia indica L., Calosanthes indica Blume), họ Chùm ớt (Bignoniaceae), vỏ mỏng, vàng nhạt, không bóng.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, tính lạnh; vào hai kinh: thận và bàng quang.

Tác dụng: thanh nhiệt ở hạ tiêu, tả tường hoả thường dùng thanh nhiệt, chữa lỵ, ỉa chảy, hoảng đảm, xích bạch đái.

Tẩm rượu sao để chữa đau mắt đỏ, miệng lở loét; sao cháy tác dụng lương huyết chỉ huyết.

Kiêng kỵ: không dùng khi không phải thực hoả hoặc tỳ hư, ỉa chảy phân sống, ăn kém.

Bảo chế (theo Trung y - Lý Thời Trân): hoảng bá tính lạnh mà châm, dùng sống tả thực hoả, dùng chín không hại da dày, chế rượu chữa bệnh thương tiêu, chế muối chữa ở hạ tiêu, chế với mật chữa ở trung tiêu. Ô ta thường lấy vỏ rửa sạch, thái miếng phơi khô là dùng sống; tẩm rượu sao vàng là dùng chín, có thể sao cháy (cầm máu).

Bảo quản: đặt trong hộp kín, khô, tránh ẩm, phòng mốc mọt, biến màu.

### Các bài thuốc có hoàng bá

#### *Bài Hoàng kim tán (Chứng trị chuẩn thẳng)*

Hoàng bá            40g

Cam thảo            40g

Tán bột, uống ngày 12g.

Tác dụng: chữa miệng lở uất, đậu, ghé lở, mắt kéo mảng.

#### *Bài Hoàng bá hoàn (Tiền th)j*

Hoàng bá            20g

Xích thược          16g

Tán bột, viên nhô, ngày uống 6g.

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ kiết lỵ.

#### Bài Hoàng nghiệm hoán (Thẩm thị tân sinh)

Hoàng bá tán bột viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: thanh hú hoại, bài chảy máu.

#### Bài Hoàng nghiệm tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Hoàng bá

Hoạt thạch

Võ trống gà

Phac tiêu

Dại hoàng

Lương bằng nhau, tán bột, bài nới tốn thương.

Tác dụng: chữa bong.

#### Bài Hoàng bồ thang (Thiên kim) - Hoàng nghiệm thang

Hoàng bá

Mẫu lệ

Bạch đầu ông

Tè giác

Hoàng cầm

Ngải diệp

Tháng ma

Tang kỳ sinh

Cam thảo

Bạch biến đậu

Hoàng liên

Lิều đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa trẻ bị lỵ nặng, phân nhầy máu mũi.

#### Bài Ich bôn tư thận hoán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Hoàng bá ngâm rượu sao

Trị mẫu ngâm rượu sao

Lương bằng nhau, làm viên, mỗi ngày uống 12g, uống với nước nóng pha muối.

Tác dụng: tư bổ thận âm.

### Bài Kim hoa thang (Chứng trị chuẩn thường)

Hoàng liên

Hoàng bá

Hoàng cầm

Lượng bằng nhau đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa nhiệt độc thấp ở trong.

Bài này tên khác là Tam hoàng.

### Bài Ngàn hồi tinh vị (Chứng trị chuẩn thường)

Hoàng bá	12g	Sinh địa	12g
Một thông	12g	Trĩ mẫu	12g
Cam thảo	12g	Chi tử	12g

Tân bột, mỗi lần uống 12g, ngày uống 2 lần.

Tác dụng: chữa đau mắt cấp.

## HOÀNG CẨM

Tên khoa học: *Scutellaria baicalensis Georg*

Họ Hoa môi (*Labiatae*)

Bộ phận dùng: rễ. Có hai loại rễ:

Loại khô cầm là loại rễ già, trong hồng, ngoài vàng.

Loại tiêu cầm là rễ non, giữa cứng chắc mịn, ngoài vàng trong xanh và vàng.

Chọn loại rễ ta hơn ngón tay là tốt.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, tính lạnh; vào kinh: tâm, phổi, đại tràng, tiêu tràng, can và đờm.

**Tác dụng:** thanh nhiệt trừ hoà, thanh thấp nhiệt, tá hoả, chữa cảm mạo, hoảng đầm. Không dùng cho người tỳ vị hư hàn không thấp nhiệt, không phải là thực hoà.

**Bảo chế** (theo Trung y): sao rượu có tác dụng ở phía trên, tẩm mật lợn sao, tác dụng trừ hoà ở can thận. Ô ta lấy khô cùm bỏ đầu, bỏ ruột đen, rửa sạch, ú kin một đêm cho mềm, thái mỏng 2 ly phơi khô (dùng sống). Nếu tẩm rượu 2 giờ, sau qua là dùng chín.

**Bảo quản:** để nơi khô ráo, tránh ẩm, để mốc mọt.

### Các bài thuốc có hoàng cầm

#### *Bài Hoàng cầm tá phế thang* (Trường thi y thông)

Hoàng cầm	Liền kiều	Cát cánh
Bạc hà	Chi xác	Hạnh nhân
Dại hoàng	Cam thảo	

Liều đều 12g, sắc uống.

**Tác dụng:** chữa phổi nhiệt do suyễn, đại tiểu tiện bí.

#### *Bài Hoàng cầm tán* (Thiên kim)

Hoàng cầm	20g	Mẫu lệ	80g
Trần bì	80g	Dương quỳ	20g
Dạ dày nhím	20g	Xích thược	20g
Hó âm hành	1 cái		

Tán bột, uống ngày 12g.

**Tác dụng:** chữa sa tử cung.

#### *Bài Hoàng cầm tán* (Dương thi)

Hoàng cầm	Mạch môn
Liền kiều	

Láu bàng nhau, tán bột, ngày uống 24g với nước nóng.

Tác dụng: sau sinh mất máu khát nước, uống liên tục.

#### Bài Hoàng cầm tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Hoàng cầm ngâm rượu 3 ngày. Tán bột, ngày uống 6g.

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ ho.

#### Bài Hoàng cầm thang (Thương hàn luận)

Hoàng cầm	12g	Cam thảo	8g
-----------	-----	----------	----

Dai táo	3 trái	Bạch thuật	8g
---------	--------	------------	----

Sắc uống.

Tác dụng: chữa bệnh ở trường vị, đau cổ họng, ly trực khuẩn, đau bụng.

#### Bài Hoàng cầm thang (Cổ kim lục nghiệm phái)

Hoàng cầm	12g	Hoàng liên	12g
-----------	-----	------------	-----

Xuyên khung	12g	Phản thạch	2g
-------------	-----	------------	----

Dại hoàng	6g	Hàng hoàng	1g
-----------	----	------------	----

Dương quy	16g		
-----------	-----	--	--

Sắc uống.

Tác dụng: chữa âm đạo lở ngứa.

#### Bài Hoàng cầm thanh phế đàm (Thẩm thị tên sinh)

Bạc hà	1,2g	Hồng hoa	4g
--------	------	----------	----

Liền kiều	4g	Phong phong	4g
-----------	----	-------------	----

Thiên hoa phấn	4g	Cát cẩn	4g
----------------	----	---------	----

Sinh địa	4g	Hoàng cầm	4g
----------	----	-----------	----

Xích thược	4g	Dương quy	8g
------------	----	-----------	----

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phế âm hư, khát mà tiểu bổ.

*Bài Hoàng cầm thược dược thang (Kim quỳ yếu huyệt)*

Hoàng cầm	8g	Cam thảo	4g
Bạch thược	24g		

Sắc uống.

Tác dụng: hay giận dữ quá, là phản mâu

*Bài Hoàng cầm tri mâu thang (Y huyệt giải kim)*

Hoàng cầm	Chi tử	Cát cánh
Hạnh nhân	Tri mâu	Tung bạch bì
Thiên hoa phryn		

Lิều đều 4g, sắc uống.

Tác dụng: chữa ngạt tắc mũi do nhiệt.

*Bài Hoàng cầm tử vật thang (Chứng trị chuẩn thẳng)*

Hoàng cầm	12g	Huyền sâm	10g
Dương quy	20g	Hà thủ ô	10g
Bạc hà	8g	Xích thược	20g
Cam thảo	24g	Thảo ô	20g
Thực địa	20g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa mụn nhọt, đơn độc, hắc lão.

*Bài Hoàng liên tán (Vệ sinh bảo gián)*

Hoàng cầm	40g	Hoàng liên	80g
Dại hoàng	80g	Chích thảo	40g

Tân, ngày uống 16g với nước.

Tác dụng: chữa hoảng đầm, tiểu bí.

#### Bài Hoàng cầm thang (Ngoại dái bí yếu)

Hoàng cầm	12g	Bản bạ	20g
Nhân sâm	12g	Quốc chi	20g
Đại hoàng	12 quả	Cam khuynh	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa nôn khan, kiết lỵ.

#### Bài Hoàng cầm thang (Giản dị)

Hoàng cầm 12g

Sắc uống với nước sương và rượu.

Tác dụng: chữa chứng hắc thay đổi thời tiết là chảy máu cam, chảy máu chân răng.

#### Bài Hoàng cầm thang (Đông Bích Sơn)

Hoàng cầm	Dương quy	Mộc thông
Chi xá	Nhân sâm	Xích thược
Sinh địa	Hoàng liên	

Lau đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: thanh nhiệt lương huyết.

#### Bài Hoàng cầm thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Hoàng cầm	Mạch môn	Mộc thông
Chi tử	Chích thảo	Đại hoàng
Trạch tả	Sinh địa	

Lượng bằng nhau đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa lở miệng, phiến khát, tiểu tiện không lợi.

#### Bài Hoàng cầm thang (Chứng trị chuẩn thường)

Hoàng cầm	20g	Bạch truật	20g
Dương quy	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thai khí không yên.

#### Bài Hoàng cầm thang (Ý tống kim giảm)

Hoàng cầm	8g	Bạc hà	4g
Mạch môn	4g	Cam thảo	4g
Kinh giới	4g	Cát cánh	4g
Tang bạch bì	4g	Chi tử	6g
Liên kiều	4g	Xích thược	4g

Sắc uống.

Tác dụng: mũi lò ngứa, kinh phế ứ nhiệt.

#### Bài Hoàng cầm thang phế ứ (Chứng trị chuẩn thường)

Chi tử	20g
Hoàng cầm	10g

Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa tiểu đục, phế ứn hư, khát.

#### Bài Hoa long tán gia vị (Thiền gia diệu phương)

Hoàng cầm	4.5g	Sài hô	3g
Tiểu hồi	9g	Xuyên luyễn tử	9g
Nghỉ diệp	4.5g		

Tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: hoá thấp nhiệt, chữa viêm túi mật.

#### *Bài Hoắc thảo cỏ dàm thang (Chứng trị chuẩn thẳng)*

Hoắc cám

Cam thảo

Trí mẫu

Thạch cao

Quan lâm

Bối mẫu

Chi tử

Liều đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa ho do nhiệt, không có đàm.

#### *Bài Hoàng cầm bạch truật thang (Y tông kim giám)*

Hoàng cầm

40g

Bạch truật

40g

Móng chân lợn

40g

Cho 400ml rượu + 40ml nước sắc cồn 200ml, bỏ bã chia 2 lần uống.

Tác dụng: chữa thai chết lưu.

#### *Bài Hoàng cầm bạch truật thang (Nghiêm phuqing)*

Hoàng cầm (diều cầm) 20g

Bạch truật

20g

Tô diệp

10g

Gừng sống

3 lát

Sắc uống.

Tác dụng: chữa cổ thai bị cảm thấp khí.

#### *Bài Hoàng cầm bán hạ thang (Mộng trung giác đầu)*

Hoàng cầm

Hạnh nhân

Chi xá

Tô tử

Bán hạ

Cam thảo

Đại táo 3 quả

Ma hoàng

Sinh khương 3 lát

Các vị lượng bằng nhau đều là xác với sinh khung và đại tảo.

The dung: chứa đậu mè mọc không phát ra dưa

#### Bài Hát về cảm giác sinh khát trong tháng (Thím thí tên sinh)

Hồng cam	Cam thảo	Bạch thuya
Dai tako	Sinh khương	

Làm đều 12p, nhẹ uống.

Tác dụng: chữa sốt rét thể ôn nguyệt (móng nhiều hơn rét).

#### Bài Hướng dẫn lực lượng tham (Nghiêm phong)

Hàng cầm	Bach thuoc	Thực địa
Dương nam	Bach truat	Xuyên khang

Lábu dřív 12e, skle uříne.

Tác dụng: Bổ béo khí huyết. Ăn nhiều mà có thể vẫn yếu

#### Bài 4: Luyện cách trao đổi trong kinh doanh

Hoàng cấm	Tri mâu	Chi tử
Dại hoàng	Mang tiêu	Xà tiền tử
Hắc sâm 6g	Sung uỷ tử	

Lâu đài 4g, tám bát, ngày uống 12g.

Tác dụng: mát津, mát sưng đau

Bài Lecture với tên: Mô hình trung gian đầu

Hỗn hợp	2g	Phát tiêu	1g
Lá tre	2g	Đại hoàng	2g
Bạc hà	2g	Cam thảo	6g
Sơn chi	2g	Liên kiều	4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ bị sốt, sốt cao, đau họng.

#### Bài Lương cách thang (Cục phương)

Hoàng cầm	8g	Sơn chi	8g
Bạc hà	12g	Liền kiều	12g
Mùng tiêu	4g	Dại hoàng	10g
Cam thảo	4g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa nóng sốt phiến táo, nôn mửa, đại tiện bí, chảy máu mũi.

#### Bài Lương cách tán (Thẩm thị tân sinh)

Hoàng cầm	Cam thảo	Thiên hoa phấn
Kinh giới	Cát cánh	Phổng phong
Xích thược	Sơn tra	Chi xác

Liệu đều 12g, tán bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa thực hoà, đau do nhiệt.

#### Bài Lương cách thanh tỳ ấm (Thẩm thị dae hàn)

Hoàng cầm	4g	Xích thược	4g
Phổng phong	4g	Cam thảo	2g
Thạch cao	4g	Liền kiều	4g
Hoa kinh giới	4g	Bạc hà	4g
Sinh địa	4g	Chi tử	4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa mắt sưng đau do nhiễm độc.

## Bài Lát mèo thang (Y phương ca quát)

Hoàng cầm	Chi tử	Mang tiêu
Dại hoàng	Thạch cao	Bạc hà
Cam thảo	Lô hàn kiều	

Lô hàn kiều, sắc uống.

Tác dụng: hàn khô môi lòi.

## HOÀNG KÝ

Tên khoa học: *Radix Astragali*

Họ Đậu (Fabaceae)

Bộ phận dùng: rễ. Chọn rễ to mập, bằng ngón tay, nhiều thịt, ít xơ, dài bền, ruột vàng. Phân biệt loại vỏ đen là hắc ký ruột màu vàng, loại non, nhiều hột không xơ là thứ tốt nhất. Cảnh giác với hoàng ký rỗm vỏ nhuộm đen, rửa là hết màu.

Ô ta nhập hoàng ký của Trung Quốc, Mông Cổ... chất lượng cũng khác nhau.

Tinh vị, quy kinh: vị ngọt, tính ấm; vào hai kinh: phế và tỳ.

Tác dụng: trị khí, cổ vệ; dùng sống có tác dụng cổ biếu, lợi tiểu, chữa tiêu khát, dài đục, dài buốt, giải nhiệt, giải độc, chữa lở loét vết thương lâu liền; nấu sao tắm: bổ khí huyết, bổ tỳ vị. Không nên dùng cho người bị ngoại cảm, tích trệ.

Bảo chố (theo Lôi Công): rửa sạch, cắt bỏ đầu, đập lén, rửa ngay, tước ra sợi, để lén mặt dù, dập dập hoặc dập dập tấm mặt, nướng (3 lần); có khi tắm muối, đổ chín (Lý Thời Trân). Có nơi rửa sạch hoàng ký à mềm vita, thái mỏng phơi hay sấy khô để dùng sống. Nếu tắm mặt sao thì trước đó dập nát, tước nhò ngâm mặt rồi sao. Có thể ngâm mặt ống lõang 2-3 ngày, sau đó cuốn giấy bẩn vùi vào tro nóng hoặc sao vàng.

Bảo quản: để nơi khô ráo, (để tắm mặt không để được lâu).

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Hoàng kỳ chất ngọt, tính hơi ôn hoà".

Sách Bản kinh ghi: "Hoàng kỳ chữa cho trẻ hàng trăm chứng bệnh, chữa ung thư, nhiệt độc, bệnh dò, trĩ, bổ hư lão".

Sách Biệt lục ghi: "Hoàng kỳ lợi tinh, ích khí, khôi khát, khai đau bụng, tả, ly, chữa phụ nữ bị phong nhiệt làm ác huyết & dụng trong tang phủ, phòng dục độ, gây yếu lão tốn, mau bình phục".

Sách Trương Trọng Cảnh ghi: "Hoàng kỳ chữa thuỷ thũng ngoài da, mồ hôi vàng, mồ hôi trộm, sẩn ngứa khó chịu".

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Hoàng kỳ phải tắm với mật rồi nướng kỹ".

Thổ sản: hoàng kỳ sản xuất ở Lũng Tây, Quan Đồng, Ninh Cô Tháp, Y Lá, Cát Lâm, Tam Tinh thuộc Đông Bắc Trung Quốc.

Thủ súng khẩu kỹ do Sơn Tây, Giải Cận Dương, Cao Huyện, các thủ trên gọi là bắc kỹ.

Thủ súng xuất tại Từ Xuyên, Bích Giang, Văn Huyện, Quản Huyện, Giang Du huyện gọi chung là xuyên kỹ hay tần kỹ. Còn loại sản xuất ở Sơn Tây, Đại Đồng, Thiểm Tây, Mân Huyện và dày sicc trắng gọi là vù châu kỹ.

### Các bài thuốc có hoàng kỳ

*Bài Ký phi thang (Móng trung giải đờ)*

Hoàng kỳ

Phụ tử nướng

Lượng bằng nhau đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa vong dương, mạch truy.

*Bài Hoàng kỳ ngũ vật thang* (giảm hay Ký vật quế chi thang) (Y phuông cao quý)

Hoàng kỳ	Bạch linh	Quế chi
Thần khúc	Khương hoạt	Bạch thược
Thiên ma	Gừng sống	Dại táo

Lิều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa tê thấp.

*Bài Hoàng kỳ bạch thược quế chi kha tử thang* (Kim quỹ yêu lược)

Hoàng kỳ	20g	Quế chi	12g
Bạch thược	12g		

Sắc uống với nước kha tử.

Tác dụng: chữa chứng mồ hôi màu vàng (hoang hàn), phù toэн thận, khát.

*Bài Hoàng kỳ bạch thược thang* (Lý Đông Viên)

Hoàng kỳ	20g	Cát cát	12g
Thăng ma	12g	Bạch thược	8g
Cam thảo phấn	8g	Khương hoạt	12g

Sắc uống.

Tác dụng: thang dương, tư âm, chữa chảy máu mũi, da mặt vàng, mắt khô, chì trên tê dai.

*Bài Hoàng kỳ bổ khí thang* (Phó Thành Chủ)

Hoàng kỳ sống	20g	Nhục quế	8g
Dương quy	20g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phụ nữ bị hàn ở hiếu, đau bụng, đẻ non.

### Bài Hoàng kỳ bổ trung thang (Lý Đồng Viên)

Hoàng kỳ	8g	Bạch truật	4g
Phục linh	2g	Trần bì	4g
Thương truật	4g	Nhân sâm	8g
Trù linh	3g	Trạch tả	2g

Sắc uống.

Tác dụng: kiện tỳ, bổ trung.

### Bài Hoàng kỳ bổ vị thang (Lý Đồng Viên)

Hoàng kỳ	Cảo bần	Sài hồ
Liên hoa	Thanh hí	Dâu khấu
Mộc hương	Thăng ma	Quất bì
Hoàng bá	Dương quỳ	Bạch chỉ
Cam thảo		

Liều đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: ôn vị, trừ hàn.

### Bài Hoàng kỳ cam thảo thang (Thiền gia diệu phuông)

Hoàng kỳ	30g	Tri mẫu	8g
Nhục quế	6g	Hoàng bá	6g
Cam thảo	10g		

Sắc uống.

Tác dụng: tư thận thông quan.

### Bài Hoàng kỳ chử tần (Chứng trị chuẩn thẳng)

Hoàng kỳ	40g	Bạch thược	20g
Cam thảo	20g	Molt giáp	40g

Bạch linh	20g	Mộc môn	20g
Dương quy	20g	Nghu tất	30g
Tang kỵ sinh	20g	Thực địa	20g
Nhân sâm	20g	Quả tám	20g

Tân bột, ngày uống 40g với nước sắc sinh khung, đại táo.

Tác dụng: chữa sau sinh bị chùng nhục lão (teo cơ) da xanh, tím phẳng, đau đầu, toy chân tê đau.

#### *Bài Hoàng kỳ hoà trung thang (Nghiêm phương)*

Hoàng kỳ	Thắng ma	Sài hô
Bạch truật	Nhân sâm	Xuyên khung
Bạch thược	Tế tần	Đại tần
Chích thảo	Quy thận	

Liều đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa đau đầu do dương không thăng lên, số giò, mạch huyền tê.

#### *Bài Hoàng kỳ hoàn (Cục phương)*

Hoàng kỳ	40g	Hồi hương	40g
Dịa long	40g	Ô được	20g
Phong phong	40g	Tật lè	40g
Xuyên huyền tú	40g	Xích tiểu đậu	40g

Tân bột, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa hai chân và gối bị ghê lò mồi phát.

#### *Bài Hoàng kỳ ích trí thang (Chứng trị chuẩn thang)*

Hoàng kỳ	12g	Bạch phục linh	8g
----------	-----	----------------	----

Bạch thược	8g	Nhân sâm	4g
Hoàng liên	4g	Chích thảo	6g
Trần bì	8g		

Sắc uống, ngày uống chia 2 lần.

Tác dụng: vị hàn phong nhiệt, đau dây thượng vị, cảm giác nóng rát.

#### *Bài Hoàng kỳ kiện trung thang (Kim quỹ yếu lược)*

Hoàng kỳ	12g	Đi đường	40g
Dại táo	4 quả	Bạch thược	16g
Chích thảo	8g	Sinh khương	12g
Quả chỉ	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: ôn trung, bổ tỳ, vị hàn hàn, có thể suy nhược.

#### *Bài Hoàng kỳ lục nhất thang (Cục phương)*

Hoàng kỳ nửa sống nửa chín	48g
Cam thảo nửa sống nửa chín	8g
Hoạt thạch	24g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa hàn lao nhọc, da vàng, tự ra mồ hôi, mệt nhợt.

#### *Bài Hoàng kỳ ngũ vịt thang (Kim quỹ yếu lược)*

Hoàng kỳ	12g	Dại táo	12g
Bạch thược	12g	Quả chỉ	12g
Sinh khương	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa âm dương đều yếu.

*Bài Hoàng kỳ nhân sâm thang* (Trung y học khái luận)

Bạch truật	Hoàng bá	Thần khúc
Thương truật	Hoàng kỳ	Ngũ vị
Nhân sâm	Thăng ma	Dương quy

Lิều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa mồ hôi tự ra, đau đầu, đầy ngực.

*Bài Hoàng kỳ nội thất tán* (Y tông kim giám)

Hoàng kỳ	8g	Chích thảo	2g
Táo gián	4g	Kim ngân	4g
Trạch tả	2g	Thiên hoa phấn	4g
Dương quy	8g	Xuyên khung	8g
Bạch truật	4g		

Tán bột, ngày uống 20g.

Tác dụng: nhiễm trùng đường ruột, phổi thông.

*Bài Hoàng kỳ phong kỷ thang* (Kim quỹ yếu lược)

Hoàng kỳ	20g	Phong kỷ	20g
Táo	3 quả	Sinh khương	3 lát
Cam thảo nướng	12g	Bạch truật	20g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phong thủy thấp, đau các khớp, cơ thể phù, sợ gió, mồ hôi tự ra.

### *Bài Hoàng kỳ phong phong ẩm (Chứng trị chuẩn thường)*

Hoàng kỳ	12g	Chích thảo	4g
Cát cánh	6g	Tú tần	6g
Phong phong	8g	Mạn kinh tử	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đau khoé mắt, mắt có mộng, mắt khô, mờ khò.

### *Bài Hoàng kỳ quế chi ngũ vật thang (Kim quỹ yếu lược)*

Hoàng kỳ	Dại táo	Quế chi
Thuốc được	Sinh khương	

Liều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa tay chân tê dại (huyết tý).

### *Bài Hoàng kỳ tán (Tiền ết)*

Hoàng kỳ	Sinh địa
Mẫu lệ	

Lượng bằng nhau, tán bột, mỗi ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa hú nhiệt, mồ hôi trộm.

### *Bài Hoàng kỳ tán (Thái bình thành huệ phương)*

Hoàng kỳ	Chích thảo	Sài hô
Dại cốt	Mạch môn	Sinh địa
Xích linh	Đương quy	Nhân sâm
Hoàng cầm		

Liều bằng nhau, tán bột, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa phụ nữ nhiệt lao gầy ốm.

### Bài Hoàng kỳ tân (Chứng trị chuẩn thẳng)

Hoàng kỳ	Chi tử	Huyền sâm
Ngưu bàng	Hoàng cầm	Cam thảo
Mạch môn	Tần lang	Tè tùng
Xích phục linh	Thăng ma	

Liều bằng nhau, tán bột, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa họng lò xoát, đau.

### Bài Hoàng kỳ tân (Chứng trị chuẩn thẳng)

Hoàng kỳ	Cam thảo	Thực địa
Phổng phong	Bạch thuật	Dương quy

Liều bằng nhau, tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa phụ nữ khí lạc, cơ thể đau nhức, ra mồ hôi trộm, ngai nói.

### Bài Hoàng kỳ tân (Chứng trị chuẩn thẳng)

Hoàng kỳ	Phục linh	Tiền hồ
Bạch thuật	Mạch môn	Trần bì
Nhân sâm	Xuyên khung	Cam thảo

Liều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: an thai, bòi khí, khai vị, chữa nhau thai không ra.

### Bài Hoàng kỳ tân (Chứng trị chuẩn thẳng)

Hoàng kỳ	Thực địa	Nhân sâm
Bạch linh	Hạnh nhân sao	Thiên ma
Dương quy	Tần yết	Ngưu bàng

Lưu bằng nhau, tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa chứng thận cảm (cam tích do thận), mạn nhẹ  
mưng mù.

#### Bài Hoàng kỳ thang (Chứng trị chuẩn thường)

Hoàng kỳ 20g

Trần bì 20g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa người già bì đại tiện.

#### Bài Hoàng kỳ thang (Y tông kim giám)

Hoàng kỳ 4g Phòng phong 6g

Đại hoàng 4g Cam thảo 2g

Hoàng cầm 4g Phục linh 4g

Dịa cốt bì 4g Sung uỷ tú 8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa hụ nhiệt, mồ hôi trộm, tự hàn.

#### Bài Hoàng kỳ vị nguyên thang (Y tông kim giám)

Hoàng kỳ Nhân sâm Phòng phong

Bạch thuật Chích thảo Hồng hoa

Cát cánh Dương quy

Lưu đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa đau mỏi phắt.

#### Bài Lợi khí tán (Chứng trị chuẩn thường)

Hoàng kỳ Cam thảo

Trần bì

Lượng bằng nhau, tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa người lớn khí hư, tiểu bí.

#### Bài Nội thất hoàng kỳ hoàn (Lạc khoa chuẩn thang)

Lạc lựu	160g	Hoàng kỳ	320g
Mật hương		Dương quy	
Nhục quế		Trầm hương	

Các vị còn lại liều đều 120g, tán bột, trộn nước gừng, làm viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa người bị đâm chém gây tổn thương kinh lạc, máu mũi rỉ rã.

#### Bài Sâm kỳ quy phu cầu thang (Hộn chung kỹ văn)

Dương quy	8g	Nhân sâm	4g
Cam thảo	4g	Thục địa	8g
Nhục quế	4g	Bạch truật	8g
Hoàng kỳ	8g	Bạch thược	8g
Phục linh	8g	Phụ tử	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa u vú.

## HOÀNG LIÊN

Tên khoa học: *Coptis Rhizoma Coptidis*

Họ Mao lương (Ranunculaceae)

Bộ phận dùng: thân, rễ.

Chọn loại rễ to bằng đầu đũa, khúc khuỷu, ít rễ con, nhiều nhánh như bàn chân gà, ngoài vàng sẫm, trong vàng tươi, cứng, chắc, khô, không vụn nát là tốt.

Tinh vị, quy kinh: vị đắng, tính lạnh; vào năm kinh: tâm, can, đờm, vị và đại tràng.

Phân biệt với thô hoàng liên, tên khoa học Thalictrum foliolatum, cũng họ Mao lương, loại này rễ to, vị đắng, tính lạnh; vào sáu kinh: tâm, can, đờm, tỳ, vị và đại tràng.

Tác dụng: thanh hoả trừ thấp, tiêu ứ, chữa đau mắt đỏ. Không dùng cho người tỳ hư, hôi hộp khó ngủ.

Bảo chế (theo Trung y): đé trong túi vải, xát sạch lông già nát. Có thể tắm gừng, rượu, đốt cháy tốn tinh. Có thể cạo lông hoàng liên, tẩm mjn, rửa qua, phơi khô, ngâm rượu 15°.

Ở ta rửa sạch, không ngâm lâu, thái mỏng, phơi trong râm hoặc tắm rượu sao qua.

Bảo quản: để nơi kín, khô ráo, sau bảo chế nên dày kín.

Sách Y được cứu nguyên ghi: "Hoàng liên vị cực đắng, tính cực lạnh, là vị thuốc tả hỏa, dẫn khí mạnh vào tâm".

Sách Bản thảo thông nguyên ghi: "Hoàng liên là vị thuốc chủ trị hoả nhiệt".

Sách Bản thảo bị yếu ghi: "Hoàng liên chữa sảng mắt, lợi gan mật, mắt huyết khối khát, nhuận tràng lợi vị, khởi táo thấp, khởi uất nhiệt, khởi ra mồ hôi trộm, tiêu huyết ứ trong tâm, khởi ứu bụng tả ly, khởi đau bụng, đau tim, các chứng ung thư sưng nhiệt, nọc độc, rượu đờ, thai nhiệt độc".

Nếu là hàn thì cấm không được dùng.

Thổ sản: sản xuất tại Tứ Xuyên, Nhị Châu, Nga Mi Sơn gọi là xuyên liên. Thủ ở Vạn Huyện, Quỳnh Châu, Thiểm Tây, Hán Trung gọi là tây liên. Thủ ở Vân Nam gọi là văn liên.

Thủ củ to sắc nhạt, rỗng ruột gọi là quan liên. Hai thủ xuyên liên và tây liên thì sắc đà mà không rỗng ruột. Thủ già liên có cá cảnh và rễ, gọi là phương vị liên. Đầu củ văn liên gọi là kè cháo liên.

## Các bài thuốc có hoàng liên

### Bài Hoàng liên bì tần (Y tàng kim giám)

Hoàng liên

Hỗn phác

Trần bì

Thương truật

Cát thảo

Liều bằng nhau, tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa rốn chảy nước vàng.

### Bài Hoàng liên cứu khố thang (Thẩm thị tên sinh)

Hoàng cầm

Khương hoạt

Hoàng liên

Cát thảo

Cát cành

Cát cánh

Liên kiều

Kim ngân

Sài hô

Xuyên khung

Thắng ma

Xích thược

Liều đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa phù nề phần sau.

### Bài Hoàng liên đương can hoàng (Cục phương)

Hoàng liên 40g

Gan dê 1 cái

Tán bột, ngày uống 20g

Tác dụng: chữa mắt sưng đau lâu ngày.

### Bài Hoàng liên giải độc thang (Ngoại dài bì yếu)

Hoàng liên

Hoàng bá

Hoàng cầm

Chi tử

Lิều dầu 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa buồn phiến, ngủ không yên, tả hoa giải độc chua lỵ.

#### Bài Dao xích thư khí thang (Ôn bệnh điều bệnh)

Hoàng liên	8g	Hoàng bá	8g
Dại hoàng	12g	Xích thược	12g
Sinh địa	20g	Mang tiêu	4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa sốt, phiến khát, bụng đầy, ấn đau, tiểu đờ, đại huỷ do nhiệt kết ở đại tiêu trường.

#### Bài Hắc tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Hoàng liên	8g	Hoàng bá	8g
Dại hoàng	8g	Hoàng cầm	8g

Sắc uống.

Tác dụng: tả hỏa, thanh nhiệt.

#### Bài Hoa trý hoàn.

Hoàng liên	Thanh bi
Quất hồng	Nga truật
Dinh hương	Bản hạ
Mộc hương	Ba đậu nhân

Líều bằng nhau 10g, tán bột, lấy ó mai nhục hòa dấm nấu cao, hòa các vị trên làm viên.

Tác dụng: chữa tích tụ do khí thũng.

### *Bài Hoàng cầm Hoàng liên thang (Ôm bệnh điểu biến)*

Hoàng cầm	12g	Phục linh	12g
Hoạt thạch	12g	Thông thảo	4g
Tru linh	12g	Bạch khẩu nhén	4g
Dại phúc bì	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đường khát, cơ thể đau (thanh hoá thấp nhiệt).

### *Bài Hoàng liên a giao hoàn (Thié sinh tất dụng)*

Hoàng liên	A giao
Phục linh	

Liều bằng nhau, tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa ly, đau thượng vị, phiền khát, đại tiểu tiện không thông.

### *Bài Hoàng liên an thần hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)*

Hoàng liên	Phục thán	Long đởm
Đương quy	Toàn yết	Xương bồ
Thạch cao		

Liều bằng nhau, tán bột làm thành viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa lao phổi.

### *Bài Hoàng liên bạch truật thang (Thẩm thị tồn sinh)*

Hoàng liên	Bạch truật	Cam thảo
Mẫu đơn	Mộc thông	Nhân sâm
Sơn thù	Phục linh	

Liều dầu 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa kinh nguyệt không đều.

#### Bài Hoàng liên thang ma thang (Vệ sinh bảo gián)

Hoàng liên 12g

Thăng ma 6g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa miệng lưỡi là loét.

#### Bài Hoàng liên thiên hoa phán hoàn (Chứng trị chuẩn thường)

Hoàng liên 160g A giao 40g

Xuyên khung 40g Hoàng cầm 160g

Hoàng bá 260g Cát hoa 40g

Lิền kiều 80g Chi tử 160g

Thiên hoa phán 160g

Tân bột làm viên, ngày uống 12 - 20g.

Tác dụng: chữa mắt lông quặm, mắt khô sưng đỏ, bệnh do phong nhiệt gây ra.

#### Bài Hoàng liên tiêu bí hoàn (Thẩm thị tân sinh)

Hoàng liên Sa nhân Khuynh hoàng

Cam thảo Bạch truật Bán hạ

Chi thực Hậu phác Thần khôi

Can khuynh Hoàng cầm Trạch tả

Trần bì Trư linh

Liều bằng nhau, tân bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa suyễn nghịch, phát nhiệt, khó ngủ.

### Bài Hoàng liên tiêu độc đờm (Chứng trị chuẩn thường)

Hoàng liên	Chi tử	Kim ngân
Laiễu hoa	Dương quy	Chích thảo
Xuyên khung		
Lิều đều 8g, sắc uống.		

Tác dụng: thanh nhiệt, tiêu độc.

### Bài Hoàng liên tiêu thải hoàu (Trung y Thượng Hải)

Hoàng liên	Phục linh
Cam thảo	Bán hạ tẩm giấm

Líều bằng nhau, tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa phổi khát đậm nhiều.

### Bài Hồ hoàng liên (Ấu ấu tu trì)

Thần an	8g
Hồ hoàng liên	2g

Tán bột, cho vào trong một lén buộc chặt đặt vào nồi, đổ nước roru luống đun 15 phút, lấy ra thêm vào trong một lén 8g lõi hột và một ít xạ hương. Ngày uống 2g với nước chè.

Tác dụng: an thần, thanh tâm hỏa.

### Bài Tả tâm thang (Thần ất)

Hoàng liên	40g
Tán bột, mỗi lần uống 2g.	
Tác dụng: tả tâm hoà, chữa miệng khô.	

#### Hàm Tính tổng các số chẵn (Yêu cầu: kiểm tra)

Cung điện Hohenbalken

## Môc hưng

Lưu ý: Hàng nhau, tên bài, ngày uống 12g.

Tác dụng: châm kim tý kết nhiệt, miếng lưới sưng loét.

#### **Bò Tơ mèn thang (Kim quỹ vifo hape)**

Dai hoang 80g Hoang bén 40g

Helsingin 405

Tác dụng: chữa cảm khí thiếu, nôn huyệt, chảy máu mũi, viêm nhiệt, lỵ muku.

#### Bài Tài sản thang (Chứng tri chuẩn thang)

## Hoàng Liên Mộc thông Chi tử

## Trach lan

## Hoa hồng

## Linh kiều

Liu thiu 12g, sk-ting.

The dung châm mìn phát xung sinh biến ưa khát

#### Bài Tóm Kết Aeding (Ý hay nhất mèo)

Haben Sie  
Haben Sie

Hohne-Litze

Lưu dấu 8g, tân bột, làm viên, uống ngày 8g

Tác dụng: chữa nhiệt tích tam tiêu, tả hỏa ngũ tạng.

**Dây là bài Hoàng Liên giải độc bổ chí tú**

#### Bài Toán thang (Tính thiếp hình)

Hỗ trợ liên lạc | 12c | Trí tuệ | 12d

Huang cầm 8g Cam thảo 4g

Sinh địa 12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa chứng phong lao, đại nhiệt (tâm vị huyết nhiệt).

Bài: *Üc thành hoán* (Trứng thí y tăng)

Huang liên 240g

Ngũ thù 40g

Tân bột, uống 12g híc đôi.

Tác dụng: chữa can hỏa, dưới sườn đau tức.

Bài này thành phần gần giống Tú kim hoàn của Dan Khê tẩm pháp nhưng khác nhau cách chế.

## HOÀNG NĂN

Tên khoa học: *Strychnos guatteriana* Pierre

Họ Mồ hôi (*Loganiaceae*)

Bộ phận dùng: vỏ cây doãn.

Chọn loại vỏ khô, chắc giòn và dày rỗng, vỏ ngoài màu vàng sẫm, nâu xanh đậm móc là kém. Thanh Hoá, Nghệ An có cây hoàng năn tốt hơn cả. Chú ý phân biệt với cây hoàng đàn có tên khoa học *Diospyros quinquefolia*, họ Tussacaceae, loại này lấy từ gỗ có mùi thơm, không độc, có tác dụng lợi tiểu.

Tinh vị, quy kinh: vị đắng, tính hàn, độc hàng A; vào ba kinh: tâm, can và tỳ.

Tác dụng: chữa đau bụng ỉa chảy, kiết lỵ, phong thấp, kinh nguyệt không đều.

Cách bào chế: cạo bỏ vỏ vàng bên ngoài cho kỹ, cạo tái lẩn vỏ đen trong thi dùng. Muốn cạo để người ta thường làm theo các cách sau:

- Dò lên rồi cạo.
- Ngâm nước sạch độ 8 giờ cho mềm rồi cạo.
- Ngâm nước vo gạo đặc một đêm rồi cạo.

Sau đó ngâm nước vo gạo đặc ba ngày, mỗi ngày thay nước 1 lần, theo tỷ lệ cứ 100g vỏ hoàng nàn ngâm trong 700ml nước vo gạo, sau đó rửa sạch thái mỏng 1 - 2 ly, phơi khô, đựng lò kin. Trước khi dùng có thể sao qua. Cũng có thể tẩm dầu vừng rồi mới sao qua. Bột hoàng nàn chưa chế biến độ ẩm 9,8% có 0,28% alkaloid toàn phần.

Bột đã chế biến: độ ẩm 9%, có 2,73% alkaloid toàn phần.

**Bảo quản:** nếu đã chế biến hoàng nàn xếp dọc bằng B, để nơi khô mát, tránh nắng vụn, mốc mọt.

- Người xưa dùng làm thuốc chữa rắn cắn; dùng hoàng nàn chi sấy khô, tán bột, phối hợp với bạch phàn, hùng hoảng.
- Dụng cụ chế hoàng nàn nhỏ rửa kỹ phòng độc.

## HOÀNG TINH

Tên khoa học: *Polygonatum kingianum coll et Hemsl*

**Họ Hành tỏi (Liliaceae)**

**Bộ phận dùng:** lá cù. Chọn cù to, có dốt, khi chưa chế có gai ngắn. Không dùng loại thối nát, sâu mọt. Phân biệt với cù dong có tên khoa học là *Maranta arundinacea* L.

Bột hoàng tinh trắng to nhô không đều, vị ngọt, một số người làm già hoàng tinh bằng cù dong.

**Tinh vị, quy kinh:** vị ngọt, bình tinh; vào ba kinh: tỳ, vị và phế.

**Tác dụng:** bổ tỳ, nhuận tâm phế. Không dùng cho người bị cảm cúm.

**Bảo chế** (theo Trung Quốc): rửa sạch dò kỹ một đêm sau thái mỏng, phơi khô; có người cùu chưng, cùu sôi.

Ở Việt Nam (Sửng y Phổ Đức Thành): rửa sạch củ, cho vào nồi để ngập nước đun sôi 30 phút bỏ nước, phơi khô để bảo quản. Cũng có thể sau khi rửa sạch, cho nồi để ngập nước trên củ 5 - 6cm, đun cho cạn kiệt nhớ để vỉ dày nồi phòng cháy, cùn nước, tẩm phơi nhiều lần, cho đến khi hết nước, củ không dính tay. Tiếp theo cho lên chõ dò, hoặc đun cách thủy, đun lién 8 giờ, nước cạn thời cho thêm. Vớt ra phơi thiỷ hoàng tinh khô, không dính tay là được. Cũng có người chế như sau: rửa sạch củ, ngâm nước một đêm, dò nước đi. Tiếp theo cho mật mía và 8 gừng theo tỷ lệ 1kg hoàng tinh + 250ml mật + 250ml nước + 25g gừng giã dập đun cho đến khi gần cạn hết mật, vớt ra phơi, lại tẩm nước mật, phơi cho tới khi hết nước mật dò và củ không dính tay. Sau đó lại đem dò và phơi 9 lần lién. Có người thay mật bằng đậu đen, đun kỹ cho gần cạn rồi phơi như trên. Có nơi sau rửa sạch, giã nát, ngâm nước một ngày, thỉnh thoảng lại nhào, quấy nhẹ, gạn nước để lắng, gạn thay nước khác làm 9 lần, nước để lắng, lấy bột phơi khô.

**Bảo quản:** sau bảo chế ruột hồng, nấu là tốt, không nên để đèn như thực, củ mềm dẻo, cầm không dính tay.

Nếu thái lát thì phải nhiều bột, trắng nhạt.

Cả hai loại dể noi khô, khi củ bị mốc có thể lấy rượu rửa sạch phơi khô.

Sách Y dược cầu nguyên ghi: "Hoàng tinh chất ngọt, tính bình thường".

Sách Bản thảo cầu chân ghi: "Hoàng tinh bổ trung ích khí, bổ tỳ vị, nhuận tâm phổi, cung gần cổ, trị phong thấp".

Khi có đậm thấp không nên dùng, hoàng tinh sẽ tăng đậm.

**Cách chế:** rửa sạch củ, thái mỏng, dò 9 lần, phơi 9 lần cho khô.

**Thứ sáu:** Hồ Nam có thứ hoàng tinh tốt nhất, màu đen, vị ngọt, tanh bột.

Ở các tỉnh khác như: Quảng Đông, Liên Huyện, Lạc Xương, Giang Tây, Nam Kinh cũng có nhưng hoàng tinh vị hơi cay và ngọt hơn.

### Các bài thuốc có hoàng tinh

#### *Bài Hoàng tinh tán (Thẩm thị giao hoàn)*

Hoàng tinh	Mộc tặc	Bạch chỉ
Phong phong	Tật lè	Cam thảo
Thảo quyết minh	Thuyền thoái	
Liệu bằng nhau, tán bột, ngày uống 12g.		
Tác dụng: chữa đau mắt.		

#### *Bài Hoàng tinh hoàn (Trung y Thượng Hải)*

Hoàng tinh	Dương quy
Hoàng tử	
Liệu bằng nhau, tán bột, ngày uống 16g.	
Tác dụng: bổ khí huyết, gãy, da vàng, mệt mỏi.	

## HÒE

Tên khoa học: *Sophora japonica L.*

Họ Cánh bướm (*Papilionaceae*)

Bộ phận dùng: là nụ hoa (hùm hoa), quả hòe (hòe già). Chất loại: vàng ngà, không ẩm mốc, không chảy, không lẫn cuống lá, tạp chất; quả khô, đen, nâu, không mốc mọt.

Tinh vị quy kinh: hoa hôi vị đắng, tính hơi lạnh; vào hai kinh: can và đại trướng. Quả hoa vị đắng, tính lạnh; vào kinh tan.

Tác dụng: hàn hoa có tác dụng thu liễm, cầm máu, thanh huyết nhiệt, quả hàn cùng thanh nhiệt, giáng xuống, gây sẩy thai, quả chữa trưởng phong hạ huyết (là máu). Không dùng quá cho người không có thực hoa.

### Bảo chẽ

Theo Trung Quốc: hàn hoa lúc chưa nở, càng để lâu năm càng tốt. Khi dùng: sao qua hoặc sao cháy.

Ở Việt Nam thường lấy loại nguyên hoa, phơi khô, bỏ tạp chất, cho nồi đất sao cháy tốn tính có tác dụng cầm máu.

### Bảo quản: để nơi khô ráo, thoáng mát, phòng mốc mọt.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Hoè thực còn gọi là hoè giác. Tinh vị đắng lạnh, bổ ích can".

Sách Bản thảo cầu chân ghi: "Hoè thực chữa các chứng đại tiện máu, lỵ loét hạ bộ, tiểu máu, chảy nước mắt, trừ gió độc, khai mụn nhọt, giải khí nóng, hạ hoả, mát huyết, tan khí kết".

Sách Dụng được pháp tương ghi: "Hoè thực chữa khỏi chứng tràng gió độc liễm vào miệng răng, mắt ruột, bổ can".

Thổ sản: hoè thực ở Quảng Đông, Bắc Giang, Lạc Xương, Quảng Tây.

## Các bài thuốc có hoè

### Bài Hoè giác hoàn (Trung y học khái luận)

Hoè giác	Chi xà	Phòng phong
Dương quy	Hoàng cầm	

Liều bằng nhau, tán bột, làm viên, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa ỉa máu do rượu (tùn độc).

### *Bài Hoé hoa tán (Bản sự)*

Hoé hoa	Bà diệp
Chì xác	Kinh giới

Liệu bằng nhau, tán bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa ỉa máu do nhiệt.

### *Bài Hoé hoa tán (Ấu ấu tu tri)*

Hoé hoa	80g	Trần bì	40g
Ô mai	20g	Cam thảo	20g
Đương quy	40g	Hậu phác	40g
Thương truật	40g	Chì xác	40g

Tán bột, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa trường vị thấp, ỉa máu, bụng trưởng đầy.

### *Bài Hoé hoa tán giao thang (Y tông kim giám)*

Hoé hoa	Hoàng cầm	Thanh đại
Tần giao	Tháng ma	

Liệu đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa ỉa ra máu (trường phong hạ huyết).

### *Bài Hoé liên tử vật thang (Y tông kim giám)*

Hoé hoa	Sinh địa	Xuyên khung
Ngư mỗ cốc	Đương quy	Hoàng liên
Xích thược		

Liệu đều 4g, sắc uống.

Tác dụng: chữa sinh xong ỉa máu.

# HỒNG HOA

Tên khoa học: *Carthamus tinctorius L.*

Họ Cúc (Compositae)

Bộ phận dùng: cánh hoa. Chọn loại hoa nhỏ, màu hồng đều, mèi thơm khò. Không dùng thứ sẫm đen, bạc, đóng cục. Hồng hoa Tây Tạng đồ mịn, tác dụng mạnh, nhưng hiếm.

Tính vị, quy kinh: vị cay, tính ấm (ở Tây Tạng hồng hoa vị ngọt, tính lạnh); vào hai kinh: tâm và can.

Tác dụng: hoạt huyết phá ứ, thông kinh, liều thấp sinh huyết.

Hạt cây hồng hoa làm thuốc tẩy, chữa té thấp.

Kiêng kỵ: không dùng cho người có thai.

Bảo chế:

Theo Trung Quốc: hái hồng hoa, bóc dài, già nát vát thành bành phơi khô hoặc chỉ phơi khô thì là tán hồng hoa.

Ở Việt Nam phơi hép với thuốc khác thành thang, dùng sống hoặc tắm rượu để hoạt huyết.

Bảo quản: hồng hoa để hút ẩm, vón mộc, nên để nơi khô ráo, dưới dây lợ có thể để với sống.

Dộ ẩm không quá 13% tạp chất dưới 2%. Tỷ lệ hoa biến màu nâu đen không quá 0,5%. Tro toàn phần không quá 15%.

Thu hái vào mùa hạ hoa đang nở, lúc màu hoa chuyển từ vàng sang đỏ; hái về để nơi râm, thoáng gió, nắng nhẹ cho khô dần.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Hồng hoa vị cay, tính ấm".

Sách Bản thảo thông nguyên ghi: "Hồng hoa chữa được tiêu ứ, tan thũng, sán hậu huyết trệ, thai chết trong bụng".

Dùng hồng hoa chữa được thai chết ru ngay.

Thứ sản: hồng hoa sản xuất tại Tú Xuyên, Hà Nam, An Huy là hàng tốt nhất, vì có chất cay, mùi thơm đậm, sắc tươi đỏ; hồng hoa Việt Nam cũng rất tốt.

Thứ sản xuất ở Thạch Thảo có tên là đương hồng hoa hay còn gọi là thạch sinh hoa, thứ này chất cay nhạt, sắc đỏ ít vàng cũng hay dùng.

Ngoài ra còn loại hồng hoa Tây Tạng cũng rất tốt.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Chất cay, tính ôn hoà, là vị thuốc chuyên làm mạnh tỳ vị, trấn kinh, tuỷ huyết, thông kinh".

Sách Dược học tự điển ghi: "Hồng hoa Tây Tạng chữa khái bì kết thành hòn cục, khói nón ra máu".

### Các bài thuốc có hồng hoa

#### Bài Đại thanh thang (Y tông kim giám)

Hồng hoa	8g	Tô mộc	4g
Cam thảo	4g	Phát tiêu	6g
Hậu phác	4g	Trần bì	4g
Dương quy	4g	Chi xác	6g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa té ngã huyết ứ trệ, đại tiểu tiện bí.

#### Bài Đào hồng hương phụ tử vật thang (Y tông kim giám)

Bạch thược	8g	Xuyên khung	6g
Dương quy	12g	Đào nhân	12g
Hương phụ	8g	Hồng hoa	6g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phụ nữ huyết băng, huyết lậu.

### Bài Đào Hồng từ vết thương (Nghiêm phuơng)

Dương quy	8g	Kích thước	8g
Táo nhân	12g	Xuyên khung	8g
Sinh địa	8g	Hồng hoa	2g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa hành kinh trước kỳ có huyết cục.

### Bài Đao khai tán (Nghiêm phuơng)

Hồng hoa	Quý vĩ	Trạch tả
Thanh bì	Cam thảo	Ngũ vị
Sài hồ	Hỗn hỷ	Trần bì

Tháng ma

Lิều đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa chân và đùi té cứng.

### Bài Đao trệ thẳng u thang (Y lược giải km)

Hồng hoa	2g	Chích thảo	2g
Tháng ma	4g	Thục địa	20g
Đào nhân	15 hạt	Sinh địa	8g
Dương quy	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa âm hư, huyết rò, táo bón ở người già.

### Bài Đầu thống linh thang (Thiền già diệu phuơng)

Hồng hoa	Khuynh hoạt	Ké huyết dâng
Xuyên khung	Sinh địa	Sơn cầm
Đào nhân	Độc hoạt	Bạch chỉ

Bạch thược

Dương quy

Phòng phong

Liều đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: thông kinh hoạt lạc, hoả ứ, chí thống, chữa đau đầu.

Bài Tam tiên tán (Thẩm thị tôn sinh)

Bàng phiến

Hồng hoa

Hoàng bá

Liều đều 12g, tán bột thổi vào tai.

Tác dụng: chữa tai sưng.

## HÙNG ĐỒM (mặt gấu)

Tên khoa học: *Fel urai*

Ở ta có ba loại gấu:

- Gấu lợn: tên khoa học *Meuarctus ursinus*.
- Gấu chó: *Helarctos malayanus* nhỏ, tai ngắn ngược và khoang ngà hình chữ V.
- Gấu ngựa *Selenarctos thibetanus* G Cuvier có khoang chữ V trắng, to hơn gấu chó.

Cả ba đều thuộc họ Gấu.

Chọn loại mặt gấu ngựa to như cái phích 1/2 lít, sau đẽn gấu heo, kém hơn cả là gấu chó.

Chế biến: lấy mặt, buộc cổ túi, nhúng qua cồn 90°. Một giờ sau lấy hai thanh tre rửa sạch, kẹp lại đun nhỏ lửa sấy nhẹ 5 - 6 ngày cho khô, treo lén chỗ thoáng gió 10 ngày, nước mật đóng lại ép nhẹ cho tái mật dẹt ra, rồi gói giấy ní lỏng, cho hộp dày kin, dày lợ để vôi sống hết ấm.

**Phân biệt:** khi cắt túi mật, thấy có chất dán nhánh giòn dám đến có hạt lõi nhũn, vàng ánh như hổ phách, ném ban đầu thấy đắng, sau ngọt và mát, dinh luối, ngọt lâu tan hết trong miệng. Không phải mật gấu chỉ có vị đắng, không mát luối, không dinh luối, không bóng, không giòn, mùi tanh, khó nuốt; mật gấu đốt không cháy. Có thể thử bằng cách lấy hạt mật thà vào cốc nước trong sẽ thấy có những sợi màu vàng thông xuống dây hắt nước. Nếu hạt mật quay tròn càng tốt.

**Cách thử khác:**

- Lấy 1 bát nước, một gác để ngọt bức đốt bằng sáp ong. gác đổi điện nhỏ giọt mật, mật sẽ di chuyển sang chỗ sáp ong, nếu không phải mật gấu sẽ không di chuyển như vậy.
- Nhỏ một giọt mật gấu vào máu, máu không đông hoặc giọt máu đông thì máu sẽ tan ra.
- Có thể thử bằng cách lấy một giọt mật gấu, hòa tan trong 1ml nước cất, một ít saccharose, thêm 2 giọt acid sunfuric sẽ thấy xuất hiện màu đỏ đẹp.

**Tính vị, quy kinh:** vị đắng, hơi ngọt, tính hàn; vào ba kinh tâm, can và vị.

**Công dụng:** phá ứ, hồi sinh; chữa đau nhức, kinh giãn, hoàng đản, nhâm mật.

**Cách bào chế:**

- Lấy mật gấu bằng hạt gạo + 2ml nước cất hòa tan, nhỏ vào mắt 1 - 2 giọt chữa đau mắt do dụng dập.
- Làm cồn xoa bóp.

**Bảo quản:** mật gấu tránh ẩm, nóng để trong hộp sắt kín có lót chất hút ẩm.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Hùng dâm chất đắng, tính lạnh".

Sách Bản thảo cương mục ghi: "Hàng dâm giải nhiệt, mát ruột, nhuận can, sáng mắt, tiêu mảng mộng, sát trùng".

Thổ sản: sản xuất tại Vân Nam là tốt nhất, ở Tây Tạng, Áo Độ kém hơn.

Còn phân biệt với tượng đàm (mật voi), hổ đàm (mật hổ), ngưu hoàng.

### *Tượng đàm (mật voi)*

Tính vị: vị đắng, tính hơi lạnh.

Sách Hải thượng bản thảo ghi: "Tượng đàm hoà nước đủ khử ung nhọt độc, chấm chán răng khỏi hôi móm".

Sách Bản thảo cương mục: "Tượng đàm cũng như hàng đàm, chữa khỏi các chứng cảm và làm sáng mắt".

### *Hổ đàm (mật hổ)*

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Khi lấy được mật hổ, treo trước gió cho khô".

Tính vị: mật hổ vị đắng tính hơi nhiệt, chuyên chữa chứng bị đánh đòn chất ngất, ăn uống kém, huyết ứ trong tim. Mài mật hổ với rượu uống nóng với bột bạch phục linh rất công hiệu.

Sách Dược học đại từ điển ghi: "Trè con kinh, cam, ly, nén mài mật hổ với nước cho uống rất hay".

### *Ngưu hoàng*

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Nguyên tân là sưu bản. Sách giải thích rằng xét theo can chi thì trâu thuộc chi sưu, hoàng là bệnh của giống trâu. Ngưu hoàng là chất đựng ở gan hay mật trâu lâu ngày, màu vàng".

Tính vị: vị đắng, tính bình, chuyên chữa bệnh tâm can.

Sách Tân Tự Mão ghi: "Ngưu hoàng bổ ích cho can, đàm, định tâm thần, khai nóng, khai sẹo, trừ ác khí".

Sách Nhật hoa tú: "Ngưu hoàng chữa chứng gió độc, mất tiếng, cầm khẩu, sợ hãi, bệnh thiến thòi, chứng hay quên, dâng trí".

## Các bài thuốc có mật gấu và các mật khác

### Bài Hùng đàm phúc phương (Thiên gia diệu phương)

Hùng đàm	2g	Minh phàn	15g
Thanh đại	15g	Xuyên hoàng liên	10g
Uất kim	15g		

Sắc uống.

Tác dụng: sơ can giải uất, thanh nhiệt hoả đàm.

### Bài Hoàng ngưu đàm tiễn (Chứng trị chuẩn thẳng)

Mật gấu	10g	Mật cà chép	5 cái
Nước mật dê	5 cái	Thanh bì	10g
Nước mật heo	5 cái	Nước mật trâu	5 cái
Hỗn hoàng liên	10g	Hoàng liên	10g

Các vị tán bột, hòa mật ong làm viên, mỗi lần dùng 1 viên bằng hạt vừng, nhai với mật gấu dán mắt.

Tác dụng: chữa mắt khô đau nhức.

### Bài Khám cung định tử tần (Y tông kim giám)

Hùng đàm	10g	Nhi trù	6g
Hoàng liên	6g	Ngưu hoàng	1,2g
Lương mộc	30g	Xạ hương	2g
Băng phiến	2,4g		

Tán bột, trộn nước mật lợn, thêm nước cốt hoàng lạp, đại hoàng mỗi thứ một ít, bôi bên ngoài.

Tác dụng: chữa sưng nோn rđ các khớp, tri.

# HÙNG HOÀNG

Tên khoa học: *Roumania*

Bộ phận dùng: loại đà mò, xác đà vàng bóng sáng cho nên gọi là minh hùng hoàng. Nó là khối cứng rắn, màu hơi khát, tan vụn ra có màu hồng.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, tính bình, hơi lạnh, có độc; vào hai kinh: can và vịnh.

Tác dụng: giải độc, sát trùng, trị tà khí (rắn sọ hùng hoàng). Thường dùng hùng hoàng chữa kinh gián, ác sang, trị, chữa phong độc trong cốt xương, chữa hen. Không dùng cho người âm hư, huyết hư; hùng hoàng kỵ lửa, kiêng đồ sắt.

## Cách bào chế:

Theo Trung Quốc (Lý Thời Trần): lấy dấm trộn nước rau cải, nấu hùng hoàng.

Ở Việt Nam (lương y Phó Đức Thành): dùng thuỷ phi để tẩm bột, sau đó lấy 1 phần bột hùng hoàng + 1 phần bột hồ tiêu với 9 phần bột ngải cứu sau quấn thành điếu như thuốc lá để chữa hen. Cũng có thể 1 phần hùng hoàng + 9 phần ngải đốt hơi xông. Bột có thể uống trong nhưng là thuốc đặc bằng B.

Bảo quản: để vào lọ kín, lọ màu để tránh ánh nắng và nóng.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Hùng hoàng chất cay, tính ôn hoà".

Sách Bản thảo cương mục ghi: "Hùng hoàng chữa khói sét rét, cảm nắng, tả, ly, kinh gián, nhức đầu chóng mặt, tiêu huyết tích ứ trong bụng, diệt trùng cam, lao".

Sách Thanh dịch bản thảo ghi: "Hùng hoàng trừ gió độc, bầm vào can, tiêu đờm đờ".

Bài Hùng hoàng (chữa chấn thương đầu thống): hùng hoàng với tía tô tần tảo nhỏ, 6 phút thổi vào mũi một lần, đau hòn não khỏi bén đỏ.

Thổ sản: hùng hoàng Quỳ Châu là tốt nhất, hùng hoàng sản xuất ở Thổ An, Tân Thị kém hơn.

### Các bài thuốc có hùng hoàng

#### Bài Hùng hoàng giải độc tan (Chu Dan Khoa)

Hùng hoàng	40g	Bà đao	13 hạt
Uất kim	4.8g		

Tân bột, ngày uống 2g.

Tác dụng: chữa họng sưng đau.

Tác dụng phụ: gây nôn.

#### Bài Hùng hoàng tán (Ấu Sú Tu Trí)

Hùng hoàng	4g	Nhu hương	2g
Xạ hương	1g		

Tân bột, uống 1g.

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ tỳ lạnh, khóc đêm.

#### Bài Hùng hoàng tán (Nghiêm phương)

Hùng hoàng	2g	Lợc phán	4g
Xạ hương	1.2g	Quan đở	2 chi

Tân bột, thổi mũi.

Tác dụng: chữa thịt thừa ở mũi.

#### Bài Hùng kê can tán (Ấu Sú Tu Trí)

Hùng hoàng	12g
------------	-----

Thạch cao nung 12g

Tân bột, dùng gan gà trống nấu với rượu ăn với 4g bột trên.

Tác dụng: chữa màng nhầy ở mắt, cảm mắt.

### Bài Hùng tám hoa (Nghiêm phương)

Hùng hoàng

Bạch phàn

Binh lang

Lượng bằng nhau, tân bột, làm viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: tiêu tích, thông trường, đau thượng vị.

## HƯƠNG NHU

Tên khoa học: *Herba Elsholtziae*

Họ Hoa môi (*Labiatae*)

Bộ phận dùng: cành có hoa, lá khô thơm mát, màu đỏ tía, không mốc ẩm là tốt.

Ở Việt Nam có loại hương nhu trắng cũng dùng được.

Tính vị, quy kinh: vị cay, tính hơi ấm; vào hai kinh: phổi và vị.

Tác dụng: thanh thuỷ lợi thấp, phát hàn, chữa cảm nắng, nhức đầu, đau bụng, thổ tả. Không dùng cho người hư lao mạn tính.

Bảo chẩn: dùng toàn cây bò gốc rễ, chất đoạn, phơi khô. Ở ta dùng lá tươi và vắt lấy nước (100g - 500g) đun uống, chữa cảm nắng.

Bảo quản: để nơi khô, mát để không mất mùi.

Sách Y dược cầu nguyên ghi: "Hương nhu chất cay, tính hơi ôn hàn".

Sách Bản thảo bị yếu ghi: "Hương nhu chữa tan khí nóng hầm ngoài da, giải khí kết tích trong tâm, bụng. Là vị thuốc tốt

yếu làm mất khí năng, chữa nôn ợ, thũng nước, sưng chân, hôi miệng. Nếu đau hoặc loạn bong gân thì dùng một vị hương như chèo cung khòi”.

Thể chế: nhiều nội dung

#### Các bài thuốc có hương nhu

#### Sai Hokusai hat troi nha om (Loai chung hoat nhien va phuotg)

Lien Anh 12g, nuc nong.

The dung: thanh vi trung thap nhot.

#### Bài Hát nhẹ nhàng (Hát lời euc phuong)

Hương nhu 12g Hỗn phác 8g  
Bach biển dâu 12g

Tan bột, mỗi lần uống 12g.

Tác dụng: phát tán giải biểu, trừ thử, hoả thấp, chữa mửa hắc bì phong hàn thử thấp sốt lạnh, đau đầu buồn nôn, đau bụng là chảy.

#### **Bài Hátинг nhà giàn (Loài chim quý hoang thú)**

Hương nhu hoa 46g  
Hỗn hợp bồ vú 60g

Tin bột, mỗi lần uống 12g

Tác dụng: chữa cảm phong hàn mùa hè, ăn uống không tiêu, tỳ vị không thông giáng, hoặc loạn, bụng đầy, gần cơ co rút.

#### Bài Hát riêng rẽ (Thái bình hưng dân họa từ xưa phái)

Bach biển đậu 16g Hồi phổi 30g

Phục thân	30g	Hương nhu	60g
Cam thảo	16g		

Tân bột, ngày uống 6g.

Tác dụng: chữa cảm thử thấp, ăn uống không tiêu, tỳ vị không hòa, cơ thể đau nhức, ngực đầy, hoắc loạn.

#### Bài Kim nhĩ phương (Nghiêm phương)

Bạc hà	Hậu phác
Hương nhu	Kim ngân
Lิền kiều	

Liều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa thử sa (thổ tả do cảm thử, đau đầu, tự ra mồ hôi).

#### Bài Lực vị hương nhu đóm (Thỗi bệnh học)

Hương nhu	40g	Phục linh	20g
Biển đậu	12g	Cam thảo	10g
Hậu phác	20g	Mộc qua	20g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa trung thử kèm nhiều thấp.

#### Bài Thấp vị hương nhu đóm (Trâu hậu bách nhất phương)

Bạch truật	Nhân sâm	Hoàng kỳ
Biển đậu	Hương nhu	Phục linh
Cam thảo	Mộc qua	Trần bì
Hậu phác		

Liều bằng nhau đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa thử thấp, đau đầu, nôn mửa.

### Bài Thập vị hương nhu ẩm (Nghiệm phuông)

Biển đậu	Phục linh	Hoàng kỳ
Hương nhu	Cam thảo	Sa sâm
Hậu phác	Mộc qua	Trần bì
Hoài son		

Liều đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa thổ tả.

### Bài Thập vị hương nhu tán (Y phuông hải bộ)

Hương nhu	Hậu phác	Mộc hương
Biển đậu	Hoàng kỳ	Mộc qua
Bạch truật	Hoàng liên	Nhân sâm
Chích thảo		

Liều đều bằng nhau, tán bột, ngày uống 20g, chia 2 lần.

Tác dụng: chữa cảm thỷ, la chảy, cơ thể yếu.

## HƯƠNG PHỤ

Tên khoa học: *Cyperus rotundus* L.

Họ Cói (Cyperaceae)

**Bộ phận dùng:** là củ (thân rễ) cây hương phụ. Chọn củ hình thuôn dài 2 - 4cm, đường kính 1cm ngoài vỏ thăm hay đen nâu, có nhiều đốt, trên đốt có nhiều lông màu nâu hay xám đen. Dùng loại mọc ở bãi biển, chắc thơm, thịt hồng, sạch lông.

**Tính vị, quy kinh:** vị cay, hơi đắng, tính hàn; vào muối hai kinh.

**Tác dụng:** làm thuốc điều khí, khai uất, thông kinh. Dùng sống thông khí, trừ đàm; sau bão chấn vào can thận, thông kinh,

bổ huyết hư, nhuận táo, lưu thông kinh lạc; sao cháy: chỉ huyết, bổ hư. Không dùng cho người âm hư huyết nhiệt.

Dùng sống: chữa tức ngực, bệnh ngoài da.

Dà chín: chữa bệnh gan thận, cứng lồng, mòn gối.

Tẩm đông tiện sao: bổ huyết.

Tẩm nước muối sạc: bổ thận khí, khôi táo.

Tẩm rượu sạc: thông kinh hoạt lạc.

Tẩm dấm sạc: tiêu hàn cục tích tụ.

Tẩm nước gừng: tiêu đờm.

Sao đen: cầm máu.

Nhớ không dùng Dao, hão sắt để cắt và cạo.

#### Bảo chế:

Theo Lý Thời Trân: rửa sạch, mài trên đá cho hết vỏ, sau đó ngâm nước dài trỏ nhỏ cho thâm mềm, già nát dùng sống hay sao, hoặc tẩm dấm, muối tùy sử dụng.

#### Ở Việt Nam:

Lấy củ hương phụ phơi khô, sao cho cháy hết lông hoặc phơi thật khô, giã với trấu (cứ 1kg hương phụ cho 0,5kg trấu), dùng cháy nhọn già cho hết lông, vỏ không để nát. Làm như vậy được hương phụ mě hay sinh hương phụ.

Lấy hương phụ rửa sạch, phơi khô, sao cho cháy đen tuyền, tắt lửa, dày vung để cho nguội dần (có thể tán thành bột) là hương phụ thản.

Cách chế hương phụ (tù chế): cách này thường làm, lấy 1kg hương phụ mě chia làm 4 phần, 250g tẩm với 200ml dấm (dộ acid 5%), 250g tẩm với 200ml nước tiều trẻ em, 250g tẩm với 200ml nước muối 15%, 250g sao khô giòn rồi tẩm với 200ml rượu 40° để một đêm, sau đó già dập sao thơm là được. Khi dùng trộn chung 4 phần, chia đều, có người tẩm thêm nước gừng hay nước cam thảo.

**Bảo quản:** dày kin, mỗi lần chỉ chỉ nên dùng trong 20 ngày, hết lại chế tiếp, không nên để lâu.

Nhớ không dùng dao kéo sát để cắt, cạo.

Sách Y được lưu nguyên ghi: "Hương phụ chất thơm, tính hinh, chuyên chữa lợi tam tiêu, giải sáu chứng uất, đep lo phiến tức giận, đau ngực, đầy bụng, ăn không tiêu, hoặc loạn, thô tả, đau thận, nhức gót, ung thư thô huyết, đại tiện máu, chữa 100 chứng thai sản".

**Thổ sản:** hương phụ Quảng Đông, Tam Thủy và Hoành Giang là tốt nhất.

### Các bài thuốc có hương phụ

**Bài Hương phụ hoan (Phổ kế phương)**

Ngò thù 30g Bạch vi 30g

Hương phụ chưng giấm 60g

Tán bột, trộn rượu làm viên, uống 16g.

Tác dụng: phụ nữ bạch đái, hạ nguyên bị hư lạnh.

**Bài Hương phụ tán (Phụ nhân đại tuân hương phương)**

Hương phụ sao Ô được

Thanh bì Thiên tiên dâng

Lượng bằng nhau, tán bột mỗi lần uống 10g với 3 lát gừng, mặc qua 3 miếng, tử tô 3 lá.

Tác dụng: chữa phụ nữ có thai 3 tháng bị sưng từ đầu đến chân, thô mặt, ăn uống không tiêu.

**Bài Hương phụ thang (Tập bệnh nguyên lưu tố chúc)**

Hương phụ Xuyên khung Dương quy

Thanh bì Sái hổ

Lิều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa giận dữ, hông sườn đau.

*Bài Hương phụ tuyễn phúc hoa thang* (Ôn bệnh điều biến)

Hương phụ sống	12g	Quất bì	2g
Ý dĩ	20g	Phục linh	12g
Toàn phúc hoa	20g	Tô tử sướng	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phục thù thấp ôn, hông sườn đau, ho.

*Bài Hương phụ tử tán* (Thẩm thị tên sinh)

Hương phụ tân bột uống 16g mỗi ngày.

Tác dụng: chữa phụ nữ ra máu, khí hư.

*Bài Hương quế lực hợp thang* (Trung Quốc y học đại từ điển)

Hương phụ	8g	Bạch thược	8g
Thực địa	16g	Xuyên khung	4g
Dương quy	8g	Quế chi	8g

Sắc uống.

Tác dụng: bổ dương khí huyết.

*Bài Hương tố đâm* (Chứng trị chuẩn thàng)

Hương phụ	Xuyên khung	Tô tử
Cam thảo	Bạch chi	Trần bì

Lượng bằng nhau đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa trẻ nhỏ bị ban chẩn.

### Bài Hương tố ám (Cục phương)

Hương phụ	8g	Tù tò	8g
Trần bì	4g	Cam thảo	4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa tử thời cảm mạo.

### Bài Hương tố tán (Cục phương)

Hương phụ	80g	Tù tò	80g
Quất bì	40g	Chích thảo	20g

Tán bột, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa tử thời cảm mạo, cổ thai bị thương hàn, số lạnh, đau đầu.

### Bài Hương tố tán (Vệ sinh bảo giâm)

Mộc thông	20g	Trần bì	40g
Hương phụ	40g	Tù tò điệp	20g
Phong kỵ	20g		

Tán bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa thủy khí hư trưởng, tiêu đờ, đục.

### Bài Hương tố thông xì thang (Thời lệnh bệnh học)

Hương phụ	8g	Tù điệp	6g
Cam thảo	4g	Datu xì	12g
Thông bạch	4g	Trần bì	4g

Sắc uống.

Tác dụng: lương táo, chữa thu táo mới phát.

# HUYẾN HỒ SÁCH

Tên khoa học: *Corydalis ambigua Cham et Schlecht*  
Họ Á phiện (Papaveraceae)

Bộ phận dùng: củ. Chọn loại củ chắc, cứng, màu vàng ánh, vỏ nhẵn nhéo, không mốc mọt.

Tính vị, quy kinh: vị cay, tính âm; vào ba kinh: can, phế và tỳ.

Tác dụng: hành khí, thông huyết, chỉ thống; thường dùng cho phụ nữ thống kinh, đau bụng đau khớp. Loại tẩm rượu tác dụng hành huyết, cầm đầm tác dụng giảm đau, dừng sống phá huyết. Không dùng cho người kinh trước kỳ, người yếu, hàng lưu, sản hậu huyết hư, đang có thai, chóng mặt.

Theo Bản thảo cẩn thận:

Tẩm với rượu sao để hành huyết.

Tẩm đầm sao thì chỉ huyết.

Dùng sống thì phá huyết.

Dùng sao thì điều hòa huyết.

Bào chế:

Theo Lý Thất Trân: loại bỏ tạp chất, rửa sạch, sau đó cho vào nồi, củ 10kg huyền hồ sách thì cho 2 kg dấm, đun nhỏ lửa cho đến khi cạn hết dấm, phơi khô, khi dùng giã nát rồi tẩm ruột hay muối.

Ở Việt Nam thường rửa sạch, giã nát phơi khô để dùng sống, hoặc tẩm 20% dấm sao qua; cũng có thể tẩm rượu, rồi sao.

Bảo quản: để nơi khô có thể sấy diêm sinh, phòng mốc mọt.

Sách Y dược cầu nguyên ghi: "Điền hồ sách nguyên tên là huyền hồ sách".

Tính vị: điền hồ sách chất cay, tính âm, lợi khí, khai đau nhức, tưới huyết, tiêu ứ, có thể gây sẩy thai.

Sách Bản thảo cầu châm ghi: "Điền hổ sách vừa hành khí trệ trong huyết, vừa hành được huyết trệ trong khí. Cho nên phàm chứng kinh nguyệt không đều, bụng đau như cắt, thai sản khó đẻ, có gân hòn kết, sản hậu huyết ứ, vấp ngã tổn thương, bất cứ là huyết hay khí, tích ứ không tan dùng vị này chữa thông đạt cả".

Thảo sán: có ở Triết Giang, Ninh Ba.

### Các bài thuốc có huyền hổ

#### Bài Huyền hổ sách (Y phương hải hội)

Dào nhân	13 hột	Hoạt thạch	20g
Hồng khắc	20g	Quế tám	20g
Hồng hoa	20g	Huyền hổ	20g

Tán bột, làm viên, ngày uống 16g.

Tác dụng: trị đau bụng lúc hành kinh, làm tan huyết ứ.

#### Bài Huyết kiệt tán (Y tống kim giám)

Bồ hoàng	20g	Điền hổ sách	20g
Đương quy	20g	Xích thược	20g
Huyết kiệt	20g	Quế tám	20g

Tán bột, ngày uống 12g cùng với nước đóng tiệt và rượu đun sôi.

Tác dụng: trị cò thai mà có kết khối do huyết ứ, bụng đầy đau, bụng sùn đau.

#### Bài Tam vị huyền hổ tán (Y học nhập môn)

Huyền hổ sách	40g	Mộc hương	8g
Nhục quế	40g		

Tán bộc, uống lỏng với nước gừng.

Tác dụng: chữa đau vùng tim do lạnh.

## HUYẾN SÂM

Tên khoa học: *Scrophularia buergeriana Miq*

Họ Hoa môi chi (Scrophulariaceae)

Bộ phận dùng: rễ (củ). Chọn loại rễ to, mập, sắc đen, nhiều dầu là tốt. Loại nhiều xơ, màu nhạt là kém.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, hơi mặn, tính lạnh; vào hai kinh: phổi và thận.

Tác dụng: cung ứng âm, ích tinh, giáng hoả, hạ thuỷ; dùng để bổ thận thuỷ, sáng mắt, lợi tiểu tiện, chữa thương hàn phát ban. Không dùng cho người bị ỉa chảy, không dùng nổi đồng sắc thuốc.

Bảo chế:

Theo Lời Công (Trung Quốc): rửa sạch, cho vào chõ có lót dây bằng cỏ lắc, đồ chín, phơi khô.

Ở Việt Nam: rửa sạch, ú mềm, thái lát, phơi khô.

Bảo quản: để nơi khô, ráo kín, dưới có thể để chất hút ẩm.

Sách Y được cứu nguyên ghi: "Huyền sâm chất đắng tính hơi lạnh, là thuốc bổ âm giáng hoả".

Sách Bản thảo cương mục ghi: "Huyền sâm chữa khòi ban ngứa, mắt có họng, lợi tiểu tiện, thông huyết trệ".

Thổ sâm: ở Triết Giang và Hàng Châu là tốt nhất.

### Các bài thuốc có huyền sâm

Bài An thần bổ tâm thang (Thẩm thị tôn sinh)

Huyền sâm

8g

Bạch truật

12g

Dương quy	12g	Phục thán	8g
Bạch thược	6g	Tàu nhẫn	8g
Hoàng cầm	8g	Cam thảo	6g
Xuyên khung	6g	Viễn chí	6g
Sinh địa	8g	Mạch môn	8g

Sắc uống.

Tác dụng: bổ tâm, an thần.

#### *Bài An thai nhuận bùi thang*

Huyền sâm	12g	Cát cát	12g
Mạch môn	10g	Thiên môn	10g
Hoàng cầm	8g	Sinh địa	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phụ nữ có thai miệng lưỡi là loét, bụng đau, táo.

#### *Bài Âm dương nhị khí thang (Y tông kim giám)*

Huyền sâm	8g	Mạch môn	8g
Nhân trung bạch	6g	Hoàng nghiệm	8g
Ngũ vị	6g	Bạch phàn	2g

Tán bột làm viên (trộn nước thiên môn). Ngày uống 10g.

Tác dụng: chữa thoát thu (hoại tử).

#### *Bài Bé tử dưỡng tâm hoàn (Thể nhân vượng biến)*

Huyền sâm	8g	Thực địa	12g
Bé tử nhân	8g	Cam thảo	4g
Mạch môn	8g	Cửu kỳ tử	8g

Phục thần	8g	Thạch xưng bá	6g
Dương quy	12g		

Tán bột làm viên, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa lao tám quả ôi gây tám huyết hư tổn, tinh thần hoảng hốt, tư âm, an thần, chữa mất ngủ.

#### Bài Bình định phật phương (Thiền già diệu phương)

Huyền sâm	12g	Nga truật	6g
Sinh địa	9g	Dương quy	9g
Tam lăng	6g	Bạch thược	9g
Bổ máu	9g	Ngoại lăng tử	6g
Đan bì	9g	Sơn thù	9g
Lòng cốt sống	15g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa can thận âm hư, can dương vuông, chữa cường tuyến giáp.

#### Bài Bạch phục linh hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)

Huyền sâm	8g	Bạch phục linh	8g
Qua lâu căn	6g	Thục địa	12g
Nhân sâm	8g	Xà sàng tử	6g
Tỳ giải	8g	Hoàng liên	6g
Phúc bồn tử	8g	Thạch hộc	8g

Tán bột làm viên, ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g.

Tác dụng: chữa thận yếu, teo chân, đau trong ống chân, di厉 khó khăn.

### Bài Bạch tật lở tán (Chứng trị chuẩn thường)

Huyền sâm	8g	Phong phong	8g
Bạch tiễn	6g	Bạch tật lở	8g
Cam thảo	6g	Dại hoàng	6g
Mạch môn	8g	Chi tử	6g
Cát cánh	6g		

Tân bột, ngày uống 8g.

Tác dụng: dưỡng phế âm, chỉ khái.

Chủ trị: viêm phế quản mạn tính, ho lâu ngày.

### Bài Bạch hợp cổ kim thang (Thiền gia diệu phương)

Sinh địa	8g	Thuốc đực	8g
Thực địa	8g	Huyền sâm	8g
Cam thảo	4g	Mạch môn đông	8g
Bối mẫu	8g	Cát cánh	8g

Sắc uống.

Tác dụng: dưỡng âm thanh nhiệt, nhuận phế, hoà damp.

Chủ trị: do phế thận âm suy, hư hoà thương viêm, biểu hiện hiccups không đều, ho, khó thở, trong đêm có dây máu, chân tay nóng, hôi đât, mạch té sặc.

### Bài Cường huyết tán tò phượng (Ngoại cảm thường trị)

Bạc hà	4g	Mẫu đơn bi	4g
Cơn khương	6g	Sinh địa	4g
Huyền sâm	6g	Xuyên khung	6g
Dan sâm	6g	Sài hồ	4g
Bạch thược	4g	Chích thảo	4g

Dương quy 6g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa cảm mạo khi mới mắc.

#### *Bài Dương âm thanh phế thang (Ngoại cảm thông trị)*

Sinh địa 8g Bối mẫu 6g

Mạch môn đông 4g Bạch thược 6g

Đan bì 6g Cam thảo 2g

Bạc hà 5g Huyền sâm 6g

Sắc uống.

Tác dụng: dương âm thanh phế, chữa bạch hầu, trong họng có mun, sốt cao, mũi khô, môi khô, thở có tiếng như suyễn.

#### *Bài Địa phách tán (Huyết chưng luận)*

Huyền sâm 12g Bán hạ 12g

Cam thảo 4g Mẫu lệ 12g

Bạch thược 12g Mạch môn 12g

Ngũ vị 4g

Tân bột, ngày uống 12g

Tác dụng: ích thuỷ liêm thận, giáng khí nghịch, trị suyễn.

#### *Bài Hắc sâm hoàn (Ấu ấu tu tri)*

Hắc sâm Chi tử Hoàng liên

Phong phong Đại hoàng Chi xác

Xà tiền tử Các hoa Thàng ma

Thảo quyết minh

Lieu đều 20g, tán bột làm viên, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa mất cổ mộng.

#### Bài Huyền sâm địa hoàng thang (Mông trung giác dùu)

Huyền sâm

Thắng ma

Sinh địa

Bạch thược

Bồ hoàng

Cam thảo

Chi tử

Dan bì

Lieu đều 2g, sắc uống.

Tác dụng: chữa họng đau sau khi bị dùu.

#### Bài Huyền sâm hoa độc thang (Mông trung giác dùu)

Huyền sâm

12g

Kinh giới

10g

Liền kiều

10g

Thạch can

12g

Xích thược

8g

Đạm trúc diệp

10g

Dịa cốt bì

8g

Hồng hoa

6g

Quy vị

12g

Phòng phong

10g

Mộc thông

10g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa họng sưng đau sau dùu mọc.

#### Bài Huyền sâm thang (540 bài thuốc đồng ý)

Huyền sâm

12g

Mạch môn

12g

Sinh địa

12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa sốt cao mất nước, đại tiện bí.

### Bài Huyền sâm (Mộng trung giác đậm)

Huyền sâm 200g già nhô, phơi khô, tán bột.

Thỏ ty 400g rửa sạch, phơi khô, tán bột.

Hai loại trên đều, ngày uống 8g.

Tác dụng: phòng đột.

### Bài Khí nhiệt định cuồng thang (Ngực cầm thông tri)

Huyền sâm	8g	Mạch môn	8g
Phục thần	8g	Trĩ mẫu	12g
Sa sâm	12g	Thạch cao	8g
Xà tiên	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thương hàn phát cuồng (nhiệt bệnh nhập tâm phổi).

### Bài Lương địa thang (Phù Thanh Chủ)

A giao	12g	Mạch môn	20g
Huyền sâm	40g	Sinh địa	40g
Dịa cốt bì	12g	Bạch thược	20g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phụ nữ kinh đến sớm.

### Bài Ngưu bàng giải cơ thang (Đương khoa đặc tập)

Ngưu bàng tử	8g	Liên kiều	8g
Thạch hộc	8g	Huyền sâm	8g
Bạc hà	6g	Sơn chi	6g

Kinh giới	6g	Dun bì	8g
Hỗn khô thảo	8g		
<b>Sắc uống.</b>			

Tác dụng: trị cảm phong nhiệt, cổ gáy đàm độc, phong nhiệt, sưng mộng răng, viêm họng, đau cổ gáy, cảm sốt, khát nước.

#### Bài Tăng dịch thìn khí thang (Ôn bệnh diệu biện)

Huyền sâm	12g	Mạch môn bò lò	12g
Mang tiêu	6g	Đại hoàng	8g
Sinh địa	12g		

#### Sắc uống.

Tác dụng: nhuận âm, tăng dịch, thông đại tiện, tiết nhiệt. Chữa trong ôn bệnh, nhiệt kết tắc hàn.

#### Bài Thìn tử dan (Đoàn thiền sĩ phương - Ôn nhiệt kinh vĩ)

Tè giác mài lấy nước		Thạch xương bồ	80g
Sinh địa	80g	Huyền sâm	160g
Hỗng cầm	80g	Thanh dại	80g
Kim ngân hoa	160g	Dam đậu xị	80g
Tú tháo	40g	Thiên hoa phấn	80g
Lิền kiều	160g		
Kim cháp (phẩm thanh) 80g			

Tán bột, dun nước đam đậu xị trộn với bột làm viên, ngày uống 2 lần, mỗi lần 8g. Trẻ em liều bằng nửa người lớn.

Tác dụng: thanh nhiệt, khai khiếu, lương huyết.

Chủ trị: ôn nhiệt thử dịch, cổ nhiệt ở trong làm hao tan dịch, mệt mỏi nói nhảm, phát ban, hổi đờ, họng có mù, mắt đỏ.

### Bài Tăng dịch thang (Ôn bệnh điêu biến)

Huyền sâm	6g	Mạch môn đông	10g
Sinh địa	10g		

Sắc uống.

Tác dụng: tăng dịch, nhuận燥, dùng để chữa tan dịch khô, người già, khô痰 bí kết khát nước (người mất nước lâu ngày, da nón).

### Bài Tiểu bù hoan (Y học tân ngữ)

Huyền sâm	12g	Mẫu lệ nung	12g
Bối mẫu	12g		

Tán bột mịn, dùng mật làm viên, mỗi lần uống 12g, ngày uống 2 lần.

Tác dụng: thanh nhiệt hoả damp, nhuyễn kiện, tan kết, chữa lao hạch.

### Bài Trấn can tút phong thang (Trung truy sâm tây lực)

Ngoại tật	4g	Huyền sâm	20g
Sinh quái thạch	4g	Xuyên huyền tử	8g
Thiên môn đông	20g	Sinh long cốt	12g
Sinh mẫu lệ	12g	Sinh mạch nha	8g
Sinh quy bản	12g	Cam thảo	6g
Nhân trần	8g	Xích thược	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa can phong nội động, can dương thương thang, mạch huyền trưởng, thương thực hạ hư, dầu vàng mất hoa, đau bụng, sốt, mất suy, tai đớk, méo miệng hoặc chóng mặt ngã, hôn mê sau tinh nhưng tinh thần sự hãi lo lắng.

## **HY THIÊM THẢO (cỏ dì, cỏ bù a)**

Tên khoa học: *Siegesbeckia orientalis L.*

Họ Cúc (Compositac.)

Bộ phận dùng: toàn cây bỏ gốc rễ chọn loại có nhiều lá, hoa sắp nở, khô, không mục, không vụn nát, mọt.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, tính lạnh, làm chín thì tính ấm; vào hai kinh: can và thận.

Tác dụng: thuốc khu phong, trừ thấp, hoạt huyết, không phải phong thấp không nên dùng.

### **Bảo chế:**

Theo Trung Quốc: lấy cành lá (loại cành nhỏ) phơi khô, tẩm rượu một nửa, nửa còn lại tẩm mật, sau đó đỗ chín, phơi, lại đỗ chín, phơi; cứ như vậy 9 lần.

Ở Việt Nam: lấy hy thiêm rửa sạch, bóc lá sâu, thái khúc dài 2 - 3cm, phơi khô, sau đó tẩm rượu và mật theo tỷ lệ 1kg hy thiêm tẩm 100g rượu và 50g mật chưng lên, rồi lại tẩm phơi, cứ như vậy 9 lần. Sau đó nấu thành cao hy thiêm với tỷ lệ 1ml = 10g được liệu hoặc tán bột.

Chú ý: phân biệt cây hy thiêm với cây có hôi hay cút lợn; tên khoa học: *Ageratum conyzoides Lin*, họ Cúc; cây cút lợn còn có tên thẳng hồng kê; hoa trắng, tim nhạt, dân gian dùng làm thuốc gội đầu.

Bảo quản: để nơi khô ráo, tránh mốc mọt, thuốc dễ hút ẩm, cần kiểm tra, phơi luôn.

Sách Y được cầu nguyên ghi: "Hy thiêm thảo đắng hàn, khử phong thấp và sang dạ (jò loét)".

Sách Bản thảo bì yếu ghi: "Hy thiêm chủ trị can thận phong khí, tử chi té nhức, gân xương đau lạnh, lưng gối vô lực, sưng

thấp dạng thông. Không dùng cho người tỳ vị lương hư, âm huyết bất túc, không do phong thấp thành bệnh”.

Bảo chẽ lấy lá rửa sạch, phơi khô, xếp vào nồi cho rượu và mật vào chung kỹ, phơi khô, làm lại như thế 9 lần.

### Các bài thuốc có hy thiêm

#### *Bài Hy đồng ẩm (Thiền già diệu phương)*

Hy thiêm	30g	Kê huyết dâng	15g
Hải đồng bì	30g	Trí mẫu	10g
Tán giao	10g	Tang chi	
Cát càn	10g	Ý mè	30g
Phong kỷ	10g	Cửu dâng	30g

Sắc uống.

Tác dụng: sơ phong thanh nhiệt, hoạt huyết hóa ứ, chữa thấp khớp, đau nhức khớp.

#### *Bài Hy đồng hoán (Y học giải ẩm)*

Hy thiêm	160g
Dịa ngõ đồng (phù dung cỏ cây)	320g
Tân bột, luyện mật, làm viên, ngày uống 20g.	
Tác dụng: chữa chứng phong liệt của người.	

#### *Bài Hy thiêm chí âm thang (Thiền già diệu phương)*

Hy thiêm	16g	Xích thược	20g
Uất kim	15g	Dan sâm	15g
Cúc hoa	15g	Cửu lý tử	15g
Dịa hoàng	15g	Đương quy	15g

Hoàng bá	15g	Trĩ mẫu	20g
Ngưu tất	10g	Quy bản	15g

Sắc uống.

Tác dụng: thông kinh hoạt huyết, chữa tắc mạch não.

#### Bài Hy thiêm chi đương thang (Thiên gia diệu phương)

Hy thiêm	15g	Thiên nam tinh	10g
Tô mộc	10g	Cương tâm	5g
Phong phong	10g	Bạch phụ tử	10g
Hoàng kỳ	15g	Xuyên khung	5g
Hồng hoa	6g	Tố tán	2,5g

Xuyên phụ phiến 10g

Sắc uống.

Tác dụng: thông kinh hoạt lạc, xuất huyết não.

#### Bài Hy thiêm hoàn (Trường vịnh)

Hy thiêm thảo

Tân bột, ngâm uống 20g.

Tác dụng: khu phong trừ thấp, nhúc đầu, khó nói.

#### Bài Hy thiêm thang (540 bài thuốc đồng ý)

Hy thiêm	12g	Lá lốt	8g
Ngưu tất	12g	Thổ phục linh	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phong thấp đau nhức.

# HUYẾT KIỆT (màu nồng)

Tên khoa học: *Calamus draco* Willd  
(Họ Dứa /Palmaceae)

Huyết kiệt là nhựa của một số sedge mây *Calamus draco* Willd, *Calamus propinquus* Becc.D; chọn loại nhựa màu đỏ, khô. Loại nhựa này có ở đảo Boeneb, Sumatra thuộc Indonesia, nước ta và Trung Quốc đều phải nhập. Loại nhựa nấu từ quả cây không tốt bằng nhựa của cây.

Tính vị quy kinh: vị ngọt, mặn, tính bình, không độc; vào hai kinh: tâm và can.

Tác dụng: tan ứ sinh tần, hoạt huyết, giảm đau, dùng ngoài thi cảm mâu để chữa trật đà, sang thương, trừ tà khí của ngũ tạng.

Bảo quản: để nơi khô, mát.

## Các bài thuốc có huyết kiệt

### Bài Huyết mạch tần (Trương Bích)

Huyết kiệt 20g

Mật được 20g

Tán bột, trộn 100g đường tiện + 100ml nước sôi + 8g bột thuốc, uống ngày 3 - 4 lần.

Tác dụng: cho ra sản dịch sau sinh 1 tuần.

### Bài Huyết kiệt hoa (Đương y đại toàn)

Huyết kiệt:	Hồng hoa	Hương phụ
-------------	----------	-----------

Nga truật	Tam lăng	Thạch tiên
-----------	----------	------------

Ngũ linh chi
--------------

Liều bằng nhau, tán bột, làm viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa bí khói.

#### Bài Huyết kiệt tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Huyết kiệt

Một dược

Lượng bằng nhau, tán bột ngay uống 8g.

Tác dụng: sinh xong bị huyết vận lên tâm gây đầy trường ngực, suyễn.

#### Bài Huyết kiệt tán (Y tông kim giám)

Huyết kiệt	20g	Điền hồ sách	20g
Đương quy	20g	Xích thược	20g
Bồ hoàng	20g	Quế tám	20g

Tán bột, uống 12g. Dùng đồng tiền và rượu đun sôi uống với thuốc.

Tác dụng: chữa cò thai mà có kết khói (xàm hắc), bụng đầy đau do huyết ứ, đau hông sườn.

#### Bài Huyết kiệt tán (Nghiêm phuông)

Huyết kiệt

Rễ hẹ (cửu cân)

Tóc rối tần tinh (phác khói)

Rễ cỏ tranh

Liều bằng nhau, tán bột, uống với nước đồng tiền, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa bí thương mắt màu.

#### Bài Hương quất tán (Trường thị y thông)

Hương phụ	40g	Hồi hương	20g
Sơn tra	40g	Huyết kiệt	20g

Tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa dịch hoản một bên sưng.

## MA HOÀNG

Tên khoa học: *Ephedra sinica strobilifera*  
Họ Ma hoàng (Ephedraceae)

Bộ phận dùng: toàn thân trên mặt đất. Rễ ma hoàng (ma hoàng căn) ít dùng.

Ma hoàng thân thẳng, có nhiều đốt giống như cỏ, có màu xanh, lấy tay bóp nát ngắn có mùi thơm, nếm thấy té té hổi là tốt. Cảnh giác tránh nhầm với thân cây cỏ lác làm chiếu hoặc cây mộc tặc, ta có thấy ở tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An. Mộc tặc tên khoa học *Herba equiseti arvensis*, họ Mộc tặc hình ống dài 40 - 60cm có đốt không phân nhánh, đường kính 0,2- 0,7em, mặt ngoài xanh sẫm hay vàng, có 20 đường rãnh. Song song trên rãnh có nhiều gai nhỏ, rập nhô lên, mỗi mấu đốt có một vòng lá nhỏ, hình sợi dẹt, giòn dễ gãy, giữa rỗng.

Tinh vị, quy kinh: vị cay, nhai có cảm giác có cát, saponin, hơi đắng, tính ấm; vào hai kinh phế và hàng quang.

Tác dụng: tuyên thông phế khí, thông hành kinh lạc, di phát hàn; rễ ma hoàng có tác dụng ngược lại (chỉ hàn). Không dùng cho người khí hư, tỳ hư ru mồ hôi nhiều.

### Cách bào chế:

Theo Trung Quốc (Lý Thời Trịn): cắt bỏ mắt ma hoàng, nấu sôi, bỏ bọt, phơi khô hoặc có thể dùng dấm đun sôi lấy, rồi sấy khô. Có thể tẩm mật loãng (1/2 mật, 1/2 nước) sao qua để giảm ra mồ hôi.

Ở Việt Nam thường thái thành từng đoạn 1- 2cm, sau đó tẩm dấm hoặc mật loãng sao qua. Rễ ma hoàng rửa sạch, cắt khúc, phơi khô.

Muốn cho ra mồ hôi thì ma hoàng cắt bỏ đốt, rồi tẩm dấm, hay tẩm mật sao. Nếu chữa bệnh ra mồ hôi thì dùng rễ ma hoàng.

**Bảo quản:** để nơi khô, thoáng gió, tránh ẩm.

**Chú ý:** rễ và thân ma hoàng có tác dụng ngược nhau nên không dùng chung.

Sách Bàn kinh ghi: "Ma hoàng chữa khỏi các chứng tráng giò đột, nhức đầu, khói sát rét, mao ra mồ hôi, tiêu khí tà nhiệt, khói nôn ợ, đầy hơi, phá tan chứng hòn cục tích kết".

Sách Biệt lục ghi: "Ma hoàng trừ tà khí, liêm ngũ tạng, khói đau nhức nhưng không nên uống nhiều vì biến thành chứng hư".

**Thổ sản:** có ở Cố Bắc Khẩu, Án Độ, Nam Phi ...

### Các bài thuốc có ma hoàng

#### *Bài Tam ngũ thất tần (Biển Thuốc tam thu)*

Nhân sâm	30g	Xuyên khung	30g
Dương quy	30g	Cam thảo	15g
Quan que	30g	Xuyên ô	16g
Ma hoàng	30g		

Tân bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa phong tà gây miệng mất味.

#### *Bài Ma hành thạch cam thang (Thương hàn luận)*

Ma hoàng	12g	Hạnh nhân	12g
Thạch cao	40g	Cam thảo	4g

Sắc uống.

Tác dụng: tuyên phế, thanh nhiệt, bình suyễn, chỉ ho, khí suyễn, phiền khát, táo.

### Bài Ma hoàng cầm (Chứng trị chuẩn thẳng)

Ma hoàng	Hỗn cầm	Thú niêm tử
Thương truật	Lực nhung	Hoạt thạch
Phong phong	Kinh giới	Khoảng hoặt
Bạc hà	Trần bì	Sa nhân
Thạch cao	Cam thảo	

Löu đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa mụn nhọt nứa người trên.

### Bài Ma hoàng định suyễn thẳng (Lý Đông Viên)

Ma hoàng	4g	Hỗn cầm	4g
Cam thảo	4g	Thẳng ma	2g
Sài hô	4g	Ích tri nhân	6g
Hậu phác	8g	Tù mộc	2g
Ngo thủ	8g	Dương quy vị	12g
Thần khúc	12g	Hồng hoa	1 ft
Toàn yết	1g	Thảo dược khẩu	4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa tri hàn uất gây suyễn, họng khò khè, bụng đầy, sổ mũi, mạch trầm.

### Bài Ma hoàng định suyễn thẳng (Trương thị y thông)

Ma hoàng	Hỗn cầm	Cam thảo
Chích thảo	Tang bạch bì	Tô tử
KhoaERN dông hoa	Hạnh nhân	Hậu phác
Hàn họ		

Lieu đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa đờm suyễn, ho khép lạnh.

*Bài Ma hoàng già cắt cánh thang* (Thang bén cầu châm)

Ma hoàng

Cắt cánh

Quế chi

Hạnh nhân

Cam thảo

Dày là bài Ma hoàng thang già cắt cánh

Tác dụng: chữa cảm phong hàn, đờm nhiều, thở khó.

*Bài Ma hoàng già độc hoạt phòng phong thang* (Thương hàn)

Bài Ma hoàng thang bỏ hạnh nhân thêm phòng phong, thuốc được, độc hoạt.

Tác dụng: chữa đau nhức cơ thể do thấp.

*Bài Ma hoàng hạnh nhân ý dĩ cam thảo thang* (Kim quỹ yếu lược)

Ma hoàng

30g

Hạnh nhân

10 hạt

Ý dĩ

20g

Cam thảo

40g

Tán nhỏ, mỗi lần dùng 16g, sắc bột uống.

Tác dụng: chữa phong thấp, đau toàn thân phát sốt, buổi chiều tăng hơn buổi sáng.

*Bài Ma hoàng hoàng cầm thang* (Chứng trị chuẩn thẳng)

Chích thảo

12g

Ma hoàng

40g

Hoàng cầm

20g

Đào nhân

3 hạt

Quế chi

10g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa sốt rét về chiều.

### *Bài Ma hoàng khương hoạt thang (Chứng trị chán thèm)*

Ma hoàng	Phòng phong
Chích thảo	Khương hoạt

Lượng hàng nhau 20g, sắc uống.

Tác dụng: chữa bệnh kinh thai dương không có mồ hôi.

### *Bài Ma hoàng liên kiều xích tiêu đậu thang (Thương hàn luận)*

Ma hoàng	Hồng tảo	Xích tiêu đậu
Sinh khương	Chích thảo	Liền kiều
Tang bạch bì	Hạnh nhân	

Lượng đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: thanh lợi thấp nhiệt, chữa hoảng đầm (dương hoảng).

### *Bài Ma hoàng ngô thù du thang (Lý Đông Viên)*

Ma hoàng	Hoàng cầm	Thương truật
Xuyên ô	Hoàng liên	Bản hạ
Cao bần	Sài hồ	Hồng hoa
Mạn kinh	Tố tần	Dương quy
Khương hoạt	Thăng ma	Hoàng bá
Hoàng kỳ	Ngô thù	

Lượng đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa chứng hàn.

### *Bài Ma hoàng nhân sâm thược dược thang (Lý Đông Viên)*

Ma hoàng	Mạch môn	Nhân sâm
Chích thảo	Quốc chi	Dương quy
Ngũ vị	Hoàng kỳ	Bạch thược

Lิều dồn 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa chảy máu cam, mửa máu do ngoại cảm.

#### Bài Ma hoàng phү tử cam thảo thang (Thương hàn luận)

Ma hoàng 12g Cam thảo 8g

Phụ tử chế 1 củ

Sắc uống.

Tác dụng: chữa bệnh thiếu âm, mạch trầm phát sốt.

#### Bài Ma hoàng phү tử tía tần thang (Thương hàn luận)

Bài trên thêm tía tần, sắc uống.

Tác dụng: chữa dương hư, cảm phong hàn, hen phế quản.

#### Bài Ma hoàng phү tử thang (Thẩm thị tôn sinh)

Ma hoàng Chích thảo Nhân sâm

Bạch truật Cam hương Phụ tử chế

Lượng bằng nhau đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa bệnh kinh thiếu âm, kiết lỵ.

#### Bài Ma hoàng phục tiền thang (Lý Đông Viễn)

Ma hoàng Hoàng bá Sinh địa

Nhân sâm Bạch truật Hoàng kỳ

Phòng phong Cam thảo Hạnh nhân

Sài hồ cùn Khuynh hoạt

Lิều dồn 8g, sắc uống.

Tác dụng: ấm hàn, nhiều mồ hôi, nổi sảng, mặt khô nóng, chân tay đau, bức rứt.

### Bài Ma hoàng quế chi thang (Tâm nhân cực nhát bệnh chưng)

Ma hoàng	Chích thảo	Thực địa
Quế chi	Bản bạ	Hậu phác
Tế tần	Can khương	

Sắc uống.

Tác dụng: chữa đau vùng tim, sự lạnh phát sốt.

### Bài Ma hoàng tá kinh thang (Tập nghiệm)

Ma hoàng	4g	Quế tâm	2g
Cát cẩn	4g	Bạch linh	4g
Tế tần	2g	Chích thảo	2g
Phong phong	4g	Bạch truật	4g
Khương hoạt	4g	Phong kỳ	4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phong hàn thử thấp hàn trú kinh túc thái dương, bụng chán đau có rát, các khớp đau nhức, chóng mặt.

### Bài Ma hoàng thang (Thường hàn luận)

Ma hoàng	4g	Cam thảo	4g
Hạnh nhân	12g	Quế chi	4g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thường hàn không ra mồ hôi.

### Bài Ma hoàng thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bài thuốc trên bỏ quế chi thay thạch cao 8g.

Tác dụng: chữa nhiệt ở phổi, ho.

### Bài Ma hoàng thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Ma hoàng	Cam thảo	Ngưu bàng
Thăng ma	Thuyền thoái	
Liệu đều 8g, sắc uống.		
Tác dụng: chữa ban chẩn mọc chậm.		

### Bài Ma hoàng thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Ma hoàng	8g	Xà sàng tử	8g
Ngải diệp	6g	Ô mai	3 quả
Hoàng liên	8g		

Sắc nước, lọc bỏ bã lấy nước để rửa.

Tác dụng: chữa phụ nữ bị bệnh âm đạo sưng ngứa.

### Bài Ma hoàng thang (Thần kim)

Ma hoàng	Dại táo	Thăng ma
Phong phong	Xuyên khung	Dương quy
Quế tâm	Hoàng cầm	Cam thảo
Hạnh nhân	Bạch thuthực	Phục linh
Mạch môn		

Liệu đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa phong khí đốt xung tâm, chân yếu cõi mỏi, tay chân tê, nói khó.

### Bài Ma hoàng thang ma thang (Thương hàn luận)

Ma hoàng	Cao khương	Thăng ma
Phục linh	Thiên môn	Trí mẫu
Bạch thuthực	Dương quy	Thạch cao

Hoàng cầm

Quế chi

Bạch truật

Cam thảo

Sắc uống.

Tác dụng: chữa thương hàn 6 - 7 ngày mạch trầm tể, chân tay lạnh, bụng đau, mòn máu mù, ỉa lỏng, lỵ.

#### *Bài Ma quế thông (Ngoại cảm thông trị)*

Ma hoàng

8g

Chích thảo

8g

Sinh khương

3 lát

Thanh bì

4g

Dương quy

8g

Quan quế

12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ngoại cảm phong hàn.

#### *Bài Tam hoàng thang (Thiền kim)*

Ma hoàng

2g

Hoàng cầm

1,2g

Tế tân

0,8g

Độc hoạt

1,6g

Hoàng kỳ

0,8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa trúng phong tay chân co quắp, khớp đau nhức, viêm nhiệt, tê liệt, sốt lạnh, chân ẩn.

### **Các bài thuốc có rễ ma hoàng**

#### *Bài Ma hoàng cũn tần (Chứng trị chuẩn thẳng)*

Ma hoàng cũn

Cam thảo

Mẫu lệ

Nhân sâm

Hoàng kỳ

Dương quy

Lượng bằng nhau, tán bột, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa sau sinh ra mồ hôi liên tục.

## Bài Ma hoàng cùn tán (Chứng trị chuẩn thường)

Ma hoàng cùn 80g

Hoàng kỳ

40g

Dương quy 40g

Tân bột, ngky uống 20g.

Tác dụng: như bài trên.

Còn nhiều bài Ma hoàng cùn tân hay thang khác, thêm bớt một số vị nhưng đều chữa sau sinh ra mồ hôi.

## MÃ TIỀN (cây củ chi)

Tên khoa học: *Strychnos nux vomica*

Họ Mã tiền (*Loganiaceae*)

Bộ phận dùng: hạt, chọn loại hạt cùn vỏ ngoài cứng, nhiều lông tơ, trong là nhân gồm hai phôi, cuống phôi nở ra 2 tử diệp rất nhỏ là mầm, loại hạt chắc khô, nhân vàng ngà, không mốc mọt, không đen nát.

Tinh vị, quy kinh: vị đắng, tính lạnh; vào muối hai kinh.

Tác dụng: kích thích tiêu hoá, chữa đau nhức mỏi tay chân, thận kinh suy nhược...

### Cách bào chế:

Theo tây y: rửa sạch hạt mã tiền, sau đó lăn cho mềm rồi thái mỏng, xay trong cối sát, sấy khô, tán lại trong cối sát, được bột vàng xám rất đắng, yêu cầu có 2,5% alkaloid toàn phần.

Bào chế theo Trung Quốc: rang cát nóng 100°C cho hạt phồng lên, có tiếng nổ lết đất, cháy vàng lớp nhung, khi thấy hạt có đường tách thi bỏ ra sàng và cát, cho vào máy quay cho sạch lông nhung (không sạch sẽ gây ngứa cổ).

Ở Việt Nam chế theo 5 cách:

- + Ngâm nước vo gạo 24 giờ vớt ra rửa sạch, cho vào nồi nấu với cam thảo trong 3 giờ theo tỷ lệ 400g hạt + 400ml nước + 20g cam thảo. Lấy dâu ra bóc vỏ, khi hạt còn nóng bỏ mầm.
- \* + Cho vào dầu mè đun sôi, khi thấy hạt mè nổi thì vớt ra ngay vì để lâu sẽ bị cháy đen, thái nhỏ, sấy khô, đậpkin.
- + Đỗ hạt mè tiễn trong nước hay nước vo gạo hoặc dùng tiễn 24 giờ, khi mềm, bóc ra bóc vỏ, bỏ mầm, thái mỏng, sấy khô, tẩm dầu mè một đêm, sao vàng nêm rồi cho lò đậpkin.
- + Cho cát nồng rang cháy k Livingston hạt mè tiễn, khi vỏ nứt bỏ ra, bóc bở vỏ, lấy nhân, bỏ mầm, thái nhỏ, để trong lọ kin.
- + Dé sống dùng ngoài: giã nát, ngâm rượu 45° để xoa bóp chữa đau xương khớp.

Bộ Y tế Việt Nam quy định: lấy hạt mè tiễn ngâm nước vo gạo 36 giờ, khi mềm, cạo bở vỏ ngoài và mầm, thái mỏng sấy khô, tẩm dầu mè trong 12 giờ, sau sao vàng đậm để hết dầu, bảo quản trong lọ kin.

**Bảo quản:** mè tiễn là thuốc độc bảng A, khi đã bảo quản là thuốc độc bảng B, dễ sán mọt, hút ẩm và đen ruột.

## MĀ XÌ HIỆN (rau sam)

Tên khoa học: *Portulaca oleracea L.*

Họ Rau sam (*Portulacaceae*)

**Bộ phận dùng:** lá hay cả cây (bỏ gốc) thường dùng tươi. Nếu dùng khô, chọn loại cây lá to, rửa sạch, không lẫn tạp chất, không mốc nát.

**Tính vị quy kinh:** chua, lạnh; vào ba kinh: tâm, phế và tỳ.

**Tác dụng:** tá nhiệt, tan huyết, giải độc, nhuận tràng; dùng để điều trị bệnh nhiệt.

**Chú ý:** bạch đới, kiết lỵ, táo bón, mụn nhọt, không dùng cho người tỳ hư, đại tiện lỏng, phụ nữ đang mang thai.

### Bảo chánh:

Theo Trung Quốc: lấy vỏ, bắc gốc rễ, rửa sạch, dùng chày gõ già nát, sau phơi nắng 2 - 3 ngày hoặc luộc chín rồi phơi mới chống khô.

Ở Việt Nam: dùng tươi, ít dùng khô; khi dùng giữ vắt lấy nước uống, bắc dấp vết thương, có người lấy nước sau khi giã và cho lòng trắng trứng (2 quả) vào uống chữa bạch đới.

**Bảo quản:** rau sam khô để nơi thoáng, khô; tránh mốc, vụn nát.

## Bài thuốc có rau sam

### Bài Ô sừng thang (5-10 bài thuốc dùng y)

Rau sam              Sinh địa              Trần bì

Dào nhân              Vừng

Lิều đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: hổ am, nhuận trường, chữa táo bón.

## MẠCH MÔN ĐÔNG

Tên khoa học: *Ophiopogon Japonicus* Wall

Họ Hành tỏi (Liliaceae)

Bộ phận dùng: củ. Chọn loại củ to bằng đầu đũa, vỏ trắng vàng, thịt ngọt, không mốc teo là tốt; loại củ cứng, dẻo không nên dùng.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, hơi đắng, tính bình; vào ba kinh: tâm, phế và vị.

Tác dụng: thanh tâm, nhuận phổi, dưỡng vị, sinh tân, thường dùng chữa ho, khát, kinh nguyệt ít, sữa ít và bị tắc. Không dùng cho người tỳ vị hư, ỉ chảy.

#### Bào chế:

Theo Trung Quốc: dào vỏ, cắt lát mỏng, rửa sạch, tắm nước nóng cho mềm, bỏ lõi, muối tẩm bột phổi sấy giàn.

Ở Việt Nam: rửa sạch nhanh, tránh ngâm nước lâu, để ráo nước, rút bỏ lõi, có thể bổ đôi, sao qua.

Bảo quản: dày kin, để nơi khô ráo vì mạch mòn dễ mốc.

### Các bài thuốc có mạch mòn

#### *Bài Hoàng liên thanh cách hoán (Lý Đông Viễn)*

Mạch mòn	40g	Hoàng liên	20g
Hoàng cầm	12g		

Tân bột, làm viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: chàm phổi tân nhiệt.

#### *Bài Hoàng liên thang (Chứng trị chuẩn thằng)*

Hoàng liên	Dương quy	Sinh địa
Hoàng kỳ	Hoàng cầm	Hoàng bá
Mạch mòn		

Liều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa ra nhiều mồ hôi.

#### *Bài Hoạt huyết nhuận táo sinh tân thang (Chu Dan Khé)*

Mạch mòn	Đào nhân	Thực địa
Qua lâu	Hồng hoa	Bạch thược

### **Thiên môn**

### **Đương quy**

Sắc uống.

Tác dụng: dưỡng âm, nhuận phết, chữa cảm dịch khô.

### **Bài Mạch đồng ấm tử (Tuyên minh luận)**

Mạch môn	20g	Ngũ vị tử	12g
Trúc diệp	8g	Cát cát	12g
Sa sâm	12g	Chích thảo	8g
Thiền hoa phấn	12g	Tri mẫu	12g
Phục thán	12g	Sinh địa	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa tiêu khát thể trung tiêu.

### **Bài Mạch môn đương vịnh thang (Huyết chứng luận)**

Mạch môn	12g	Bạch thược	12g
Sinh địa	12g	Trần bì	12g
Cam thảo	4g	Ngũ vị	4g
Đương quy	12g	Nhân sâm	12g
Tri mẫu	8g	Hoàng kỳ	12g

Sắc uống.

Tác dụng: thanh hàn ở vị, chữa nôn mửa.

### **Bài Mạch đồng thang (Ôn nhiệt kinh vị)**

Mạch môn	40g	Trúc diệp	15 lá
Táo nhục	2 quả	Chích thảo	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phong tà làm khí muộn thoát.

### Bài Mạch đồng sinh tân ấm (Bàng Ngọc Đường)

Mạch môn	20g	Trí mẫu	20g
Sinh địa	20g	Ngũ vị	12g
Trúc diệp	12g	Bạch linh	12g
Thiên hoa phấn	20g	Cam thảo	12g
Nhân sâm	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa chứng khát.

### Bài Mạch đồng táo nhân thang (Bàng Ngọc Đường)

Mạch môn đồng	12g	Táo nhân	12g
Bạch thuật	12g	Hoa phấn	12g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa chứng khé trùng triều súc.

### Bài Môn đồng ấm (Chứng trị chuẩn thẳng)

Mạch môn	20g	Nhân sâm	12g
Hoàng kỳ	20g	Đương quy	20g
Ngũ vị	10 hạt	Sinh địa	20g

Sắc uống.

Tác dụng: nôn máu, lỵ cầm, phổi khí hư, thận hư sinh đờm nhiệt, da lông khô.

### Bài Mạch môn đồng thang (Thẩm thị tốn sinh)

Mạch môn	40g	Hoàng liên	20g
Tán bột, ngày uống 16g.			
Tác dụng: chữa thực nhiệt.			

# MẠCH NHA

Tên khoa học: *Maltam*

Họ Lúa (*Gramineae*)

Bộ phận dùng: hạt lúa mạch đã mọc mầm. Chọn loại hạt khô chắc; không ẩm mốc, nát, mọt là tốt. Cần phân biệt với hạt đại mạch: không có mầm, khô là không dùng mạch nha.

Ở Việt Nam có thể dùng cốc nha là thóc té, tên khoa học là *Oryza sativa L.*, ngâm cho thóc này mầm, phơi khô.

Tính vị, quy kinh: mạch nha vị ngọt, tính ấm; cốc nha vị ngọt, tính ấm. Cả hai loại đều vào hai kinh: tỳ và vị.

Tác dụng: tiêu tích, giúp tiêu lọc, hạ khí uất, dùng để chữa cho trẻ em cam tích, thực tích. Không nên dùng cho người có thai hoặc đang cho con bú sẽ gây mất sữa.

## Bảo chế:

Theo Trung Quốc: lấy hạt lúa mạch to, ngâm nước cho mềm, vò ráo nước, ủ 5 - 6 ngày hấp hơi nóng cho lúa mọc mầm, rồi phơi khô. Khi dùng làm thuốc sao giòn, xát vỏ.

Ở Việt Nam: dùng lúa mạch nhập từ Trung Quốc, sao vàng để dùng.

Bảo quản: để nơi khô, mát, kín, tránh mốc mọt.

## Các bài thuốc có mạch nha

### Bài Lục thân hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)

Mạch nha	Hoàng liên	Thần khúc
Chì xác	Mộc hương	Phục linh

Lưu bằng nhau, tán bột, nấu thần khúc làm hổ, cho thuốc bột vào hòa làm viên, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa xích bạch ly.

Có nhiều bài có tên là Lạc thần thang, Lạc thần hoàn hoặc Lạc thần tán, nhưng công thức rất khác nhau, khi nghiên cứu cần chú ý.

#### Bài Lai tố nán (Tọa thảo lương mỗ)

Mạch nhĩ	Trần bì	Bạch thược
Hỗn lá kỵ	Thần khúc	Mộc hương
Nhu mĩ 60g		

Các vị khác đều 4g

Tác dụng: chữa lúc sinh rộn nhiều, mệt mỏi, chóng mặt, cảm khẩu, mồ man.

#### Bài Mạch nhĩ tiễn (Nghiêm phương)

Mạch nhĩ 24g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa sữa ra không ngừng.

## MÀN KINH TỬ

Tên khoa học: *Vitis trifolia*

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Bộ phận dùng: quả của cây quan âm. Chọn loại nhỏ, chắc, cứng, vỏ dày, sắc xám đen, có mùi thơm. Không dùng quả non, xốp, ít mùi thơm, chất lượng kém.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, cay, tính hơi lạnh, vào ba kinh: can, phế và bàng quang.

Tác dụng: tan phong nhiệt, hưng huyết. Thường chữa cảm nhiệt dầu, chóng mặt, mất dầu nhức, té thấp, cu giật. Không dùng màn kinh tử cho người đau dầu do huyết hư.

### Bào chế:

Theo Trung Quốc (Lời Công): mản kinh tử bò tai, tẩm rượu, đồ chín trong 3 giờ, phơi khô, dùng. Lý Thời Trần chỉ bò tai, già nát, dùng.

Ở Việt nam sấy bò tạp chất rồi dùng; tẩm rượu dùng cho trường hợp phong thấp, co giật.

### Bảo quản: để nơi khô ráo.

Dân gian dùng hạt hoặc lá cho vào gối gối đầu để chữa đau đầu.

## Các bài thuốc có mản kinh tử

### *Bài ích khí thông minh thang* (Chứng trị chuẩn thường)

Mản kinh	6g	Nhân sâm	Ng
Hoàng kỳ	8g	Chích thảo	2g
Cát cân	12g	Hoàng bá	4g
Thăng ma	30g	Bạch thược	4g

### Sắc uống.

Tác dụng: trị mắt bị nội thương, sưng thịt; mắt có mảng, tai ứ như ve kêu.

### *Bài Kết hạch tiêu giải tán* (Chứng trị bão gián)

Mản kinh tử	Cam thảo	Bạch phụ tử
Bản hạ chế	Mộc thông	Cát cành
Nam tinh chế	Nga truật	Chi thực
Sài hô	Phòng phong	Độc hoạt
Hoàng liên	Tú tú	Liền kiều
Xích thược		

Lieu đều 8g, thêm giáng và đằng tẩm sắc uống.

Tác dụng: trị lao hạch.

## MẶT ĐÁ TĂNG

Tên khoa học: *Lithargyrum*

Bộ phận dùng: sử dụng các dây lò mầu vàng bạc đem nấu thành các miếng đen óng ánh, xám; cũng có thứ tự nhiên, tạo thành cục vuông bằng đầu ngón tay ánh vàng thẫm.

Tính vị, quy kinh: vị mặn, cay, tính bình, có độc; vào kinh can.

Tác dụng: sát trùng hay dùng chữa bệnh ngoài da, sưng lở, chốc đậu, trộn dấm chữa hói nách.

Bảo chế:

Có thể tán bột dùng sống

Rang đỏ, để nguội, tán bột.

Bảo quản: để trong lọ dày kín.

## MẶT MÔNG HOA

Tên khoa học: *Buddleia officinalis Maxim*

Họ Mồ hôi (*Loganiaceae*)

Bộ phận dùng: hoa. Chọn hoa mặt mông hình tròn dài, toàn hoa mọc dày lông mềm, sắc hơi trắng vàng óng ánh, xốp nhẹ, không lẫn tạp chất. Chủ ý kéo nhầm với hoa cây bông bạc.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, tính hơi lạnh; vào kinh can.

Tác dụng: nhuận gan, sáng mắt, tan mộng mắt, chữa trẻ bị đờm.

## Bảo chế:

Theo Trung Quốc (Lôi Công): nhặt sạch tạp chất trong mật mõng hoa, tẩm rượu mật đâm, rót ra, để khô, sau tẩm mật dỗ trong 3 giờ, phơi khô, làm như vậy 3 lần.

Ở Việt Nam: nếu dùng súng lấy nguyên hoa, bỏ tạp chất, dùng chén tẩm mật, sao qua.

Bảo quản: để trong lọ hay thùng kín. Không bảo chế nhiều, thường chỉ chở dùng trong 1 tuần.

## Bài thuốc có mật mõng hoa

### *Bài Lương huyết minh mục tán* (Chứng trị chuẩn thẳng)

Mật mõng hoa

Sài hô

Dương quy

Xuyên khung

Hoàng liên

Phòng phong

Long đởm thảo

Lượng bằng nhau, tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: trị chứng đau sau đợt biến chứng làm ngứa và mờ mắt.

## MẬT ONG (phong mật)

Tên khoa học: *Mei*

- Ong mật gốc Âu: *Apis Melliferae linnaeus*, họ Ong mật.
- Ong mật gốc Á: *Apis cerana fabuciclus*

Mật ong là loại dịch lỏng ngọt, vị ngọt, do nhiều giống ong hút ở mật hoa tươi mang về tổ ong chế thành mật. Ong ruồi cho mật trắng, ong khoái cho mật vàng. Tất cả đều thuộc họ Apidae, thuộc bộ Cánh màng.

**Chú ý:** mật ong do ong hút mật từ hoa đặc như phượng, dã quỳ... v.v sẽ cho mật đặc.

**Chọn mật ong:** mật có mùi thơm đặc biệt, không chua, màu vàng, nêm có vị ngọt giàt, sau cảm thấy khát, thường thử bằng cách nhô giọt mật lên tờ giấy thấm, giọt mật vẫn tròn không tan. Mật có dạng như cát ở đây thường không phải mật tốt, tỷ lệ nước dưới 20%.

Mật ong chứa nhiều loại đường khác nhau như glucose, levulose, fructose (ba thứ này >70%), đường mía saccharose dưới 3%. Ngoài ra trong mật có vitamin A, B, C, D, albumin, acid hữu cơ, các chất vô cơ, chất thơm.

**Tinh vị, quy kinh:** vị ngọt, tinh binh; vào năm kinh: tâm, tỳ, phế, vị và đại tràng.

**Tác dụng:** bổ trung tiêu, ích khí, nhuận燥. Không nên dùng cho người tỳ vị hư hàn hay đầy bụng, ỉ chảy.

#### Bảo chế:

Theo Trung Quốc: nấu cách thủy đến khi nhỏ vào ly nước mà mật không tan là được; tác dụng: thanh hoả độc.

Ở Việt Nam: dùng luồn, không chế.

Khi dùng mật ong làm viên thuốc hay cao nước có cách chế khác nhau:

- Nếu làm cao nước: đun mật ong nhỏ lửa cho sôi lần lần, khi bọt nổi lên với các tạp chất, vớt đi cho đến khi hết mỗi thôi, lọc qua rây hay vải. Chú ý không vớt bọt, sau thuốc dễ chua.
- Làm viên: tuy bài thuốc, nếu bài thuốc có nhiều vị có nước như thực địa, long nhãn, thì mật ong phải có đặc. Mật ong đun sôi lần lần, vớt bỏ bọt, lọc qua rây, để tiếp đến khi thử nhỏ một giọt vào nước, mật không tan là được. Bài thuốc có nhiều vị khô hút nước nhiều cũng làm như trên nhưng mật có đặc còn một nữa.

Nếu bài thuốc làm viên bằng thăng lắc, máy viên, có thể cho nước vừa đủ cho loãng ra, đun sôi bỏ bọt, trộn theo tỷ lệ 1/3 mật, 2/3 bột thuốc (nếu toàn thuốc nam tỷ lệ là 1/2).

Khi chế thuốc phiến với mật ong thì dùng theo tỷ lệ 1kg thuốc + 180g mật, thêm nước vừa đủ cho loãng, lọc qua, bỏ tạp chất.

**Bảo quản:** mèt dẻ hút ẩm, chua, dẻ hút các mùi xung quanh nên cần để trong bình, lọ kín, không dùng đồ kim loại đựng mật, mèt không để gần các chất có mùi.

## MẪU ĐƠN BÌ

Tên khoa học: *Paeonia suffruticosa* Andr

Họ Mao lương (Ranunculaceae)

**Dộ phân dùng:** vỏ rễ. Chọn loại vỏ sắc đen nâu, thịt trắng nhiều bột, vỏ dày, rộng bìa, không dính lồi, mùi thơm, hình ống, có khe nứt đặc, 2 mép thường cuộn rong vào hay mở ra, đường kính 0,5 - 1,2cm, dày 1 - 4mm, mặt ngoài có nhiều nếp chạy dài, nằm ngang, sẹo rỗ to, mặt gãy gán phẳng, màu phát hồng, có tinh bột, vị hơi đắng. Độ ẩm không quá 13%, tạp chất không quá 1%, tỷ lệ gỗ lõi không quá 5%, tro toàn phần < 5%.

**Tinh vị, quy kinh:** vị cay đắng, tính hơi lạnh; vào bốn kinh: tâm, can, thận và tâm bào.

**Tác dụng:** thanh huyết nhiệt, tan ứ huyết (thông kinh). Dùng sống chữa phát ban, kinh giãn, lao nhiệt sang lở; sao tim: chữa bế kinh, sang lở, hòn cục; Sao chảy chữa nôn mửa, chảy máu cam, dài máu. Không dùng cho người tỳ vị hư hàn, ỉa chảy.

**Bảo chế (theo Trung Quốc):** rửa sạch, cao bò vỏ ngoài, bỏ lồi, sấy khô, khi dùng tẩm nước ủ mềm, thái lát, phơi khô rồi dùng

là dùng sống. Có thể tắm rượu sao qua hay sao cháy (tùy cách điều trị).

Bảo quản: để nơi khô, tránh nóng để giữ hương thơm, dậy kín.

### Các bài thuốc có mẫu đơn bí

#### *Bài Cố chân ấm tử*

Bạch truật	8g	Hoa sơn	8g
Nhân sâm	8g	Sơn thù	8g
Bồ cát chi	8g	Hoàng bá	6g
Cam thảo	4g	Hoàng kỳ	8g
Thục địa	12g	Trần bì	4g
Dan bì	4g	Mạch môn	8g
Trạch tả	6g	Ngũ vị	4g
Dỗ trọng	12g		

Sắc uống.

Tác dụng: trị âm dương đều hư, khí huyết suy, cơ thể suy nhược.

#### *Bài Lạc vĩ địa hoàng hoàn (Tiểu nhi được chứng trực quyết)*

Hoa sơn	160g	Phụ linh	120g
Thục địa	320g	Trạch tả	120g
Mẫu đơn bí	120g	Sơn thù	160g

Tán bột, trộn mật ong làm hoàn, ngày uống 8g.

Tác dụng: trị cảm thận âm hư, lưng đau, đầu gối đau, tai ứ, đờm, các bệnh của trẻ nhỏ.

## MẪU LỆ

Tên khoa học: *Ostrea SP*

Họ Mẫu lệ (*Ostridae*)

Bộ phận dùng: vỏ hấu. Chọn con to bằng bàn tay, dày, trắng xám, không lẫn tạp chất, không vụn. Người ta phân nhiều loại mẫu lệ:

- Trường mẫu lệ hay hấu ống có tên *Ostrea gigas thun berg*.
- Cận giang mẫu lệ hay hấu sông có tên *Ostrea rivularis gouldi*.
- Đại liên mẫu lệ hay hấu vịnh có tên *Ostrea talien whanensis crossei*.

Đêu họ Mẫu lệ.

- Hấu ống vỏ có dạng phình dài, hai vỏ, mép lụng, bụng gần song song, dài 50cm, cao 40cm, vỏ trái lớn hơn phải, vảy cứng dày xếp thành lớp hay từng vân. Mặt ngoài vỏ phẳng hoặc một vài chỗ trũng, màu tím nhạt hay trắng xám, nâu vàng. Mặt trong màu trắng sứ, hai cạnh đỉnh vỏ không có răng cửa nhỏ, vỏ trái rất sâu, vân thô hơn, chất cứng nặng, mặt gầy có dạng tầng lớp, trắng tinh, không mùi, mặn.
- Cận giang mẫu lệ kích thước lớn, dài 15-25 cm hình tròn trũng hay tam giác, vỏ trái lớn hơn vỏ phải, vỏ phải trắng hơn. Mặt ngoài gần bằng phẳng, màu xám tía, nâu vàng, có vảy đồng tâm, vảy non mỏng giòn. Mặt trong nâu trắng, mép có màu tím nhạt.
- Hấu đại liên *Ostrea talien whanensis* có hình tam giác, bụng hình chữ bát. Mặt ngoài vỏ phải có màu vàng nhạt, có vảy đồng tâm, thu vảy, hình thành lân sóng, một

trong máu trắng bông, bên trái vỏ đồng tâm, mặt trong tròn. Độ ẩm không quá 5%, tay chất không quá 1%.

Tính vị, quy kinh: vị mặn, tính bình, hơi lạnh, vào ba kinh: can,심, và thận.

Tác dụng: nhuộm kiềm, cố trắng, hoả damp; châm bàng huyết, hạch đái, đau dạ dày ợ chua. Không dùng cho người hư hàn.

Bảo chế: rửa sạch, phơi khô; cũng có thể làm theo một trong ba cách:

- Cho đất trát kin, nung cho đến khi chín đỏ, chưa đỏ nung lại, sau bỏ ra tán bột mịn.
- Nung trực tiếp trên than, khi máu lè đỏ là được.
- Tạo lò nung khi có nhiều.

Bảo quản: giữ cho bột khô, có màu xanh nhạt là tốt.

### Các bài thuốc có máu lè

*Bài Mão lè tán (Vị phương tập giải)*

Hoàng kỳ	40g	Màu hoàng rẽ	40g
Màu lè	40g		

Tán bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa ra mồ hôi trộm.

*Bài Mão lè tán (Hoà tế cực phutting)*

Màu lè nung	40g	Hoàng kỳ	16g
Phù tiếu mạch	40g	Rễ ma hoàng	12g

Tán bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa khí âm suy, trị ra mồ hôi, hôi hộp lo sợ.

### Bài Mẫu lệ mạch mòn thang (540 bài thuốc đông y)

Dịa long	Sa sâm	Quy bản
Mạch môn	Sinh địa	Mẫu lệ
Thạch xương bồ	Thạch quyết minh	

Lิều: đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa đi chưng viêm não (đần độn, không nói được).

### Bài Mẫu lệ tán (Ác ứu tu trì)

Hoàng kỳ 8g	Mẫu lệ 20g
Sinh địa 12g	

Tán bột, uống với nước sắc phù tiếu mạch, ma hoàng châm.

Tác dụng: chữa ra mồ hôi trộm trẻ em.

### Bài Mẫu lệ thang (Ngoại dàu bí yếu)

Ma hoàng	16g	Thục tật	12g
Mẫu lệ	15g	Cam thảo	8g

Sắc ma hoàng sôi, bỏ bọt rồi cho các vị vào sắc uống.

Tác dụng: chữa sốt rét.

### Bài Mẫu lệ trạch tả tán (Thương hàn luận)

Mẫu lệ	Trạch tả	Thục tật
Dinh lich	Hải tảo	Thương hàn can
Quất lâu nhâm		

Lượng bằng nhau, tán bột uống mỗi lần 12g.

Tác dụng: chữa phù thũng từ lưng xuống.

### Bài Nội tiêu loa lịch hoán (Y học tân ngữ)

Mẫu lỵ	160g	Huyền sâm	80g
Thổ bối mẫu	80g		

Tân bột, sắc 100g hạ khô thảo lấy nước trộn làm viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa âm hư hoà vượng, loa lịch, ghè lò do huyết nhiệt.

### Bài Nhát giáp tiễn (Ôn bệnh điều biện)

Mẫu lỵ sống 80g  
Tân nhô, sắc uống chia 2 lần.

Tác dụng: chữa ôn tà sốt cao, ỉa chảy.

### Bài Ôn phán tán (Thiên kim)

Gạo tẻ	40g	Long cốt	12g
Hoàng kỳ	12g	Mẫu lỵ	12g

Tân bột, học vải xoa khắp người.

Tác dụng: chữa mồ hôi nhiều.

## MIẾT GIÁP (mai ba ba)

Tên khoa học: *Caparox amydae*

Bộ phận dùng: mai con ba ba.

Ba ba có tên *Trionyx sinensis* Wiegmann, họ Ba ba (Trionychidae).

Mai ba ba hình bầu dục hoặc hình trứng, mặt lưng cong dài 10-15cm rộng 4-9cm, mặt ngoài đen nâu hay đen sẫm sáng óng ánh, có vân lồi nhỏ, giữa sống lưng có đường gờ thẳng theo chiều dọc, hai bên có tám đường lõm ngang, đối xứng, bắc ngoại bí thấy các khe hình răng cửa, các đốt chắp nối nhau. Mặt trong miề

trắng, giữa nhau lèn xương đốt sống, hai bên có tâm xương sườn, mài hai tanh. Độ ẩm không quá 5%, tạp chất không quá 1%.

Tinh vị, quy kinh: vị mặn, tính bình; vào ba kinh: can, tỳ và phế.

Tác dụng: bổ âm, trừ hú nhiệt, truy thai; chữa bụng bàng, u nhọt, kinh giàn. Không dùng cho người tỳ vị hư, phụ nữ có thai nôn mửa.

Bảo chế: dùng cát khô, sau cho miết giáp sạch vào, sao tái khai mặt ngoài hơi vàng lấy ra, bỏ cát, ngâm qua dấm để noi khô, cứ 10kg mai thì cho 2 lit dấm.

#### Bảo chế:

- Theo Trung Quốc (Lý Thời Trân): lấy 1 phần rượu bỏ vào 2 phần tro bếp, ngâm lấy nước trong, bỏ miết giáp vào ngâm 1 đêm rồi nấu cho nhừ. Cò thó ngâm mai rửa sạch thịt, phơi khô, rang vàng bằng cát, tẩm dấm (10kg miết giáp + 3kg dấm) sau rửa qua, phơi khô.
- Ở Việt Nam: phải làm sạch màng và thịt bằng các cách sau:
  - + Chặt đầu rồi luộc sôi 2 giờ.
  - + Ngâm nước phèn 1 dấm (1kg mai + 20g phèn).
  - + Ngâm nước vôi loãng (1kg + 20g vôi sống). Ngâm 3 ngày, mỗi ngày thay nước 1 lần.
  - + Sau đó dùng bàn chải chà sạch thịt, màng, rửa lại bằng nước gừng, để khô.
  - + Sau dùng cát sạch sao vàng rồi tẩm dấm (cứ 10kg mai ba ba, thì cho 2 lit dấm), để khô, rửa qua, sấy nhẹ, phơi khô, già dập, dùng trong thuốc thang. Không nên nướng mai trên than rồi nhúng vào dấm, chất lượng sẽ giảm.

Bảo quản: để nơi khô ráo, nắng kiểm tra và phơi lại.

## Các bài thuốc có miết giáp

### Bài Ich nha hoàn (Cát Thị)

Miết giáp	Nhân sâm	Bạch truật
Sai hồ	Phục linh	Tam lăng
Cam thảo (nương)	Trần bì	

Lieu hàng nhau, tán bột, làm viên, ngày uống 8g với nước cờm.

Tác dụng: trị cảm tích, gáy yếu, mồ hôi trộm.

### Bài Lương huyết diều kinh hoàn (Thẩm thị tôn sinh)

Miết giáp	Hoàng bá	Bạch thược
Ký tử	Hoàng cầm	Quy vị

Lieu hàng nhau, tán bột, làm viên, ngày uống 24g.

Tác dụng: trị phụ nữ bị huyết nhiệt, kinh tới trước kỳ hoặc bị bế kinh.

### Bài Tam giác phục mạch thang (Ôn bệnh diều biến)

Mẫu lệ	80g	Đại hoàng	24g
A giao	20g	Chích thảo	24g
Ma nhán	24g	Miết giáp	32g
Bạch thược	24g	Mạch môn	30g
Quy bán	40g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ngoại cảm thương ấm, hàn đien, mạch tê sác  
vô lực, cao thấp bất tíc, long bàn tay và bàn chân nóng, âm hư  
đương cang.

## MẬT LỢN

Có thể dùng mật lợn, mật bò; dùng tươi.

Nhưng trong thực tế dùng tươi khó uống nên thường cũ thành cao (cao mật lợn, cao mật bò).

Dòng y và tây y đều biết dùng mật để làm thuốc.

Dòng y dùng các loại mật của dê, bò, voi, rắn, trăn, cá chép, cá trắm, gà, dùng sôi trong mật bò.

Tinh vị, quy kinh: chữa rõ.

Tác dụng: thường dùng chữa bệnh gan mật, bệnh hó hấp (ho gà), nhuận tràng, lợi mật, tiêu bón.

Liều dùng: 0,5 - 1g.

Tham khảo:

1. *Sỏi mật trâu bò* (*Calculus bovis*): ngưu hoàng.

Tinh vị, quy kinh: vị đắng, tính bình, hơi có độc; vào hai kinh: tâm, can.

Tác dụng: thanh tâm, giải độc.

Ứng dụng lâm sàng: chữa hói hộp, nhiệt quá hóa cuồng.

Theo sách Thần nông bản thảo: "Ngưu hoàng là vị thuốc chữa kinh gián sốt hóa cuồng".

2. *Mật cá trắm*

Nam được thần hiệu (Tuệ Tinh) ghi: "Chữa tắc họng, mật mờ, mật đỗ kéo mảng".

Mật cá trắm phơi khô, khi dùng lấy chút ít hòa mật ong ngâm.

Cùng sách Nam được thần hiệu còn ghi: "Mật cá trắm chữa sưng ứm họng cách bài tại chỗ".

Chữa trẻ em dùm dài: mèt cà trùm 1 cái, cùng với khô phàn 2g, đại hoàng 4g chia nhiều lần uống.

### 3. Mật rắn

Thường phối hợp với các vị thuốc để chữa ho, đau họng.

**Chú ý:** tất cả các mèt khi dùng liều cao đều có độc. Nên dùng đúng chỉ định và chú ý liều lượng.

### Các bài thuốc có mèt (dòm)

Nhiều người hỏi về tác dụng của mèt, giới thiệu để tham khảo.

#### Bài Trư đờm (Nữ khoa chi trường)

Thông bạch	4 cọng	Thông thảo	12g
Trư đờm (móng dò)	1 bộ		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa phụ nữ khi huyết thiếu, sữa không xuống.

#### Bài Trư đờm đạo pháp (Mộng trung giác độ)

Mèt lợn 1 cái, lấy mèt tròn dầm thanh, thụt hậu môn để chữa lỗ.

#### Bài Trư đờm thang (Thiền kim yếu phương)

Trứng 1 quả, khô tưu 20ml, trư đờm 20ml, dun sài kỹ chia 2 lần uống.

Tác dụng: chữa cảm thường hàn, sau sốt 5 - 6 ngày phát ban.

#### Bài Trư đờm tráp phương (Thương hàn luận)

Thành phần, tác dụng giống bài Trư đờm đạo pháp.

# MỘC HƯƠNG

Tên khoa học: *Jurinea uff. souliei franch*  
Họ Cúc (Compositae)

Bộ phận dùng: rễ mộc hương, có nhiều dầu thơm. Chọn loại xuyên mộc hương thơm nhiều là tốt. Ở Việt Nam dùng vỏ cây bài tía (vỏ dại) gọi là nam mộc hương, chất lượng kém.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, tính ấm; vào kinh tam tiêu, chữa các chứng đau, hành khí, kiện tỳ, hoà vị, giải uất, giải độc, lợi tiểu. Không dùng cho người khí yếu gây ra, hay huyết táo, hay nóng.

## Bảo chế:

Theo Trung Quốc (Lý Thời Trân): dùng sống để điều khí; dùng cho "thật ruột" thì holec bột, nướng chín.

Ở Việt Nam: rửa sạch, phơi âm can thái mỏng rồi tán bột, khi dùng cho vào nước thuốc đà sác hoặc mài trong nước thuốc đà sác.

Bảo quản: để nơi khô ráo, kín nắng. Không phơi nhiều.

## Các bài thuốc có mộc hương

### Bài Hương lăng hoàn (Tế sinh phương)

Dinh hương	20g	Thanh bi	40g
Nga truật	40g	Hồi hương	40g
Mộc hương	20g	Xuyên luyễn tử	40g
Tam lăng ngâm rượu	40g		
Chí sác sao với miến	40g		

Tán bột, dùng chia sa làm áo, ngày uống 8g.

Tác dụng: chữa tích tụ, đàm tích, trung hàn.

Trong sách Vệ sinh bảo giám, bài này có tên là Tiên phuông hương lăng.

#### Bài Hương liên hoa trị hoàn (Nữ khoa ngọc xích)

Mộc hương	60g	Bạch thược	150g
Chi xác sao	60g	Đương quy	150g
Thanh bì sao	80g	Binh lang	60g
Trần bì	80g	Cam thảo	60g
Hậu phác nướng	80g	Hoạt thạch	60g
Hoàng cầm	80g	Hoàng liên	60g

Tân bột, trộn mật làm viên 4g, ngày uống 6 viên.

Tác dụng: thanh nhiệt hoa đàm, tiêu tích đào trệ, phụ nữ có thai bị kiết lỵ.

#### Bài Hương liên trị trung thang (Thông tục thương hàn luận)

Mộc hương	2.8g	Bảo khương	2g
Đông sâm	4g	Trần bì	2g
Thanh bì	2g	Chích thảo	2g
Xuyên liên sao giấm	2g	Đông trai	8g

Sắc uống.

Tác dụng: thanh can kiện tỳ, hòa trung chi tả, can tỳ hư yếu, tiêu chảy sôi bụng.

#### Bài Hương phác hoán (Tập bệnh nguyên lưu tể chúc)

Mộc hương	1g	Phụ tử 2g
Hậu phác	6g	

Tân bột, lén uống 2g

Tác dụng: chữa hàn do hư hàn ở người lớn tuổi, bụng trưởng, ăn ít, sợ lạnh.

#### Bài Mộc hương bán hạ dan (Chứng trị chuẩn thường)

Mộc hương	40g	Bán hạ	40g
Hỗn hương lá	20g	Dinh hương	20g
Nhục đậu khấu	40g	Bạch truật	20g

Tân bột, lấy sinh khương già nát làm nước đế viên, ngày uống 12g với nước sắc nhân sâm.

Tác dụng: chữa hàn tà, hó.

#### Bài Mộc hương bình long hoàn (Y phương tập giải)

Mộc hương	Hoàng liên	Chi xác
Nga truật	Đại hoàng	Tam láng
Hắc sâm	Trần bì	Thanh bì
Hương phụ	Huyền minh phấn	

Liều bằng nhau, tán bột, làm viên, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa ăn không tiêu, tích trệ, đau bụng đầy trưởng, táo, kiết lỵ.

#### Bài Mộc hương chi truật can khương hoàn (Chứng trị chuẩn thường)

Mộc hương	Can khương
Chi thực	Bạch truật

Liều bằng nhau, tán bột, lấy lá sen gối nướng khô, nấu hổ, trộn bột viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: phá khí ứ trệ, tiêu hàn, ăn không tiêu.

#### Bài Mộc hương chi truật hoàn

Mộc hương	Chi thực
-----------	----------

### Bach truat

Liu bung nhau, tan bot, lam thanh vien, ngay uong 12g.

Tac dung: chua day truong hung, dau hung.

### Bai Moc huong di cong tia (Mong trung giac dau)

Moc huong

Dinh huong

Phu tu

Nhan sam

Phuc linh

Duong quy

Nhoc khieu

Tran bi

Liu bung nhau, tan bot, ngay uong 20g.

Tac dung: chua dau mau tro xam, ngua, ret run, ia chay, hung day truong.

## MOC QUA

Ten khoa hoc: *Chaenomeles lagenaria* (Lois)

Họ Hoa Hồng (Rosaceae)

Bộ phận dùng: qua. Chon loai qua khô, cung da bo dai, bo het hot; loai that day, qua xop vang ruot to la kem.

Tinh vi, quy kinh: vi chua, tinh am; vao bốn kinh: ty, vi, can va thận.

Tac dung: dieu hoa ty khi, thu liem, tri thap nhiệt, binh can; chua hoac loạn, chan tay co quap, te thap. Không dùng cho người bị dai, truong vi tich nhiệt.

### Bao che:

Theo Trung Quốc: ủ nước mộc qua 1 đêm cho mềm, vùn di vua thai vi nguoi se cung khô thai, phoi khô để dùng, cung co the tam rượu sao.

Ở Việt Nam: cũng ủ 1 đêm, thái mỏng, phơi khô.

Bảo quản để nơi khô ráo, thoáng gió, để tránh mốc mọt có thể gây ôi thiu.

### Các bài thuốc có mộc qua

#### Bài Mộc qua hoàn (Tiền ất)

Mộc hương	Xạ hương	Mộc qua
Tân bột	Ni phẩn	

Lieu bằng nhau, tán bột, làm viên, ngày uống 6g với nước sắc cam thảo.

Tác dụng: chữa trẻ nôn liên tục.

#### Bài Mộc qua hoàn (Chứng trị chuẩn thường)

Mộc qua	Tục đoạn	Ngưu tất
Đương quy	Đỗ trọng	Phà cổ chí

Lieu bằng nhau, tán bột làm thành viên, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa đau lưng, nhức xương.

Bài này cũng có tên là Tục đoạn hoàn.

#### Bài Mộc qua tán (Chứng trị chuẩn thường)

Mộc qua	Chích thảo	Tang ký sinh
Ngũ giao bì	Đương quy	Hoàng ký
Toan táo nhân	Nhân sâm	Bá tử nhân
Xương chần cay		

Lieu bằng nhau 40g, tán bột, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa trúng phong gần co rút, đau bụng, chán ăn.

*Bài Mộc qua tiễn (Loại chưng phở tẩm bùi)*

Mộc qua	1 quả	Một dược	10g
Mộc hương	10g		

Sắc uống.

Tác dụng: chữa gân cơ co rút.

*Bài Mộc qua tiễn (Tô tràm lương phương)*

Mộc qua	60g	Ngò thù	10g
Sinh khương	10g		

Tán bột, ngày uống 20g, uống với nước tை tử.

Tác dụng: có thai hoặc loạn thổ tả, chân tay co rút.

## **MỘC TẶC (cỏ tháp bút)**

Tên khoa học: *Equisetum arvense L.*

Họ Mộc tặc (*Equisetaceae*)

Bộ phận dùng: thân và cành. Thân cành có đường dọc thẳng, rỗng, có mắt, màu xanh nâu, to giống hình đầu tháp bút, nhám. Chọn loại khô, màu xanh, dày, sạch gốc rễ, không vụn nát.

Tính vị, quy kinh: vị ngọt, hơi đắng; vào ba kinh: can, đờm và phế.

Tác dụng: lợi tháp, giải co, lợi tiểu. Chữa đau mắt có màng mỏng, tiêu tích, ích can đờm. Soo tám chữa rong kinh, băng huyết. Không dùng cho người âm hư hoà thịnh, không phái phong hàn không dùng.

Bào chế:

Tẩm đông tiễn sấy khô.

Ở Việt Nam: chỉ rùa sạch, thái lát cắt bỏ mắt, phơi khô. Hoặc tắm đông tiện 1 đêm, sau tẩm tính.

Mộc tặc độ ẩm không quá 12%, tạp chất không quá 1%, thu hái vào mùa hè, bỏ tạp chất bù gốc, phun nước, phơi mềm, cắt đoạn, phơi âm can.

### Các bài thuốc có mộc tặc

*Bài Lương huyết chi huyết pháp* (Tân biên trung y kinh nghiệm phương)

Mộc tặc	4g	Sinh địa	24g
Dịa du	4g	Hoàng bá	4g
Kim ngân	4g	Xích tiểu đậu	20g
Hoè hoa	4g	Ô mai	2 quả

Sắc uống.

Tác dụng: chữa ỉa máu.

*Bài Mộc tặc tiễn* (Y lược giải km)

Mộc tặc	12g	Thương truật	4g
Bình lang	8g	Thanh bì	4g
Hỗn phác	12g	Bản hạ	8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa sốt rét.

*Bài Chi tử thắng kỵ tán* (Chứng trị chuẩn thắng)

Bạch tật lô (sao)	Cúc hoa	Mộc tặc
Cam thảo (mutherford)	Phong phong	Hoàng liên
Thảo quyết minh	Chi tử	Khương hoạt

Xích thược

Kinh giới

Xuyên khung

Cỏ tinh thảo

Mặt kinh tử

Liễu bàng nhau, tân bột, ngày uống 20g.

Tác dụng: trị mắt có mảng mờ.

## MỘC THÔNG

Tên khoa học: *Akebia quinata* Thunb Decne

Họ Mộc thông (*Lardizabalaceae*)

Bộ phận dùng: thân leo. Chọn loại thân vàng nhất, trong vàng nhiều, sáp, có tia; loại xùu có màu đen, mọt thì không dùng. Ở Việt Nam có loại tiêu mộc thông, tên khoa học *Clematis armandi* franch họ Mao lương, có tác dụng lợi tiểu.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, tính hơi lạnh; vào kinh thận, phế, tiêu trướng và hăng quang.

Tác dụng: hành thuỷ, tả hoả, thông lợi huyết mạch, chữa thấp nhiệt ở tỳ vị, thông khíếu, thông huyết mạch, lợi sữa, lợi tiểu, chữa thuỷ thũng. Với những người tiêu nhiều, hoạt tinh, phụ nữ có mang (chửa) thì không dùng.

### Bảo chế:

Theo Trung Quốc: lấy mộc thông ngâm nước cho ngâm nước sạch rồi thái mỏng, phơi âm can, không phơi nắng, vì nắng làm biến màu thành trắng tro.

Ở Việt Nam: cạo vỏ, thái lát mỏng, phơi khô, có thể tân bột.

Bảo quản: dù mộc mợt, cần để nơi kín, khô ráo, không nên để lâu sẽ biến màu đen; loại để lâu kém phẩm chất không nên dùng.

## Các bài thuốc có Mộc thòng

### Bài Mộc thòng tán (Trương thị)

Mộc thòng	40g	Khiên ngưu tử	20g
Hoạt thạch	40g		

Tân bột, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa phục nhiệt ở tẩm kinh, tiểu không thông, bụng dưới đau.

### Bài Mộc thòng nhì trần thang (Hội biến)

Mộc thòng	Bạch phục linh	Bản hạch
Sinh khương	Trần bì	Chỉ xác

Lิều đều 12g, sắc uống.

Tác dụng: chữa cảm tỳ đau do lạnh, tiểu không thông.

### Bài Mộc thòng tán (Thái hình thành huệ)

Mộc thòng	Thăng ma	Chi tử
Mạch môn	Cam thảo	Tri mẫu
Hạnh nhân	Tè giác	

Líều bằng nhau, tán bột, uống 4g.

Tác dụng: trè bị nhiệt não không rõ nguyên nhân, miệng khô, phân táo, thần trí không yên.

### Bài Mộc thòng tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Mộc thòng	40g	Tân lang	80g
Tù tử	40g	Xích phae linh	80g
Tang bạch bì	80g	Tru linh	40g

Tân bột, ngày uống 12g với nước sinh sôi, thông bạch.

Tác dụng: chữa cười khé, nứt người phu, tiểu không thông.

#### Bài Mộc thông thang (Chứng trị chuẩn thẳng)

Mộc thông

Phòng phong

Chi xác

Cam thảo

Mộc hương

Toàn yết

Bạch dương tám

Nam tinh

Thạch xương bồ

Lượng bằng nhau đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa trẻ bị huyết ứ ở tám không nói được.

#### Bài Mộc thông thang (Bảo thái thân hiệu)

Mộc thông

Mè đen

Cam thảo

Hoạt thạch

Chi xác

Quý tử

Lượng đều 20g, sắc uống.

Tác dụng: sau sinh bị ỉa chảy, dài đờ, khát nước.

#### Bài Mộc thông thang (Đông y lược khảo)

Mộc thông

6g

Phòng kỷ

8g

Sắc uống.

Tác dụng: chữa tiểu khó do nhiệt ở hàng quang.

## MỘT DƯỢC

Tên khoa học: *Commiphora momordica engler*

Họ Trâm (Burseraceae)

Bộ phận dùng: nhựa cây một dược. Nhựa thành từng cục, từng khối, ngoài đó nấu, trong sáng bóng, có đốm trắng, khó tan

bột mài với nước thay trắng như sắn, phơi nắng Một dược móm  
đào thơm, trung hòa không chảy, nhưng chảy có mùi thơm nồng.

**Tinh vị:** quy kinh; vị đắng, tính bình; vào kinh can.

**Tác dụng:** thông 12 kinh, tán huyết, tiêu sưng, chi thống, len  
da non. Chữa vết thương đâm chém, chốc lở, tri lậu.

Không dùng cho người không có ứ trệ: mụn nhọt đã vỡ miệng  
cũng không nên dùng.

**Bào chế:**

Theo Trung Quốc: cho rượu vào nghiên nát, phi qua nước,  
phơi khô nghiên tán với bột nếp.

Ở Việt Nam: bỏ tạp chất, tán với d่าง tẩm thành bột, cứ 100g  
một dược + 1g d่าง tẩm. Nếu không có d่าง tẩm, một dược dỗ  
hết ẩm vàn cục.

## Các bài thuốc có một dược

### Bài Cửu đồng cao (Tiền át)

Một dược	16g	Khuynh hoàng	16g
Mộc hương	16g	Mộc miết tử	21 hột

Tán bột làm viên, ngày uống 8g với nước sắc: cầu đồng.

Tác dụng: trị chứng kinh phong.

### Bài Một dược tán (Ngân hải tinh vị)

Một dược	Phác tiếu
Đại hoàng	Huyết kiệt

Lấy bằng nhau, tán bột, ngày uống 8g với nước trà sau bữa  
ăn.

Tác dụng: tán huyết ứ.

## NAM TINH

(cây chóc, lá ba chia, cây chóc chuột)

Tên khoa học: *Typhonium divaricatum Decne*  
Họ Ráy (Araceae)

Bộ phận dùng: là củ (thân rễ). Chọn loại củ tròn, đường kính  $> 1,5$  cm. Nhiều sách viết củ nhỏ là bán hạ, củ to là nam tinh. Như vậy đều cùng nguồn gốc khó phân biệt.

Bán hạ Việt Nam gồm nhiều cây như: *Typhonium divaricatum decne*, *Typhonium tribobatum* (Schott), *Auna tribobatum*; đều thuộc họ Ráy.

Bán hạ Trung Quốc có tên khoa học: *Pinellia ternata* (Thunb) breiter hay *Pinellia tuberosa* tanore.

Cây khác như chuồng diệp bán hạ cũng cho vị thuốc bán hạ, tên khoa học: *Pinellia pedatisecta* schott.

Ta có xuất bán hạ cho Trung Quốc nhưng cũng lại nhập bán hạ từ Trung Quốc về nên rất khó phân biệt.

Dùng củ vò rửa sạch: củ to là nam tinh, củ bé làm bán hạ.

Chỉ dùng tươi khi già đãp bên ngoài chưa rán độc cát.

**Bảo chế:** có ba cách:

- Một là chế với cam thảo và bồ kết: củ bán hạ rửa sạch, sau đó ngâm nước 3 ngày, mỗi ngày thay nước một lần cho đến khi nước trong. Sau đó chế với bồ kết và cam thảo tinh theo tỷ lệ 1 kg bán hạ cho 100g cam thảo và 100g bồ kết, đổ nước vừa ngập; đun cho cạn nước, vớt bán hạ ra phơi hay sấy khô.
- Hai là chế với gừng và phén chua: lấy củ bán hạ rửa sạch ngâm nước và thay nước 3 ngày liền (thay hàng

ngày). Sau đó cứ 1 kg bún hả cho 50g phèn và 300g gừng tươi già nhô, rồi đổ nước vừa ngập, ngâm liền 24 giờ (1 ngày đêm) vớt ra rửa sạch. Dó chín, thái mỏng, sau lại tẩm nước gừng (cứ 1 kg bún hả cho 150g gừng tươi già nát, vắt lấy nước, hòa thêm ít nước để ngâm bún hả) 1 đêm (12 giờ), đổ nước gừng sao vàng.

Bún thảo cương mục (Lý Thời Trân) chế như sau:

- + Ngâm bún hả nửa ngày cho hết nhớt, nếu không hết nhớt thời có độc ngừa cổ. Khi dùng thường thêm gừng tươi.
- + Theo Lời Công hán hả 160g + bạch giới từ 80g + dấm chua 200g; già bạch giới từ quấy đều trong dấm, sau cho bún hả ngâm 1 đêm rồi vớt ra, rửa hết nhớt để dùng.

Thường dùng vào mùa hè thu, sau đó rửa sạch hết nhớt phơi khô, khi sắp dùng mới bảo chế như trên.

Tính vị, quy kinh: vị cay, tính ấm, có độc.

Tác dụng: táo thấp, hòn đòn giáng nghịch, trừ nôn; dùng để chữa nôn, trừ đòn thấp, hen suyễn, vãnh dầu.

Bún hả phần ô dầu, dùng cho phụ nữ có thai cần thận trọng.

Bảo quản: tránh mốc mọt, giữ khô, tránh ẩm.

### Các bài thuốc có nam tinh

#### *Bài Hoá đòn ngọt hồ hoan (Y phương hải bút)*

Nam tinh	8g	Bún hả	8g
Bạch truật	8g	Hàng hoang	4g

Tán bột trộn nước cốt gừng, nghy uống 8g.

Tác dụng: chữa đòn nhiều.

#### *Bài Hoá đòn thanh nhiệt hoá thang (Nghiêm phương)*

Nam tinh	Tri mẫu	Caen thảo
----------	---------	-----------

Chi tử	Bạch truật	Bạch thược
Trần bì	Bản hạ	Hoàng liên

Liều đều 8g, sắc uống.

Tác dụng: chữa痞, hoà sinh đau thượng vị & chua.

#### *Bài Nam tinh Bản hạ tán (Thể y đặc hiệu)*

Nam tinh	Bạch chỉ	Tạo giác thích
Thảo ô	Cương tâm	Bản hạ sống

Đều 12g, tán bột, hòa dầu dừa dập lên vú.

Tác dụng: chữa vú sưng, tuyến vú viêm tắc.

#### *Bài Nam tinh phục bì tán (Chứng trị chuẩn thường)*

Thiên nam tinh	Sinh khương	Cam thảo
Dại phúc bì	Trần bì	Thanh bì

Liều đều 20g, tán bột, ngày uống 8g với nước sinh khương.

Tác dụng: chữa tỳ vị hư, phù thũng, đờm suyễn, bụng trưởng, ngực đầy, ăn không tiêu, tinh thần không thoải mái, da vàng da, tiểu không thông.

#### *Bài Nam tinh tán (Chứng trị chuẩn thường)*

Nam tinh sống	Xa tiền	Mã hoàng
Toàn yết	Xạ hương	Bản hạ
Quế tám	Xuyên ô đầu	

Tán bột, ngày uống 8g.

Tác dụng: chữa phụ nữ trung phong cảm khẩu, chân tay té bại.

#### *Bài Nam tinh tán (Thẩm thị tồn sinh)*

Nam tinh	Toàn yết	Hổ phách
----------	----------	----------

Liều đều 4g, tán bột, ngày uống 8g với nước sắc sinh khương, phòng phong.

Tác dụng: chữa kinh phong.

#### Bài Thiên nam tinh hoàn (Cục phương)

Thiên nam tinh	50g	Xạ hương	3g
Thần sa	7,6g	Dinh hương	3g
Long não	7,6g		

Liều trên là tỷ lệ, tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: đâm xung lên tâm, nôn mửa, uống rượu tráng phong.

#### Bài Thiên nam tinh hoàn (Ngự dược viên)

Thiên nam tinh	Bản hạ	Can khương
Hàn thuỷ thạch	Bạch phụ tử	

Liều đều bằng nhau 60g, tán bột, làm viên, ngày uống 16g với nước sắc sinh khương.

Tác dụng: chữa đờm kết hạch họng đau, ho.

#### Bài Thiên nam tinh tán (Chứng trị chuẩn thẳng)

Thiên nam tinh bò vú, tán bột, trộn dấm, bôi lòng bàn tay bàn chân (nam tà, nữ hữu), bôi ngoài, khô lại tắm dấm.

Tác dụng: chữa đau răng, sưng má, ngạt mũi.

#### Bài Thiên nam tinh tán (Dương thị già tăng)

Cáp giải	1 con	Phong phong	8g
Thiên nam tinh	8g	Thảo ô dầu	8g

Tán bột, uống 8g.

Tác dụng: chữa phá thương phong (uốn ván)

## Bài Thiên nam tinh tiễn hoán (Thành huệ phương)

Bạch phụ tử 16g Thiên ma 30g

Thiên nam tinh 30g

Thiên nam tinh nấu thành cao, các vị khác tán bột, trộn làm viên, uống 4g với nước sắc bắc hàn.

Tác dụng: khai khí, giải độc.

## NGA TRUẬT

Tên khoa học: *Curcuma zedoaria Rose*

Họ Gừng (Zingiberaceae)

**Bộ phận dùng:** củ (thân rễ của cây nghệ xanh, nghệ đen). Chọn loại củ vỏ vàng nâu, trong xám xanh, có mùi thơm đặc biệt, củ khô rõi cung.

Tính vị, quy kinh: vị đắng, cay, tính ấm; vào kinh can.

Tác dụng: hành khí, thông huyết, tiêu tích; chữa đau bụng hoặc loạn.

Không dùng cho người có thể yếu có tích; muốn dùng cần phơi hép với sâm, truật.

**Bảo chế:**

- Theo Trung Quốc (Lời Công): mài nga truật với dấm, lấy bột sao khô rồi rây qua.
- Có thể vùi vào tro nóng cho chín mềm, giã nát nhó, tẩm dấm sao (Lý Thời Trân).
- Ở Việt Nam: rửa sạch nga truật, thái lát mỏng, phơi khô, trước khi dùng tẩm đồng tiền hay nước mệt đem rán sao qua.

Nếu là củ khô, sau đó nhanh cho mềm, thái lát tẩm sao với dấm hay đồng tiền.

Khi cần làm viên thời tan bột sau khi đã tắm sao. Cũng có người từ chế nga truật như từ chế hương phụ.

### Các bài thuốc có nga truật

#### Bài Nga truật hoàn (Chứng trị chuẩn thẳng)

Nga truật	160g	Tan lang	160g
Tan lang	40g	Khiên ngưu	40g
Dinh hương	16g	Mộc hương	20g
Cúc nha	20g	Thanh bì	20g
Dâng tâm	16g	Hương phụ	160g

Trị mộc hương, khhiên ngưu, dinh hương không sao cùn các vị khác sao, sau tan bột làm viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: hoả tý ích vị, dàn khí thanh thần, kích thích tiêu hoá.

#### Bài Nga truật tan (Chứng trị chuẩn thẳng)

Bạch chỉ	Cam thảo	Dương quy
Xuyên khung	Nga truật	Thực địa
Hồi hương		

Lượng đều 40g, tán bột, ngày uống 12g.

Tác dụng: bổ khí, dưỡng huyết.

## NGÃI DIỆP

Tên khoa học: *Asternia vulgaris L.*

Họ Cúc (Compositae)

Bộ phận dùng: lá. Chọn loại lá khô, mặt trên màu tro, dưới bạc có lông nhung trắng tro, có mùi thơm nồng, không sâu, không mốc, không lán cành và tạp chất, không vụn nát. Lá ngải đé lâu năm gọi là trần ngải càng tốt.

Tinh vị, quy kinh: vị đắng, tính âm; vào ba kinh: can, tý và thận.

Tác dụng: diễu khí huyết, trục hàn tà, diễu kinh an thai, thông kinh giải uất, thường chữa đau bụng kinh do lạnh, bổ kinh, có thai ra máu, nôn máu, băng huyết.

Không nên dùng cho người âm hư huyết nhiệt.

Bảo chối:

- Theo Trung Quốc (Lôi Công): là ngải phổi khô, già nát, bỏ gân lá, cho thêm ít bột lưu huỳnh (gọi là lưu hoàng ngải) dùng để cứu. Cho ít bột gạo lá dùng để uống.
- Ở Việt Nam: lấy lá ngải nhật bỏ lá già, sicc, rửa sạch, phơi khô; cũng có thể dùng tươi già nước uống.

Bảo quản: để nơi khô, tránh ẩm, nón kiểm tra phổi lại.

### Các bài thuốc có ngải diệp

*Bài Ngải diệp thang (Thiên kim)*

Ngải diệp 24g Sinh khương 12g

Dai tảo 3 quả

Sắc uống.

Tác dụng: chữa có thai 2 tháng bị động thai.

*Bài Ngải nhung như pháp (Y tông kim giám)*

Hùng hoàng 20g Ngưu hoàng 20g

Ngải nhung 640g

Tân 2 vị trên thành bột mịn, cho ngải nhung cùng nấu 12 giờ, khi sắp cạn thì với ngải già nhỏ, đập vào chỗ đau khi còn nóng. Nấu lại, đập lại 10 lần.

Tác dụng: chữa mụn nhọt mưng mủ sấp vỡ.

### Bài Ngải phu hoàn (Trung Quốc đại từ điển)

Ngải cứu	160g	Xương bò	40g
Thực dược	8g	Ngô thù	40g
Xuyên khung	40g	Hương phụ	40g
Nhân sâm	40g	Phụ tử	40g
Sinh địa	80g	Nhục quế	80g

Tán bột, dùng ngải cứu nát, vắt nước trộn làm viên, ngày uống 12g.

Tác dụng: chữa phụ nữ băng huyết, lậu huyết, dài họ, bụng dưới đau quặn.

### Bài Ngải phu hoàn cung hoàn (Trung y Thượng Hải)

Ngải diệp	Xuyên khung	Thực địa
Hương phụ chế	Bạch thược	Dương quy

Liều bằng nhau, tán bột, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa tử cung lạnh, phụ nữ khó có thai.

### Bài Ngải tiễn hoàn (Cục phương)

Dương quy	80g	Sinh địa	80g
Thực dược	80g	Xuyên khung	40g
Ngô thù	40g	Thạch xương bò	40g
Nhân sâm	40g		

Cứ 160g ngải diệp lấy nước trộn với bột thuốc trên ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa phụ nữ băng lậu, đau bụng dưới, khí hư.

### Bài Ngải tiễn hoàn (Lý Đông Viên)

Dương quy	80g	Huang phu châ	160g
Ngải diệp	80g		

Chưng dấm nấu ngày phơi khô; tán bột, trộn bồ nếp làm viên, ngày uống 20g.

Tác dụng: chữa phụ nữ hư yếu, chóng mặt buồn nôn, đau nhí  
kim châm, băng huyết, đái hụt.

### Bài Phụ bảo dan (Khôn hoả thái chán) - Ngải phụ a giao hoàn

Ngải diệp	40g	Xuyên khung	20g
Dương quy	40g	Thực địa	40g
A giao	40g	Hương phụ	40g
Bạch thược	40g		

Tán bột, luyện dấm làm viên, ngày uống 16g.

Tác dụng: chữa bệnh phán huyết, đau bụng dưới.

## NGÔ CÔNG (con rết)

Tên khoa học: *Scolopendra morsitans L.*

Họ Ngô công (*Scolopendridae*)

Bộ phận dùng: là cả con rết rừng. Chọn loại nguyên con to  
dài 7 đến 15cm đầu vàng, lưng đen, chân bụng đỏ vàng là tốt.

Tính vị, quy kinh: tính âm, có độc; vào kinh can.

Tác dụng: trừ phong, trấn kinh; chữa rắn cắn, chữa co giật  
trong uốn ván trẻ em, chốc đau, tràng nhạc...

Không có dinh độc và phụ nữ có thai không dùng.

## Bảo chốt:

Theo Trung Quốc (Lão công): ngũ cung sao trong mèn cùa. Khi mèn cùa cháy đen, sảng bò mèn cùa, rồi lấy dao chẽ cắt bò chân, dùng. Lý Thời Trân: đem ngũ cung nướng vàng, bỏ dầu và chân, bò đuôi, dùng bạc hà bọc kín, vùi trong tro nóng, khi bạc hà khô héo (sém cháy) lấy ra dùng.

Ở Việt Nam: nấu dùng ngoài để cá con, ngâm còn 90° (càng ngâm lâu càng tốt) để chữa mụn nhọt.

Có thể làm cao dàn ngoài: đun sôi dầu và sáp ong, cho bột ngũ cung vào trộn đều, cho lọ dày kín cho nguội.

Có thể phối hợp với bọ hung liều bằng ngũ cung, cũng nấu như trên.

Ngũ cung bò đầu, đuôi, chân, tắm rượu cho mắt mũi hói, tắm gừng sao với gạo nếp đã tắm ướt. Cũng có thể gói gạo và ngũ cung vào lá non, rang vàng là được, tán bột.

Bảo quản: để nơi khô, kín gió, tránh gãy, ẩm.

## Các bài thuốc có ngũ cung

### Bài Cấp kinh tam gián đơn (Ấn ấu tu tri)

Phong phong	4g	Bạch phụ tử	4g
Thần sa	4g	Nam tinh	12g
Lô hội	4g	Toàn yết	4g
Ngũ cung	1 con	Bạc thép	3 miếng
Viên chí	4g	Xà hương	10g
Vàng thép	3 miếng		

Tán bột, ngày uống 2 lần, mỗi lần 4g với nước sắc tia tô và xương bồ.

Tác dụng: trị trẻ nhỏ bị kinh phong.

### Bài Chỉ kinh tần (Viện Trung y Thượng Hải)

Dịa long	80g	Ngò công	60g
Toàn yết	40g		

Tân bột, ngày uống 2 - 4 lần, mỗi lần uống 1g.

Tác dụng: trị trẻ nhỏ bị kinh phong cấp và mạn, viêm não dịch tủy gây co giật.

### Bài Ngò công khiên chánh đầm (Thiền gia diệu phương)

Bạch chỉ	10g	Kê huyết dâng	16g
Phòng phong	10g	Khương hoạt	10g
Ngò công	12g	Dịa long	12g
Xích thược	10g	Đương quy	10g
Xuyên khung	8g		

Sắc uống.

Tác dụng: khu phong, tan hàn, thông kinh lạc, trị thận kinh mặt đau.

## NGÔ THÙ

Tên khoa học: *Eudia rutace Benth*

Họ Cam quýt (Rutaceae)

Bộ phận dùng: quả chưa chín. Chọn loại quả giống nụ đinh hương, sắc xám, nhô rắn, có mùi thơm hắc. Có nơi dùng quả chưa chín của cây muồng chưng hay đinh chưởng thay ngô thù. Trong dân gian dùng cả cây (nghĩa là cả thân cây, rễ cây, hoa lá) để chữa thường hàn nhập lý, vỏ lụa của cây dùng chữa nhiệt độc.

Tính vị, quy kinh: vị cay đắng, tính ôn, vào bốn kinh: tỳ, vị, can, thận.

**Tác dụng:** giáng khí nghịch, khai uất, thu liễm, trừ phong phát hàn chi thống, hay dùng trong đau đầy bụng, ăn chậm tiêu, trừ phong tà hàn thấp, cuội khí, thở tả. Người không có hàn thấp không dùng.

### Bảo chẽ

Theo Trung Quốc (Lôi Công): nấu nước sôi, lấy 7 lần để trừ vị đắng, nóng, sau sấy khô.

Ở Việt Nam: dùng nước dun sôi, để nguội 60 - 70° đổ vào ngó thà quấy đều, nhẹ tay cho đến khi nước nguội, đổ đi, làm 3 lần, gọi là thuỷ bão, sau sấy khô, già dập để dùng. Có nơi dùng nước cam thảo để thuỷ bão. Cũng có thể sấy khô, tẩm muối già dập để điều trị bệnh can thận.

**Bảo quản:** để nơi khô, đặc kín giữ mùi.

### Các bài thuốc có ngô thù

#### *Bài Hỗn tinh liên hoàn (Chứng trị chuẩn thường)*

Hoàng liên 480g

Ngô thù 400g

Lấy nước sôi tẩm 2 vi trên, cho vào nồi đất đốt 1 ngày, khi hoàng liên có màu vàng, lấy ra tán nhỏ, lấy 100g bột hoàng liên + 40g bột mộc hương, dùng nước cam làm hoàn pha với ít dấm, ngày uống 20g.

**Tác dụng:** chữa kiết lỵ lâu ngày.

#### *Bài Ngô thù thang (Chứng trị chuẩn thường)*

Ngô thù	Phục linh	Dan bì
Cam thảo	Dương quy	Nhục quế
Phong phong	Cam khuynh	Tế tần
Cao bản	Mộc hương	Bản hạ